# làng văn

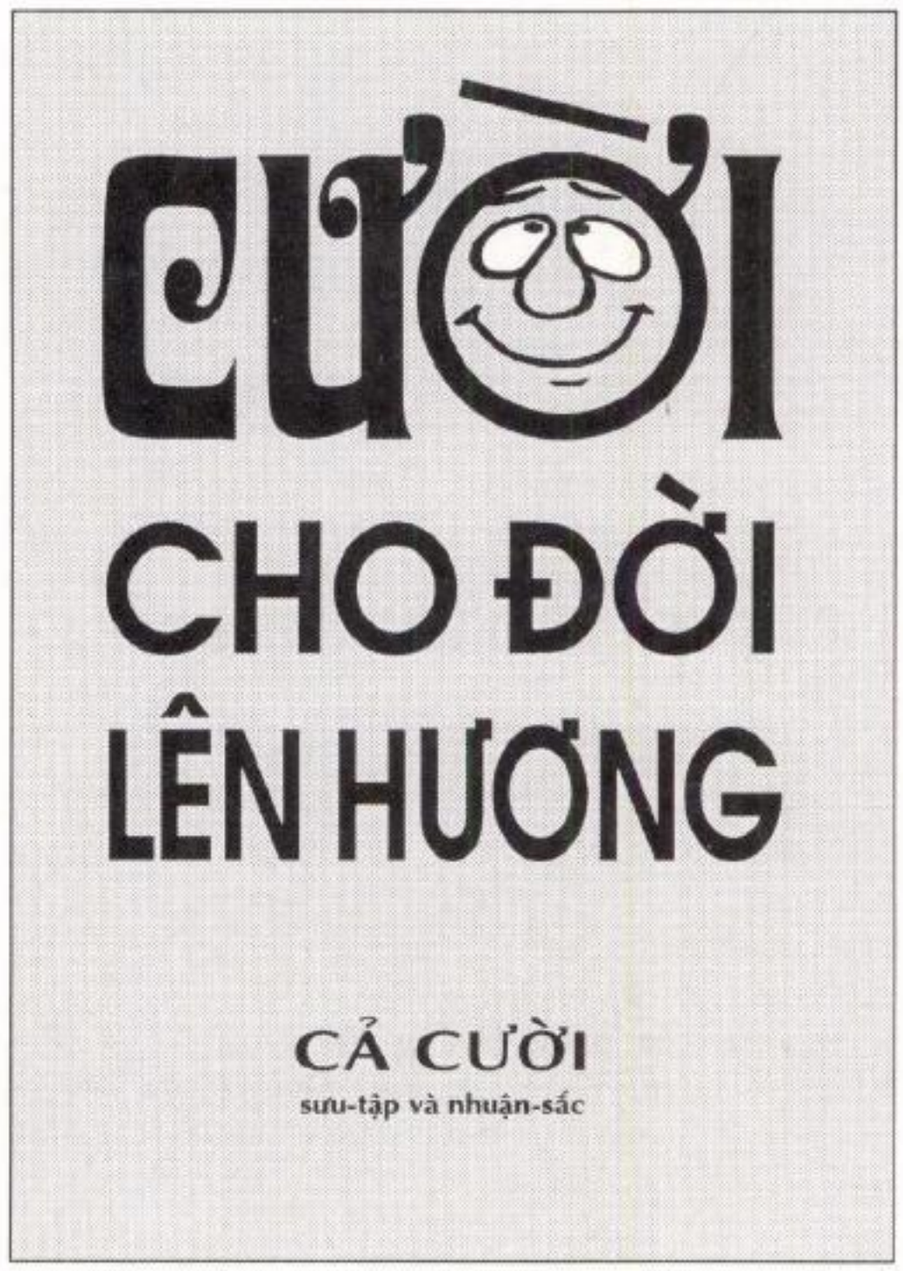
131
Tháng 7.95



# *Đã phát-hành khắp nơi*

## ba tập truyện cười ý-nghĩa, hữu-ích cho mọi buổi họp mặt




*Giá mỗi tập: 7 mỹ-kim (10,50 gia-kim)*

**HỎI TẠI CÁC NHÀ SÁCH**
**HOẶC GỬI CHI-PHIẾU VỀ:**

LÀNG VĂN
**P.O. Box 218 Station U**
**Toronto Ontario M8Z 5P1**
**Canada**

# làng văn

**P.O. Box 218, Station "U"** *Canadian Publications Mail Product Sales Agreement #461709*
**Toronto, Ont., M8Z 5P1, Canada** *Published 12 times a year*
*Tel: (905) 607-8010 / Fax: (905) 607-8011* *(Publications Class Mail Reg. No: 8040)*
*ISSN: 0832-1922 - LDN: 310578*

*Volume 12 – No 131 – July 1995*
Bộ 12 - số 131 - tháng 7, 1995

TRONG SỐ NÀY:

Tin vắn.....2
Trái đất 30 ngày qua.....5
Trong làng.....6
Ngoài ngõ.....7
Tin tị-nạn.....10
Tin Việt-nam.....14
Câu chuyện trời Âu, *Phan Nguyễn Minh Minh*.....17
Phù-tang tạp-lục, *Vi An*.....22
Tin văn xứ người, *Nguyễn Nhạn Sơn*.....26
Xuân Diệu, thi-sĩ máy của dòng thi-ca phương Bắc, *Phan Thịnh*.....37
Đại-hội Văn Bút Tây Đức, ký-ức bất tương đồng, *Bùi Hạnh Nghi*.....40
Từ đáy hồn thương tích, *Hoàng Hải Thủy*.....44
Những dòng sông đã cạn, *thơ Kha Huyền*.....47
Khung trời cũ qua đường, *Hoàng Nga*.....49
Câu chuyện con mèo, *Văn Thanh*.....54
Định phần, *thơ Lãm Thúy;* Hoài cảm, *thơ Ông Thế Hùng*.....57
Trăng xưa, *thơ Nguyễn Văn Cường*.....59
Cô nữ-sinh Áo Tím, *Phạm Thăng*.....60
Bắt đầu trên quê người, *thơ Đông Vũ*.....65
Căn nhà mới, *Vũ Tiến Dũng*.....66
Nỗi thầm, *thơ Vạn Giả*.....69
Xóm cũ: Văn Ấp làng tôi, *Nguyễn Xuân Lê*.....70
Qua sông, *thơ Huỳnh Liễu gạn;* Dại khờ trăm năm, *thơ Hoàng Chính*
Hạ Nhớ, *thơ Phạm Tâm Phố*.....71
Tiếng kêu của máu, *Hoàng Hải Thủy*.....72
Kiếp bơ-vơ, *thơ Đỗ Đăng Bắc;* Đường xưa, *thơ Vạn Lam*.....74
Gọi thầm quạnh hiu, *thơ Hoàng Như Phương Bối*.....77
Cuộc đời vô-định, *truyện dài Tống Minh Long Quân*.....79
Gửi con, *thơ Hoài Việt*.....80
Hoa trôi trên sóng nước, *Nguyên Phong*.....85
Sông thương, *thơ Hà Chính Bình*.....86
Còn bao lâu tôi đợi, *thơ Nguyễn Văn Ngọc*.....88
Đàn trăng quạt bướm, *truyện dài Hồ Trường An*.....89
Một ngày trong đời, *thơ BHT*.....91
Tháng sáu Cali, *thơ Phan Các Chiêu Hằng*.....93
Chuyện lạ xứ người, *Nguyễn Nhạn Sơn*.....96
Lên núi, *thơ Phạm Quang Ngọc*.....99
Độc-giả thắc mắc, *Bút Chì*.....100
Ước gì anh được đau, *thơ Nguyễn Bá Dĩnh;* Nhớ quê, *thơ Nguyễn Đức Thanh;* Cõi tạm, *thơ EP;* Sống lại ngày xưa, *thơ Đắc Trung*...103
Đầu làng cuối xóm, *Mõ (Làng Văn)*.....104
Buông dao đồ-tể là thành Phật, *thơ Nam Chi Thượng Nhân*.....105
Diễn-đàn, *Trần Ngân Tiêu*.....106
Dấu xưa, *thơ Lâm Nam Triều*.....107
Giới-thiệu sách mới.....108
Thư đi tin lại, *Nguyên Hương*.....110
Nhắn tin tị-nạn.....112

*Thiếu nữ*, sơn dầu của Nguyễn Tăng

*Chủ-nhiệm: Nguyên Hương*
*Chủ-bút: Nguyễn Hữu Nghĩa*
*Tổng Thư-ký: Hồ Trường An*
*Thư-ký tòa-soạn: Nguyên Nghĩa*

**Ban biên-tập:**
*Bút Chì - Cao Tiêu - Diên Khánh - Đan Quế*
*Đào Trường Phúc - Hà Huyền Chi - Hoàng Chính*
*Hoàng Nga - Hồng Huy - Kiên Trung - Kha Huyền*
*Lãng Nhân - Lâm Hảo Dũng - Lê Văn Lân*
*Ngô Nguyên Dũng - Nguyên Hưng - Nguyên Phong*
*Nguyễn Bá Dĩnh - Nguyễn Huy Phước*
*Nguyễn Mạnh An Dân - Nguyễn Nhạn Sơn*
*Nguyễn Văn Ngọc - Nguyễn Văn Thông*
*Phạm Quang Ngọc - Phan Nguyễn Minh Minh*
*Tự Tỉnh - Thái Văn Kiểm - Tống Minh Long Quân -*
*Tuệ Nga - Trần Văn Tích - Vi An*
*Vân Nương - Vũ Đa Cao*

**Cộng-tác:**
*Bạch Thái Hà - Cao Hoàng Nhân - Cao Xuân Lý*
*Diệu Tần - Dương Kim - Đan Hà - Đặng Văn Nhâm*
*Đặng Thị Quế Phượng - Đoàn Tam*
*Đỗ Khánh Hoan - Đông Nghi - Hoàng Du Thụy*
*Hồ Công Tâm - Huỳnh Liễu Ngạn - Hứa Hoành*
*Lãm Thúy - Lê Hữu Mục - Lê Thụy Vi*
*Nam Chi Thượng Nhân - Ngô Du Trung*
*Nguyễn Duy Tâm - Nguyễn Đức Bạt Ngàn*
*Nguyễn Đức Lập - Nguyễn Đức Tùng*
*Nguyễn Ngọc Ngạn - Nguyễn Văn Ba*
*Nguyễn Hải Hà - Nguyễn Hữu Nhật*
*Nguyễn Thị Vinh - Nguyễn Tư - Nguyễn Việt*
*Phạm Thăng - Phan Thịnh - Phùng Nhân*
*Quỳ Hương - Sơn Tùng - Thanh Hữu Huyền*
*Thủy Trang - Thúy Sơn - Trần Ngân Tiêu*
*Trần Mộng Lâm - Trần Quang Hải Trần Thiện Hiệp*
*Trần Vấn Lệ - Trịnh Gia Mỹ - Trương Mỹ Vân*
*Trường Sơn Lê Xuân Nhị - TT Mây Trên Ngàn*
*Vạn Giả - Vi Vi - Việt Chi - Việt Phương*
*Vĩnh Hảo - Võ Phiến - Xuân Tước*

**Minh-hoạ:** *Nguyễn Nhật Tân*

**Góp tranh:** *Babui - Hiếu Đệ - Hồ Đắc Vũ*
*Nguyên Khai Nguyễn Đông - Nguyễn Thị Hợp -*
*Thái Tuấn- Vi Vi - Vũ Thái Hòa*

**Góp ảnh:** *Lê Quang Xuân - Cung Vũ*

**Đại-diện địa-phương:**

***Pháp:*** *Bạch Thái Hà* — ***Úc:*** *Phạm Quang Ngọc*
***Đức:*** *Ngô Việt Dũng* — ***Hòa-lan:*** *Hồ Thị Chiến*
***Na-uy:*** *Dương Kim* — ***Đan-mạch:*** *Đặng Văn Nhâm*
***Gia-nã-đại:*** *Nguyễn Bá Dĩnh (Montréal)*
*Lê Sơn (Vancouver)*
***Hoa-kỳ:*** *Trương Sỹ Lương*
*Việt Phương (Texas) - Võ Thắng Tiết (Nam California)*
*Linh Phương (Florida) - Nguyễn Hùng (Bắc California)*
*Nguyễn Huy Phước (New Jersey & Philadelphia)*

***Tri-ân các cộng-tác-viên quá-cố:*** *Thanh Nam, Trần Cao-Lĩnh, Tử-Vi Lang, Bình Nguyên Lộc, Nguyễn Tất Nhiên, Kinh Tân, Phạm Văn Cương, Lê Thao Chuyên, An Khê, Ngọc Khôi, Trương Ái Minh.*

**Giá báo bán lẻ:**
*Gia-nã-đại: 4.5 gia-kim; Hoa-kỳ: 4.5 mỹ-kim;*
*Pháp: 45 quan; Úc: 10$; Bắc Âu: 40 krone;*
*Các nước khác: 7 mỹ-kim*
**Thể-lệ mua báo: trang 109 / Giá quảng-cáo: trang 120**

# *tin vắn*

*Kiên Trung* phụ-trách



### Không-tặc "À-um" bắt 365 con tin

Hôm 20.6, đệ-tử của đạo khùng Asahara đã bắt cóc một chiếc Boeing 747 của Nhật trên đường bay nội-địa từ Đông-kinh đến Hakodate. Chiếc máy bay chở 365 hành-khách và nhân-viên phi-hành, trong đó có 10 ngoại-kiều.

Bọn không-tặc đòi đổi mấy trăm mạng người lấy tự-do cho ông đạo khùng, hiện bị tam giam về tội ra lệnh dùng hôi độc sarin hại người.

### Hội nghị thượng đỉnh G-7 tại Halifax, Gia-nã-đại

Bảy siêu cường kinh tế thế giới (Hoa Kỳ, Nhật, Đức, Anh, Pháp, Ý và Gia nã đại) lại họp hội nghị thượng đỉnh thường niên, lần này tại thành phố Halifax (tỉnh bang Nova Scotia, Gia nã đại). Chương trình nghị sự của hội nghị 95 kỳ này không hẳn chỉ bàn về chuyện kinh tế. Đề tài nóng bỏng là vấn đề cuộc chiến tranh vướng chân thế giới tại vùng Ba nhĩ cán, nơi quân đội bảo vệ hoà bình đang sa lầy. Trong những phát biểu tiền hội nghị, Tổng thống Mỹ Clinton, Thủ tướng Gia nã đại Jean Chrétien và các nguyên thủ khác đã nhắc đến việc cần phải cải thiện hình ảnh của lực lượng Liên Hiệp Quốc tại Bosnia, nơi sự hiện diện của họ chỉ còn là những con cờ của các phe tranh chấp.

Trọng tâm kinh tế của hội nghị G-7 95 còn là việc cải cách quỹ Tiền Tệ Thế Giới IMF, tổ chức già nua (50 tuổi) không còn đủ năng lực giải quyết những vấn đề kinh tế, tài chánh mới của cuối thế kỷ (trường hợp cơn sốt tài chánh ở Mễ tây cơ năm qua là một điển hình). Hội nghị cũng là dịp để Hoa Kỳ và Nhật Bản nói chuyện thêm về cuộc chiến tranh xe hơi giữa hai nước (ngày các biện pháp trừng phạt của Hoa Kỳ với kỹ nghệ xe hơi Nhật Bản đã gần kề), để các nước bàn về những phương thức mới (thoả hiệp GATT và tổ chức Mậu Dịch Thế Giới) nhằm tránh các cuộc chiến tranh kinh tế. Nhờ vấn đề Bosnia, vị trí "ké" của Tổng thống Nga Boris Yeltsin tại hội nghị được sáng hơn chút đỉnh.

### Vũng lầy Bosnia

Quân đội của chính phủ Bosnia đã mở một cuộc phản công lớn nhằm giải toả thủ đô Sarajevo. Gần 20.000 binh sĩ được tăng cường đến Sarajevo để mở cửa thủ đô. Tổng thống Bosnia tuyên bố chính phủ không còn đường nào khác vì thành phố đã bị lực lượng ly khai của người Serb tại Bosnia bao-vây, triệt nguồn tiếp tế bằng đường hàng không, đường bộ, cắt điện, nước, hơi đốt,..

Chiến sự ác liệt diễn ra trước sự bất lực của quân đội bảo vệ hoà bình LHQ. Nhiều ngày trước đó, các điểm thu gom vũ khí do LHQ quản lý (chứa các loại vũ khí trước đây quân mũ xanh thu gom của hai phe) đã bị cả hai phe cướp lại để tự trang bị. Phe người Serb còn dùng luôn cả các phương tiện, vũ khí của lực lượng bảo vệ hoà bình mà họ cướp được trước đây khi bắt con tin.

Bosnia đã trở thành một vũng lầy, cả NATO, LHQ và có thể sắp tới, đến lượt Hoa Kỳ bị sa lầy tại đây. Sứ mạng của họ là bảo vệ hoà bình, giúp đỡ thường dân và nếu được, giúp cho các phe tham chiến đi đến một giải pháp hoà bình. Họ đã không làm được gì nhiều; không làm được gì thì đúng hơn. Trong lúc không có hoà bình để mà giữ, công tác cứu trợ không xong, các đường cứu trợ bị phong toả, các đoàn xe chở vật phẩm bị cướp, nhiệm vụ bảo vệ thường dân chỉ là nói cho vui vì các "khu an toàn" thực sự đang là những bãi tập bắn của lực lượng người Serb và chính bản thân lính LHQ mỗi lần muốn di chuyển phải ...xin phép.

Ngày 21.6, Tư-lệnh quân-đội hòa-bình Gia-nã-đại tại Bosnia báo-cáo về Ottawa rằng, lính Serb cài mìn cách cổng căn-cứ đóng quân của Gia-nã-đại có 7 mét. Quân Serb đã bao-vây, giam lỏng 565 lính Gia-nã-đại trong trại Visoko từ 14.6, dùng quân-xa trang-bị súng phóng lựu uy-hiếp trước cổng. Ngoài Visoko, 11 trại lính khác của Gia-nã-đại đều bị bao-vây, và tất cả các trại này đều cạn không còn một giọt nước từ ngày 25.6, dưới nhiệt-độ thường ngày lên tới 30 độ C.

Sau khi phe Serb bắt hàng trăm lính LHQ làm con tin trong tháng 6, Anh và Pháp đã đưa đến Bosnia thêm nhiều quân, mang hiệu kỳ của chính nước họ và vũ khí nặng. Danh nghĩa LHQ dành cho toán quân mới này là lực lượng "Phản ứng Nhanh".
Theo quyết định của Hội đồng Bảo An LHQ, lực lượng Phản ứng Nhanh sẽ có thể có quân số 12,500 binh sĩ với nhiệm vụ bảo vệ "sứ mạng của LHQ tại Bosnia".

Cho đến nay, khi chiến sự đã gia tăng mạnh hơn, lực lượng Phản-ứng Nhanh chưa kịp có phản-ứng nào vì các bộ óc ngồi trên xa-lông ở quê nhà vẫn chưa biết phải làm gì.

Việc rút quân LHQ, được bàn đến nhiều, vẫn chưa ngã ngũ, có lẽ một phần vì các nước còn tiếc rẻ sứ mạng cứu trợ thường dân, và một phần vì rút lui thì... nhục quá.

### Nga: du kích Chechnya phục hận

Trong một diễn biến bi thảm có

liên quan đến vụ quân Nga dày vò Chechnya, hơn một trăm thường dân Nga đã thiệt mạng và một thành phố bị đứng tim trong nhiều ngày.

Quân du kích Chechnya chiếm đóng bệnh viện của thành phố Buddenovsk (miền nam Cộng hoà Nga, cách Chechnya khoảng 150 cây số về hướng Bắc) từ ngày 14.6. Khoảng 200 tay súng Chechnya trước đó đã đột nhập thành phố, bắn cảnh sát, bắt con tin. Thủ lãnh nhóm du kích cho biết họ giữ khoảng 5.000 con tin, trong khi chính phủ Nga công bố có khoảng 1.000 người bị kẹt trong bệnh viện.

Du kích Chechnya cho biết sẽ chỉ thả con tin và rút lui với điều kiện quân Nga triệt thoái khỏi Chechnya và sẵn sàng giết hết con tin và tự sát nếu không được thoả mãn.

Nga giải quyết nội vụ theo "kiểu Nga", có nghĩa là cho biệt động quân tấn công vào bệnh viện. Sau hai đợt tấn-công đẫm máu, quân Nga giải thoát được một số nhỏ con tin, nhưng không chọc thủng nổi phòng tuyến vì quân du kích phản ứng rất mạnh và dùng con tin làm khiên chắn.

Qua nhiều ngày điều-đình, cuối cùng quân du-kích Checnya đồng ý rút lui toàn bộ, sau khi quân Nga mở một lối thoát an-toàn cho họ hướng về phía nam. Để bảo-đảm an-ninh trên đường triệt-thoái, quân du-kích đã mang theo một số con tin gồm nhà báo, luật-gia, bác-sĩ và y-tá Nga. Tất cả các con tin này đã được phóng-thích tại làng Zandak gần Venedo sau khi quân du-kích về tới vùng an-toàn.

Hoạt động của quân du kích trong nội địa Nga cho thấy Nga sẽ phải trả một giá không rẻ cho cuộc tấn công chiếm đóng Chechnya. Từ nay, dân Nga sẽ phải đương đầu với các hoạt động khủng bố của du kích, và các nước Cộng-hòa khác sẽ noi gương Checnya vùng dậy lấy lại quyền cai-trị lãnh-thổ của họ.

### Chính-khách Nga đánh nhau trên truyền hình

Bắt-chước các nước tự-do, truyền hình Nga đã cho mời các chính-khách đối-lập và cầm quyền lên tranh-luận trước màn ảnh nhỏ cho dân-chúng xem. Tuy-nhiên các nhà lãnh-tụ này chưa đủ bản-lãnh để tranh-luận bằng lời-lẽ.

Ngày 20.6, trong khi cãi-cọ trước ống kính truyền hình và mấy chục triệu người xem, lãnh-tụ cánh cực hữu (người Việt quen gọi là ...cực tả) Vladimir Zhirinovsky đã vùng đứng dậy, chồm lên tay chụp ly nước cam, miệng chửi: "Đồ cặn bã! Đồ con hoang! Tao nhổ vào mặt mày!" rồi hất vào mặt đối-phương, Thống-đốc Boris Nemtsov.

Thống-đốc Nemtsov cũng chồm dậy, hất nước cam vào Zhirinovsky trả đũa. Còn cái ly không, Zhirinovsky ném vào Nemtsov. Ký-giả truyền hình Lyubimov, người điều-hợp chương-trình la lên: "Ngồi xuống, ngồi xuống, cả hai ngồi xuống." Zhirinovsky chụp lấy ly của Lyubimov ném tiếp vào Nemtsov. Đến đó thì chuyên-viên kỹ-thuật của đài kịp tắt máy, khán giả không được chứng-kiến hồi hai của trận chiến hất nước, ném ly. Tuy-nhiên, báo-chí quốc-tế tường-thuật rằng, ngay lúc đó, "để kết-thúc chương-trình", ký-giả Lyubimov, người điều-khiển cuộc tranh-luận đã tung một quả đấm thôi-sơn vào giữa mặt Zhirinovsky.

### Ý: lại sắp sửa tuyển cử ?

Trung tuần tháng 6, dân Ý đã dự cuộc trưng cầu dân ý 12 điểm. Trong số các điểm dân Ý tán thành, có việc chấp nhận cho tư nhân nắm phần lớn các phương tiện truyền thông, giảm bớt quyền lực của các tổ chức nghiệp đoàn, không tăng giờ mở cửa các trung tâm thương mại.

Chính quyền tả phái của thủ tướng đương nhiệm Lamberto Dini, vốn tự nhận là một chính quyền kỹ thuật, không vui với kết quả cuộc trưng cầu dân ý. Trong lúc ông cam kết sẽ từ chức sau khi hoàn thành nhiệm vụ cải cách hệ thống hưu bổng (nhằm kiểm soát được thâm thủng ngân sách), cuộc trưng cầu dân ý cho thấy chính quyền của ông thiếu sự tin tưởng của dân chúng (ông đã dàn xếp để việc thay đổi các quy chế về hoạt động của ngành truyền hình mà không cần đến trưng cầu dân ý). Dự luật cải cách hệ thống hưu bổng cũng đang bị phe cực tả (đảng Cộng sản) đề nghị nhiều tu chính. Nắm lấy thắng lợi, Phú hộ Silvio Berlusconi, người nắm ngành truyền hình trong tay và là thủ tướng tám tháng của Ý đại lợi năm ngoái, có khả năng sẽ giành lại được chức vụ trong cuộc tuyển cử có thể sẽ được tổ chức vào mùa thu năm nay.

### Trung Cộng phản đối vụ Tổng thống Đài-loan sang Mỹ

Trung cộng đã làm mình làm mẩy về vụ Tổng thống Đài Loan được chiếu khán nhập cảnh Hoa Kỳ bằng cách triệu hồi đại sứ của họ về nước sau khi hủy bỏ nhiều cuộc tiếp xúc ở cấp cao giữa hai nước. Đây là hành động quyết liệt đầu tiên của Trung Hoa từ khi hai nước lập quan hệ ngoại giao cấp đại sứ với nhau.

Hoa Kỳ đã đoạn tình với đồng minh Đài Loan từ năm 1979 khi chuyển sang công nhận Trung Cộng. Chuyến viếng thăm của TT Đài Loan theo lời mời của viện đại học Cornell chỉ có tính cách riêng tư, ông trở về



*Tổng-thống Đài-loan Lý Đăng Huy*

ngôi trường nơi ông tốt nghiệp năm 69. Chuyến đến Mỹ của Lý Đằng Huy, cho thấy có thể có những cải thiện trong quan hệ Mỹ-Đài Loan trong thời gian tới. Mặc dù cần làm ăn với Trung Cộng, Hoa Kỳ vẫn không thể coi thường sức mạnh kinh tế của Đài Loan, nay đã trở thành một xứ sở giàu nhất nhì thế giới. Dân Đài Loan hoan hỉ trước biến cố trọng đại này, gọi đó là "chuyến du hành của thế kỷ".

Tháng trước, Trung Cộng cũng đã phản đối với Gia nã đại về việc cấp chiếu khán cho phó Thủ tướng Đài Loan Hsu Li Teh đến tỉnh bang British Columbia.

### Phá-vỡ một ổ ma túy lớn ở Columbia

Đầu tháng 6, cảnh sát Columbia đã bắt Gilberto Rodríguez Orejuela, một trong những tay trùm của một tổ chức buôn lậu cocaine vẫn được gọi là Cali cartel. Theo cơ quan bài trừ ma túy Hoa Kỳ và chính quyền Columbia, tổ chức của anh em nhà Rodríguez điều hành 80% việc chuyển vận cocaine trên thế giới và đang từng bước giành quyền bỏ mối heroine với các trùm ma túy Á châu. Hàng năm, tổ chức này lời tới 7 tỉ Mỹ kim.

Cảnh sát Colombia thộp cổ Gilberto bốn ngày sau khi toà án Hoa Kỳ ở Miami công bố cáo trạng buộc tội anh em nhà Rodriguez về những hoạt động vận chuyển ma túy sang Mỹ. Cáo trạng có tất cả 62 tên, trong đó có nhiều luật sư Mỹ, chuyên môn biện hộ cho các vụ liên quan tới ma túy.

### Chuyện dài O.J. Simpson: giàu vẫn hơn

Tính cho đến nay, O.J. Simpson, người hùng thể thao Mỹ bị buộc tội giết vợ đã tốn khoảng vài triệu Mỹ kim trong cố gắng tự cứu lấy thân. Theo một luật sư của Simpson, cho đến khi có kết quả chung cuộc, O.J. Simpson sẽ phải tốn từ 5 đến 6 triệu bạc. Cứ nhìn vào tiền công của hai nhóm luật sư được mệnh danh là "Dream Team" của đương sự, người ta sẽ thấy con số này không phải là "cường điệu". Robert Shapiro nhận thù lao 100 ngàn Mỹ kim một tháng, Johnnie Cochran Jr. lãnh cãi "bao" với một chi phiếu nhiều số 0, chưa kể còn Robert Blasier và Barry Scheck, chắc chắn thù lao không nhỏ. Quả thật ở đâu giàu cũng vẫn có lợi!

Trong lúc những cuộc thăm dò dư luận công chúng ghi nhận số người tin rằng O.J. Simpson có tội, diễn tiến phiên toà cho thấy phe công tố bị các luật sư bên bị quần tơi tả. Và nếu xem TV, khán giả sẽ thấy bị cáo càng ngày càng tỏ ra ung dung, ngồi trong toà án bình thản hơn khán giả. Một thành viên Hội Luật gia Hoa kỳ nhận xét là nếu bị cáo được xử với luật sư chỉ định (lãnh thù lao của các quỹ bảo trợ tư pháp), phiên toà chắc chắn sẽ diễn ra trong hai ngày.

### Bắc Hàn nhận lò nguyên tử của Mỹ sản xuất từ Nam Hàn

Bắc Hàn thỏa thuận sẽ ngưng các hoạt động trong kỹ nghệ nguyên tử của họ, bị phương Tây nghi ngờ là nhằm mục đích sản xuất bom, đổi lấy một lò nguyên tử tối tân do Hoa Kỳ cung cấp. Sau ba tuần lễ kỳ kèo, Bắc Hàn đã chấp nhận trên nguyên tắc sẽ nhận một lò phản ứng nguyên tử "đời mới, đang được sản xuất theo thiết kế và kỹ thuật nguyên thủy của Hoa Kỳ". Định nghĩa theo văn chương ngoại giao vừa kể đồng nghĩa với việc lò sẽ là của Nam Hàn sản xuất. Bắc Hàn còn kỳ kèo thêm, ngoài lò nguyên tử trị giá từ 4 đến 5 tỉ Mỹ kim, Hoa Kỳ phải cung cấp thêm cho họ khoảng 1 tỉ các thiết bị và chi phí kiến trúc cơ bản.

Hoa Kỳ đã có thể tạm rảnh tay để quay sang lo giải quyết mối lo bom nguyên tử ở một nước khác: vụ Iran mua lò của Nga. Tuy thế, theo nhiều người, hiểm họa Bắc Hàn có bom nguyên tử chưa xong. Việc trang bị lò mới cho Bắc Hàn ít nhất phải vài năm mới xong, nhanh lắm cũng phải đến lúc đó Cơ Quan Nguyên Tử Năng Quốc Tế mới có cơ hội thanh sát hoạt động nguyên tử năng của Bắc Hàn. Thời gian đó đủ để Bắc Hàn sản xuất vài quả bom hạt nhân thứ xài được.

### Nhật bản vẫn không chịu xin lỗi

Dịp kỷ niện năm thứ 50 ngày Thế Chiến II chấm dứt, Quốc Hội Nhật Bản đã đưa ra một văn kiện với lời lẽ được nhận định là "mơ hồ": Nhật cảm thấy "cắn rứt" sâu xa về những hành vi của quân đội Nhật trong Thế Chiến II.

Chính phủ của Thủ tướng Murayama đã phải vất vả để soạn thảo và thuyết phục được mọi phe phái trong Quốc hội chấp thuận một văn kiện với lời lẽ như thế. Theo một cuộc thăm dò của đài truyền hình Asahio, có đến 58% dân chúng trong nước nhìn thấy và ân hận trước tai họa Nhật Bản đã gây ra cho thế giới cách đây 50 năm, và đồng ý quốc gia phải công bố lời xin lỗi. Tuy thế còn một số không nhỏ chính trị gia vẫn phản đối việc Nhật nhận trách nhiệm và xin lỗi thế giới.

### Các sứ quân ở Somalia lại sắp sửa đánh nhau

Sứ quân Mohamed Farah Aideed, người "có công" trong vụ quấy đảo để quân Hoa Kỳ phải rút ra khỏi Somalia (và có vợ con hiện đang ăn welfare tại Canada) đã được bầu làm Tổng thống Somalia đầu tháng 6.95. Điều kỳ lạ là chỉ trước đó vài ngày, bộ tộc Habre Gedir của chính Aidded đã họp hội nghị truất phế quyền lãnh đạo của Aideed.

Quyết định "phong chức Tổng thống" nhiệm kỳ 3 năm cho Aideed đã được công bố sau hội nghị 15 phe phái ở Somalia họp tại nam thủ đô Mogadishu. Các bộ tộc tranh chấp với Aideed không tham gia hội nghị này, không khí của quốc gia vô chính phủ Somalia lại sôi động, chuẩn bị diễn ra những cuộc loạn đả mới.

### Bố chưa chết, con đã bị hạ-bệ

Đặng Chí Phong, con trai út Đặng Tiểu-bình, và Đinh Bằng, cháu gọi bằng chú của họ Đặng đã bị Tổng Bí-thư Giang Trạch-dân ra lệnh bắt giữ trong chiến-dịch điều-tra tham-nhũng.

Đặng Chí Phong bị cáo gian-lận tiền bạc trong công-ty Shougan Concord Grand.

Đinh Bằng bị cáo về tội biển-thủ 13 triệu mỹ-kim của một công-ty khác.

Trước đó, Đặng Phú Phong, trưởng nam của Đặng Tiểu Bình đã bị điều-tra tham-nhũng trong công-ty Kanghua.

Ngoài con cháu, hàng trăm thân-nhân khác của Đặng Tiểu-bình cũng bị điều-tra, hàng chục công-ty liên-quan đã bị giải-tán. Giới thạo tin tại Bắc-kinh quả-quyết, chuỗi biến-cố này không nhằm làm sạch chế-độ, mà nhằm dẫn mặt những ai lăm-le thừa-kế quyền-lực của họ Đặng. Bằng cách bắt nhốt hàng loạt người thân của Đặng Tiểu-bình, Giang Trạch-dân muốn khẳng-định một điều: giai-đoạn của giòng họ Đặng đã qua, và một khi Đặng Tiểu-bình chết, quyền-lực của đảng phải trả về cho đảng, mà Giang Trạch-dân là người cầm đầu.

## *trái đất 30 ngày qua*

**Bão biển**

Mùa bão biển bắt đầu từ tháng 6 trên Đại tây dương, biển Carribean và vịnh Mễ-tây-cơ, gây bão lốc và lụt-lội ở miển Đông Nam Hoa-kỳ.

Tại Cuba, mưa dông kéo dài nhiều ngày làm sập nhiều nhà và ngập lụt một số đường phố tại thủ-đô Havana, 1 người chết.

Tại Phi-luật-tân, bão Deanna gây thành mưa lũ đã vùi 140 căn nhà ở miền trung quốc-gia này dưới bùn và vụn đá từ núi lửa Mayon trôi xuống.

**Nóng - Lạnh**

Hồi-quốc (Pakistan) và Ấn-độ nóng 50 độ C (122 độ F) trong hơn 3 tuần nay. Trên 800 người chết vì trúng thử. Tại Ai-cập, nóng 47 độ C, 34 người chết.

Vùng Vostok thuộc Nga ở Nam-cực châu lạnh -75 độ C.

**Rắn độc**

Người Kurd sống ở phía bắc Iraq và Nam Thổ-nhĩ-kỳ đã bị rắn độc tấn công, 5 người chết, hàng trăm người nằm bệnh-viện.

**Núi lửa**

Tại miền Tây Nicaragua, hoả-diệm-sơn Cerro Negro tiếp-tục phun. Phún-thạch văng lên cao tới 900 mét.

Tại Guatamala, hỏa-diệm-sơn Pacaya phun khói lên cao tới 9 cây số. Các cánh đồng rau cải dưới chân núi đều bị đốt rụi.

Tại Nam-dương, hỏa-diệm-sơn Anak Krakatua bắt đầu chuyển-động. Chính-quyền Nam-dương đã cấm xe cộ lưu-thông về hướng núi lửa.

**Lụt**

Tại Na-uy, tuyết tan quá nhanh đã gây thành trận lụt nặng nhất tại nước này trong vòng 125 năm qua, làm hỏng nhiều hệ-thống xa-lộ và thiết-lộ nối liền vùng bắc sang đông thủ-đô Oslo, có nơi nước dâng cao đến 8 mét. Chính-phủ đã huy-động quân-đội tới giúp 4.000 dân di-tản ra khỏi vùng nguy-hiểm, và làm đê bằng bao cát để ngăn bớt nước lũ.

Tại Ba-tư, người Kurd ở miền tây nước này đã bị một trận mưa lũ giết chết 4 người, tàn-phá 5 làng, làm hỏng nhiều đồn-điền và giết chết hàng ngàn cầm thú.

Tại Gia-nã-đại, nước sông South Saskatchewan dâng cao thêm 10 mét so với mực nước trung-bình tại miền nam tỉnh-bang và khu-vực Medicine Hat, tỉnh Alberta. Dân-chúng đã làm đê bằng bao cát cao tới 3 mét để bảo-vệ tòa thị-chính, vốn được xây trên một vùng cao ráo của thành-phố. Khoảng 5.000 dân đã phải di-tản khỏi vùng nguy-hiểm.

**Cháy rừng**

Một vụ cháy tiếp-tục thiêu-đốt 5.000 mẫu rừng ở phía bắc hai tỉnh-bang Ontario và Manitoba, gần bắc-cực Gia-nã-đại. Trên toàn vùng chỉ có 27 lính chữa lửa và 4 chiếc trực-thăng cứu hỏa. Tất cả đã làm việc ngày đêm để ngăn ngọn lửa tiến về thị-trấn dầu hỏa Norman Wells, và bảo-vệ các bản làng da đỏ.

**Động đất**

Tại Nga, động đất 7,5 chấn-độ tại đảo Sakhalin, giết chết hơn 2.200 người. Các chiếc tàu mang dụng-cụ nặng để đào xới và phẩm-vật cứu-trợ không thể tiến tới gần hòn đảo, vì lớp băng dày tới 1,2 mét đóng trên mặt bể.

Vùng vịnh Corinth, Hi-lạp, động đất 6,2 chấn độ, 14 người chết.

Tại miền Nam Ba-tư, động đất 4,6 chấn-độ đã phá hỏng nhiều nhà và tiệm buôn trong tỉnh Baluchistan.

Tại Phi-luật-tân, Nhật-bản, miền tây Nepal, La-mã (Ý), miền trung Colombia, miền trung Chí-lợi, miền tây Mễ-tây-cơ, và miền nam Alaska (Mỹ) đều bị động nhẹ, từ 4,3 chấn-độ đến 5,4 chấn-độ.

**Hùng chưởng**

Tại Trung Cộng, cảnh-sát được báo, đã tới một nhà hàng sang-trọng Hồng-tây ở tỉnh Giang-châu, cứu kịp 4 chú gấu nâu thuộc loại cực hiếm, khỏi bị chặt tay chân làm món hùng chưởng.

Nhiều người tin rằng món tay gấu sẽ giúp chống lại chứng đau lưng, nhức mỏi, đồng-thời tăng-cường khả-năng chăn-gối trong phòng the. Một đĩa tay gấu trị giá khoảng 500 mỹ-kim.

**Giết chuột**

Chính-phủ Đài-loan phát-động chiến-dịch diệt chuột trên toàn quốc, nhằm đối-tượng ...84 triệu con. Chiến-dịch kéo dài ba tháng.



# trong làng

### Kết-quả "Giải Sáng-tác Nhạc Thời-thế" kỳ I của Phong-trào Hưng ca VN

Phong-trào Hưng Ca Việt-nam đã đúc-kết và công-bố chi-tiết Giải Sáng-tác Nhạc Thời-thế kỳ I, 1994-1995, như sau:

- Giải nhất: không có
- Giải nhì: Ca-khúc *Anh ở đây*, nhạc và lời 1 của Thục Vũ (Việt-nam*), lời 2 của Vũ Đức Nghiêm (San Jose, Hoa-kỳ).
- Giải nhì (đồng hạng): Ca-khúc *Thanh-niên ca*, nhạc và lời của Trần Đại Phước (Texas, Hoa-kỳ).
- Giải ba: Ca-khúc *Tôi đi về lại quê-hương*, nhạc và lời của Nguyễn Tăng (Montréal, Gia-nã-đại).

Các giải khuyến-khích gồm có:

- Ca-khúc *Từ ngục-tù xông lên*, nhạc và lời của Vũ Đức Nghiêm (San Jose, Hoa-kỳ).
- Ca-khúc *Chiến-sĩ tự-do*, nhạc và lời của Nguyễn Thiên Thu (trại Galang, Nam-dương).
- Ca-khúc *Sài-gòn ơi xa em rồi*, nhạc và lời của Trịnh Hưng (Lyon, Pháp).

Trị giá các giải thưởng, gồm giải nhì: 500 mỹ-kim và tặng-phẩm văn-nghệ; giải ba: 200 mỹ-kim và tặng-phẩm văn-nghệ; mỗi giải khuyến-khích: 100 mỹ-kim và tặng-phẩm văn-nghệ.

Tin chi-tiết cho biết, tất cả có 9 ca-khúc được chọn vào chung-thẩm. Ba giám-khảo chấm vòng sơ-tuyển là Linh-mục Dao Kim cùng các nhạc-sĩ Nhật Bằng và Nguyễn Hữu Nghĩa.

Chín giám-khảo chung-thẩm gồm: Linh-mục Dao Kim, nhà văn Đào Trường Phúc cùng các nhạc-sĩ Trần Quang Hải, Nhật Bằng, Đoàn Chính, Huỳnh Công Ánh, Nguyễn Hữu Nghĩa, Nguyệt Ánh và Việt Dzũng.

Tất cả có 175 ca-khúc tân-nhạc và 2 ca-khúc cổ-nhạc của 48 tác-giả (chưa kể tác-giả các bài thơ được phổ nhạc) ở 10 nước gửi về dự giải, từ Pháp (7 tác-giả), Na-uy (3), Đan-mạch (1), Úc (4), Gia-nã-đại (3), Thái-lan (2), Phi-luật-tân (2), Mã-lai (1), Nam-dương (1) và Hoa-kỳ (24).

Phương-pháp chấm giải là so số trung-bình-cộng lấy từ phiếu điểm của 9 giám-khảo, gồm cả điểm kỹ-thuật âm-nhạc lẫn nội-dung tác-phẩm, qua buổi họp bình điểm ngày 17.6.1995 tại Houston (Texas, Hoa-kỳ).

Buổi sinh-hoạt trao giải thưởng dự-trù tổ-chức vào ngày 30.9.1995 tại Đại-hội Hưng Ca thế-giới kỳ 5 (địa-điểm sẽ thông-báo sau).

Điều cần nói thêm, tác-phẩm trúng giải nhì kỳ này là nhạc-sĩ Thục Vũ, đã chết trong trại tù Sơn-la (Bắc Việt) năm 1976. Bài dự thi do đồng tác-giả (viết lời 2) là nhạc-sĩ Vũ Đức Nghiêm nộp. Giải thưởng (hiện kim) sẽ được chuyển về Việt-nam cho gia-đình người quá-cố.

### Ra mắt sách tại Washington

Cơ sở văn hoá Đông Phương và Saigon Radio đã tổ chức Chương trình ca nhạc kỷ niệm *"Hai mươi năm quê hương bỏ lại"*, đồng-thời ra mắt ba tác phẩm mới của nhà văn nữ Ngọc Thủy do tại Seattle ngày 16.4.95 vừa qua.

Hơn 200 văn nghệ sĩ, nhà báo và thân hữu đã đến tham dự buổi sinh hoạt tại nhà hàng Moonlight. Nhà thơ Phan Lạc Giang Đông điểm các tác phẩm mới của Ngọc Thuỷ, gồm *Em tháng Chạp, Bé yêu đời và Như giấc mộng hoa vàng*.

### Thêm một giải thưởng cho Minh Văn Xuân Tước

Thi sĩ Minh Văn Xuân Tước vừa được tổ chức Famous Poets Society (Hoa Kỳ) trao tặng danh hiệu "Famous Poet Laureat for 1995" với bài thơ *"What's Poetry"* (Ý nghĩa của Thi Ca).

Tổ chức Famous Poets Society, trụ sở tại Hollywood đã mời nhà thơ Xuân Tước dự các buổi dạ tiệc tại Disneyland (Anaheim, Cali) để trao giải. Dịp này, ông Xuân Tước nhận môt bằng danh dự và một tượng (trophy) mang tên Diamond Homer Trophy cũng như ghi tên vào danh sách Famous Poets Hall of Fame. Nhà thơ sẽ trình bày về trường hợp và cảm hứng sáng tác của mình cũng như đọc bài thơ trúng giải của mình tại diễn đàn.

### Toronto: ra mắt sách *"Một ngày đau thương"*

Trung tâm Ontario Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại đã tổ-chức sinh-hoạt ra mắt tác phẩm *Một ngày đau thương* của nhà văn Nguyễn Thanh Hoàng ngày 18.6 vừa qua tại nhà hàng South Việt Nam, 444 Spadina Ave, Toronto.

Cùng trong buổi sinh hoạt này, nhà văn Nguyễn Quốc Trụ nói về đề tài *"Văn chương hải ngoại qua một số tác giả"*.

### Sách mới: Trở về từ cõi sáng

*Làng Văn* đã phát-hành cuốn *Trở về từ cõi sáng* của Nguyên Phong.

Đây là cuốn sách nói về cõi giới bên kia cửa tử, cách chuẩn-bị để rời dương-thế, cách xuất-xử khi trong nhà có người mới qua đời cũng như một số kinh-nghiệm của những người đã chết đi sống lại.

# ngoài ngõ



*Kiên Trung phụ-trách*

## Hoa Kỳ: cao-điểm chiến-dịch "Bông Hồng Xám" của VC

Nhận định về một số "hiện tượng" trong sinh hoạt cộng đồng và báo chí Việt nam hải ngoại, nhất là tại Hoa Kỳ tháng 4.95, nhà báo Nguyễn Anh Tùng (*Xây Dựng Cộng Đồng*, Bắc Cali) đã báo động mạng lưới trí vận CS đang chuyển sang bước chót của kế hoạch "Bông Hồng Xám" là xoá bỏ tàn tích Việt Nam Cộng Hoà tại hải ngoại.

Ông Nguyễn Anh Tùng ghi nhận trong tháng 4.95, tại Hoa Kỳ:

1. Chủ nhiệm một nhật báo ở Bắc Cali tuyên bố *"việc kết nghĩa giữa hai thành phố San Francisco - Hồ Chí Minh làm lợi cho cả đôi bên"*.

2. Trong quyển *"Tâm thư Đỗ Mậu"*, phát-hành đầu tháng 4.95, có đoạn viết:*"Lịch sử sẽ thấy Hồ Chí Minh đã có công thống nhất đất nước như vua Quang Trung"*.

3. Ngày 14.4. hội thảo *"Có nên hay không nên tiếp tục chào lá cờ vàng ba sọc đỏ?"* dự định tổ chức tại Đại học San Jose ( về sau, do áp lực mạnh mẽ cuả Cộng đồng VN Bắc Cali, cuộc hội thảo bị hủy bỏ).

4. Ngày 28.4.95, ông Vũ Đức Vượng nói trong một cuộc hội thảo tại đại học Stanford (Hoa Kỳ): *"Kể từ khi vua Quang Trung mang lại độc lập cho đất nước, còn lại tất cả từ Gia Long đều là tay sai. Cho đến khi Hồ Chí Minh ..."*

Kế hoạch Bông Hồng Xám của CSVN đã bị vạch trần trong một bài báo đăng trên *Làng Văn* từ tháng 7 năm 1992, theo đó, bước cuối cùng của chiến-dịch là "cấy" vào quần chúng các suy nghĩ rằng:

a/ cuộc chiến VN đã đi vào lịch sử (đừng mong sửa-đổi) ;

b/ gây tự hào dân tộc đã đánh bại "đế quốc đầu sỏ Mỹ", từ đó nghiêng cảm-tình về kẻ chiến-thắng vốn cùng máu-mủ;

c/ miền Bắc là thực thể chính trị trên trường quốc tế, miền Nam sinh sau đẻ muộn, không đáng kể;

d/ quan hệ giữa CSVN với các nước khối Cộng là "anh em", còn Hoa Kỳ với miền VNCH là "chủ-tớ"; e / đệ nhất Cộng hoà vì cực đoan nên bị dân chúng đào thải;

f/ đệ nhị Cộng hoà là tay sai Mỹ; g/ Hồ Chí Minh có đức độ cá nhân và thiên tài quân sự;

h/ gán ghép "chiến công" của CS vào các chiến công lịch sử (đưa chiến-thắng Điện-biên lên ngang tầm trận Bạch-đằng, Đống-đa,..)

và cuối cùng,

i) từ tự hào quá khứ chuyển sang tự hào (với CS) và chấp nhận tương lai với cộng-sản.

Bước thứ nhất của chiến dịch này là làm cho quần chúng chán ghét chế độ VNCH, bằng cách đồng hoá chính-nghĩa quốc-gia với chính-phủ VNCH, rồi đồng-hóa chính-phủ VNCH với tham nhũng và thối nát; rồi chuyển-hóa ý-thức ghét tham-nhũng thành ghét chính-phủ, chán chế-độ, tiến sang ghét bỏ tất cả những gì thuộc về chính-thể miền Nam như quốc-kỳ, văn-hóa, văn-học, v.v. Dè bỉu nỗ lực của các thế hệ trước là do "mặc cảm quá khứ", muốn trở lại cầm quyền.

Bước thứ hai là mượn cớ "giao lưu văn hoá" để phổ-biến sản-phẩm tuyên-truyền ra hải-ngoại, mở hệ-thống "chân rết", ra nhiều loại báo ở nhiều nơi với cùng một nội-dung giống nhau.

Theo dõi các chuyển-biến thời sự trong ba năm gần đây, mọi sự diễn tiến đúng y như những gì *Làng Văn* đã báo trước.

## Đấu tranh cho nhân quyền tại Việt Nam

Trong Hội Nghị Liên Kết Người Việt Tự Do (Hoa thịnh đốn, 14-16.4.95), các hội đoàn tham dự đã đồng ý tiến hành công tác I: vận động áp lực quốc tế buộc CS chấm dứt đàn áp tôn giáo, tôn trọng nhân quyền, trả tự do cho các vị lãnh đạo tinh thần và tù nhân chính trị.

Tháng 5.95, một bản dự thảo đã được phổ biến, đề nghị với 38 hội đoàn đã tham dự Hội nghị một kế hoạch đấu tranh ba mục tiêu: 1/ tố cáo CSVN đàn áp tôn giáo, chà đạp nhân quyền; 2/ vận động áp lực quốc tế buộc CS trả tự do cho các hoà thượng Thích Huyền Quang, Quảng Độ; linh mục Trần Đình Thủ, giáo sư Đoàn Viết Hoạt, bác sĩ Nguyễn Đan Quế và ông Nguyễn Hộ; 3/ hỗ trợ cho những cá nhân và tổ chức đấu tranh trong nước.

Dự thảo kế hoạch, theo thông báo, do các ông Võ Đại Tôn, Trần Quốc Bảo, Nguyễn Ngọc Bích và Nguyễn Kim góp ý soạn thảo, gồm hai giai đoạn chuẩn bị và thực hiện, kéo dài từ tháng 5 đến tháng 12.95. Giai đoạn thực hiện bắt đầu với các hoạt động lấy chữ ký, tiếp xúc với các viên chức và đại diện dân cử tại Hoa Kỳ, các tổ chức nhân quyền quốc tế. Cao trào của giai đoạn này sẽ là những cuộc biểu tình, tuyệt thực trước các sứ quán, toà đại sứ VC, trụ sở LHQ.

Bản dự thảo cũng có một đoạn giải thích về việc đấu tranh cho ông Nguyễn Hộ : *"Trong số những người cộng sản quay lại chống đảng, chống chế độ từ ngay trong lòng chế độ, ông Nguyễn Hộ là người chống tích cực mạnh mẽ nhất... tranh đấu trả tự do cho ông Nguyễn Hộ vì ba lý do. Thứ nhất, quan sát các biến cố chính trị xảy ra tại Đông Âu và Liên Sô, thành phần đảng viên quay lại chống đảng từ trong lòng chế độ đã có một vai trò quan trọng trong tiến trình đẩy các chế độ đó đến sụp đổ. Thứ hai, ông*

*NH, nhiều hay ít cũng đã có một số đảng viên và đồng bào trong nước ủng hộ mà chúng ta cần tranh thủ. Thứ ba, chúng ta khuyến khích và hỗ trợ cho những sự kiện tương tự tiếp tục bột phát và bung rộng trong nước để tạo thêm bất ổn chính trị, gây khó khăn cho nội bộ đảng VC. Đồng thời cũng để tạo niềm tin cho những người thực sự chống đảng, chống chế độ không cảm thấy phải đấu tranh cô đơn."*

## Florida: họp mặt thân hữu với cựu chiến binh HK

Ngày 28.5.95, ở thành phố Orlando (Florida) một nhóm cựu chiến binh VN đã tổ chức họp mặt thân hữu với cựu chiến binh HK đã từng tham chiến tại VN với mục tiêu thắt chặt tình thân hữu giữa các cựu chiến binh HK và cộng đồng tị nạn VN. Khoảng 200 người đã tham dự buổi họp mặt do bà Tôn nữ Hoàng Hoa, ông Trần Ngân Tiêu, Trần Trọng Tuấn và một số thân hữu đứng ra tổ chức. Đến dự, ngoài các thân hữu Việt Mỹ, còn có đại diện của các hội cựu chiến binh VN và HK, các đại diện của Hội đồng Đại Biểu CĐVN tại Hoa Kỳ, CĐVN Orlando, Florida, New York.

## Họp mặt thân hữu Không quân, Georgia

Nhóm không quân VNCH tại Savanah (Georgia, Hoa Kỳ) thông báo tổ chức họp mặt thân hữu không quân, các cựu phi công trực thăng xuất thân từ Hunter AAF tại thành phố này ngày 1 và 2.7.95.

Chương trình họp mặt mang tên "Đêm Không Gian Hội Ngộ 95" sẽ kéo dài 2 ngày, gồm viếng thăm căn cứ trực thăng Apachi, dạ tiệc tại câu lạc bộ sĩ quan Hunter AAF, dạ vũ và picnic.

Liên lạc và hỏi chi tiết:
Đoàn Quý Trọng
121N Sheffal cir.
Savanah, GA 31410,
đt:912-897-6339
hay Hoàng Văn Thư, 912-897-4540.

Hoàng Thanh Nhàn, 912-748-7509.

## Little Saigon: góp nén hương siêu độ thuyền nhân tử nạn

Nhà thơ Thái Tú Hạp đã thu được 3210 Mỹ kim trong đêm ra mắt tập thơ *Hạt Bụi Nào Bay Qua* của ông tại Little Saigon (Cali, Hoa Kỳ), 29.5.95. Khoảng 400 người tham dự buổi ra mắt đã nhiệt tình ủng hộ khi ca sĩ/nhạc sĩ Việt Dũng công bố tất cả số tiền thu được từ tập thơ trong đêm ra mắt sẽ được nhà thơ Thái Tú Hạp dùng vào chi phí đại lễ trai đàn siêu độ thuyền nhân tử nạn trên biển Đông.

Buổi lễ cầu siêu sẽ được tổ chức ngày 30.7.95 (ngày rằm tháng Bảy) tại công viên trước chùa Diệu Pháp (Monterey Park, Los Angeles, Cali).

## 4 triệu 300 ngàn người Việt tị-nạn trên khắp thế-giới

Theo tài-liệu của Liên-hợp-quốc, hiện có 2,3 triệu người Việt tị-nạn sống trên 80 quốc-gia và khoảng 2 triệu người khác gồm những người đã sống tại ngoại-quốc từ lâu cùng thành-phần lao-nô bị nhà nước "xuất-khẩu."

Tại châu Mỹ, có 1 triệu 150 ngàn, châu Âu 356.000, châu Úc 168.000, số còn lại ở các châu Á, Phi.

Trong biến-cố tháng 4.1975, có 143.000 người sang Mỹ.

Trong 10 năm từ 1975 đến 1985, có 650.000 thuyền-nhân vượt thoát. LHQ phỏng chừng có khoảng từ 530.00 đến 570.000 thuyền-nhân chết trên biển.

Về thành-phần đoàn-tụ gia-đình, tính tới cuối 1992, có 380.000 ra đi theo chương-trình ODP, trong đó có khoảng 230.000 người sang Mỹ.

Ngoài ra, CSVN còn "xuất-khẩu" khoảng 240.000 lao-nô sang Trung-đông, Liên-sô cũ, Đông Đức cũ, Đông Âu và một số quốc-gia Á-châu.

Tính ra, có khoảng 1,4 triệu người rời nước, cộng với số trẻ em ra đời trong 20 năm, khoảng trên dưới 600.000, nâng tổng-số người Việt sống ở nước ngoài lên khoảng 2 triệu.

Tính theo quốc-gia, số người Việt (và con cháu) sống tại các nước như sau:

- Cao-miên: 1,35 người
- Hoa-kỳ: 1,3 triệu người
- Pháp: 280.000 người
- Gia-nã-đại: 215.000 người
- Úc: 214.000 người
- Thái-lan: 120.000 người
- Đức: 100.000 người
- Anh: 35.000 người
- Mễ-tây-cơ: 21.000 người
- Hòa-lan: 14.000 người
- Lào: 13.500 người
- Tân tây-lan: 11.200 người
- Na-uy: 9.800 người
- Bỉ: 9.500 người
- Thụy-điển: 8.800 người
- Thụy-sĩ: 8.000 người
- Ý: 7.000 người
- Đan-mạch: 6.800 người
- Nhật: 7.000 người
- Phi-luật-tân: 5.000 người
- Á căn đình: 4.100 người
- Phần-lan: 4.000 người
- Thổ-nhĩ-kỳ: 3.000 người
- Tân-gia-ba: 2.000 người
- Ba-tây: 1.400 người
- Mã-lai: 1.200 người
- Chí-lợi: 600 người.

Về số lao-nô do CSVN xuất-cảng sang Đông Đức cũ, Liên-sô cũ và Đông Âu, gồm:

- Nga: 72.000 người
- Đức: 60.000 người
- Ba-lan: 30.000 người
- Tiệp-khắc: 30.000 người
- Albanie: 20.000 người
- Bảo-gia-lợi: 13.500 người
- Nam Hàn: 5.000 người
- Bắc Hàn: 2.000 người
- Cuba: 2.000 người.

Về số người Việt gốc Hoa, ở:

- Trung Cộng: 276.000 người
- Đài-loan: 15.000 người
- Áo-môn: 4.500 người.

Ngoài ra, còn một số người Việt kẹt tại các trại tị-nạn ở Nam-dương, Tân-gia-ba, Mã-lai, Thái-lan, Trung Cộng, Hương-cảng, Đài-loan, Nam Hàn, Nhật-bản và Phi-luật-tân.

## GS Đoàn Viết Hoạt: "Sẵn sàng chấp-nhận mọi thử-thách để sống xứng-đáng"

GS Trần Thị Thức, hiền-phụ của GS Đoàn Viết Hoạt, đã đọc công-bố một bức thông-điệp tại cuộc hội-thảo chính-trị ngày 16.4 vừa qua tại Maison des Mines, Paris (Pháp).

Trong bài nói, bà trình-bày hoàn-cảnh khắc-nghiệt mà CSVN bày ra để mong trấn-áp ý-chí bất-khuất của GS Đoàn Viết Hoạt. Sợ chồng không chịu nổi kềm kẹp, bà đã khuyên chồng tạm ngưng tranh-đấu để bảo-toàn mạng sống, nhưng GS Hoạt nhất-định không lùi bước.

Bà nói: *"Anh (ĐVH) trả lời bằng lòng tin mãnh-liệt, bằng niềm hãnh-diễn về đường lối đấu-tranh, bằng con đường mà anh suy-nghĩ chín-chắn, bằng lý-tưởng mà anh đã theo-đuổi suốt cuộc đời. Anh sẵn-sàng chấp-nhận mọi thử-thách để sống xứng-đáng với lý-tưởng tự-do và nhân-quyền."*

Nhân gửi tin cho vợ, GS Hoạt nhắn gửi cùng chí-hữu và đồng-bào, như sau:

*"Trong suốt giòng lịch-sử hơn 4000 năm của nước ta, biết bao anh-hùng liệt-sĩ đã đem đời mình để bảo-vệ bờ cõi và chủ-quyền dân-tộc. Ngày hôm nay, vấn-đề của chúng ta là dân-chủ-hóa. Cho nên chúng ta phải chấp-nhận mọi cố-gắng và mọi hi-sinh để đất nước có dân-chủ. Ý-thức được sự cần-thiết tuyệt-đối của dân-chủ và cũng ý-thức được hiểm-họa độc-tài đang đe-dọa đất-nước, chúng tôi đã hành-động theo tiếng gọi của non-sông và theo mệnh-lệnh của lương-tâm. Không có sự đày-đọa nào làm chúng tôi nhụt chí. Nhất là khi chúng tôi biết chắc rằng chúng tôi không đơn-độc."*

GS Đoàn Viết Hoạt hiện bị giam tại trại Cẩm-thủy, tỉnh Thanh-hóa gần biên-giới Lào. Trại này có 600 tù hình-sự, và ông là tù-nhân chính-trị duy nhất tại đây.

## Cựu TT Nguyễn Văn Thiệu công-bố lập-trường 5 điểm

Hai mươi năm sau ngày từ chức tổng-thống VNCH, ông Nguyễn Văn Thiệu, hiện là chủ-tịch "Tổ-chức vận-động yểm-trợ dân-chủ và tái-thiết Việt-nam" đã gửi tới báo-chí hải-ngoại bản lập-trường 5 điểm như sau:

*"1. Việt-nam phải thành một nước cộng-hòa, do dân và của dân, với tính-cách dân-chủ pháp-trị, đa nguyên, đa đảng.*

*2. Tập-đoàn cộng-sản Hà-nội phải trả quyền cai-trị lại cho nhân-dân.*

*3. Thành-lập một chính-quyền chuyển-tiếp có tính-cách liên-hiệp quốc-gia, tiến tới bầu-cử tự-do.*

*4. Cuộc đấu-tranh có tính-cách ôn-hòa, bất bạo-động.*

*5. Quốc-nội là tiền-tuyến đấu-tranh trực-diện, hải-ngoại yểm-trợ."*

Đúng 9 ngày sau khi cựu TT Thiệu công-bố bản lập-trường, ông Nguyên Bá Cẩn, nguyên chủ-tịch Hạ-viện VNCH, hiện là tổng thư-ký trong "Tổ-chức vận-động yểm-trợ dân-chủ và tái-thiết Việt-nam" đã chính-thức gửi thư xin từ-chức tổng thư-ký của tổ-chức này.

## Cộng-đoàn Công-giáo VN tại London, Gia-nã-đại

Dưới sự dìu-dắt của Linh mục Trần Đình Toản, Cộng-đoàn Công-giáo Việt-nam tại London & St. Thomas, tỉnh-bang Ontario, Gia-nã-đại đã bầu xong ban chấp-hành mới, nhiệm-kỳ 1995-1997, thành-phần gồm:

- Chủ-tịch: Giuse Nguyễn Cao Trọng (tức thi-sĩ Phù Sa)
- Phó Chủ-tịch: Đaminh Khổng Hữu Phát
- Tổng Thư-ký: Giuse Nguyễn Tiến Lộc
- Thủ-quỹ: Maria Phạm Thị Tuất
- Trưởng Ca-đoàn: Giuse Nguyễn Cao Quý.

Địa-chỉ liên-lạc của Cộng-đoàn: 750 Kippslane, #508, London, ON N5Y 4R9, Canada. ĐT: (519) 663-5785.

## Giải quần-vợt Việt-nam tại Toronto

Một nhóm thân-hữu quần-vợt (tennis) tại Toronto tổ-chức giải quần-vợt "Saigon Open 95" hôm 1.7 tại Mayfair Lakeshore Club, 801 Lakeshore Blvd. East (gần Leslie), Toronto, khởi tranh từ 9 giờ 30 sáng.

Các giải thưởng gồm đơn nam (500 gia-kim/ 200 gia-kim) và đôi nam (400 gia-kim/200 gia-kim).

Hỏi chi-tiết và ghi danh (hạn chót 25.6): 416-977-4225 hoặc 416-960-2032.



# *tin tị-nạn*



*. Kiên Trung* phụ-trách

## Dự-luật Mỹ HR 1564 và người tị-nạn VN

Các điều khoản 2104 (a) và (b) của Dự luật 1564, được Hạ Viện Mỹ biểu quyết thông qua cuối tháng 5. 95 và đang được Thượng Viện xem xét, liệu sẽ mang lại được chút hy vọng nào cho hơn 42 ngàn thuyền nhân trong các trại tù Đông Nam Á?

HR 1564 là dự thảo về ngân sách ngoại giao của Hoa Kỳ tài khoá 1996, quy định những mục tiêu, đường lối và giới hạn sử dụng những khoản tiền. Các điều khoản sửa chữa liên quan đến thuyền nhân (điều 2104, mục a và b) do dân biểu Christopher Smith (Cộng Hoà) đưa ra đã gây ra những cuộc tranh luận nóng bỏng tại Hạ viện Mỹ.

Mục a: Tiền tài trợ của Hoa Kỳ cho Cao Ủy Tị Nạn không thể dùng vào việc hồi hương thuyền nhân cho đến khi Tổng thống Hoa Kỳ xác định rằng các bất công trong thanh lọc được giải quyết thoả đáng; và

Mục b: cho phép sử dụng tối đa ngân khoản 30 triệu mỹ kim để định cư các người Việt và Mèo được công-nhận tình-trạng tị nạn.

Chỉ có mục (b) của dự-luật được thông qua ngày 8.6.9, theo đó, chỉ ảnh-hưởng trực-tiếp và tốt-đẹp cho những người Việt và Mèo đã "đậu" thanh-lọc nhưng chưa được nước nào nhận.

Báo-chí Việt hải ngoại, nhất là tại Hoa Kỳ, đã bàn rộng dự-luật kể trên. Một số hội đoàn, tổ chức ngoại chính phủ cũng đưa ra những nhận định về ý nghĩa và tác động của dự luật với tị nạn VN và cả những người Việt còn trong nước.

UBCNVB nhận định đây là một tin mừng vì các điều khoản trên đã công khai xác nhận có bất công trọng thanh lọc, sẽ áp buộc Cao-ủy tị-nạn tái xét một số hồ sơ ở Nam Dương và điều tra các lời tố cáo tống tình, tống tiền trong các trại.

UBCNVB kêu gọi

1. các tổ chức cộng đồng, hội đoàn, giới truyền thông và từng người Việt hải ngoại hãy tiếp tục vận động cho việc thông qua dự luật

2. thông báo rõ ràng với đồng bào trong nước để tránh cho họ khỏi bị các tổ chức chuyên khai thác tin đồn lường gạt để đưa người vượt biên.

Cơ quan Searac (Trung tâm Tác vụ Đông Nam Á) của Lê Xuân Khoa làm việc, cũng ra nhận định về dự luật. Những nhận định của Searac bi quan hơn, tóm tắt như sau:

Mọi cố gắng tái thanh lọc sẽ gặp chống đối mạnh của các nước tài trợ cho CPA và bị các nước tạm dung bác bỏ. Theo Searac, sự thay đổi trong chính sách tị nạn của Hoa-kỳ, theo dự luật, sẽ gây ảnh hưởng tai hại cho những người trong trại, nhất là những người đang có cơ may đi định cư theo giải pháp Track II. (Giải pháp Track II là người tị nạn sẽ ghi danh với cơ quan Di trú Hoa Kỳ INS, *hồi hương* và *được phỏng vấn tại VN sau khi hồi hương*. Nếu hội đủ tiêu chuẩn, họ sẽ được ra đi theo chương trình ODP). Searac cho biết giải pháp Track II đã được Ủy ban Đặc nhiệm về CPA của Interaction và giới hữu trách của Văn phòng Dân số, Tị nạn và Di dân của Bộ Ngoại Giao Mỹ thảo luận nhiều lần.

Bản tin của Searac cũng tiên đoán việc hồi hương thuyền nhân, hiện đang được xúc tiến, chắc chắn sẽ kéo dài đến suốt năm 96 và nếu giải pháp Track II không được thực hiện, sẽ không tránh được việc hồi hương cưỡng bách. Tuy-nhiên, thuyền-nhân tại các trại nhận-định rằng Track II chỉ là một cái bẫy mới do CSVN cấu-kết cùng Lê Xuân Khoa bày ra, với sự vô-tình tiếp tay của Mỹ, cốt để lùa hết người tị-nạn về nước một cách êm thấm rồi... hậu xét.

Báo *Times* số ra ngày 26.6 cho biết, Hoa-kỳ sẽ thôi nhận người tị-nạn Việt-nam nội trong năm nay; ngoài ra Hà-nội và Đức đã thỏa-thuận đưa 40.000 lao-nô VN tại Đức về nước, bắt đầu vào cuối mùa hè 1995; đồng-thời Hương-cảng cũng bị Trung Cộng làm áp-lực nặng-nề để tống-xuất thuyền-nhân Việt-nam ra khỏi lãnh-địa này.

## Mã-lai: cảnh sát bắt 20 thuyền nhân

Đầu tháng 6.95, 4.000 thuyền nhân VN trại tị nạn Sungei Besi biểu tình, phá hàng rào trại, định tiến về thủ đô Kuala Lumpur (chỉ cách trại khoảng 10 cây số). Cảnh sát Mã đã tấn công vào người tị nạn bằng hơi cay, vòi cứu hoả và các vũ khí đàn áp biểu tình. Theo cảnh sát có 2 tị nạn phải vào bệnh viện, trong đó có một người tự tử bằng dao. Người tị nạn biểu tình để phản đối việc đóng cửa trại (dự định 31.8.95) và trả họ về cho chính quyền CS Việt Nam. Tị nạn VN còn báo động họ sẽ tự tử hàng loại nếu bị cưỡng bức.

Kết quả thanh lọc tại trại có thể là nguyên nhân chính bộc phát hành động tuyệt vọng của người tị nạn. Trại Sungei Besi chứa gần 5.000 thuyền nhân, kết quả thanh lọc cho định cư chỉ có hơn 100 người. Đệ nhất tham vụ toà đại sứ Hoa kỳ tại Mã lai đã tiếp xúc với thuyền nhân và thuyết phục họ trở về trại.

Cảnh sát sau đó đã bắt đi 20 thuyền nhân, truy tố họ về tội biểu tình bất hợp pháp và phá rối trị an.

## Hương cảng: đốt trại chống cưỡng bức hồi hương

Sau vụ đàn áp dã man tại trại Whitehead ngày 20.5 (xem tin LV số 130), cảnh sát Hương Cảng đã phải nhiều lần dùng biện pháp mạnh với tị nạn VN tại đây khi họ cương quyết chống các chuyến cưỡng bức hồi hương. Đầu tháng 6, trong một cuộc đụng độ giữa cảnh sát và thuyền nhân biểu tình, nhà bếp và văn phòng Cao ủy tại đây đã cháy, cảnh sát đổ cho tị nạn đốt.

Các giới chức Cao ủy Tị nạn LHQ đổ tội cho các tin tức về thái độ mới cũa Hoa Kỳ đã phá hỏng chương trình hồi hương đang "diễn tiến tốt đẹp", tạo cho người tị nạn hy vọng rằng nếu họ nán lại, họ sẽ được tái thanh lọc và có hy vọng định cư tại Mỹ.

Về cuộc biểu tình ngày 20.5 tại Whitehead, Thông tín viên Làng Văn từ Hương cảng cho biết thêm chi tiết như sau:

Ngày 20.5, cảnh sát Hương cảng vào trại để chuyển tị nạn ở phân trại I sang trại Highisland chuẩn bị hồi hương. Hơn 10 thuyền nhân đã thống nhất biểu tình phản đối. Cảnh sát xông vào đám người biểu tình bất bạo động, dùng dùi cui đánh đập, quăng lên xe. Những người tị nạn ở các phân trại khác phá rào tiến sang hỗ trợ đồng bào bị nạn. Lựu đạn cay được bắn vào trại, hàng ngàn quả. Đến 2 giờ chiều, tị nạn ở phân trại I bị gom sạch, cảnh sát vẫn tiếp tục bắn vào các phân trại khác. Đến 5 giờ chiều cảnh sát bắn lựu đạn cay loại mới, dùng quân đội và cho xe bọc sắt tấn công trại II. Cuộc tấn công với hàng ngàn cảnh sát diễn ra hết sức dã man; đến 1 giờ sáng, họ bắt đồn toàn thể đàn ông của các trại vào trại 8. Ngày hôm sau, tất cả phụ nữ và trẻ em các trại đồng loạt biểu tình đòi trả chồng, cha về. Chính quyền Hương cảng sau đó phải thả những người bị đồn sang trại 8.

Tin từ các hãng thông tấn quốc tế cho biết sau ba chuyến hồi hương bất thành, ngày 14.6, Hương Cảng đã tiếp tục thực hiện một chuyến bay đưa người về VN. Những hình ảnh đăng trên các báo cho thấy những người hồi hương có hành động phản đối các nhân viên trừng giới.

## Thái-lan: nỗi đau uất nghẹn

Thuyền nhân Việt nam đang phải chấp nhận sự bất công, sự dã man tàn ác ngày càng tăng, hầu như điên cuồng và bệnh hoạn được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau. Trước hết là sự đối xử dã man tàn ác của các nhân viên an ninh bản xứ. Họ hình như được lệnh miệng để tha hồ hành hạ thuyền nhân. Họ hiện nguyên hình là những tên ác quỷ, ăn cướp, côn đồ được nước tạm dung thuê mướn làm những cai tù chuyên nghiệp. Một bé trai khoảng 9 tuổi thơ thẩn chơi bên hàng rào trại cấm Phanat Nikhom bị môt tên an ninh người Thái bỗng nhiên xông tới đánh túi bụi. Em bé bị bầm dập, máu mũi, miệng chảy lênh láng, nằm gục tại chỗ. Khi cha mẹ em nhờ can thiệp, ban đại diện trại gạt đi sau khi an ủi lấy lệ. Sau đó, qua Cao ủy, họ bắt cha mẹ em phải làm giấy cam kết không được kiện cáo lôi thôi thì mới giúp, bằng cách xin cho nằm nhà thương Lào hai ngày, kèm ít thuốc xoa bóp.

Những thương nhân Thái, làm giàu trên xương máu cuả thuyền nhân cũng hống hách. Trong trại, họ bán hàng cao hơn giá ngoài gấp 5 lần. Họ tổ chức những rạp chiếu phim video. Một em bé coi cọp bằng cách nhìn qua lỗ nhỏ của một "rạp" loại này, đã bị đánh thừa sống thiếu chết, lại còn bị đổ nhớt xe lên người.

Thuyền nhân còn bị chính những thuyền nhân khác, được người bản địa cho làm an ninh trong trại, hành hạ chỉ vì những quyền lợi nhỏ, những ưu tiên vớ vẩn. Những tên "Hai Chô", "Ba Móng", "Tư Râu" đã lừng tiếng ở trại Phanat Nikhom. Những tay sai đắc lực này đã kết hợp với nhau thành một giai cấp.

Cao Ủy có mặt ở trại với một thái độ hoàn toàn tiêu cực. Họ chẳng những làm ngơ cho an ninh bản địa muốn làm gì thì làm, còn đồng loã bằng cách trù dập thuyền nhân và lấp liếm những hành vi tàn bạo của bọn này.

Về lương thực, hiện tượng ăn cắp, bớt xén thể hiện rõ rệt. Ở Phanat Nikhom, mỗi tuần phát lương thực ba lần. Lần đầu là ba ký rưỡi gạo và một khúc củi bằng hai gang tay cho cả tuần. Lần thứ hai, phát môt con cá thúi bằng hai ngón tay, cũng cho cả tuần và lần thứ ba được một mớ rau nát hay vài quả dưa leo còi cọc.

Trong việc thanh lọc, theo nguyên tắc mỗi bàn thanh lọc có một đại diện cao ủy, một của nước tạm dung, một quan sát viên và một thông dịch viên cùng với người bị thanh lọc. Ở Phanat Nikhom không có quan sát viên, chỉ có ba người Thái và thuyền nhân. Tất cả các câu hỏi và trả lời đều phải thông qua thông dịch viên, những người hầu như không biết gì, hay cố tình không biết về CSVN. Phần lớn các thông dịch viên là người Thái gốc Việt, sinh trưởng ở Thái trong những gia đình sang Thái tránh cuộc chiến Việt-Pháp 46-54, hầu hết thân Cộng, trong nhà còn bàn thờ Hồ Chí Minh khói hương nghi ngút. Nhân viên thanh lọc rất ác cảm với thuyền nhân, họ kỳ thị ra mặt. Thời gian thanh lọc tùy hứng. Có khi hai, ba ngày, có khi 15 phút. Thủ tục tái thanh lọc còn thê thảm hơn nữa, chỉ có hai người, một là thuyền nhân, một là đại diện cao ủy, kiêm nước tạm dung, kiêm thông dịch viên. Thời gian thực hiện một cuộc tái thanh lọc kéo dài chỉ độ nửa tiếng đồng hồ. Ở Thái Lan, thanh lọc đợt đầu tỉ lệ đậu dưới 10%, tái thanh lọc không tới 3%. Vấn đề hối lộ để được đậu ở Thái Lan tương đối khôn khéo và kín đáo, tuy nhiên, không ai là không biết.

Thỉnh thoảng, người ta gặp những những lời phê lạ lùng, khó hiểu và vô trách nhiệm trên các quyết định loại thanh lọc. Một em minor (vị thành niên) nhận được giấy bác với lời phê: *"người được phỏng vấn khai là cựu quân nhân, đã bị cải tạo nhiều năm rồi thả ra, nhưng sự áp bức không đủ*

*mạnh để được hưởng quyền tị nạn*"; một người khác được phê: "*người xin thanh lọc có tham gia tổ chức phản động, đã bị bắt, bị tù và đã trốn trại tù. Nhưng sự lo sợ của đương sự không đủ mạnh để được hưởng quyền tị nạn.*" Với kiểu thanh lọc như thế, ở Thái lan, 80% số người bị rớt là cựu quân nhân, công chức, con em của họ, các văn nghệ sĩ, các tu sĩ. Trại Sikiew còn 10 tu sĩ Phật giáo, 2 Công giáo và 1 mục sư bị rớt thanh lọc chờ ngày cưỡng bách hồi hương (tu sĩ Thích Huyền Tâm, Thích Chí Tâm, thầy Philipê Nguyễn Văn Thi, dì phước Nguyễn Thị Tặng, mục sư Đoàn Sĩ Kính). Cùng số phận có các văn nghệ sĩ Quốc Vân (họa sĩ), Bạch Dương, Nguyễn Á Độc Lập, Doãn Thanh Hùng, Nguyễn Duy Tâm, Mạc Nhân, Dạ Thảo. *(Đan Hà, vừa định cư tại Úc)*

## Thái Lan: Cóc và Kíp

Một nguồn tin tại Thái Lan cho biết, Vọng-các có trại tạm giam Immigrant Detention Center (IDC). Tù-nhân tị-nạn trong trại này bị liệt vào thành phần di dân kinh tế cùng với môt số nhỏ đến Thái lan sau ngày đóng cửa tất cả các trại.

Bên cạnh những thuyền nhân VN, nay đã là tù nhân, còn có một số quan lớn, quan nhỏ của quân đội Việt cộng đào ngũ từ Cam bốt chạy qua. Những người này đôi khi mang cả vợ con, người Cam bốt, theo. Cũng có một số là người Việt trước đây sống bất hợp pháp ở Cam bốt, chạy qua Thái khi nạn "cáp duồn" xảy ra. Một số người trong các thành phần kể trên thực sự bị đàn áp. Tuy nhiên, điều đáng buồn là hầu như tất cả không hề biết gì về Chương trình Hành động Toàn diện CPA, về các luật lệ tị nạn. Số phận của nhóm người này hẩm hiu hơn cả những thuyền nhân bị thanh lọc loại cùng bị giam ở đây.

Theo luật pháp Thái, những người nhập cảnh trái phép bị tù từ 40 đến 60 ngày, sau đó bị trả về nước - các hội đoàn thiện nguyện mua vé - nếu có thông hành. Với người từ các nước có biên giới chung với Thái (Mã lai, Cam bốt, Lào, Miến) sẽ được cảnh sát Thái chở qua biên giới, thả về nước. Riêng đối với người Việt, chuyện phức tạp hơn. Tháng 12.94, một số người Việt nhập cảnh lậu được chở tới biên giới Cam Bốt thả. Họ đã được nhà cầm quyền Thái hỏi ý kiến trước, và đồng ý vì lưu vong ở Cam Bốt xem ra còn sướng hơn ở VN. Tháng 2.95, thêm 36 người Việt cũng được giải quyết kiểu này; không may, sang đến Cam bốt họ bị Khmer Đỏ bắt hành hạ và làm tiền. Một số chạy được, trở về báo động với các đồng tù ở IDC. Cùng với một vài phản ứng của các tổ chức ngoài chính phủ (NGO), việc ...trả tự do bất hợp pháp người Việt nhập cảnh lậu thế là bị tạm ngưng.

Thái độ của Hà Nội đối với những người bị giam trong trại IDC là "sống chết mặc bay", có lẽ vì họ chỉ muốn nhận người hồi hương qua các chương trình đưa về có trả tiền của LHQ. Điều này đã làm hạ phẩm giá các tù Việt dưới mắt các tù nhân quốc tịch khác, thường xuyên được sứ quán của họ đến thăm viếng, hỏi han, giúp đỡ. Điều cần ghi nhận là các hội đoàn Việt hải ngoại đã là những tổ chức duy nhất còn lưu tâm đến tù nhân Việt trong trại cấm. Từ tháng 9.94 đến tháng 4.95 đã có ba hội đoàn hải ngoại đến thăm.

Ở trại ICD, và cả ở Bangkok, còn có một loại nhập cảnh lậu mang biệt danh là "kíp" hay "cóc". Đây là những người Việt đến Thái nhưng khai là quốc tịch Cam bốt. Bị bắt ở Bangkok, họ được đưa vào IDC, tù khoảng 40 ngày rồi chở ra biên giới đẩy về Cam bốt. Chỉ một tuần lễ sau, họ lại xuất hiện ở Bangkok, cuộc đời xoay vòng quanh tam giác Bangkok-IDC-Cam bốt.

Ở Bangkoc, "kíp" là dân hành nghề móc túi để sống. Kíp được chia làm hai loại, xịn và dơ. Kíp xịn toàn là dân Bắc, con ông cháu cha, xoay sở được thông hành (quốc tịch Khmer hay Việt). Hàng ngày, chúng ăn mặc sang như dân du lịch, ở khách sạn mắc tiền. Hết hạn visa, kíp xịn mua vé máy bay về Cam bốt, tuần sau lại có mặt ở Bangkok. Bọn này hàng ngày có thể kiếm cả trăm ngàn *bath* Thái. Kíp dơ không có thông hành nên thường ra vào IDC hơn. Số này sống đoàn kết với nhau trong những khu đông đảo ở Bangkok. Dĩ nhiên, họ kiếm ít tiền hơn.

"Cóc" khác với kíp vì không dám ở tù (tội móc túi ở Thái lan bị xử hai năm). "Cóc" là ăn xin, hành khất. Cũng như kíp, cóc được chia làm hai loại, "cóc vàng" và "cóc ghẻ". Cóc vàng chuyên đóng vai khách du lịch không may lỡ độ đường, xin tiền mua vé máy bay về nước. Ngày gặp hên, cóc vàng kiếm từ 200 đến 10 ngàn bath. Cóc ghẻ hành nghề giống như hành khất ở VN, dắt trẻ con nhếch nhác, băng thuốc đỏ giả bệnh hoạn thương tật. Vì ở Thái lan ít hành khất, số này kiếm ăn cũng khá, có thể được cả ngàn bath mỗi ngày. Khi bị bắt, tống vào IDC, cóc khai quốc tịch Cam bốt để được đưa ra biên giới, vài ngày sau lại có mặt ở Bangkok.

## Thư của LM Nguyễn Đức Hậu

Linh mục Joseph Nguyễn Đức Hậu, đến Thái Lan từ năm 1989, được "đậu" thanh lọc năm 1990 nhưng ở lại cùng với thuyền nhân trong 6 năm, đã gửi cho LV một thơ nhờ chuyển đến đồng bào, quí vị ân nhân những lời cảm ơn viết trong những ngày cuối cùng của trại.

Bức tâm thư ghi nhận Thái Lan là nước cưu mang người tị nạn VN nhiều nhất Đông Nam Á (800 ngàn người từ ngày thành lập). Tuy nhiên, theo Linh mục Hậu, đây cũng chính là lợi ích của chính phủ và người dân Thái. Trong suốt thời gian người tị nạn có mặt tại đây, chính quyền và dân con buôn Thái đã bóc lột người tị nạn từ nguồn tài trợ của LHQ đến những tiền bạc mang theo hay của thân nhân hải ngoại gửi cho để dùng vào nhu cầu sinh sống hàng ngày.

Linh mục viết: "*Càng sống lâu ở đây, tôi càng khám phá ra những khác biệt giữa tị nạn và dân tộc bản xứ, hay nói một cách đơn giản rằng họ không*

*ưa gì người tị nạn, và người tị nạn cũng không thích gì họ... dường như có một mối thù tiền kiếp !"*

Về cách quản lý trại, Linh mục Hậu ghi nhận các sinh hoạt hành chánh, kể cả của các viên chức LHQ tại đây, đều chậm chạp, quan liêu, nhưng lúc nào cũng khoe khoang ...lo cho người tị nạn. Lương thực thực phẩm bị bớt xén, số thức ăn dùng cho một tuần chỉ đủ cho hai ngày, trong lúc Cao ủy tuyên bố tốn cho mỗi thuyền nhân 120 Mỹ kim mỗi tháng. Khó khăn này đã làm nảy sinh các tệ trạng.

Về công tác thanh lọc, Linh mục nói thẳng: *"Nhiều thảm cảnh đau lòng... những người chẳng bị áp bức hay cả những thành phần đàn áp đồng bào mình thì cứ thênh thang đậu thanh lọc và lên đường định cư, còn nhiều người không có tiền, không biết khai láo bị loại ra và đang chờ tống khứ oan nghiệt. Thế giới mở chương trình thanh lọc... để làm giàu cho nước tạm dung"*.

Trong đoạn cuối của bức thư, Linh mục Hậu kết thúc bằng lời cám ơn các ân nhân đã nâng đỡ Linh mục và giúp đỡ đồng bào tị nạn trong thời gian qua rồi kết thúc cay đắng: *"Lúc này Cao Ủy đã chính thức tuyên bố kết thúc trại Phanat Nikhom vào tháng 6.95. Không còn là lúc để kêu gào chi nữa, và cũng như lời Chúa Giêsu nói với các môn đệ ở vườn Gietsimani: thôi các con cứ ngủ đi, kẻ bắt thầy đã đến kia rồi. Quí vị cũng bình an vì không còn người tị nạn để mà giúp, để mà quấy rầy nữa rồi, giờ khai tử đã đến."*

## Nam Dương: tù nhân Việt trong nhà tù Tahanan

Ở trại Galang có 76 cựu quân nhân và 3 tu sĩ bị bắt sau khi cuộc biểu tình "chống Cao Ủy cưỡng bức hồi hương" kéo dài gần 6 tháng bị dẹp. Sau đó, nhà cầm quyền nam Dương bắt thêm 143 người nữa thuộc thành phần họ kết tội là tích cực đấu tranh. Tổng số 219 người, trong đó có 43 phụ nữ và trẻ em, đang bị giam giữ trong khám đường Tanahan (Pinang). Sau bảy tháng trong cảnh tù đày, phần lớn đồng bào bị nhốt đều xanh xao, vàng vọt như bị sốt rét lâu năm. Một số bị mờ mắt vì thiếu dinh dưỡng. Họ bị cấm nhận lương thực thực phẩm do thân nhân từ Galang chuyển qua. Có 4 người - Đặng Quan Nhân (cựu Cảnh sát QG, AS159-010); Trần Văn Vân (Hải quân, AS 056-092), Trương Phi Hùng (DN 3002-AS) và Nguyễn Chí Tâm - bị tê liệt, đi đứng không nổi.

Trong số 76 cựu quân nhân bị giam giữ, có 9 thương phế binh cấp độ tàn phế từ 80 đến 85%. Ba người trong số này thường xuyên bị đau yếu vì quá thiếu dinh dưỡng: các anh Nguyễn Văn Phùng (AS-385-014, cụt chân, tàn phế 80%); Nguyễn Thành Ngọc (AS 386-044, cụt chân, tàn phế 85%) và Nguyễn Văn Vợi (AS 149-020, cụt tay, tàn phế 80%).

Chính quyền Nam Dương vẫn cố tình kéo dài sự giam giữ số thuyền nhân kể trên.

Bên ngoài Galang, tinh thần tị nạn giao động khủng khiếp. Từ 1 tháng 5.95, trại Galang bắt đầu thực hiện việc chụp hình làm hồ sơ "Hồi hương có trật tự". Chính quyền Nam dương đã thất bại khi thực hiện thủ đoạn này hồi tháng 3.95 tại Tanahan.

Các quán hàng, sau một thời gian ngắn được mở cửa lại, nay lại bị đóng cửa (đầu tháng 5.95), các dãy trại (barrack) bị thu hẹp lại như thời năm 93, tị nạn bị cấm không cho nuôi gà vịt, trồng rau ăn thêm. Về tinh thần, ngoài chuyện cấm đưa báo chí vào các trại, nhà cầm quyền Nam Dương còn chặn cả thư từ của thân nhân từ hải ngoại gửi vào Galang. Thư từ giữa Galang và Pinang giữa thuyền nhân và tù nhân cũng bị chặn.

Trước tình hình ngày càng tuyệt vọng, những cuộc "tái vượt biển" ngày càng được ghi nhận gia tăng.

Ủy ban Cứu Người Vượt Biển kêu gọi thân nhân, hội đoàn, tổ chức hải ngoại của những nạn nhân bị giam ở Tahanan vận động với Hồng Thập Tự quốc tế thăm viếng và can thiệp cho các tù nhân.

Địa chỉ:

Mr. Bernard Berancourt
Director
International Committee of the Red Cross
19 Avenue de la Paix
1202 Geneva, Switzerland

Muốn có danh sách các tù nhân, xin liên lạc:

Ủy Ban Cứu Người Vượt Biển
P.O. Box 2652 Merrifield
VA 22116 - USA
Điện thoại & Điện thư 703-204-2662

## *góp tem gửi báo cho đồng-bào tị-nạn*

(ĐỘC-GIẢ GÓP TEM,
TÒA-SOẠN TẶNG BÁO)

Để giúp cho đồng-bào tại các trại theo dõi tin-tức bên ngoài, tòa-soạn kêu-gọi quí thân-hữu và độc-giả tham-gia chương-trình *"độc-giả góp tem, tòa-soạn tặng báo"*, chi-tiết như sau:

- Tiền tem để gửi một năm báo đường thủy (3 tháng tới): 15 mỹ-kim (20 gia-kim).

- Tiền tem để gửi báo máy bay (10 ngày tới): 37 mỹ-kim (50 gia-kim).

DANH-SÁCH ĐỘC-GIẢ VÀ THÂN-HỮU LÀNG VĂN GÓP TEM GỬI BÁO NĂM 1995:

Họa-sĩ Trần Đình Thụy (Scarborough): 1 năm báo; Cô Trần Thị Mỹ Châu (Montréal): 9 kỳ báo; Ông Phan Long Yên (CA): 1 năm báo, 2 số mỗi kỳ; Hươu Cao Cổ (1 năm báo, 2 số mỗi kỳ); Bà Huỳnh Thúy Phượng (Scarborough): 1 năm báo; Ông Lê Đình Hoà (MB): 1 năm báo, 7 tờ mỗi kỳ; ông Hoàng Giao (AB): 1 năm báo; K. Phương (Thụy-sĩ): 1 năm báo; ÔB Nguyễn Văn Thông (MA): 1 năm báo, 2 tờ mỗi kỳ; Nguyên Văn (MN): 1 năm báo; Nguyễn Thu Không (CA): 1 năm báo;

Địa-chỉ Ủy ban báo nguy giúp người vượt biển:
P.O. Box 2652
Merrifield, VA 22116, USA

Địa-chỉ LAVAS
P.O. Box 2606
Merrifield, VA 22116
USA



# tin việt-nam

*Dương Thượng Ngã phụtrách*

### Thủ-tướng Mã-lai sang Trường-sa

Tiến-sĩ Mahathir Mohamad, Thủ-tướng Mã-lai, đã bay sang một đảo nhỏ trong quần-đảo Trường-sa và ở lại đêm 25.5 vừa qua. Mã-lai tuyên-bố chủ-quyền trên hòn đảo san-hô tí-hon này, đã xây xong một phi-trường và đang rầm-rộ quảng-cáo dân-chúng sang du-lịch.

Hà-nội và các chính-phủ Trung Cộng, Đài-loan, Brunei, Phi-luật-tân không bình-luận về chuyến công-du này.

Tuy-nhiên, trước đó Trung Cộng đã xác-định quyền làm chủ toàn-thể khu-vực các đảo lớn nhỏ ở Nam-hải, đồng-thời công-bố kế-hoạch xây-dựng một loạt "các nơi trú-ngụ của ngư-phủ" (thực-tế là các căn-cứ Hải-quân và tổ chiến-đấu).



*Thủ-tướng Mã-lai Mahathir Mohamad*

Bình-luận về sự kiện này, Thủ-tướng Mã-lai tiên-đoán: "Khó mà tránh khỏi một cuộc chiến nguyên-tử tại Á-châu, bắt đầu từ Hoàng-sa và Trường-sa, nếu Trung Cộng vẫn giữ ý-đồ đen-tối chiếm trọn vùng về phần mình."

### Trung Cộng không muốn ASEAN bàn về Trường-sa

Trung Cộng đã chính-thức lên tiếng khuyến-cáo Hiệp-hội các nước Đông Nam Á (ASEAN) không nên mang vấn-đề Trường-sa ra thảo-luận trong khóa họp bàn về an-ninh toàn vùng trong tháng 7 này.

Trước đây, Phi-luật-tân, một thành-viên của Hiệp hội các nước Đông Nam Á đã không-tập căn-cứ Hải-quân Trung Cộng tại Mischief Reef (Trường-sa) và sau đó đưa phái-đoàn báo-chí quốc-tế 38 người ra quan-sát tại chỗ những dấu-tích chứng-tỏ Trung Cộng xâm-lăng, và Manila đã hành-động đúng khi cương-quyết bảo-vệ lãnh-thổ.

Tình-hình Trường-sa căng-thẳng thêm khi Hải-quân Trung Cộng đã ngăn chặn và đuổi đánh một tiểu-đỉnh của Hải-quân Phi-luật-tân trong vùng biển gần Mischief, cách bờ biển Phi 135 hải-lý.

Hai chiếc khu-trục hạm của Trung Cộng đã cắt hướng và kè chiếc LST Benguet của Phi trong 70 phút. Chiếc tiểu-đỉnh đã bị ép chạy về hướng Bắc, vào Pagasa, một đảo lớn của Phi.

### Phi-luật-tân xử 62 ngư-phủ Trung Cộng

Giữa lúc tình-hình Trường-sa đang căng-thẳng, Phi-luật-tân ra lệnh giải tòa 62 ngư-phủ Trung Cộng. Các ngư-phủ này thuộc 4 tàu đánh cá treo cờ Trung Cộng, bị hải-quân Phi bắt gần đảo Alicia Annie cách duyên hải tỉnh Puerto Princessa 180 hải-lý và bị giam từ cuối tháng 3.95 đến nay.

Tòa nhóm trên đảo Palawan ở phía tây nam Phi-luật-tân. Tội danh của các ngư-phủ Trung Cộng là mang chất nổ trái phép, dùng chất nổ để đánh bắt cá trái phép. Hai tội này cộng lại sẽ thành bản án 26 năm tù.

### Miền Bắc thiếu gạo

Vì nạn sâu rầy phá-hoại mùa-màng, cộng thêm việc dân-chúng buôn lậu gạo sang Trung-quốc và Nhà nước xuất-cảng bừa-bãi để kiếm ngoại-tệ, tình-trạng thiếu gạo ở miền Bắc đã lâm vào tình-trạng nghiêm-trọng.

Trong hai tháng qua, Hà-nội đã cho chở hơn 300.000 tấn gạo từ miền Nam ra Bắc mong ngăn được nạn đói, và xoa dịu sự bất-mãn trong công-chúng.

### Hà-nội theo dõi sứ-quán Úc

Ông Micheal Costello, Tổng Thu-ký bộ Ngoại-giao Úc cho biết, trong tháng 4.95 vừa qua, bộ Ngoại-giao Úc đã triệu-hồi Đại-sứ Úc tại Việt-nam về nước họp khẩn. Lý-do là nhân-viên tình-báo Úc phát-giác CSVN dùng tia cực tím để quay phim và ghi-âm các hoạt-động của sứ-quán Úc ở Hà-nội. Ngay cả tư-gia ông Đại-sứ và các nhân-viên ngoại-giao Úc

cũng bị theo dõi.

Tia cực tím phản-chiếu từ một kính đặc-biệt được đưa vào hệ-thống lọc với độ cảm-ứng rất nhạy, có khả-năng tái tạo các âm-thanh và hình-ảnh truyền theo sống.

Nguồn tin tình-báo tại Đông-kinh và Canberra cho biết, hệ-thống theo dõi này trị giá khoảng 12 triệu mỹ-kim mỗi đơn-vị, do Nhật sản-xuất theo đơn đặt hàng riêng. CSVN tuy là một nước nghèo, nhưng nhà nước đã dùng phần lớn tiền viện-trợ của các nước, trong đó Úc là quốc-gia giúp nhiều nhất, để trang-bị 56 đơn-vị theo dõi như trên.

Tin từ Úc cho biết, ngoài sứ-quán tại Hà-nội, các sứ-quán khác của Úc ở Mạc-tư-khoa, Bắc-kinh, Rangoon (Miến-điện) cũng bị theo dõi.

## Môi-sinh Việt-nam bị ô-nhiễm nặng-nề

Môi-trường sinh-thái tại Việt-nam bị ô-nhiễm nặng-nề trong thời-gian "mở cửa" để nhận tiền cũng như nhận "rác" thế-giới đổ vào.

Báo *Lao-động* của nhà nước tiết-lộ: "Không-khí tại nhiều nơi bị ô-nhiễm tới mức kinh-hoàng. Mức ô-nhiễm bụi ở một số mỏ than, nhà máy xay nghiền đá, sàng cát,.. vượt tiêu-chuẩn cho phép đến 1.000 lần!"

Quả vậy, các tài-liệu nghiên-cứu của chính nhà nước cho thấy, chất độc hóa-học trong các vùng sản-xuất nông-nghiệp cũng vượt tiêu-chuẩn cho phép.

Khói xăng pha chì, than và than đá do xe cộ lưu-thông thải ra, cùng khói độc từ các nhà máy xây-dựng làm tăng các khí CO, $NO_2$, $SO_2$, chì và các hợp-chất chứa chì trong không-khí.

Khí CO *(carbon monoxide)* không màu sắc, không mùi vị, bay tràn-lan không ai hay biết. Khí $NO_2$ *(carbon dioxide)* không mùi, rất nặng, tan vào nước hồ ao, sông rạch thành át-xít cạc-bô-nit. Khí $SO_2$ *(sulfure dioxide)* hôi-hám, làm ngạt thở, dễ biến thành a-xít sul-fu-ric ($H_2SO_4$), thuộc thể lỏng cô-đọng như dầu, không màu sắc. Chỉ riêng ba chất độc thông-thường này thôi cũng đủ làm hại sức-khoẻ của cả một dân-tộc.

Bằng-chứng dễ thấy nhất là mức-độ ô-nhiễm cao ở các khu công-nghiệp đã gây bệnh cho người lao-động. Tỉ-lệ mắc bệnh mãn-tính về hô-hấp tim mạch, nội-tiết, thần-kinh trong nhiều ngành công-nghiệp lên rất cao.

- công-nhân chế-tạo vật-liệu xây-dựng: 55% mắc bệnh.
- công-nhân hóa-chất: 61%
- công-nhân luyện kim: 66%.

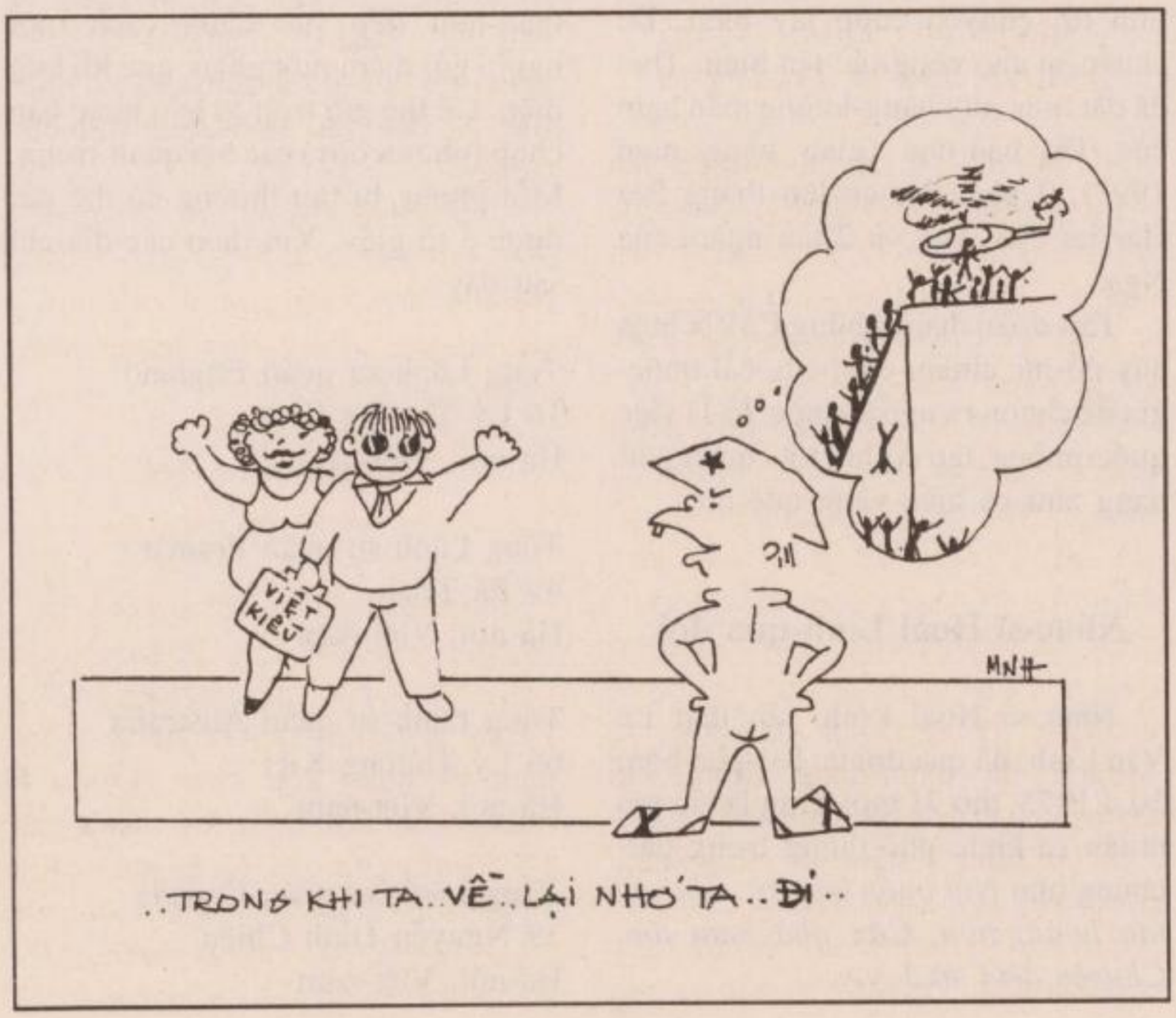
Về bệnh tai mũi họng, 88% công-nhân mỏ than mắc phải.

Tại khu gang thép Thái-nguyên, 67% công-nhân mắc bệnh vì bụi si-lic. Có tới 40% công-nhân phải tiếp-xúc với các yếu-tố có hại.

Chưa hết, vẫn theo báo-chí nhà nước tiết-lộ, các chuyến tàu khổng-lồ chở chất phế-thải công-nghiệp, nhà thương và nguyên-tử đổ vào Việt-nam được hệ-thống tham-nhũng cao-cấp cho phép nhập, đã làm ô-uế các bãi biển đẹp nhất; cách chôn giấu vội-vàng, cẩu-thả tại các hố rác duyên-hải, cùng đầu cặn của xà-lan, tàu bể đổ ra đã làm hại môi-sinh ven biển, kéo dài đến nhiều chục năm (riêng rác nguyên-tử làm hại đến hàng trăm năm). Thiệt-hại trước mắt là các ngành nuôi tôm, chài-lưới và cả du-lịch bị thiệt-hại nặng-nề.

Các chuyên-gia thế-giới và trong cộng-đồng Việt-nam hải-ngoại đã nhiều lần lên tiếng về vấn-đề này, nhưng các quốc-gia tiên-tiến về kỹ-nghệ (kể cả Mỹ) cùng nhà nước Việt-nam a-tòng nhau giả ngơ giả điếc. Các nước lên tiếng thì lấy chỗ đâu nữa mà đổ rác? Nhà nước Việt-nam mà lên tiếng thì lấy tiền đâu nữa mà luồn qua băng Thụy-sĩ, cho con cái du-học để dọn đường rút lui trong giàu sang phú quí?

Rốt cuộc, chỉ có dân Việt là khổ. Khi các ông các bà chóp bu hút sạch máu mủ rồi "ra đi trong danh-dự", đất nước này chỉ còn là một cái bãi hoang, rừng tàn, núi lụn, lụt-lội liên-miên, rác-rưởi hôi-thối, môi-sinh ô-nhiễm, mầm-mống bệnh tai kỳ-quặc do phóng-xạ nguyên-tử truyền đời không dứt... Vậy mà có nhiều người ở hải-ngoại cứ hô-hào là đừng tranh-đấu làm chi, cứ để cho cộng-sản nó ăn no căng bụng ra rồi... chết, trên no thì dưới cũng có chút cơm cặn canh thừa, chuyện dân-chủ tự-do tự nó từ



từ sẽ tới, không năm mười năm thì vài ba mươi năm nữa. *Khỏi vòng cong đuôi*, ai nói chẳng được!

Mười mấy năm nay, kể chủ thầu phá rừng lấy gỗ quí bán ra ngoại-quốc nhiều nhất, làm ăn qui-mô nhất và cũng công-khai nhất là bà vợ của Thủ-tướng Võ Văn Kiệt. Vấn-đề tranh ăn trong Chính-trị bộ CSVN đã nổ lớn đến độ có lần Kiệt phải hứa là không dẫn vợ đi công-du nữa, vì bà này se-sua mua sắm quá nhiều không kém phu-nhân cố Tổng-thống Marcos của Phi trước đây, khiến quốc-tế để ý dòm-dỏ, nghi-ngờ.

Sau khi làm lơ (hay xúi ngầm) cho bà vợ đốn sạch gỗ lớn, quí hiếm, Võ Văn Kiệt mới bắt đầu mở máy kêu gào... bảo-vệ rừng!

Việt-nam có 13,5 triệu mẫu tây rừng rậm, cây to với đường kính từ 1 mét trở lên; hiện nay chỉ còn sót lại 9 triệu mẫu, hầu hết là rừng chồi, rừng lá, trảng tranh và đất cằn, hơn phân nửa diện-tích cây cao không quá đầu người. Thú dữ như voi, gấu, cọp không nơi trú-ẩn tràn xuống đồng-bằng giết-hại dân-chúng thường-xuyên. Mùa mưa nước lũ không có rừng ngăn cản, tràn xuống bình-nguyên gây lụt-lội, mất mùa. Cả một dải giang-sơn xanh ngát từ biên-giới Việt Trung xuống tới Tây-ninh, Bình-long biến thành đồi trọc loang-lổ.

Điều đáng buồn nôn nhất là trong chuyến công-du Âu-châu vừa qua, Võ Văn Kiệt đã lớn tiếng hô-hào bảo-vệ môi-sinh trên trái đất và trơ-tráo chìa tay ra xin các nước viện-trợ cho y gây quỹ... trồng rừng!

### Chạm súng giữa Hải-quân CSVN và Thái-lan

Hôm 7.6, bộ Ngoại-giao Thái-lan đã họp báo quốc-tế, tố-cáo CSVN bắt 4 thuyền đánh cá và 61 ngư-phủ Thái trong một vụ chạm súng ngoài khơi vịnh Thái-lan. Phía VC có 2 chết, 1 bị thương và 1 bị bắt.

Nguyên vào ngày 31.5, ba thuyền tuần duyên của VC bao vây bắt 5 thuyền đánh cá Thái-lan tại một địa-điểm thuộc hải-phận Việt-nam. Ngư-phủ Thái-lan đánh điện cầu cứu, và một khinh-tốc-đỉnh của Hải-quân Thái đang hoạt-động trong vùng đã xả hết tốc-lực chạy tới tiếp-cứu.

Tàu chiến của Thái đổ bộ lên một thuyền đánh cá Thái, bắn chết 2 lính thủy VC, bắn bị thương 1 người và bắt 1 người khác, giải cứu được 1 trong số 5 ngư-thuyền bị bắt.

Diễn-biến xảy ra xong, các thuyền tuần-tiễu của CSVN, vốn rất chậm, mới tới kịp, dùng đại-bác và đại-liên truy-kích tàu chiến của Thái.

Trong gần 20 năm nay, các thuyền đánh cá có trang-bị vũ-khí của Thái vẫn bắt cá trong hải-phận Việt-nam. Một số không ít các ngư-phủ này đã biến thành hải-tặc, tấn-công các thuyền tị-nạn Việt-nam, hạ-sát đàn ông, cướp-đoạt tài-sản, cưỡng-bức phụ-nữ và bắt cóc bé gái tị-nạn bán vào các ổ điếm trong đất liền, gây chết-chóc cho hàng trăm ngàn người và làm ly-tán hàng chục ngàn gia-đình nạn-nhân.

Mãi đến nay, hơn 10 năm sau khi cao-điểm tị-nạn chấm dứt, nhà nước CSVN thỉnh-thoảng mới có phản-ứng lẻ-tẻ trước sự lấn-lướt của Thái trong việc xâm-lấn hải-phận.

Dân cướp lấy của thì chính-phủ tính tới chuyện cướp lấy biển. Để chuẩn-bị cho công-tác lấn biển, Thái đã đặt mua một hàng-không mẫu hạm của Tây-ban-nha (giao hàng năm 1997), 9 phản-lực-cơ lên thẳng Sea Harrier của Anh và 2 tàu ngầm của Nga.

Tập-đoàn tham-nhũng CSVN hiện nay nỗ-lực chiếm-đoạt của-cải quốc-gia để chuồn ra ngoại-quốc, lơ-là việc quốc-phòng, tạo cơ-hội tốt cho ngoại-bang xâu-xé biển vàng quê mẹ.

### Nhạc-sĩ Hoài Linh qua đời

Nhạc-sĩ Hoài Linh, tên thật Lê Văn Linh, đã qua đời tại Sài-gòn hôm 30.4.1975, thọ 71 tuổi. Ông là tác-giả nhiều ca-khúc phổ-thông trong đại-chúng như *Nỗi buồn gác trọ*, *Chuyến tàu hoàng-hôn*, *Căn nhà màu tím*, *Chuyện đêm mưa*, v.v.

### Tàu VC được phép cập bến Mỹ

Bộ Ngoại-giao Mỹ cho biết, kể từ 27.4.1995, tàu VC được phép cập bến Mỹ.

Hiện nay còn 6 nước không được phép vào hải-cảng Mỹ, là Bắc Hàn, Cuba, Ba-tư, Iraq, Libya và Syria.

### Nhạc-sinh Việt-nam đoạt giải vĩ-cầm thế-giới

Nhạc-sinh Bùi Công Duy, 14 tuổi, nhạc-sinh tại nhạc-viện Novosibirsk (Nga) đã đoạt giải nhất vĩ-cầm quốc-tế nhóm tuổi 11-16, do nhà trường tổ-chức hôm 26.5 vừa qua. Cuộc thi gồm 62 thí-sinh thuộc 16 nước, chia thành hai nhóm tuổi từ 11 đến 16 và 17 đến 22.

---

## *chuyển lửa về quê-hương*

Để giúp quảng-bá tin-tức từ hải-ngoại về nước, xin quí độc-giả và thân-hữu tiếp sức bằng cách mỗi người gửi thêm một phần, qua lối bưu điện. Có thể gửi trọn tờ báo hoặc bản chụp (photocopy) các bài quan-trọng. Mỗi phong bì thư thường có thể gửi được 3 tờ giấy. Xin theo các địa-chỉ sau đây:

Tổng Lãnh-sự quán England
16 Lý Thường Kiệt
Hà-nội, Việt-nam

Tổng Lãnh-sự quán France
49 Bà Triệu
Hà-nội, Việt-nam

Tổng Lãnh-sự quán Australia
66 Lý Thường Kiệt
Hà-nội, Việt-nam

Tổng Lãnh-sự quán Canada
39 Nguyễn Đình Chiểu
Hà-nội, Việt-nam

# *câu chuyện trời âu*

Phan Nguyễn
Minh Minh



## Tháng 5 nhiều chuyện

Tháng 5, Ba-lê bắt đầu sôi-động với cuộc biểu tình có tính cách biểu dương lực lượng của Mặt trận Dân tộc *(Front National)* của Jean-Marie Le Pen, một lãnh tụ dân tộc cực đoan trong sinh-hoạt chính trị Pháp. Phấn-khởi với tỷ lệ phiếu bầu gia tăng (15%) ở vòng đầu kỳ bầu cử tổng thống, Le Pen dương dương tự đắc tưởng đâu Mặt trận của ông ta sẽ là trọng tài quyết định được số phận của người muốn vào điện Élysée. Mượn ngày 1 tháng 5 và núp dưới danh nghĩa tưởng niệm người nữ anh hùng Jeanne d'Arc (trong khi lịch ghi lễ Jeanne d'Arc là 14.5), Mặt trận Dân tộc rầm rộ kéo nhau đi trên đường phố Ba-lê.

Buồn thay, cuộc "lên mặt ta đây" được lưu dấu bằng một vết chàm ô-nhục, qua vụ 3 tên "trọc đầu" *(skinhead)* trong đoàn biểu-tình đã gây sự và ném một thanh niên người Maroc xuống giòng nước cuồn cuộn của sông Seine. Cái chết thảm của thanh niên Bắc Phi vô tội kia đã tô đậm thêm tính cách kỳ thị chủng tộc một cách ghê-tởm của Mặt trận.

Tổng-thống François Mitterrand đã đích thân đến tận bờ sông nơi xảy ra tai nạn, ném một bó hoa huệ chuông *(muguet)* xuống dòng nước để tưởng niệm người quá cố.

Sự việc đau thương này chóng bị quên-lãng, vì dân Ba-lê bận ăn mừng chấm-dứt hai nhiệm kỳ 7 năm thời đại xã hội chủ-nghĩa của tổng thống F. Mitterrand, tiếp-đón Thị trưởng Ba-lê Jacques Chirac lên cầm quyền.

Đúng 20 giờ tối chúa nhật 7.5.95, trước khi có kết-quả chính-thức, ngay từ khi màn ảnh truyền hình vừa phát đi hình-ảnh của người được các viện thăm dò dư luận đoán là thắng cử, khắp nước Pháp ồn ào reo mừng. Những người ủng-hộ ông Chirac tràn ra đường phố phất cờ reo hò. Ở Ba-lê, người ta đổ xô về công trường La Concorde (Hòa hợp) càng lúc càng đông và một sân khấu liên hoan được dựng lên tức khắc. Cuộc lễ bất thần nổi lên kéo dài thâu đêm làm nghẽn cả đại lộ Elysées mà ít thấy ai cau có than phiền. Lần đổi tổng-thống này chẳng khác gì một cuộc cách mạng "bỏ túi". Ai cũng hy vọng rằng triều đại xã hội chủ nghĩa qua đi sẽ tạo điều kiện cho cánh hữu khâu-vá lại những vết thương kinh-tế xã-hội.

Đêm liên hoan chưa tàn ở công trường La Concorde thì ở đầu đại lộ phía quảng trường Etoile-Charles de Gaulle, cuộc lễ kỷ niệm 50 năm đánh bại Đức quốc xã đã lục tục bắt đầu.

Nhân viên vệ sinh lại phải một chầu vất vả từ "nửa đêm giờ tí canh ba", nhưng may là ngành vệ sinh thành phố Paris đã kịp cơ giới hóa cho nên khi cuộc lễ chính thức bắt đầu thì đại lộ lừng danh lại sạch sẽ và trang trọng.

Đặc biệt là trên khán đài danh dự có sự hiện diện của cả Tổng thống đương nhiệm lẫn Tổng thống tân cử. Trước bao nhiêu quốc khách và ống kính truyền thông nội địa cũng như ngoại quốc, Tổng thống tân cử Chirac đã biểu-diễn một màn ga-lăng rất ư là... tây, bằng cách cúi xuống nhặt chiếc khăn choàng của đương kim đệ nhất phu nhân.

Diễn binh chấm dứt, Tổng thống Mitterrand mời quốc khách cùng quý phu nhân tháp tùng lên xe *car* về điện Elysée dùng cơm trưa. Một phương tiện chuyển vận độc đáo, vô cùng thực tiễn, nhưng biết đâu cũng là một biểu hiện dân chủ kiểu Tây?

Một trong những quốc khách đã được dạy bài học thấm thía đó, là vợ chồng Lê Đức Anh, Chủ tịch nhà nước cộng sản Việt Nam, khách riêng của Tổng thống Mitterrand.

Ai cũng biết rằng CS Việt Nam chẳng có công lao gì trong việc thế giới tự do đánh bại Đức quốc xã. Thế nhưng, vì sắp hết nhiệm kỳ và vì sợ không còn có dịp trả lễ chuyến đi Việt-nam của mình, nên Tổng thống Pháp làm bừa mời đại Lê Đức Anh dự lễ y như mấy ông nhà quê kéo nhau đi ăn giỗ cho "vui cửa vui nhà".

Họ Lê đặt chân xuống đất Pháp đúng vào 7.5, ngày kỷ niệm quân viễn chinh Pháp hy sinh tại Điện Biên Phủ khiến Hiệp hội cựu chiến binh Pháp ở Đông-dương quyết định tẩy chay lễ chiến thắng Đức quốc xã ngày 8 tháng 5. Thậm chí quân kỳ của Hiệp hội cũng không xuất-hiện tại buổi lễ. Sơ-suất đáng tiếc hay cố tình của ông tổng xã-hội chủ-nghĩa?

Sau tiệc khoản đãi quốc khách ở

Paris, ngài tổng thống đảng xã hội Pháp ở cõi tà huy lại bay sang Bá Linh, cũng để dự lễ kỷ niệm chiến thắng Đức quốc xã. Tại đây tổng thống Mitterrand lại biểu-diễn một màn lố-bịch bằng cách ca ngợi tính dũng cảm và lòng yêu nước của những người lính chiến-đấu dưới trướng ...Hitler!

## Ngừa thai qua nước bọt và bằng vi tính

Từ lâu nay phụ nữ cố tìm cách để biết chính-xác những ngày "màu mỡ" của mình trong tháng để hoặc sớm kiếm tí nhau bồng ẵm cho bằng chị bằng em, hoặc để "ăn khem" mấy ngày, tránh bớt âu lo sau này. Ngày nay, trên thị trường Pháp vừa xuất hiện một vài phương tiện mới để xác định thời kỳ ấy. Dụng cụ mới nhất và vô cùng độc đáo là một kính hiển vi bỏ túi gọi là *Lady Free-Biotester* hình thù giống như cây son, dùng để khám nghiệm nước bọt.

Trong thời kỳ trứng rụng, nước bọt của phụ nữ có những biến đổi đặc biệt có thể nhận ra qua kính phóng đại. Chỉ cần một giọt nước bọt buổi sáng khi bụng còn trống, vài phút sau là kính hiển vi sẽ cho thấy cấu trúc đều đặn đặc biệt của nước bọt trong thời kỳ rụng trứng hoặc là cấu trúc hỗn loạn nếu không phải trong thời kỳ này.

Ngoài ra, hồi gần đây ở các hiệu thuốc cũng có bán một sản phẩm của viện bào chế Polivé để thử nước tiểu tại gia *(Clearplan)*, căn cứ trên cao điểm *hormone* LH xuất hiện trước thời kỳ trứng rụng từ 24 đến 48 tiếng đồng hồ.

Trong vòng không đầy một năm nữa người ta sẽ tung ra thị trường một máy vi tính bỏ túi, to gấp đôi bao thuốc lá, có công dụng ngừa thai. Với máy này, phụ nữ có thể xác định thời kỳ "màu mỡ" hàng tháng của mình dựa trên kết-quả thử nước tiểu thường-xuyên. Thuận lý với thời đại tin học, đâu đâu cũng có máy vi tính và làm gì cũng phải nhờ máy vi tính, kể cả cái "chuyện ấy" !

## Đại biểu một ngày

Năm nay là lần thứ hai ông Philippe Séguin, chủ tịch Quốc hội Pháp, có sáng kiến cho triệu tập khoáng đại Hội nghị của các đấng dân biểu "quần đùi" tại trụ sở Quốc hội. Đây là một sinh hoạt kết hợp với bộ Giáo dục nhằm tạo điều kiện cho các cô cậu học sinh cuối thời tiểu học (10-11 tuổi) làm quen với nếp sống dân chủ đại nghị.

Các đại biểu tí hon này được tuyển chọn qua một cuộc bầu cử ở các trường trên khắp nước Pháp chính quốc và lãnh thổ hải ngoại để, chọn lấy 577 em, tương đương với 577 dân biểu Quốc hội. Năm nay, qua các cuộc "bầu cử hoàn toàn tự do" ở nhà trường, các em học sinh đã tuyển lựa được 283 cô (trong khi quốc hội chỉ có 35 dân biểu nữ) và 294 cậu. Mỗi đại biểu được quyền có một người giám hộ tháp tùng, phụ huynh hay thầy cô. Tổ chức một khoáng đại hội nghị kiểu này không phải là một chuyện đơn giản cho nhân viên hành chính của Quốc hội vì họ phải tiếp nhận và phục vụ khoảng 1.300 người trong một ngày. Nhưng bù lại, người ta cảm thấy hãnh diện rằng mình đã ghi vào tâm tư các cô cậu học sinh kia một niềm tin tưởng chớm nở ở sinh hoạt dân chủ của đất nước và những tri thức về công dân giáo dục.

Thật không làm sao kềm hãm được một nỗi xao xuyến bồi hồi khi nghe toàn thể 577 đại biểu tí hon kia đồng ca điệp khúc mang nội dung: *"Tôi sinh sống trong một đất nước vĩ đại, ở đó mỗi người tập sống với những chữ tự do, đoàn kết và bình đẳng cùng với bằng hữu mình! Dân chủ, dân chủ!"*

Một hội đồng giám khảo tuyển chọn ra những bài luận văn hay nhất nói về quốc hội và nền cộng hòa, để tưởng thưởng. Ba bài xuất sắc được tác giả nó trình bày trên diễn đàn Quốc hội.

Ông Chủ tịch Quốc hội cũng điều khiển phiên họp đúng theo quy định trước một phiên họp đông đủ. Những cô cậu đại biểu thực sự trang nghiêm vì ý thức được vai trò của mình, dù là đại biểu một ngày. Thậm chí ông Chủ tịch Quốc hội còn coi như đã rút được bài học kinh nghiệm của phiên khoáng đại độc đáo này khi ông tuyên bố với các em học sinh: *"Chúng tôi rút được khá nhiều kinh nghiệm qua cuộc tiếp xúc với các em. Những người lớn phải làm như các em! Muốn thực sự trở thành người lớn, họ phải biểu quyết như trẻ con."* Thật là một lời chí thành!

## Đại-Hội Hen Suyễn kỳ II

"Chữa trị liên tục, nhất định thành công" - đó là chủ đề của Đại hội Hen suyễn Châu Âu kỳ II nhóm tại Paris hôm 13.5.95.

Theo bác sĩ François-Bernard Michel, trưởng khoa phổi bệnh viện Montpellier thì hen suyễn là một vấn đề đáng quan tâm. Gần 2 triệu rưỡi người bị hen suyễn ở Pháp và có khoảng 2.000 người chết mỗi năm vì bệnh này. Lẽ ra không có 2.000 cái chết đó! Hen suyễn không phải là một tai ương. Nhiều công cuộc nghiên cứu cho thấy rằng phần lớn những trường hợp tử vong như vậy có thể tránh được nếu chữa trị sớm và đúng cách. Ngày nay chúng ta có phương tiện để khống chế căn bệnh này nhưng 75% những người bị bệnh suyễn có một mức sống tồi tệ.

Bác sĩ Michel tiết lộ rằng các con bệnh cùng lắm chỉ sử dụng ...một nửa số thuốc đã cho trong toa. Ông chủ trương, phải chấm dứt cung cách chữa trị tùy cơn đột biến mà phải nhớ rằng hen suyễn là một bệnh kinh niên. Người mắc bệnh này phải tự coi mình là bạn đồng hành với thầy thuốc và luyện tập cách "quản-lý" cơn bệnh của mình.

## "Cớm" kỵ ...súng

Thật là điều hi-hữu trên cõi đời này khi những ông cớm Ăng-lê không thích mang súng! Theo một cuộc thăm dò dư luận trong giới cảnh sát do Hiệp hội Cảnh sát Anh và Wales thực hiện, trong số 5 cảnh sát

viên Anh-quốc, có 4 người không thích mang súng trong khi hành sự. Thậm chí, có lối 6% cảnh sát sẵn sàng từ nhiệm nếu các nhà làm luật bắt buộc họ phải mang súng.

Có lập luận cho rằng duy trì trật tự an ninh là điều chủ yếu nhưng phải tương ứng với quần chúng nhân dân dù cho các cảnh sát viên phải đương đầu với các nguy cơ hiểm họa. Trong vòng 2 năm qua có 52.000 cảnh sát viên gặp tình huống hiểm nguy thực sự trong khi thi hành công vụ. Cũng trong thời gian này 48.000 cảnh sát viên bị những tên lưu manh vũ trang đe dọa, thậm chí có người bị đe dọa đến 10 lần. Còn có 55.000 người khác bị thương tích trong các lần tấn công.

Tình trạng bất an nghề nghiệp này đã làm cho các giới hữu trách ngành cảnh sát phải xét lại quan niệm vì nhiệm vụ của cảnh sát là bảo đảm trật tự an ninh trong một "thế giới thực sự" chớ không phải là một "thế giới lý tưởng" nữa. Họ chủ trương phải vũ trang ngành "cớm". Nhưng quan niệm này đang đứng trước những luận cứ mâu thuẫn nhau. Có người cho rằng hình ảnh của người cảnh sát và mối tương quan giữa cảnh sát và quần chúng nhân dân sẽ bị tổn thương (?) nếu anh chàng "Bobby" kè kè bên hông một con "chó lửa".

Kỵ mang súng lục, cảnh sát Anh yêu cầu được mặc áo giáp và trang bị loại vũ khí không nổ, nhất là những cây xịt hơi để vô hiệu hóa đối tượng. Ngoài ra họ cũng yêu cầu được huấn luyện nhuần nhuyễn về phương thức tự vệ.

Vác hai tay không đi bắt cướp, mấy ông Ăng-lê chỉ còn trông-cậy vào từ-tâm và sự tử-tế của mấy "ông" ăn cướp!

## Máy vi tính hướng dẫn du khách Paris

Paris đầy dẫy những quán cà-phê, cao lâu, viện bảo tàng và những lối nhàn du. Nhưng tìm cho được một địa điểm đẹp lòng vừa ý giữa lòng kinh đô ánh sáng này không phải là chuyện đơn-giản. Cho nên, để tiếp tay du khách, mới đây hai công ty tin học vừa tung ra thị trường một loại bản đồ sử dụng trên máy vi tính. Chương trình này khai thác tối đa hệ thống thông tin địa lý (SIG) và kỹ thuật truyền thông đa hiệu.

Hiện nay có 2 chương trình. Visualmap chạy bằng đĩa trên máy PC và với hệ thống Windows. Cách sử dụng giản dị, gồm 20.000 dữ kiện chính yếu liên quan đến thành phố.

Bạn muốn đi đến rạp hát Marigny chẳng hạn thì chương trình sẽ cung cấp địa chỉ, phương tiện chuyên chở công cộng để đi đến nơi và số điện thoại để giữ chỗ. Muốn tìm nhà hàng và khách sạn, bạn sẽ biết các món ăn đặc biệt của mỗi nơi và giá biểu của từng nơi. Du khách cũng có thể biết được khoảng cách từ điểm này đến điểm kia trong thành phố.

Chương trình Cityplan cũng cung cấp ngần ấy dữ kiện nhưng chạy trên đĩa gọn *(compact disc)*, đòi hỏi dụng cụ đắt tiền hơn, nhưng nhanh và đầy đủ hơn. Cả hai đều gặp phải một điều bất tiện là cần chuẩn bị cuộc du ngoạn thành phố từ lúc còn ở nhà khi ngồi bên cạnh máy vi-tính, hoặc phải đeo kè kè một máy nhỏ (và đắt hơn máy lớn) loại để trên đùi.

## Thế giới không còn vĩ nhân

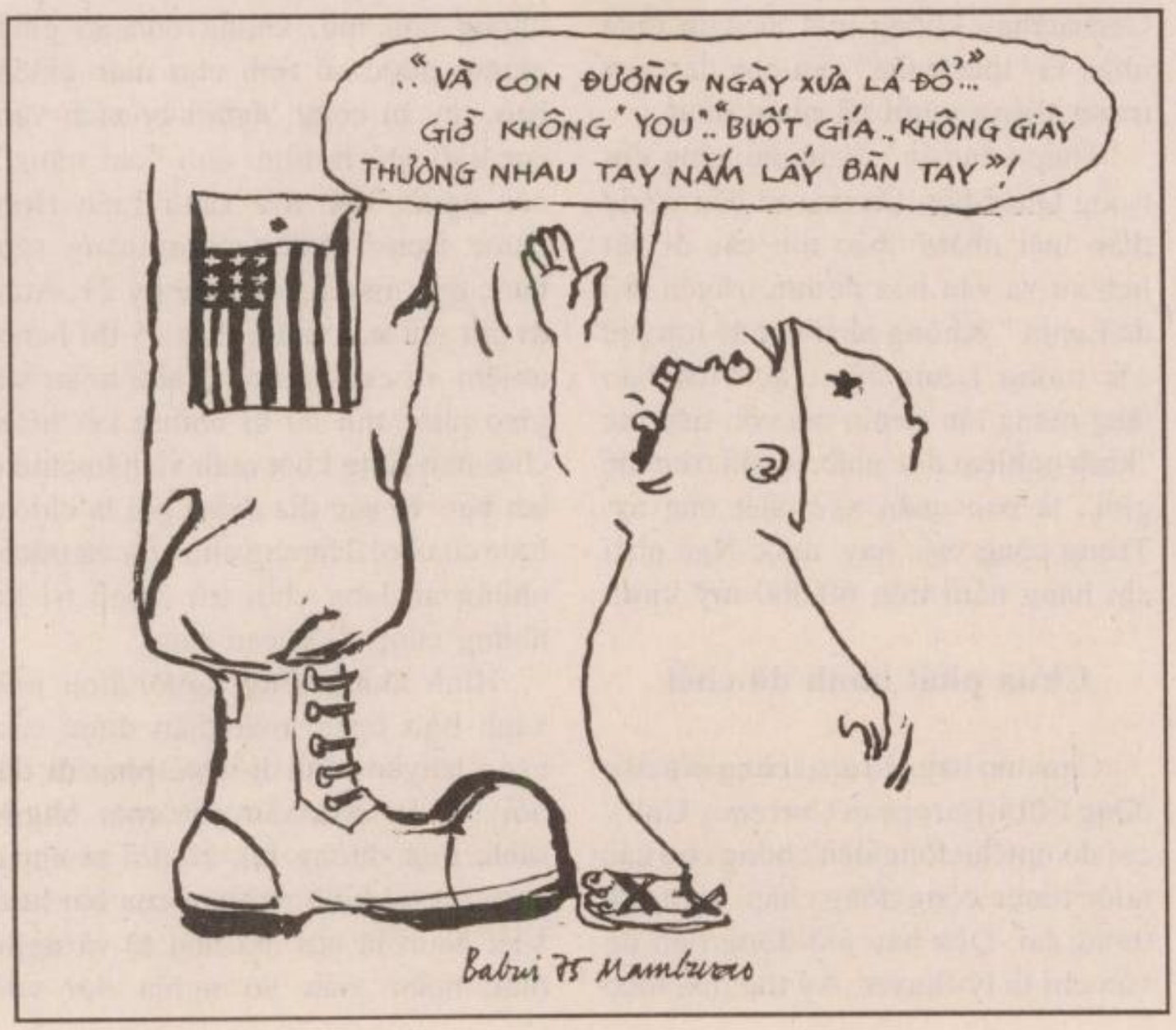
Bản phúc trình hàng năm vừa công bố hồi thượng tuần tháng 5.1995 của Viện Nghiên cứu chiến lược thế giới (IISS) lên tiếng báo động rằng tình hình thế giới đáng lo ngại vì: *"Thế giới dường như dẫm chân tại chỗ trong khi nhiều điều nổi bật được thực hiện trong 45 năm qua đã lùi xa"*.

Bản phúc trình cho rằng *"Ở nhiều nước, những giới hữu trách bất tài vô tướng cứ tìm mọi cách để cầm đầu những chính phủ chẳng ra gì."*

Các vị nguyên thủ quốc gia và các người đứng đầu chính phủ phải chịu trách nhiệm về hoàn cảnh ngày nay. Quá bận tâm với các vấn đề đối nội của mình, những vị này không có những *"sáng kiến mạnh mẽ hay tích cực trong đường lối ngoại giao."*

Các chuyên viên của IISS cho rằng *"trong năm qua các vấn đề thế giới cho người ta có một cảm nghĩ mơ hồ về sự bất lực. Đây là một thời kỳ trôi giạt, buông lơi"*.

Trong một thế giới đa nguyên, chính sách đối ngoại đòi hỏi điều mà



trong quá khứ nó coi như cấm kỵ, đó là can thiệp vào nội bộ nước khác. Trong điều kiện như thế thì chẳng có gì phải ngạc nhiên khi những nước như Trung Quốc hay Bắc Triều Tiên có thể phát huy được cái thế mặc cả của họ.

Ngay cả như Hoa Kỳ cũng bị lôi cuốn vào nguyên tắc đơn phương cũng như cô lập. Hoa Thịnh Đốn chỉ chấp nhận "dấn thân về mặt quốc tế trong điều kiện và lợi ích của Mỹ" hay là "không dấn thân gì cả". Chẳng nói đâu xa, ở ngưỡng cửa châu Âu tại Bosnie, sự thất bại của cộng đồng quốc tế đã quá rõ. Các kế hoạch hòa bình liên tiếp của Liên Hợp Quốc và Minh-ước Bắc Đại Tây-dương cứ nối đuôi nhau đi vào sọt rác.

Khi thế giới đối đầu nhau người ta dễ thấy những nước có phong cách lãnh tụ. Bây giờ thế giới cộng sản ở Liên-sô tiêu tan, Hoa Kỳ trở thành "anh hùng cô đơn" nên chẳng còn là anh hùng nữa. Các cường quốc không nhìn ra ngoài nữa nên vĩ nhân cứ lo chuyện xó bếp, có tài ba mấy cũng cùn lụt đi.

### Đốt hay không đốt

Hai nhà khoa học Nga, Igor Machnikov, Giám đốc phòng thí nghiệm bảo vệ môi sinh, và Pavel Loukiantchenko, chuyên viên hóa chất, xác nhận rằng xác của Lê Nin trong quách bằng chì đang tỏa ra những "làn sóng dữ".

Hai ông này quan niệm rằng muốn triệt tiêu "tác hại quái quỷ" của Vladimir Illich thì chôn hấn xuống đất như một số nhân vật chính trị và tôn giáo đòi hỏi từ năm 1991, cũng chưa đủ mà phải đem xác của "cha đẻ cách mạng Bôn-sê-vít" đốt ra tro mới được. "Bấy giờ, có lẽ đất nước chúng ta mới hết khổ", hai ông này viết như vậy trên trang nhất của tuần báo *"Lý luận và sự kiện"*.

Thật vậy, từ mấy năm nay việc bảo quản xác chết của Lenin không còn được như xưa nữa. Trước kia người ta phải thường xuyên theo dõi dung nhan của Lenin để tiêm đúng liều lượng Paraphine, Carotène hay Glycérine nhằm duy trì màu sắc. Cứ 18 tháng là phải nhúng xác chết đó vào một dung dịch gồm Glycérol và Acétate Kali (potassium) trong vòng 60 ngày. Hàng tuần thì xác này được các nhà khoa học của trung tâm nghiên cứu kiến trúc sinh học, thành lập từ năm 1939 để "săn sóc" kiểm tra.

Trong một bức thư được viết ra một tháng trước khi chết và đã được đăng trên báo *Izvestia* ngày 18.1.1995, giáo sư Boris Khomoutov, người đã phụ trách xác chết "lừng danh" đó trong vòng 30 năm, tiết lộ rằng "kinh nghiệm khoa học" được bàn tán khá nhiều và được các người cộng sản yêu cầu duy trì bằng mọi giá, là điều hoàn toàn vô ích. Theo giáo sư, "nếu muốn biết thực hư thì chỉ cần lột bỏ cái áo ngoài bằng cao su của 'đồ vật' đang nằm trong quách đó đi thì sẽ thấy."

Ông mô tả tỉ mỉ sự biến chất của các mô tế bào trong cơ thể của Lenin và cho biết là vào những năm 60, người ta không còn nhận diện được Lenin nữa. Ông đã báo-cáo lên các cấp thẩm quyền nhưng hoài công. Từ Iouri Andropov đến Michail Gorbatchev không một ai dám thừa nhận là "thánh thể" của cha đẻ cách mạng tháng mười đã phân hủy!

Theo yêu cầu của nhóm cộng sản trong Quốc hội, Douma sẽ bàn về dự thảo luật nhằm "bảo tồn các di vật lịch sử và văn hóa để lưu truyền hồi ức Lenin". Không phải chỉ để lưu giữ các tượng Lenin hay các viện bảo tàng mang tên Lenin mà còn tiếp tục "kinh nghiệm độc nhất vô nhị trên thế giới" là bảo quản xác chết ông ấy. Trong công việc này, nước Nga phải chi hàng năm trên 60.000 mỹ kim!

### Chưa phát hành đã chết

Cho đến bây giờ ai ai cũng nói đến đồng ECU (European Currency Unit), coi đó như là đồng tiền chung cho các nước thuộc cộng đồng châu Âu trong tương lai. Đến bây giờ đồng tiền đó vẫn chỉ là lý-thuyết. Ấy thế mà, theo tờ *Financial Times*, Đức đang vận dụng 36 thần công lực để giết chết cái tên ECU và thay vào đó một tên gọi có hơi hám Đức hơn là "Franken".

Tờ báo cho biết là dường như Bundesbank đã thuyết phục được Ủy ban châu Âu và các ngân hàng trung ương khác của Liên hiệp châu Âu phải đổi tên như vậy mới hy vọng dân Đức chấp nhận nó.

Đối với người Đức, ECU là một đồng tiền đã mất giá khoảng 40% so với đồng Đức Mã từ lúc nó được thành lập cách nay 17 năm. Thuận lợi chính yếu của đồng "Franken" là sẽ được dịch ra tiếng Pháp là "Franc" và như vậy từ này cũng làm cho người Đức liên tưởng đến tên gọi của đồng "Franc Thụy Sĩ", đồng tiền duy nhất được dân Đức coi mạnh ngang hàng đồng Đức Mã.

Ngụ ngôn ta có câu "mạnh vì gạo, bạo vì tiền". Phải chăng người ta đang đứng trên thế mạnh của đồng Đức Mã để mưu đồ thay tên đổi họ một đồng tiền lý thuyết mang màu sắc Phú Lang Sa?

### Ôi, người lính mũ xanh

Có những người lính mũ xanh không còn mũ, không còn áo giáp nhưng được cố tình cho mặc chiến bào, tay bị còng, người bị xích vào cọc sắt! Đó là hình ảnh "oai hùng" của người lính mũ xanh Liên Hợp Quốc trong những năm tháng sắp bước qua ngưỡng cửa thế kỷ 21. Anh đi gìn giữ hòa bình, thay vì thi hành nhiệm vụ cao cả do cơ chế hoàn vũ giao phó, anh lại bị những kẻ thích chơi luật rừng khát máu và háo chiến bắt bảo vệ các địa điểm gọi là chiến lược của họ! Thương cho anh và trách những ai đang chơi trò chính trị từ những cung điện cao sang.

Hình ảnh những người lính mũ xanh ngơ ngác, mất thần được các hãng truyền hình Bosnie phát đi đã nói lên sự phá sản của một chính sách, một đường lối. Người ta chưa chịu rút tỉa kinh nghiệm của bài học Việt Nam là nơi mà luật lệ và nghi thức hoàn toàn vô nghĩa đối với

những tên đồ tể chỉ biết có luật rừng. Ở chiến trường Bosnie cũng thế, Người lính mang danh "đi gìn giữ hòa bình" đã và đang bị bêu xấu để Liên Hợp Quốc bị biến thành một trò cười quốc tế. Cứ liên tiếp vừa lùi bước vừa hăm he, Liên Hợp Quốc chẳng còn lấy một chút uy tín. Một con ngáo ộp hết linh. Cơ chế nào cũng phải chuyển biến thuận chiều với thời cuộc. Sau 50 năm hiện diện phải chăng đã đến lúc cần xét lại thực lực và công dụng của nó?

## Hồ Chí Minh có vợ lậu

Qua trình bày của Bà Sophia Greenchurch tại cuộc hội thảo về khoa "Việt Nam học" ở Aix-en-Provence (miền Nam nước Pháp) thì đời công cũng như đời tư của Hồ Chí Minh có nhiều điều không minh bạch, không phải do thiếu sót của dữ kiện mà do đương sự khai man.

Bà này là một chuyên viên về "Việt Nam học" chuyên ngành lịch sử, đã từng sống ở Nam Việt Nam từ 1973 đến 1975 và học tiếng Việt Nam tại đó. Bà Greenchurch đã hoạt động tại Mạc Tư Khoa trong 6 năm liền và hiện làm việc trong ngành báo chí tại Vọng-các (Thái Lan).

Nhờ khai thác các tài liệu lưu trữ của Liên sô, bà được biết những điều như sau liên quan đến Hồ Chí Minh :

1. Khai man tuổi-tác: Hồ Chí Minh đã có thái độ bất nhất khi khai sơ yếu lý lịch. Năm 1934, Hồ khai sinh năm 1894. Đến 1938, Hồ tự cho mình trẻ thêm 9 tuổi, khai sinh năm 1903.

2. Lộn-xộn: Từ 1923 đến 1938, Hồ Chí Minh đã có nhiều vấn đề với những người lãnh đạo Quốc tế cộng sản cũng như với một số người lãnh đạo đảng Cộng sản Việt Nam. Thư của Trần Phú tố-cáo, Hồ có khuynh hướng cải lương, không hiểu giai cấp cộng sản.

3. Phản bội : Giao dịch với Lâm Đức Thu (người của Phan Bội Châu), Hồ Chí Minh có trách nhiệm trong việc công an Pháp tóm gần hết đảng viên Cộng sản hồi năm 1931.

4. Thầm lén với Nguyễn Thị Minh Khai : Khi làm "sơ yếu lý lịch" ở Mạc Tư Khoa năm 1934, bà này khai "có gia đình" và tên chồng là Lin (bí danh của Hồ Chí Minh trong thời gian ở Mạc Tư Khoa). Bằng chứng thứ hai là trong thư gởi cho Mạc Tư Khoa, văn phòng hải ngoại Quốc tế cộng sản Hương-cảng cho biết thành phần phái đoàn Việt Nam đi dự đại hội lần thứ VII Quốc tế cộng sản gồm có :

- Litvinov (bí danh Lê Hồng Phong) ;
- Quốc (Hồ Chí Minh) ;
- Cao Băng, một người ghi là vợ của Quốc ;
- 2 đảng viên của Nam Kỳ và Lào.

Bà Minh Khai là phụ nữ duy nhất trong phái đoàn Việt Nam tham dự đại hội kỳ đó.

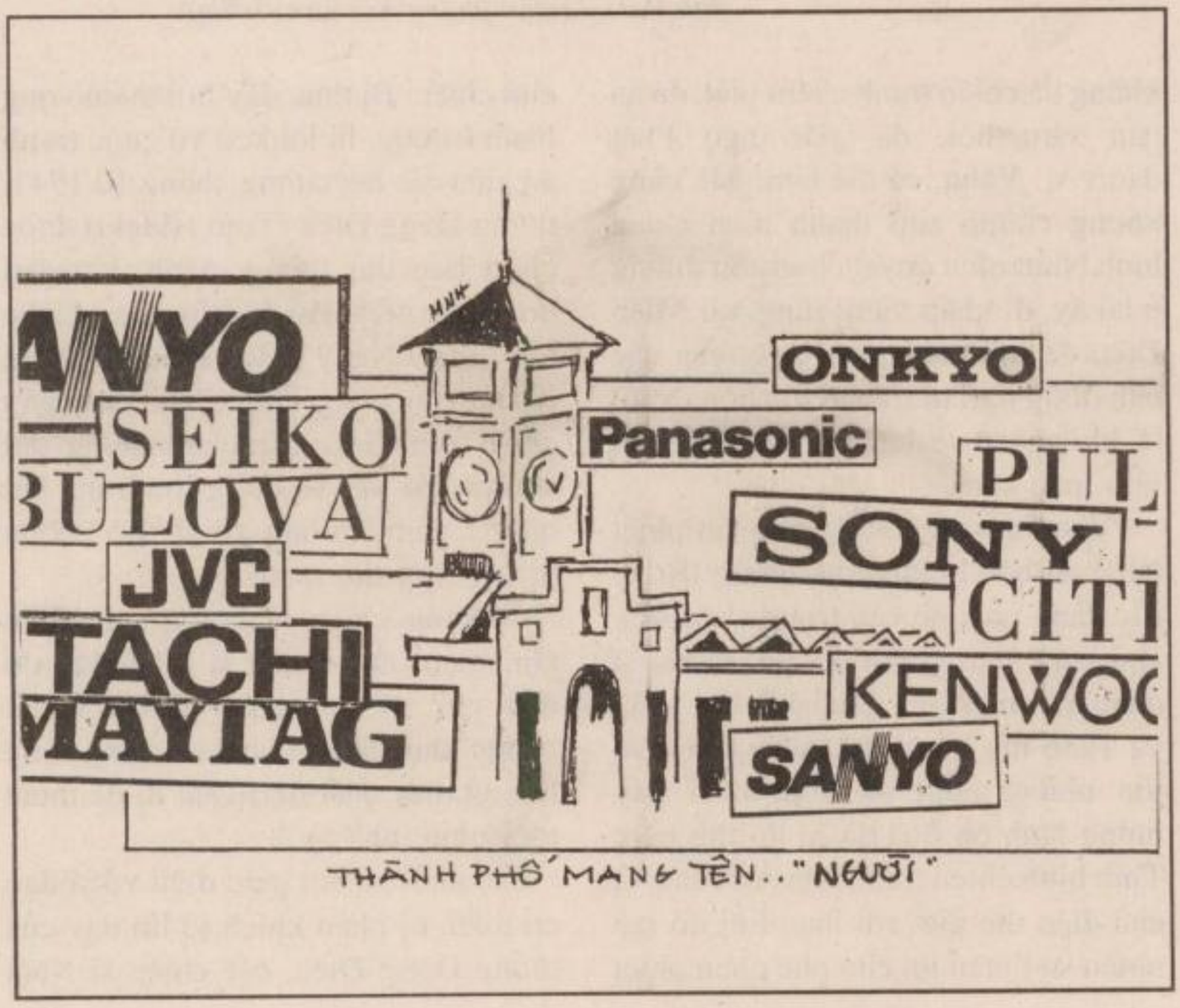
Tóm lại, những gì mà xưa nay Hà Nội nói về Hồ Chí Minh, đám con cháu cần phải xem xét lại cho kỹ.

## Vui cười trời Âu

. Một tên trộm phá cửa vào văn phòng của một công ty ở Brest (miền tây nước Pháp) chưa kịp khuân của bỗng dưng thấy tóc gáy dựng ngược vì có tiếng động rất lạ ở phòng bên cạnh. Sợ điếng hồn, anh ta bèn chụp điện thoại bấm số 17 gọi ...cảnh sát cấp cứu. Cảnh sát đến. Tên trộm bị mời về bót ! Thì ra anh này vốn có tài mở khóa nhưng vốn yếu tim và hay sợ ma.

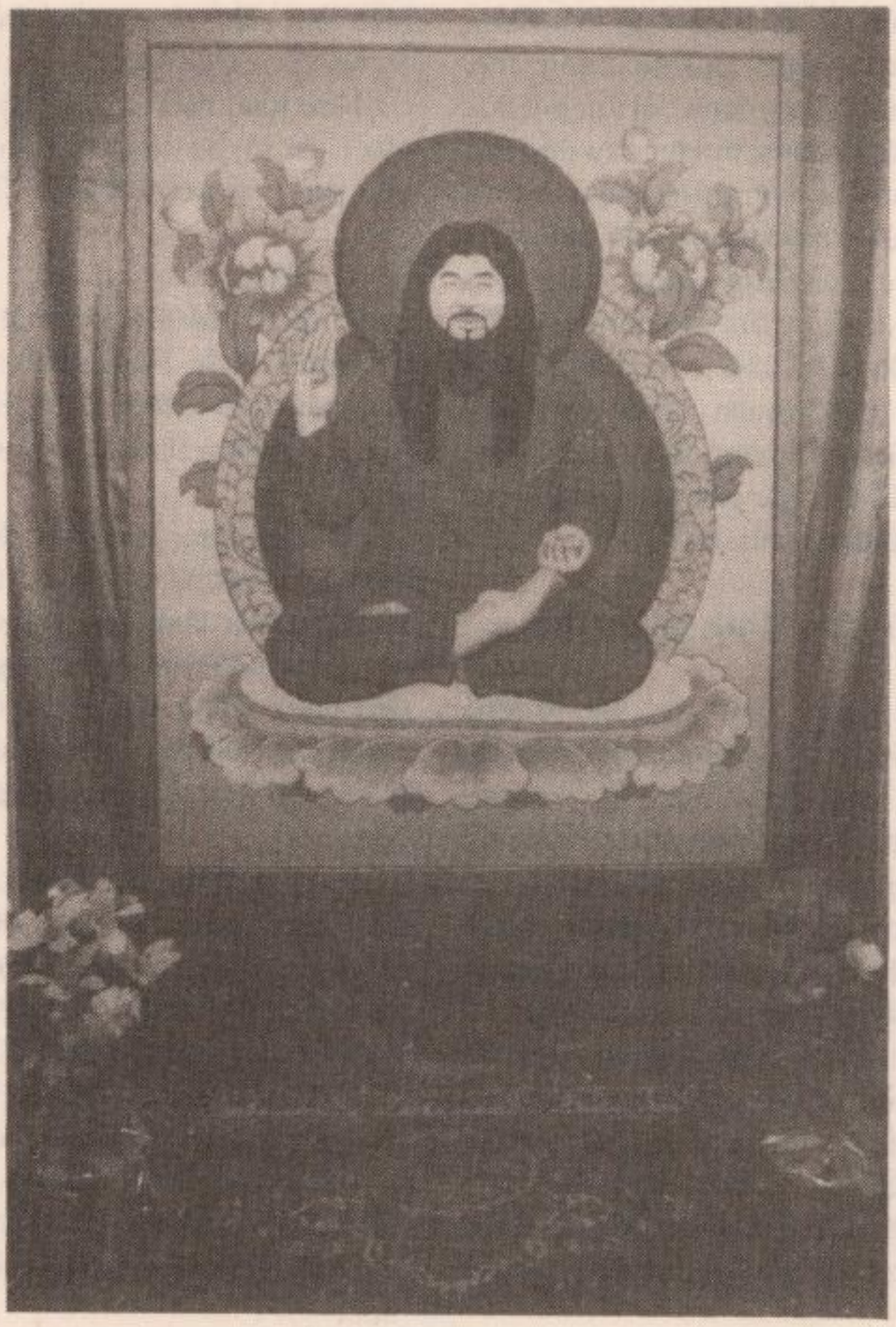
. Trong năm 1994, số người đàn ông nước Anh gọi cấp cứu nhiều hơn phụ nữ. Theo thống kê của Samaritains, một công ty chuyên tiếp cứu người lâm nạn, trong năm này đã có 1.210.000 đấng mày râu cất tiếng kêu ci ới, nhiều hơn phái đẹp tới ...10.000 lần ! Tỷ lệ gia tăng này cũng tương đương với số lần tự tử của các bậc "trượng phu". Động cơ thúc đẩy là rượu, cần sa ma túy, thất nghiệp và trục-trặc trong mối giao-du.

. Hoàng gia Tây Ban Nha phản đối và hăm đưa báo *"Novella 2000"* ra tòa vì tạp chí này đăng ảnh nhà vua Juan Carlos đang "diện bộ cánh Adam" phơi nắng trên du thuyền "Fortuna". Tạp chí này chắc nguy to đến nơi vì đã cả gan đem "của quí" triều đình phơi bày trước ánh sáng. ●



# *phù-tang tạp-lục*

## Vi An



*Ảnh thờ của đạo khùng Asahara ở Nhật*

### Cây đờn Miến Điện

Trong cuốn phim *Cây đờn Miến Điện* trình chiếu cho công chúng Nhựt thưởng lãm cách đây hơn 10 năm, có cảnh một tù binh Nhựt trẻ tuổi, đầu cạo trọc, khoác áo cà sa vàng, trên vai anh đậu một con vẹt xanh, tay cầm cây đờn Miến Điện, đứng giữa làn mưa sương, gảy tứng từng tưng bài *Sayonara* giã từ chiến hữu. Mặc cho các bạn đồng đội - các tù binh chiến tranh Nhựt - đứng trong sân trại tù, sau hàng rào kẽm gai kêu gọi, thiết tha xin anh hãy trở lại cùng họ, chờ đợi một ngày được trả về cố quận. Nhưng, đáp lại những ánh mắt nài nỉ, những tiếng kêu gào khuyên lơn ấy, anh cựu chiến binh đã qui y Phật nọ im lặng quay lưng bước đi và khuất dần trong làn sương mờ ảo, chỉ còn vẳng lại tiếng đờn tha thiết của anh thôi. Các cựu chiến hữu của anh đực mặt ra, nước mắt đoanh tròng; hơn ai hết, họ hiểu rằng anh đờn sĩ Miến Điện gốc Nhựt Bổn ấy tự coi mình như đã chết.

Truyện phim trình bày một người không ưa chiến tranh chém giết, đã ăn năn sám hối, đã giác ngộ Phật đạo.v.v.. Vâng, có thể lắm! Mà cũng không chừng anh thanh niên chiến binh Nhựt nhứt quyết chọn con đường ở lại ấy, đi khắp vùng rừng núi Miến Điện để thu nhặt xương cốt của các bạn đồng ngũ tử trận đem chôn cất tử tế, không trở về đất Phù Tang nữa chỉ vì... mặc cảm.

Vào thập niên 30, giới quân phiệt Nhật đã bộc lộ khuynh hướng lấn áp các đảng phái bồ câu trong quốc hội. Hai cuộc đảo chính do các nhóm sĩ quan trẻ quá khích tiến hành hồi 1932 và 1936 tuy bất thành nhưng một số lớn những lãnh tụ đảng phái hay tướng lãnh ôn hoà đã bị họ thủ tiêu. Tình hình chiến tranh bên Âu châu và cục diện thế giới rối loạn hồi đó tạo nhiều sự thuận lợi cho phe quân phiệt chủ chiến. Bị thúc đẩy bởi tham vọng bành trướng, bị lôi kéo vô cuộc tranh ăn giữa các liệt cường, tháng 10.1941, tướng Đông Điều (Tojo Hideki) được chọn làm thủ tướng, đánh dấu giai đoạn phe diều hâu đắc thắng tại Quốc hội Nhật. Ngày 7.12, Phát-xít Nhật bất ngờ tấn công Trân Châu Cảng gây chiến tranh Thái Bình Dương kéo dài 4 năm với Mỹ và đồng minh mà kết quả là đám "cuồng võ sĩ đạo" Nhật bị bại trận thê thảm.

Những cuốn sách dạy các điều tâm niệm cho chiến sĩ Nhật lúc đó đều ghi rõ lời tướng Đông Điều: "Sống nhục làm tù binh thì đừng sống làm gì, hãy chết đi, tự sát đi để thoát mối nhục nhã ấy".

Bị nhồi sọ bởi giáo điều võ sĩ đạo cổ điển, bị phẫn khích vì lời dạy của tướng Đông Điều, các chiến sĩ Nhật

rắp tâm ra chiến trường tìm cái chết. Họ chiến đấu rất hăng, quyết tử để phục vụ một cách ngu xuẩn cho chế độ Phát-xít, để rồi khi thất thế, sa vào tay địch quân, bị bắt làm tù binh, vì chưa chết được nên tất cả bọn họ đều cảm thấy tự sỉ nhục. Mang nặng mặc cảm hèn nhục này, sau khi bại trận, nhiều sĩ quan, binh sĩ Nhật tự sát, lắm kẻ trốn lánh, sống thui thủi trên các đảo hoang ở Phi Luật Tân hàng mấy chục năm trời. Hơn 600 ngàn tù binh Nhật bị Nga sô lùa vào những lò cưỡng bách lao động ở Tây Bá Lợi Á; khoảng 40 ngàn chết vì bị đày ải, bệnh tật. Nhưng cho đến ngày nay, vẫn còn một số không ít những tù binh Nhật xin ở lại Nga, họ sẽ chết già và gởi nắm xương tàn nơi đất khách chứ không muốn trở về quê hương nữa. Mỉa mai thay, kẻ đã bơm vào tim óc binh sĩ dưới quyền những lời "dạy dỗ vàng ngọc" ấy - tướng Đông Điều - lại chịu... ủ tờ dưới tay quân đội Đồng Minh cho tới hơn 3 năm sau ngày đại bại. Toà án Tokyo đã tuyên án 25 đại tội phạm chiến tranh Nhật, trong danh sách 7 kẻ trọng tội bị treo cổ năm 1948, tên tướng Đông Điều sắp hàng đầu.

**Cuộc vượt ngục vĩ đại**

Ngày 4 tháng 8 năm 1944, Thiếu tá Robert Ramsay, trưởng trại Cowra B - một trại tập trung nằm cách Sydney, Úc đại lợi 280 cây số về phía tây, dùng để giam giữ tù binh Nhật - cho mời ban đại diện trại lên văn phòng. Tin tức về việc chuyển các tù binh cấp bực sĩ quan sang trại khác đặng lấy chỗ cho đợt tù binh sắp tới đã gây khủng hoảng trong nội bộ tù binh Nhật. Trại Cowra B lúc đó nhốt khoảng 1100 tù binh, vừa lính vừa sĩ quan. Dù trong tù, lính Nhật vẫn giữ tinh thần tôn trọng tuyệt đối mệnh lệnh của cấp trên, dù là lệnh xuẩn động đi nữa. Họ là những con vật tế thần của bọn cuồng võ sĩ đạo. Họ bị tuyên truyền tẩy não nặng nề đến nỗi hơn 50 năm sau, một chứng nhân, cựu tù binh Moriki giờ đã 76 tuổi, kể lại: "Hệt như mọi tù binh Nhật khác, tôi tự cảm thấy cực kỳ xấu hổ và nhục nhã. Kể từ giây phút bị bắt làm tù binh, tôi luôn luôn nghĩ tìm cách tự tử". Vì mang nặng mặc cảm nên hầu hết các tù binh Nhật đều khai láo về tên tuổi, quê quán mình. Cựu tù Kanazawa, cấp bậc thượng sĩ thuộc ban đại diện trại, tâm sự: "Bọn tôi không hề muốn cho gia đình biết tin, không một ai muốn gởi và nhận thư. Bọn tôi là những kẻ đã chết rồi đối với gia đình và tổ quốc. Về sau này, lúc nghe kể rằng những tù binh chiến tranh người Mỹ và Úc bị giữ trong trại Nhật yêu cầu được gởi tên tuổi họ về cho gia đình báo tin họ còn sống, bọn tôi hết sức kinh ngạc và xúc động".

Những kẻ sống mà như đã chết rồi ấy chỉ đợi chờ các dịp... tốt như lệnh chuyển trại trên để có lý do tự sát tập thể. Chỉ nội đêm hôm đó, theo lệnh cấp chỉ huy, toàn bộ 1100 tù binh Nhật nhất tề tham gia cuộc vượt ngục vì ngoài tinh thần Samurai cổ võ cho cái chết, họ còn tin chắc rằng ít lâu nữa họ cũng bị đem ra xử bắn giống như số phận của các tù binh đồng minh lọt vào tay quân đội Nhật.

1 giờ 45 sáng 5.8.44, tù binh Nhật thuộc trại Cowra B nổi loạn, giết chết 4 lính gác và hè nhau ùa ra cổng trại giữa lúc toàn trại báo động. Đạn từ nòng súng của các toán lính Úc canh tù thi nhau tưới như mưa vào sân trại nhằm ngăn cản sự đào thoát của đám tù binh đang lên cơn. Cựu tù binh Moriki cho biết: "Khi bạo loạn xảy ra, tôi phóng như bay ra cổng, nhưng rồi theo bản năng, tôi... thụt lùi lại và nấp dưới rãnh nước".

Số tù binh Nhật đào thoát được khuya hôm 4.8 khoảng 334 người, nhưng trốn đi đâu được giữa một địa phương phong thổ lạ lẫm, thảo nguyên bao la, sa mạc mênh mông? Tuyệt vọng, đôi nhóm tù binh Nhật rủ nhau treo cổ lên cây tự ải; nhiều kẻ khác mò ra tuyến đường rầy Cowra - Blayney nằm phơi người cho xe lửa cán. 9 ngày sau, những kẻ trốn lánh cuối cùng cũng bị dẫn độ về lại trại, trong đó có cả Kanazawa, một trong những tay đầu sỏ chủ mưu. Phải mất 20 năm sau, chính phủ Nhật mới thu thập được đầy đủ chi tiết về cuộc vượt ngục vĩ đại nhất Thế chiến II này. Riêng ở ùc, vì những nguyên do gì không rõ, bí mật về cuộc tự sát tập thể bằng âm mưu vượt trại của tù binh Nhật ở Cowra B hơn 30 năm sau đó mới được bật mí. Tổng cộng có 231 tù binh Nhật đã bỏ mạng trong vụ nổi loạn trên.

Nửa thế kỷ trôi qua, ngày xảy ra cuộc vượt ngục vĩ đại đã trở thành ngày lễ kỷ niệm cho những người còn sống sót trong cuộc. Họ đã kéo nhau về thị trấn Cowra; kẻ từng là tù nhân, người từng là cai ngục, gặp nhau tay bắt mặt mừng. Biên giới, dĩ nhiên vẫn còn, nhưng chiến tuyến không còn nữa. Cựu tù binh Moriki thân thiện bắt tay cựu cai tù Mc Kenzie, 78 tuổi, lúc họ đứng giữa sân trại tù binh xưa: "Tụi mình giờ đã trở nên bằng hữu, tôi yêu thích vùng Cowra như quê hương thứ hai của tôi vậy". Mc Kenzie cười khoe hàm móm: "Ừa, tôi cũng rất đỗi vui mừng vì ngày xưa tụi tôi đã tha, không... xử bắn mấy tay cầm đầu vụ vượt ngục".

Hàng năm, có chừng 130 ngàn du khách Nhật đến thăm Úc châu. Họ không quên ghé thị trấn Cowra bé nhỏ, dừng chân trước cổng trại Cowra B, nơi vẫn được bảo tồn như một nhắc nhở trang sử đen ngòm mà cha ông họ khi xưa đã hăng hái viết.

**"Đường Kách Mệnh" À-um**

Sau khi sa lưới luật pháp hôm 16.5, À-um giáo chủ giữ "quyền im lặng" không chịu khai gì cả. Luật sư riêng của À-um cho biết Asahara chỉ quan tâm đến vợ con và bản thân y thôi. Trong một lần tiếp xúc tại phòng tạm giam, giáo chủ đã than thở: "Xin ông luật sư... "kíu" tôi với! Oan cho tôi lắm ông ơi! Ôi, mai này đời tôi sẽ ra sao?"

Nản lòng vì thấy sư phụ hiện nguyên hình là một gã ma đầu thâm độc và hèn hạ, lại chẳng "bay" được gì hết (y núp như con cóc ngồi trong cái hốc rồi để cảnh sát còng tay), một số tín đồ À-um tỉnh ngộ, quyết ly khai

ma giáo. Một số khác vẫn bám trụ, ở lì tại các động À-um, phần thì họ bị "lậm bùa", phần gì gia sản đã cúng hết rồi, còn biết "đi về đâu hỡi em" được nữa? Đám dư đảng À-um rán quậy một cú chót để "rửa hận" cho sư phụ: Một bưu kiện được gửi tới toà Đô sảnh Tokyo, vì ông Đô trưởng vắng mặt nên ông phụ tá mở ra coi, loay hoay làm sao, nó nổ một cái bùm, văng hết mấy ngón tay ông này! Qua những cuộc điều tra mới nhất dựa trên các buổi hỏi cung và lời thú tội của một số chức sắc Chơn Lý giáo, quả là bọn cuồng giáo này chẳng oan tí nào: Vụ hơi độc kỳ bí ở thị xã Matsumoto giết hại 7 người dân là do một toán sát thủ À-um; vụ một công chức ở Tokyo khuyên em gái bỏ đạo và không chịu nộp hết gia tài cho À-um đã bị toán an ninh của ma giáo bắt cóc và đè ra chích thuốc nói sự thật khiến họ chết quay đơ. Hôm 14 tháng 6, thêm một vụ án mạng rùng rợn khác được khui ra, giúp cảnh sát biết rõ hơn về cách thủ tiêu xác các nạn nhân của ma giáo À-um. Vì khám phá ra một số hành vi bất nhân của ma giáo, dược sĩ Ochida làm việc trong sở Dược phẩm À-um bèn bỏ trốn và bị bắt lại hồi tháng giêng 94. Trước sự chứng kiến của 10 chức sắc, Asahara ra lệnh cho một tên tà lọt đập chết tươi tay dược sĩ xấu số này. Xác Ochida cũng như xác nhiều kẻ khác bị băm nhỏ, đốt ra tro hay bỏ vô máy nghiền nát. Sáng 15 tháng 6, Tổng giám đốc Cảnh sát Nhật, ông Kuni Matsu xuất viện, đi... khập khiễng đến phòng họp báo: một nhóm 7 tín đồ À-um đã hè nhau mưu sát ông... Tội ác lòi ra chất chồng, ngày càng thêm dày bản cáo trạng dùng để truy tố bọn ma giáo À-um.

Hiện nhà chức trách Nhật đang cố tìm thêm chứng cớ về chuyện Bộ trưởng Khoa học À-um bị một tay anh chị đâm chết. Có kẻ đã mướn tay anh chị này với giá 200 ngàn đô (trả trước 10 ngàn) để giết Murai (tức... Văn Thù Sư Lợi À-um. Có lẽ "Văn Thù Sư Lợi" bị mần thịt để diệt khẩu vì đã lỡ biết quá rõ, quá nhiều về "con đường kách mệnh À-um".

Số là thành lập và củng cố các cơ sở "Chân lý giáo À-um" xong, năm 1990, Asahara với tham vọng làm chính khách đã bon chen ứng cử dân biểu Hạ viện. Bị rớt đài cái ạch với một số phiếu ít thê thảm chưa từng có: chỉ được 1700 phiếu, tốn kém bao nhiêu tiền của lại bị mất mặt bầu cua nên kể từ đó Asahara đêm ngày nghiền ngẫm cách gỡ vốn. Muốn mau giàu chỉ còn cách buôn thần bán thánh, muốn làm bá chủ võ lâm chỉ còn nước mánh mung một cuộc "kách mệnh À-um". Tìm ra "chơn lý" rồi, Asahara kéo bầy đệ tử đi hành hương đất Phật Bodhgaya ở Ấn. Tại đây, y mon men tới gần tấm thạch bàn tục truyền xưa kia Phật Thích Ca từng ngồi, và... kê đít ngồi lên rồi ngửa mặt lên trời cười thống khoái: "Hê hê... ta là Phật đây!" Lũ đệ tử À-um kẻ đánh trống, đứa thổi kèn cổ súy và tung hô rần rật: "À-um giáo chủ oai trấn giang hồ! À-um sư tổ sống mãi trong quần chúng ta (Banzai)!" Ngứa mắt trước hành vi mất dạy của Asahara, cảnh binh Ấn Độ gác quanh đấy xúm vào lôi y xuống. (Hiện nay, thạch bàn và gốc bồ đề Phật ngồi ở Bodhgaya đã được rào lại cẩn thận).

Cuồng vọng của tên ma đầu bộc lộ rõ nơi lời tuyên bố cùng năm 90: "À-um Chân lý giáo sẽ trở thành tôn giáo độc tôn trên thế giới, bất chấp sự cản trở của chính quyền và xã hội". Tiếp đến là lời tiên tri năm 1993: "Thế chiến 3 chắc chắn sẽ xảy tới". Đầu tháng giêng 1995, đài Tiếng nói À-um lại loan thêm tin giựt gân: "Khoảng cuối năm 95 này, Nhật Bản sẽ có lắm sự thay đổi khủng khiếp dẫn đến chiến tranh hoá học và tận thế".

Để những lời "tiên tri" tào lao ấy sớm được linh ứng, Asahara gắng sức chiêu binh tuyển tướng. Vì quá cần tiền mua máy móc chế vũ khí, chất độc, y bóc lột tín đồ không thương tiếc: Hàng trăm tín đồ giàu có giờ vẫn còn được ghi nhận là mất tích, chưa kể một lô những giấy khai tử đầy bí mật mà người ta tìm thấy nơi bệnh viện À-um: Tín đồ X, Y, Z... chết vì tăng-xông, đau tim.v.v.. Có trường hợp một bà lão nọ moi hết tiền mặt, cỡ 6 triệu mỹ kim, nộp tận tay cho giáo chủ xong, bị chở vào động À-um để "lãnh thưởng" một mũi thuốc tiên (cảnh sát cho biết đó là ma túy LSD gây ảo giác do À-um điều chế). Đang cơn ngất ngư thì bị một lũ À-um đè đầu xuống trấn nước nóng trong bồn tắm khiến bà lão tội nghiệp đó chết ngắc. Theo di chúc để lại (bị ép viết khi say thuốc), bọn sát nhân vét nốt một mớ bất động sản, gia tài còn lại của nạn nhân! Sở dĩ bọn đệ tử À-um ra tay dã man như vậy bởi đã lậm ma thuyết của Asahara: Làm chuyện ác độc nhưng có lợi cho giáo phái vẫn được hưởng... công đức vô lượng. Những kẻ nạp tiền hay chết dưới tay À-um là để giúp họ "trả nghiệp" cho nhẹ tội quá khứ vô lượng kiếp. Nhờ đã "cúng dường tài sản và tánh mạng" cho À-um, họ sẽ được lên... thiên đàng.

Tháng 2 năm ngoái, dẫn 85 đệ tử sang Tàu viếng và tặng tiền tu sửa mộ Chu Nguyên Chương, vị vua khai sáng nhà Minh. Về, Asahara tuyên bố: "À-um giáo rất phục Minh thái tổ, một nhà sư hoàn tục, lật đổ chính quyền cũ để dựng nên một triều đại lẫy lừng lịch sử. Sau Thế chiến 3, À-um giáo sẽ sống sót, mở ra một tân triều tồn tại hơn 1000 năm".

Mưu đồ của Asahara cực kỳ hiểm độc: y âm thầm chế tạo chất hơi độc Sarin; hễ chế được nhiều, y sẽ sai thuộc hạ đem đi thả tùm lum mọi chỗ cho dân chúng chết bớt. Rồi đến khi thiên hạ "mười phần chết bảy còn ba" (tức chỉ còn "ba thằng À-um"), ma đầu giáo chủ sẽ lợi dụng cơ hội đại loạn, lòng dân lo sợ, phải ngả theo À-um giáo bởi thấy tiên tri đúng quá. Lúc đó Asahara sẽ ra tay "cướp chính quyền" và phát động một cuộc thánh chiến "chống Mỹ cứu nước À-um". Lẽ tất nhiên, cảnh:

*O À-um nhỏ giương cao súng,*
*Thằng Mỹ lênh khênh bước cúi đầu*

bắt buộc phải diễn ra theo sự tiên đoán hay ho của Asahara, Mỹ sẽ thua to là cái chắc! Một đế quốc À-um vĩ đại trải dài từ xứ mặt trời mọc đến xứ mặt trời lặn được thành hình, Asahara sẽ lưu tên tuổi trong biên niên sử như

một vị À-um Thủy hoàng thánh đế.

À-um giáo gài người vào quân đội Tự vệ Nhật, Bọn này đã cùng Bộ trưởng Tình báo Inoue đột nhập một cơ sở chế vũ khí của hãng Mitsubishi ăn cắp tài liệu vũ khí bí mật. Cũng do bọn này báo trước ngày giờ cảnh sát hành quân nên Asahara đã đốt bớt một mớ giấy tờ về "kế hoạch đường kách mệnh" và ẩn nấp kỹ vào lần bố ráp hồi tháng ba. Trong cuốn sổ ghi chép của Bộ trưởng Xây dựng À-um (tức Hayakama 45 tuổi, kẻ đã thiết kế cơ sở số 7, lò chế tạo Sarin với kinh phí 10 triệu đô mỹ), có liệt kê đầy đủ chương trình mua vũ khí, đầu đạn nguyên tử, xe tăng phản lực từ Nga. Đặc biệt, cảnh sát Nhật còn tìm ra một hàng chữ gạch dưới đậm nét, đề rõ: "Tháng 11 năm 1995: chiến tranh".

Hồi giữa tháng 4, cuộc giải cứu 53 đứa trẻ bị "úm" tại động À-um đã gây kinh ngạc lẫn phẫn nộ về phía dân chúng đối với đạo À-um. Cảnh tượng lũ trẻ cố vùng vẫy, giẫy thoát khỏi tay cảnh sát để chạy về lại động ma giáo giữa những tiếng gào khóc thê lương của đám tín đồ À-um cho thấy lũ nhỏ đã bị tẩy não quá nặng. Thật vậy, dù đã được vào chăm sóc tại một trung tâm giáo dục của chính quyền, có nhiều đứa trẻ cả tháng sau vẫn không chịu cởi bỏ mũ điện tử và quyết... ở dơ không chịu tắm! Mục đích của loại mũ điện tử do À-um chế tạo là kích thích một số huyệt mạch nơi đầu, tạo cảm giác tê tê nơi não bộ mà họ cho rằng sẽ giúp người đeo "tẩy trược" đặng có thể đạt được cùng một tần số rung động tột cao, dễ bắt được "sóng tư tưởng cao siêu" của giáo chủ. Bọn trẻ này được nuôi thiếu dinh dưỡng nên đứa nào cũng nhỏ, vóc chỉ bằng một đứa trẻ bình thường kém chúng vài ba tuổi. Đa số chỉ được học đủ biết đọc biết viết, các môn khác không được học hay chỉ học rất sơ sài, sai lạc. Một ngày chúng bị buộc phải học tập giáo lý À-um trên 10 tiếng đồng hồ và bị ép coi phim tuyên truyền cùng nghe nhạc À-um, cộng thêm lối ăn ở dơ bẩn vì bị cấm tắm. Các nhà giáo dục À-um giải thích, họ muốn đào tạo một lớp "thánh nhân". May thay, giữa khi đám "thánh nhân tương lai" ấy còn đang trên quá trình tiến lên "đỉnh cao trí tuệ loài người" tức từ người... xuống vượn thì nhân cuộc bố ráp À-um, bèn được giải thoát. Nhưng cho đến nay, sau cả hai tháng trời tận tâm giải độc, những nhà giáo dục chuyên môn của trung tâm cải huấn cho biết, phần lớn đám trẻ trên vẫn không thích ra ngoài trời vì "Thế giới bên ngoài hoàn toàn ngập hơi độc, kẻ thù nguy hiểm ở khắp nơi". Hễ coi ti-vi thấy phi cơ hay trực thăng là chúng kêu ầm lên sợ hãi: "Gas độc! Máy bay Mỹ thả gas độc!" Cách nhồi sọ, bơm vào tim óc chúng lòng "căm thù đế quốc Mỹ" của nhóm À-um hết sức tinh vi và dã man hiểm độc. Những... quái nhân như thế, khi lớn lên không thể không trở thành một mối nguy cơ cho nhân quần xã hội.

"Đường kách mệnh À-um" mà ma đầu giáo chủ dẫn một lũ đệ tử cuồng tín vừa đi qua, đạp lên bao nhiêu sinh mạng dân lành vô tội, tuy lẩy bẩy như "Cao Biền dậy non" nhưng nó đã gây biết bao tốn kém cho ngân quĩ nhà nước Nhật, gây bất an cho xã hội Nhật nói riêng cũng như làm rúng động cả thế giới nói chung trước viễn ảnh đen tối của những vụ khủng bố bằng các hơi độc tương tự sau này. Khi đã gom đầy đủ hồ sơ tội ác, Asahara cùng đồng bọn sẽ phải ra toà. Nhiều nhà quan sát cho rằng, chắc chắc đám đầu nậu À-um khó thoát án tử hình. Luật pháp Nhật cho đến nay vẫn còn áp dụng một hình phạt rất rùng rợn cho can phạm tử hình, đó là: treo cổ. Tuy nhiên, tất cả những hình phạt xét cho cùng vẫn chỉ là biện pháp ngoài da. Với đà suy thoái đạo đức, luân lý; với con sóng sa đoạ và băng hoại của xã hội hiện đại, dù có treo cổ hay xử bắn một tên ma đầu này, sẽ lại có cả trăm tên khác xuất hiện gây sóng gió giang hồ cho ứng nghiệm với lời Kinh Thánh: "Thây ở đâu diều hâu ở đó" và lời Kinh Phật: "Khoảng 2500 năm sau khi Phật diệt độ sẽ là thời mạt pháp". ●



# *tin văn*
# *xứ người*

## Nguyễn Nhạn Sơn



### Tiểu phú do cần

Chắc có bạn ngạc nhiên. Tại sao nói chuyện văn chương chữ nghĩa, mà lại có vụ "làm giàu" ở đây? Nhưng có đấy, các bạn. Vì đây là chuyện của người ta, chứ không phải là chuyện của mình.

Trong một bài *Tin Văn* trước đây, khi đề cập tới 2 cuốn *Gone With The Wind* và *Scarlett*, tôi có nói qua về quyền lợi vật chất của tác giả 2 cuốn ấy. Đặc biệt tác giả Alexandra Ripley đã được trên 3 triệu tiền tác quyền. Đối với chúng ta, thì với 3 triệu Mỹ kim đã là "đại phú" rồi, phải không? Mà đại phú thì "do thiên". Tôi tin như vậy. Vì, nếu không có "ý trời" trong đó, chỉ dựa vào tài năng không thôi, thì đã chắc đâu nữ tiểu thuyết gia Ripley lãnh được việc viết cuốn *Tục Cuốn Theo Chiều Gió*.

Nhưng đại phú trong lãnh vực văn chương nghệ thuật thì hiếm lắm. Chỉ nên nghĩ đến tiểu phú thôi. Tuy vậy, mỗi khi muốn làm thống kê, cũng phải thận trọng: Viết, vẽ... có phải là nghề "tay phải" của đương sự không? Hay nhà văn, họa sĩ ấy kiếm sống, hoặc "làm giàu nhỏ" bằng cách khác?

Sau đây, tôi xin kể cho các bạn nghe hai trường hợp, một tiêu cực, một tích cực, đều xảy ra tại Canada.

Hồi gia đình mới định cư ở Winnipeg, muốn hiểu tình hình nơi cư trú, tôi thường đọc một nhật báo địa phương tên là *Winnipeg Free Press*. Tờ này có cái lệ là cứ đến ngày thứ bảy thì ra một tập thật dày, gồm nhiều lãnh vực, có khi có cả nhận định về văn học nữa. Khoảng đầu 1993, trong mục "văn học", tôi đọc được một bài phóng sự ngắn, không nhớ do ai viết, tên đương sự được viết tắt, nhưng nội dung, thì tôi vẫn còn nhớ rõ. Câu chuyện như thế này: Một cô gái người Canada, ngoài 20 tuổi, vừa tốt nghiệp sư phạm được bổ đi dạy nhưng không đi, để theo học một khóa viết văn. Sau khi học xong, cô dành trọn một năm để viết một cuốn tiểu thuyết. Bài phóng sự không ghi tựa cuốn sách, nhưng có nói rõ nội dung: Nguyện vọng của những cô gái trẻ muốn tự lập. Ban đầu, không nhà xuất bản nào nhận, nhưng sau, nhờ có người quen (thầy dạy viết văn) nói giúp, nên có một chỗ nhận. Thế là cô gái có tác phẩm được xuất bản, đúng như mong ước. Nhưng về quyền lợi, thì cô chỉ được hơn 1.000 đồng. Bà mẹ khuyên cô xin đi dạy, nhưng cô phân vân. Không biết cô có tính viết cuốn thứ hai không.

Câu chuyện thật ra chẳng có gì đáng, nhưng tôi nhớ mãi. Lý do là đồng bệnh tương lân. Dạo ấy, tôi cũng bắt đầu viết báo, mà viết báo cho Tây, mới ghê! Nhưng bài nào gởi cho *Winnipeg Free Press* thì cũng bị đưa vào mục *Letters* hoặc *Reader's Forum* là hai mục không có nhuận bút. Còn chuyện khôi hài gởi cho *Reader's Digest* của Mỹ, cũng như của Canada, thì không được đăng. Giấc mơ kiếm tiền bằng loại *"job"* không cần *"apply"* và không qua *"interview"* này, coi bộ "khó thành hiện thực", nên ít lâu sau, tôi bỏ.

Nhưng không phải lúc nào vận

may cũng không đãi ngộ văn nhân, nghệ sĩ. Các bạn nghe chuyện này, sẽ thấy câu "tiểu phú do cần" cũng có thể ứng dụng cho nghệ thuật nữa.

Bà Veselina Tomova là người Bảo-gia-lợi. Nghề của bà là vẽ tranh minh họa cho sách báo. Cách đây 5 năm, bà rời bỏ xứ sở, sang Canada, định cư ở thành phố Gander, Newfoundland. Khi mới đến, Tomova không nói được tiếng Anh, hành trang chỉ gồm một cái túi đựng một ít quần áo cho bà và đứa con trai 3 tuổi tên Nickolai, và 200 đồng.

Nhưng bây giờ, Tomova là một họa sĩ có cuộc sống rất vững vàng tại St. John's (thủ phủ của Newfoundland). Trong mấy năm gần đây, bà đã lãnh vẽ minh họa cho nhiều cuốn sách dành cho thiếu nhi, nhất là những cuốn được giải thưởng. Thù lao cũng khá. Bà lại cộng tác với một họa sĩ đồng hương, Vessela Brakalova, mở một cơ sở vẽ mẫu quần áo và vải hoa, làm ăn khá phát đạt. Tomova nói: "Cuộc sống vật chất của mẹ con tôi hiện giờ rất dễ chịu. Nhưng trước đây thì khác."

Hỏi tại sao rời bỏ Bảo-gia-lợi, Tomova nói: "Sống ở đó, tôi chẳng thấy được chút tương lai gì cho tôi và cho con tôi hết cả."

Tomova kể: Sau khi mãn khóa tiếng Anh, bà nghĩ ngay đến việc kiếm sống bằng nghề vẽ. Vận may đã tới, khi bà bước vào hiệu sách *Breakwater Books* ở St. John's. Bà đem giấy tờ đến trình cho họ biết bà đã từng là họa sĩ hồi còn ở quê nhà, may gặp lúc họ đang tìm một người vẽ minh họa cho một cuốn sách thiếu nhi của Al Pittman. Thế là bà có việc làm.

Sau cuốn *On a Wing and a Wish* của Pittman, bà được giao minh họa nhiều tác phẩm khác, trong đó có cuốn sách giáo khoa *The Atlantic Edge*. Rồi tiếng lành đồn xa, một nhà xuất bản ở Winnipeg nhờ bà vẽ cho cuốn *A Dozen Silk Diapers* của Melissa Kajpust. Cuốn sách này đã được tuần báo *Publishers* và phụ trang của văn chương của tờ *New York Times* hết lời khen ngợi; đồng thời cũng được giải thưởng "sách vẽ đẹp nhất" của Hiệp Hội Các Nhà Xuất Bản tỉnh Manitoba, dành cho sách thiếu nhi.

Mặc dù thường xuyên được đặt vẽ sách, và có cả 20 cuốn có tác quyền minh họa ở Âu Châu, Tomova vẫn không đủ tiêu. Bà than thở: "Tạo nên một cuốn sách hình cho trẻ con dày chừng 32 trang, phải mất rất nhiều ngày giờ. Nhưng tiền bạc thì chẳng bao nhiêu. Vậy cho nên tôi phải tìm thêm việc khác".

Tomova dựng cơ sở *Vis à Vis*, khoảng 1993 có Brakalova cộng tác. Với cơ sở này, bà tìm được nhiều công việc, và cũng phát triển được nhiều kỹ năng mới.

Khi có người hỏi làm thế nào có thể kết hợp công việc nghệ thuật với công việc thương mại, Tomova nói: "Có nhiều người nghĩ rằng không thể cùng một lúc làm hai công việc ấy một cách êm đẹp được. Nhưng sự thật, tôi đã làm được. Tôi cũng cảm thấy như mọi người là ở Canada, có cái khác nhau rất lớn giữa những gì "đẹp" và những gì "ra tiền". Tôi cũng đồng ý rằng làm một nghệ sĩ thuần túy có nghĩa là chết đói. Nhưng tôi không nghĩ như một số người, là làm thương mại là "bán linh hồn", hay một cái gì tương tự như thế. Bạn là họa sĩ, bạn là người sáng tạo, bạn có thể làm bất kỳ công việc gì trong năng khiếu và sở thích của bạn. Bạn làm việc cho khách hàng, mà cũng làm việc cho chính bạn. Vẽ để kiếm tiền, bán những bức họa lấy tiền tạo tiện nghi cho cuộc sống, không phải là "thỏa hiệp" gì hết. Chỉ là tạo những ràng buộc tích cực giữa nghệ thuật và sinh sống".

*

* *

Chúng ta đã được đọc nhiều cuốn tiểu sử đáng đọc, của các bậc anh hùng, cũng như của những văn nhân, nghệ sĩ lừng danh. Nhưng với những cuốn ấy, thì chỉ đọc cho vui, chứ không mong gì bắt chước. Ai mà bắt chước Skakespeare, hay Picasso cho được! Nhưng câu chuyện Tomova "ăn nên làm ra" ở miền đất lạ, là câu chuyện vừa tầm với chúng ta, đáng cho chúng ta suy nghĩ.

## Hình như Đỗ Phủ nói sai

Trong bài *Khúc Giang II*, Đỗ Phủ có câu: *"Nhân sinh thất thập cổ lai hi"* (Người đời xưa nay ít ai sống đến tuổi bảy mươi)

Bài thơ không phải là kiệt tác, nhưng riêng câu trích dẫn được truyền tụng. Được truyền tụng như là một định mức cho niên kỷ của con người; như một lời phàn nàn cho cuộc đời ngắn ngủi. Xét kỹ, thì Đỗ Phủ cũng có lý do để nói như vậy. Chính ông chỉ sống được 59 tuổi. Các nhà thơ nổi tiếng thời nhà Đường, phần nhiều qua đời trước tuổi 60. Người đồng thời là thi hào Lý Bạch cũng chỉ sống được 62 tuổi. Sau Đỗ Phủ, Bạch Cư Dị sống tới 75 tuổi, là một trường hợp rất hiếm.

Ngoài ra, văn nhân thi sĩ là những người "thân nhàn tâm bất nhàn", thường phải lao tâm khổ trí để viết văn làm thơ, nếu họ sống lâu sẽ là một điều nghịch lý. Đó là chưa kể đến câu "tài đa mệnh bạc" vẫn thường ứng cho giới văn chương. Không nói đâu xa, ngay tại Việt Nam, hình như không có người cầm bút nào lỗi lạc mà sống thọ. Còn nhà thơ có tài thì lại càng nhiều người chết yểu, như Hàn Mặc Tử, Nguyễn Nhược Pháp, Quách Thoại...

Nhưng đó là chuyện của quá khứ. Ngày nay khác.

Nhà văn Đức Ernst Junger ăn lễ thập tuần thượng thọ ngày 29.3.1995. Ông sinh ngày 29.3.1895, đến 29 tháng 3 vừa qua, được tròn 100 tuổi (tính theo kiểu ta thì là 101 tuổi).

Cầm bút mà sống đến tuổi này, trước đây chỉ có Fontenelle của Pháp. Bernard le Bovier de Fontenelle là cháu của thi hào Corneille. Fontenelle sinh năm 1657, qua đời năm 1757, cũng tròn 100 tuổi. Bây giờ, Junger là người thứ hai.

*

* *

Ernst Junger viết tiểu thuyết và luận thuyết. So với thời gian cầm bút,

thì Junger viết không nhiều. Cuốn *In Stahlgewittern* (Cơn bão thép) xuất bản khi ông chưa đến 30 tuổi, và gần đây ông vẫn còn viết. Như thế, ông đã viết trong gần 70 năm. Nhưng tác phẩm đã được xuất bản không quá 20. Trong số đó, hay nhất, được dịch ra nhiều thứ tiếng hơn cả, là cuốn *Auf den Marmorklippen* (Trên những vách đá cẩm thạch). Cuốn này dùng phúng dụ chỉ trích chính sách của Hitler, ra đời năm 1939, không hiểu sao lại lọt được lưới kiểm duyệt của Phát xít Đức.

Hồi còn trẻ, Junger không phải là một quân nhân chuyên nghiệp, nhưng là một chiến sĩ hăng hái và dũng cảm. Lắm khi, ông say mê mặt trận hơn là trường học. Trong Thế chiến I, ông là binh nhì; trong Thế chiến II, ông là đại úy. Qua những hành vi và lời lẽ của ông lúc bấy giờ, ai cũng cho là ông có đầu óc quân phiệt. Nhưng trong thực tế, không có gì rõ ràng là ông theo phát xít. Trong Thế chiến II, đã có lần ông cùng một số sĩ quan bạn thân trong quân đội Đức, mưu tính việc hạ sát Hitler.




Nhưng nhìn chung, lối sống, hành vi, tư tưởng của Junger, vẫn có cái gì thật bất nhất. Có khi say sưa cả ngày như một bợm nhậu; có khi lại khắc khổ như một thầy tu khổ hạnh. Hành động có khi thuần bản năng; lại có khi thuần lý trí. Cung cách có khi trầm tư; có khi lại rất hiếu động. Các tác phẩm của ông đã bị các nhà phê bình chỉ trích không ít về những "nhập nhằng", những "nghịch biện". Thật ra, cũng không phải là oan. Cũng đã có lúc, người ta không thể hiểu ông là "khuynh cộng" hay "chống cộng"; có "hiện sinh" hay không; có "hít-le" hay không. Cuối cùng, khuynh hướng của Junger là "vô chính phủ".

Nhưng về sau, có chuyển hướng rõ rệt trong tư tưởng của Junker. Trước kia, ông ca ngợi nền văn minh kỹ thuật; ngày nay, ông đả kích. Ngày xưa, ông muốn dùng chiến tranh để cải tạo xã hội; ngày nay, ông cổ động hòa bình.

Và, ngày nay, người ta nhắc đến Junger, người ta tựu về Souabe mừng ông tròn 100 tuổi, ngoài lý do ông sống thọ hơn mọi người, còn vì ông có những chuyển hướng tốt đẹp kia.

Sau đây, xin mời các bạn theo dõi bài phỏng vấn Ernst Junger, đăng trên tờ *Le Figaro Littéraire* của Pháp. Đọc kỹ bài này, chúng ta sẽ hiểu rõ hơn về Junger, về những điều người khác nghĩ về Junger. Câu hỏi là của *Le Figaro Littéraire*, câu đáp là của Junger, lời trong ngoặc đơn, nếu có, là của tác-giả bài này.

*
* *

*Hỏi: Cụ đã sinh ra và chiến đấu dưới triều vua Guillaume II, đã sống trong thời Cộng Hòa Weimar, trong Đệ tam Đế chế, trong nền Đệ nhị Cộng hòa, trong thời nước Đức thống nhất. Vậy, giai đoạn nào trong đời cụ là đáng kể nhất?*

(Đệ tam Đế chế, Reich III, tức là thời Hitler 1933-1945).

Đáp: Tôi đã nói rõ trong cuốn *Nhật Ký* của tôi. Thời kỳ tệ nhất của tôi là khi tôi mặc binh phục chiến đấu cho Pháp. Ngoài ra, chẳng có lúc nào là đặc biệt quan trọng. Niềm an ủi lớn nhất đối với tôi là độc giả và bạn bè người Pháp vẫn tin cậy ở tôi. Các vị như Sacha Guitry, Jean Cocteau, Paul Léautaud, Marcel Jouhandeau, Jean Paulhan, Julien Gracq...

Ngày trước, độc giả Pháp ít biết tôi. Ngày nay, tôi nhận được nhiều thơ của bạn đọc người Pháp hơn của bạn đọc người Đức. Về phương diện tinh thần, lúc nào tôi cũng coi nước Pháp là quê hương thứ hai của tôi.

Nhưng thật ra, những giây phút đáng nhớ trong cuộc đời, thì nhiều lắm. Tôi nhớ mãi cái phút trong đêm 9.11.1989, lúc Alexandre, con trai tôi, gọi điện thoại báo cho tôi biết tin bức tường phân chia Bá Linh đã ngã xuống. Tôi không ngờ sự kiện đó, và cả chế độ cộng sản sụp đổ nữa, lại xảy ra khi tôi còn sống. Những cái hão huyền và những điều vu khoát của chủ nghĩa mác-xít không tưởng, đã chịu đựng sức tấn công của sự thật đến 70 năm. Cũng đáng ngạc nhiên.

(Những người mà Junger kể ra trên kia đều là những nhà văn lớn của Pháp. Riêng Jean Cocteau rất nổi tiếng. Cocteau và Paulhan là ông Hàn. Nhưng có một điểm thật đặc biệt: Cả 6 người đều sống lâu; người yểu nhất, khi qua đời cũng đã 72. Hình như các bậc "thọ tinh" thích chơi với nhau).

*Hỏi: Trong đời, cụ đã nhiều phen thoát hiểm. Các người viết tiểu sử của cụ, gán những vụ thoát hiểm đó cho vận may. Cụ nghĩ sao?*

Đáp: Tôi nghĩ tất cả đều do số, do nghiệp. Nhưng tôi muốn nhân đây, ghi ơn tất cả những bà con, bè bạn, láng giềng, cả những người bạn vô danh. Không nhờ họ, tôi không thể sống tới ngày nay. Trong cuốn *Tín Hiệu Của Sao Halley*, tôi viết rõ là không có sự giúp đỡ của họ, tôi đã bỏ xác tại sa mạc Sahara, rục xương trong một lỗ đạn súng cối, hoặc bị nhốt mãi trong một trại tù. Người ta đã giúp tôi bằng mọi cách: Ngụy tạo hồ sơ hữu ích cho tôi, hoặc hủy bỏ hồ sơ nguy hiểm cho tôi. Nhiều khi tôi cũng không biết ai đã giúp tôi. Thói thường, trong khi khốn khó, số bạn bè

giảm đi rất nhiều. Nhưng thật ra khi cần, một người cũng đủ. Tôi luôn luôn có người bạn này. Mà không phải là ngẫu nhiên. Tôi đã ghi niềm tin này vào sổ tay, sau một đêm thao thức tại Mã-lai khoảng 1986. Đêm ấy là lần thứ hai tôi nhìn thấy sao chổi Halley đi qua. Tôi nhìn thấy ngôi sao này lần đầu tại nhà ở Hanover, năm 1910, với cái kính thiên văn của cha tôi.

*Hỏi: Bây giờ, cụ nghĩ sao về những gì cụ đã viết?*

Đáp: Hầu hết tác phẩm của tôi, kể cả cuốn *Nhật Ký*, đều là những giai đoạn, những chặng đường của một kẻ chống đối, đã phải gượng đứng dậy sau hai cơn địa chấn, đã phải chiến đấu để bảo vệ độc lập và tự do của mình. Tôi đã cố tự mình vẽ ra bản đồ, lập nên bản định hướng, để thấy đường đi trong một cõi nhân sinh càng ngày càng khó nhận định. Một thiên niên kỷ sắp đi qua, nhưng cũng chẳng có gì đáng cho chúng ta ngạc nhiên. Những giá trị cũ tàn phai, mà những giá trị mới thì không thấy xuất hiện. Chúng ta mò mẫm mãi trong cái hang tối của Platon như những loài chim ăn đêm, lâu lâu lại va đầu vào vách đá. Nhưng tôi không có bẩm chất gì để đóng vai trò hướng dẫn tư tưởng. Chỉ giản đơn là những ai thích nhận xét thì có thể hi vọng "thoáng thấy" ở nơi này nơi khác, những gì chưa thật rõ ràng. Dù những cái ấy là gì, đối với tôi, con đường dẫn đến vẫn quan trọng hơn đích đến. Hồi còn nhỏ, tôi rất ái mộ Jules Verne. Lúc nào tôi cũng chịu hấp lực của những người viết tiểu thuyết dự cảm. Họ là những nhà tiên tri đã thử nhìn xa vào tương lai. Những chuyện huyền bí, những giấc mơ, cũng giúp tiên đoán tương lai.

*Hỏi: Nhưng cụ không nghĩ cụ là nhà văn dự cảm, phải không? Nhiều tác phẩm của cụ có thể mệnh danh là "Đi tìm thời gian chưa đến". Cuốn "Công Nhân" của cụ, xuất bản từ năm 1932, cũng đã tiên đoán được đôi nét của thời đại kỹ thuật ngày nay. Có phải cụ muốn đề cập đến những giai đoạn khó khăn không?*

Đáp: Lúc Thế Chiến II vừa chấm dứt, một lần nữa tôi lại tự hỏi: Con người hiện đại có đủ khả năng hay không, để thắng vượt chủ thuyết hư vô của châu Âu, mà Nietzsche đã loan báo, do sự sụp đổ của những giá trị cũ? Năm 1950, trong một bài luận thuyết, tôi tưởng là đã có thể nói đến khúc quanh quyết định. Ngày nay tôi mới thấy nói thế là lạc quan. Một lối đi thông đến mọi thứ, một trật tự mới có tính cách đạo đức toàn cầu, chắc chắn khó khăn hơn là hồi đó tôi tưởng. Nhưng ngày nay, ngồi mà suy nghĩ về chủ thuyết hư vô thì có vẻ hoang phí quá. Trong một thời đại mà hành động làm chủ, bàn về *Thiện Ác*, về *Thượng Đế*, về *Cái Chết*, về *Những Cái Siêu Nghiệm*, có thể bị coi là làm việc dư thừa. Thời đại chúng ta đang bị những cái phù du thôi thúc. Người ta không còn say mê nữa những luận đề siêu hình đã ngày đêm làm bận tâm các nhân vật chính của Dostoievski. Dostoievski qua đời đã lâu, nhưng vẫn là tiểu thuyết gia "mới nhất" của chúng ta.

Ngày nay, đưa ra các luận thuyết, thì ở đâu người ta cũng không chịu nghiêm chỉnh bàn luận. Người ta tấn công; người ta tránh né... Cũng may, những gì là cốt yếu đã không vẫn số.

(Dostoievski [1821-1881] là tiểu thuyết gia rất nổi tiếng của Nga. Ông để lại nhiều tác phẩm, đa phần là tiểu thuyết, trong số đó có mấy danh tác đã được dịch ra tiếng Việt: *Tội Ác và Trừng Phạt*, *Anh Em Nhà Karamazov*. Các nhân vật chính của Dostoievski luôn luôn bị giằng xé giữa thiện và ác, giữa niềm tin nơi Thượng đế và thực tế của cuộc sống, giữa lý trí và bản năng).

*Hỏi: Sách của cụ đã được dịch và phổ biến khắp Âu Châu. Nhiều chủ đề văn học đã lấy tác phẩm của cụ làm căn cứ. Nhưng cũng có những kẻ gièm pha, nhiều nhất là ở Đức, vẫn không thôi công kích cụ. Cụ nghĩ sao về sự dai dẳng đó?*

Đáp: Theo khoa chiêm tinh, thì ngôi Kim Ngưu, ngôi sao bản mệnh của tôi, có nhiều bè bạn mà cũng có nhiều kẻ thù. Những kẻ thù không làm cho tôi giận. Hơn nữa, họ còn làm cho tôi nổi tiếng. Nói thế, tôi giữ thái độ kính nhi viễn chi. Những người gièm pha thì vẫn là những người ấy. Có những ai không thích tôi, đó là quyền của họ. Có những người thua trận, thua trận chiến ý thức hệ, lâm vào tình trạng khó chịu, bất định. Họ muốn tôi không phải là một nhà văn dấn thân. Hình như một nhà văn dấn thân trước sau gì cũng tự tạo ra bẫy để nhốt mình. Có những người khác chỉ muốn tôi đơn thuần bảo vệ cho đất nước của tôi. Về vấn đề này, cũng hơi lạ là người Pháp lại hiểu đúng hơn những bạn đồng hương của tôi.

Thiên hạ chẳng tán thưởng cuộc đời quân ngũ của tôi chút nào. Nói chung, hồi ấy tôi là "một người đánh nhau". Tôi không phủ nhận...

(Câu *Bụt nhà không thiêng* của ta, hoặc câu *Nul n'est prophète en son pays* của Pháp, ứng dụng được ở đây chăng? Nhưng những cái "bất nhất" của Junger cũng chính là mục tiêu của những lời chỉ trích).

*Hỏi: Thế còn "người hùng", người hùng được tưởng thưởng quân công?*

Đáp: À, cái đó là chuyện đã rồi. Nhưng xin nói rõ là "người hùng" đã không hề nhận một huy chương nào của phe Quốc xã, cũng không được một ưu đãi nào hết. Chỉ có những sự phiền nhiễu. Nhiều bạn bè không may mắn bằng tôi, đã trả giá cho sự chống đối chế độ Quốc xã bằng cả mạng sống của họ. Con trai của tôi, Ernstel, công kích Hitler, đã phải chết trong trường hợp mờ ám. Viện cớ kỷ luật, họ đã đưa nó ra mặt trận ở Ý, năm nó chỉ mới 18 tuổi. Nhưng đâu có gì ngăn được những người thích bút chiến...

*Hỏi: Đôi khi cụ nói cụ sinh lầm hành tinh, tại sao vậy? Cụ khoác cho cụ hình tượng gì vậy?*

Đáp: Hình tượng một người đọc nhiều sách. Tôi nghĩ trước hết tôi là một người đọc. Tôi dành trọn đời để

đọc sách và suy nghĩ. Khi nào tôi phải thỏa hiệp với sự thật, sự thật không làm tôi hài lòng, tôi thường thất vọng. Chẳng hạn khi tôi đọc bản trường ca của Arioste thuật lại những chuyện tình, những chiến công của Orlando, tôi thấy con người đẹp lắm, cuộc đời đáng sống lắm. Nhưng khi ra khỏi sách, tôi rơi vào một cuộc tàn sát, một trận mưa đạn, cả đến bom nguyên tử nữa. Và tôi rụng rời, ghê tởm. Karl Marx nói rằng trường ca *Illiade* không thể quan niệm được ở thời đại đã có thuốc súng. Tôi thì thích *Illiade* hơn mọi cuộc chiến tranh hiện đại. Tôi chỉ có thể trả lời như thế.

(Arioste, tên thật Ludovico Ariosto [1474-1533] là nhà thơ Ý, tác giả tập thơ *Orlando furioso* [Chàng Roland nổi giận] vừa hùng tráng, vừa bi hài. *Illiade* là một trường ca lịch sử dài 15.537 câu thơ, tương truyền là của Homère, kể lại cuộc chiến thành Troie).

*Hỏi: Cuốn sách mới nhất của cụ là một sự đánh giá thế giới kỹ thuật ngày nay. Cụ lại dùng những ngôn từ huyền thoại để lập luận rằng thế kỷ thứ 21 sẽ là một thời kỳ "không vua" mà hình ảnh Prométhée sẽ ngự trị: một thời kỳ khó khăn, rồi tiếp theo là thời kỳ của những giá trị tinh thần...*

(Theo thần thoại Hi Lạp, Prométhée là vị thần đã tạo ra nền văn minh đầu tiên của nhân loại)

Đáp: Cuốn sách của tôi là một bản phác thảo, là những châm ngôn trong tâm hướng của Holderlin, Schopenhauer, Nietzsche, Spengler... Đến lượt tôi, tôi cũng thử tiến theo hướng đó. Tôi biết người ta không coi các thi sĩ và các triết gia là quan trọng. Nhưng triết học sẽ trở nên cần thiết, khi nhân loại không muốn bị nghiền nát. Nietzsche đã nhìn thấy trước một số vấn đề của thế kỷ chúng ta: Ý muốn của sức mạnh, sự san bằng, nguy cơ chiến tranh toàn cầu, Thượng Đế không còn. Nhưng Holderlin còn tiến xa hơn. Trong khúc thơ *Bánh Mì và Rượu Vang*, ông tiên đoán thời kỳ "không ai cai trị", mà tôi đã nói trong cuốn *Những Cái Đục* của tôi. Đó là thời kỳ chuyển tiếp do những "Người Khổng Lồ" thống trị, thời kỳ mà tinh thần của con người lâm vào cảnh khốn cùng. Trong kỷ nguyên kỹ thuật toàn cầu, khi mà những con số đã lên ngôi tột đỉnh, những "Người Khổng Lồ" tân đại sẽ khoác đồng phục của kỹ thuật. Họ sẽ khai thác đến cạn những nguồn năng lượng thiên nhiên. Sức mạnh của họ là một sức mạnh chưa từng có, và ý chí của họ, dù mù quáng, vẫn là chủ đạo. Cây đèn Aladin ngày nay được làm bằng uranium, và quyền phép của nó thật vô cùng. Trong khi đó, càng ngày kỹ thuật càng lẫn lộn với ma thuật.

Nhưng tôi cũng nghĩ rằng, cũng như tôi đã viết trong sách, thế giới của vật chất có những độ sâu kỳ diệu mà những "nhà vật chất" chưa hiểu được. Tôi cũng không phải là người duy nhất tự đặt cho mình những câu hỏi này: Trong thế kỷ tới, liệu con người có khống chế nổi những sức mạnh thiên nhiên mà họ khám phá được hay không? Phải chăng những sức mạnh ấy đều có thể chế ngự? Và ai biết trước trái đất sẽ phản ứng ra sao khi hỏa ngục sôi sục. Tôi cũng nghĩ giống như Nietzsche, sẽ có ngày cần phải có một con người với một tầm vóc khác, với một tinh thần khác. Không phải là một "siêu nhân", mà là một con người cùng với tình nhân loại, được chuẩn bị kỹ cho nhiệm vụ. Ở thế hệ nào, con người ấy cũng phải xuất hiện để đối phó với những trách nhiệm của mình.

(Cả 4 người kể sau đây đều là người Đức: Friedrich Holderlin [1770-1843] nhà thơ, rất yêu thiên nhiên. Arthur Schopenhauer [1788-1860] triết gia bi quan, Nietzsche đã chịu ảnh hưởng. Friedrich Nietzsche [1844-1900] triết gia, chủ trương thuyết "siêu nhân". Oswald Spengler [1880-1936] triết gia, chủ trương thuyết "lịch sử", tức nhận định hiện tại và tiên đoán tương lai theo những biến cố đã xảy ra. Quốc xã Đức có dùng một số ý tưởng của triết gia này).

*Hỏi: Theo cụ thì đặc trưng của thế kỷ 21 là nền kỹ thuật khổng lồ. Vậy là cái "khổng lồ" sẽ thắng. Nhưng rồi sau đó?*

Đáp: Tôi đã thử chứng minh vì sao thế kỷ 21 sẽ chỉ là tạm thời. Nhìn từ góc độ tôn giáo, trong nền văn minh của chúng ta, những gì xuất phát từ thần thánh chắc chắc càng ngày càng phải thu lại. Ngày nay, vật chất len vào do chỗ trống mà sự rút lui kia để lại. Các vị thần càng ít được người ta tin. Nhưng rồi các vị thần ấy sẽ trở lại, bởi vì luôn luôn họ trở lại, với những bộ mặt mới. Dù con người hình dung ra họ như thế nào, họ vẫn là sự thật. Nhiều dấu hiệu cho phép nghĩ rằng khi thế kỷ 22 bắt đầu, những gì được gọi bằng những từ "thần thánh", "thiêng liêng", "siêu nghiệm", sẽ trở nên gần gũi với chúng ta hơn. Cũng vậy, tất cả những gì vĩnh hằng.

### *Giở hồ sơ cũ*

Tổng thống John F. Kennedy bị ám sát cuối năm 1963. Người ám sát Kennedy bị giết sau đó 2 ngày. Người giết kẻ ám sát Kennedy chết đầu năm



1967. Sự việc xảy ra đã 30 năm, nhưng vẫn chưa yên. Bây giờ có người khơi lại câu chuyện cũ, tất nhiên với mục đích làm sáng tỏ một vấn đề chưa được sáng tỏ.

Sau ngày Kennedy bị giết, bao nhiêu cuộc điều tra và tái điều tra, chính thức và không chính thức, hồ sơ chất thành đống to, nhưng kết quả vẫn chưa thoả mãn được mọi người. Về mặt hình sự, người ta đã đi đến chỗ xác nhận chính Oswald đã bắn chết Kennedy; nhưng về mặt chính trị, kết quả điều tra vẫn chưa đủ vững để trả lời dứt khoát câu hỏi: Oswald hành động theo ý riêng hay do một âm mưu? Và, nếu Oswald chỉ đơn độc hành động, thì vì lẽ gì y giết Kennedy? Tại sao y chọn Kennedy, mà không chọn người khác.

Nhằm trả lời những câu hỏi ấy, nhất là câu hỏi đầu, sử gia Norman Mailer cho ra cuốn *Oswald' sTale, An American Mystery* (Câu chuyện Oswald, một bí ẩn của nước Mỹ). Cuốn sách khá dày, khoảng 800 trang, có phần đầu khá thú vị, vì là "mới" (nghĩa là chưa được cuốn nào khác nói kỹ bằng). Cuốn sách được các nhà phê bình đón nhận nồng nhiệt hơn độc giả. Lý do cũng dễ hiểu: Chủ đề cũ, khơi lại với mục đích đối chiếu. Và thái độ đón nhận của các nhà nghiên cứu cũng không hẳn là tán thưởng.

Sau đây, tôi sẽ trích dẫn một số ý kiến của hai nhà phê bình Thomas Powers và Don Gillmor nhận định về cuốn sách ấy. Phần riêng, tôi xin đưa ra một nhận định tổng quát về công luận Đông Tây. Theo tôi, thì đại để có một điểm khác nhau. Ở phương Đông, khi sự việc mới xảy ra, dư luận có thể bất đồng, kẻ khen người chê; nhưng sau một thời gian dài, ai nấy có thì giờ suy xét, dư luận trở thành thống nhất. Thế cho nên mới có câu: *Cái quan luận định* (Đậy nắp quan tài lại, thì những sự nhận xét về con người ấy, mới yên). Nhưng ở phương Tây, không bao giờ có chuyện yên. Người ta rất hay quật mồ, và cạy nắp quan tài ra. Chết vài ba chục năm, đã được ai đó khuyên điểm son trên hồ sơ lý lịch đầy cả rồi, cũng chưa thể yên đâu. Một ngày xấu trời nào đó, một vị nghiên cứu nào đó, lại trưng ra một số hồ sơ, để bôi điểm đen lên. Ôi, chết mà vẫn còn phải hồi hộp, thì thật tội nghiệp. Thôi, thà đừng làm người nổi tiếng. Yên thân hơn!

Gần đây, có một số người Việt mình cũng bị nhiễm cái bịnh muốn điều chỉnh dư luận. Phương tiện của họ là những cuốn hồi ký. Họ có quyền tô son điểm phấn cho họ; họ cũng có luôn cái quyền chỉ trích kẻ khác. Nhưng chúng ta cũng có quyền yêu cầu họ nên công bằng đối với những người không còn cãi với họ được nữa. Trong một vài cuốn, tác giả đã dành cho người chết đủ mọi cái "phản trắc", "tham", "hèn nhát"... Nếu ở vào cái thế không thể công bằng, thì ít ra cũng nên nhớ đến lề thói cư xử trọng tình của người Việt mình: *Nghĩa tử nghĩa tận.*

Thôi nói phiếm như thế đủ rồi. Chúng ta trở lại với chuyện Oswald.

*

* *

Tổng Thống Kennedy bị bắn tại Dallas (tiểu bang Texas), ngày 22.11.1963, lúc 12 giờ rưỡi trưa. Chết tại bệnh viện, một lát sau.

Oswald, người được các cuộc điều tra xác nhận đã giết Kennedy, bị bắt liền sau đó. Nhưng chỉ 2 ngày sau, y bị Ruby bắn chết.

Một cuộc điều tra chính thức (do Chánh án Tối cao Pháp viện Earl Warren cầm đầu) mở ra ngày 29.11.1963, kết thúc ngày 24.7.1964, kết luận: Oswald, và cả Ruby cũng vậy, chỉ hành động theo ý riêng, không do một âm mưu nào cả.

Tháng 1.1979, Hạ Nghị Viện thành lập một ủy ban đặc biệt mở cuộc phúc điều tra. Sau 2 năm làm việc, kết luận: Có một hung thủ thứ hai (ngoài Oswald) bắn một viên đạn; và cho là có âm mưu. Nhưng kết luận chỉ dừng lại ở chỗ đó.

*

* *

Sau đây là sơ lược lý lịch của hung thủ và diễn tiến sự việc theo kết quả điều tra của Ủy ban Warren.

Lee Harvey Oswald (1939-1963) mồ côi cha ngay khi còn trong bụng mẹ. Dù nhà nghèo, y cũng được đi học. Nhưng đang học trung học, y bỏ học để gia nhập Thủy quân lục chiến. Trong đơn vị, y là một tay thiện xạ, nhưng chểnh mảng với mọi công tác. Những khi có dịp bày tỏ "lập trường", y thường cố ý cho mọi người thấy mình thân cộng, hoặc cấp tiến.

Năm 1959, viện cớ không chịu nổi kham khổ, Oswald xin giải ngũ, và được giải ngũ ngày 11.9 năm ấy. Chỉ 9 ngày sau, y sang Mạc-tư-khoa, xin vào quốc tịch Nga, nhưng không được. Ít lâu sau, y xin được việc làm tại Minsk. Tại đây, y gặp, rồi kết hôn với cô gái Nga tên Marina Nikolayevna Prusakova. Mười ba tháng sau, đầu 1962, y đưa vợ và đứa con gái 3 tháng tên June Lee, trở về Mỹ.

Tháng 1.1963, mua một súng lục, qua bưu điện. Rồi đến tháng 3, mua một súng trường có ống nhắm, cũng qua bưu điện.

Ngày 10.4, bắn hụt Edwin A. Walker, một viên tướng Mỹ đã về hưu, có chủ trương cực hữu.

Cuối tháng 4, rời gia đình ở Dallas, cùng một người bạn đến New Orleans, phát truyền đơn ủng hộ Fidel Castro.

Tháng 9, đi Mexico City, xin chiếu khán đi Cuba và Liên-xô, nhưng không được.

Tháng 10, trở về Dallas, xin được việc làm ở Kho Sách Giáo Khoa của tiểu bang Texas.

*

* *

Lúc 12 giờ 30 trưa ngày 22.11.1963, từ một cửa sổ tầng thứ 6 Kho Sách, Oswald dùng khẩu súng trường có gắn ống nhắm, bắn 3 phát, giết Kennedy, và làm bị thương Thống đốc tiểu bang Texas John B. Connally, cùng đi trên một chiếc xe bỏ mui, ngang qua công trường Dealey (Dallas).

Đi xe bus và tắc-xi về nhà, rồi ra đi, nhưng chỉ được chừng hơn cây số, thì bị J.D. Tippit, một cảnh sát viên đang đi tuần, chận bắt. Tippit đã nghe

cảnh sát tả hình dạng hung thủ trên hệ thống truyền thanh. Oswald dùng súng lục bắn chết Tippit, lúc 1 giờ 15 chiều.

Chạy trốn vào hí viện Texas, bị cảnh sát bắt vào lúc 1 giờ 45 chiều.

*

* *

Ngày 23.11.1963, lúc 1 giờ 30 chiều, người ta chính thức công bố rằng Oswald giết Tổng thống Kennedy.

Sáng ngày 24.11.1963, trong khi được cảnh sát giải từ nhà giam đến chỗ lấy cung, Oswald bị Jack Ruby (một chủ hộp đêm) dùng súng lục bắn chết. Ruby hành động vì phẫn nộ.

Ngày 14.3.1964, Ruby bị kết tội giết người, và phạt tử hình.

Tháng 10.1966, tòa Thượng thẩm Texas bác bản án sơ thẩm. Nhưng nội vụ chưa được tái thẩm, thì ngày 3.1.1967, Ruby chết vì chứng nghẽn mạch máu.

*

* *

Nhà phê bình Thomas Powers mở đầu bài nhận xét cuốn *Oswald's Tale* của Norman Mailer như thế này: Nếu Jack Ruby tin tưởng hệ thống pháp lý Hoa Kỳ có thể đối phó với kẻ giết Kennedy; Nếu Ruby bị bận ở chỗ khác; Nếu Ruby không gặp lúc cảnh sát giải Oswald đi qua; Nếu Ruby bắn trật, thì chắc sẽ không có cuốn *Oswald's Tale*. Ý Powers muốn nói chỉ vì Oswald bị giết sớm quá, cuộc điều tra trở nên khó khăn, kết quả không rõ ràng, cuốn sách của Mailer mới có lý do ra đời.

Nhưng theo tôi, thì không hẳn như thế. Từ 1963 cho đến gần đây, ngoài 2 cuộc điều tra chính thức của chính quyền Hoa Kỳ, những cuộc điều tra của tư nhân cũng đến cả chục. Cuộc điều tra nào cũng đúc kết thành một cuốn sách lớn. Vậy thì, Mailer cũng chỉ làm lại một công việc đã được nhiều người làm. Chúng ta chỉ nên chờ xem ông có làm kỹ, làm đúng hơn hay không thôi.

Cuốn sách được chia làm hai phần. Phần I gồm chừng 350 trang, có tựa *Oswald in Minsk with Marina* (Oswald ở Minsk với Marina). Những gì có thể gọi là khám phá của tác giả nằm ở phần này. Phần II có tựa *Oswald in America* (Oswald ở Mỹ), dài hơn, nhưng không có gì mới; gần như chỉ ghi lại những sự kiện và suy đoán đã được công bố. Tuy nhiên, với phần I, tác giả cũng đã nhờ vào cuốn *Marina and Lee* (Marina và Lee) của nhà văn nữ Priscilla Johnson McMillan, xuất bản năm 1977. Bà này đã căn cứ vào những lời tiết lộ của Marina (vợ góa của Oswald) mà viết.

*

* *

Nhiều người đã vặn vẻ ví vụ Oswald bắn hụt tướng Walker như phần "tự mạc" *(prologue)* của vở kịch Oswald ám sát Tổng thống Kennedy. Ví như thế có thể làm cho câu chuyện thêm khó hiểu. Theo tôi, có lẽ chỉ nên coi vụ đó như là một cách Oswald thử tài bắn súng, và thử gan giết người của mình.

Đây, những chi tiết chính của vụ Walker: Ông này là tướng hồi hưu, tuy lập trường là cực hữu, nhưng hành vi trong quá khứ cũng như lúc bấy giờ không có gì "đáng bị khử đi". Vụ Walker xảy ra trước vụ Kennedy hơn 7 tháng. Oswald đã đến thăm dò trước chỗ ở của Walker, rồi đêm 10.4.1963, xách súng đến, núp từ xa, nổ chỉ một phát rồi chạy về nhà, chờ nghe tin trên đài phát thanh xem bắn có trúng không. Vợ biết chuyện hỏi, y nói: "Triệt được Hitler, thì cứu được nhiều người". Người ta ngẩn ngơ không hiểu tại sao Walker lại được coi có tác hại như một Hitler.

Nhưng các bạn cần nhớ: Vụ Walker chỉ được phanh phui sau vụ Kennedy. Và một điểm kỹ thuật: Walker là một mục tiêu tĩnh, chỉ cách 30 thước, mà trật; Kennedy là một mục tiêu động, cách đến 80 thước, mà trúng. Như vậy, Oswald giết được Kennedy, chẳng qua là "may", chứ không phải là do được huấn luyện.

Tác giả Mailer không nhấn mạnh Oswald hành động đơn độc, nhưng cũng không chú ý tìm sát thủ của CIA, chuyên viên ám sát của KGB, hoặc đám người liên hệ với Castro, Mafia. Mailer chỉ chú trọng tìm hiểu tâm lý của Oswald: Tại sao muốn giết Kennedy? Để trả lời, Mailer khai thác


## *làng văn*

## TĂNG GIÁ

Để theo kịp giá giấy đã tăng hơn 100% kể từ tháng 9.1994 đến nay (sẽ tiếp-tục tăng thêm ít nhất ba đợt nữa), và cước-phí bưu-điện ba lần tăng vào tháng 3.1993, tháng 3.1994 và tháng 3.1995, tòa-soạn quyết-định phải tăng giá bán để giữ bản sắc phẩm-chất của tờ báo luôn luôn ở mức cao.

Giá báo mới sẽ được áp-dụng vào cuối năm nay.

Để tránh ảnh-hưởng của giá mới, quí độc-giả dài hạn có thể tái hạn sớm ngay từ bây giờ để được hưởng giá hiện tại.

Quí vị có thể tái hạn tối-đa 5 năm. Xin xem giá báo ở trang *"Lệ làng"* (106).

Trên chi-phiếu tái hạn xin vui lòng ghi mã-số độc-giả (hàng chữ và số đầu trên nhãn địa-chỉ dán ngoài phong-bì gửi báo đến quí vị), và ba chữ "tái hạn sớm."

đoạn đời Oswald ở Minsk.

Mùa thu 1959, Oswald đến Mạc-tư-khoa và được nhà chức trách Liên-xô miễn cưỡng cho cư trú. Sau, y đến Minsk (thủ phủ của Bạch Nga) ở 30 tháng, làm việc cho một xưởng lắp ráp radio, học tiếng Nga, rồi cưới một cô gái người Nga. Đó là những sự kiện ai cũng biết. Nhưng Mailer đi sau, phải tìm hiểu kỹ hơn. Với sự cộng tác của Lawrence Schiller, Mailer đã phỏng vấn khoảng 50 người Nga. Những gì Mailer khám phá đã được người ta chú ý, vì thực sự người Mỹ hồi trước đã không thể sang Liên-xô, nhất là Minsk, để điều tra.

Một nghi vấn lớn: Oswald có bị KGB mua chuộc trong thời gian ở Minsk, để về sau làm việc cho họ không? Mailer trả lời là không. KGB đã theo dõi Oswald rất sát. Phòng y bị đặt máy ghi âm, những chuyện trong buồng kín giữa vợ chồng y cũng không thoát. Buồn cười cho KGB, khi họ cho chạy lại, chỉ nghe được những lời kình cãi giữa Lee và Marina.

Sau đây là những nhận xét chính của tác giả Mailer về Oswald:

- Hồi còn đi học, học kém, đọc sách khó khăn, vì hậu quả tâm trí lúc nhỏ bị bà mẹ quấy rầy liên tục.

- Trước khi đến Liên-xô, đã nghĩ mình là đệ tử của Karl Marx. Khi đến Minsk, bắt đầu viết nhật ký để ghi lại những "khám phá" của mình tại cái nôi của chủ nghĩa cộng sản. Cố gắng học tiếng Nga, nhưng không học được bao nhiêu. Không hiểu biết gì, ngoài một chút kinh nghiệm trong quân ngũ thu thập được hồi còn ở Thủy quân Lục chiến.

- Sẵn sàng bắt tình với tất cả phụ nữ Nga tình cờ gặp được.

Nhưng Oswalk đã tìm thấy tại Minsk cái gì? Một thế giới không màu sắc, cô độc, buồn tẻ, nghèo nàn. Các bạn của y mỗi tuần làm việc 6 ngày, mặc những quần áo thô kệch, ở những căn phòng chật chội. Họ mơ ước những tiện nghi vật chất tối thiểu. Họ run sợ mỗi khi bị mật vụ gọi. Họ giải trí trong việc đi tìm nhau, nam tìm nữ, nữ tìm nam. Rồi, Lee và Marina gặp nhau, lấy nhau. Nhưng cuộc sống chồng vợ của họ không khác gì địa ngục. Ngày nào cũng cãi nhau. Với Marina, cũng còn đỡ, vì cô cần tình dục. Phần Oswald, không có gì để hi vọng.

*
* *

Mailer cho chúng ta biết 2 điều căn bản để làm cơ sở tìm hiểu hành động của Oswald:

1/ Y có một cuộc sống không sung sướng, bất an về mọi mặt từ hồi còn nhỏ. Bản tính luôn luôn mơ ước, nhưng khi có được cái mong muốn, lại cảm thấy không hài lòng, nổi giận và phá đi.

2/ Chính KGB đã nghi Oswald đến Minsk làm gián điệp, chứ không hề dùng y. KGB không coi thường Oswald. Họ điều tra đi điều tra lại, như thể Oswald là Trotsky sống lại. Họ cho rằng y giả vờ rất nhiều thứ: Rất giỏi tiếng Nga, nhưng giả vờ đang cố học; rất giỏi điện tử, nhưng giả vờ tập sự; giả vờ gia nhập câu lạc bộ săn bắn vì thích đi săn, nhưng kỳ thực là để do thám những khu vực cấm.

Cuối cùng, họ hiểu: Oswald chỉ là một người không đáng để họ lưu tâm.

*
* *

Phần 2, *Oswald ở Mỹ*, thật ra không có gì mới. Tác giả dùng điện thoại hỏi lại các nhân chứng, với những câu hỏi đã được bao nhiêu điều tra viên hỏi trước kia. Tác giả cũng nhờ đến những hồ sơ cũ của Ủy ban Warren, và 3 cuốn sách ra đời trước:

- *Legend* của Edward Jay Epstein;
- *Case Closed* của Gerald Posner;
- *Marina and Lee* của bà McMillan (đã dẫn).

*
* *

Qua báo chí địa phương, Oswald biết đoàn xe của Tổng thống Kennedy sẽ đi qua chỗ Kho Sách y vẫn làm việc.

Oswald tiến hành: Ngày 21.11.1963, Oswald bảo một người bạn làm việc cùng sở rằng y cần một vài cây trục cuốn màn cửa sổ, phải về nhà lấy. Người bạn dùng xe đưa giúp y về nhà ở ngoại ô Dallas. Oswald thuyết phục vợ đến cùng ở nơi làm việc, nhưng Marina không chịu. Hai vợ chồng cãi nhau. Đêm ấy, khi vợ đụng đến y, y đá vợ một cái. Sáng hôm sau, y ra đi từ sớm, để lại cho vợ nhiều tiền hơn thường lệ; để lại cả chiếc nhẫn cưới. Trước khi rời nhà, y vào ga-ra, lui cui hồi lâu với một vật gì gói trong một tấm mền. Sau đó, y lái xe trở lại chỗ làm việc, đem theo một gói giấy màu nâu, nói là những cây trục cuốn màn cửa.

Chắc các bạn cũng dễ dàng đoán được đoạn trên là do người bạn và vợ của Oswald khai ra. Và đọc phớt qua, thì có thể nhận định rằng Marina không can dự gì đến việc làm của Oswald.

Câu chuyện tiến tới, chi tiết này đồn chi tiết kia: Oswald nổ súng, chạy trốn, nổ súng, bị bắt, bị giam... Sự sợ hãi của vợ con y, của anh em y, của bè bạn y... Rồi sự kinh khủng khi Jack Ruby xông qua hàng rào cảnh sát, bắn chết Oswald... Một phát súng lục thôi, nhưng đã vĩnh viễn không cho chúng ta nghe lời khai của chính Oswald.

*
* *

Thêm vào câu chuyện quen thuộc, Mailer có những nhận xét riêng. Tác giả cố tạo cho Oswald một đời sống nội tâm "cân xứng" với những hành động cụ thể của y. Theo tác giả, Oswald công khai là một binh nhì ba hoa, nhưng Oswald bí mật là một viên đại tướng tài ba. Tác giả viết: "Sau khi bắn chết Kennedy, Oswald sống 2 ngày cuối cùng của đời mình trong tù, được cả thiên hạ chú ý, điều mà trước kia không bao giờ y có được".

Chúng ta không thể biết chắc có phải chỉ vì muốn "được mọi người chú ý" mà Oswald giết Kennedy hay không. Nhưng nếu quả vậy, thì hung thủ sẽ giành lấy cho mình hết tất cả mọi sự phức tạp. Câu chuyện Tổng thống một cường quốc bị ám sát sẽ trở thành giản dị, như chuyện một ông vua bị một thằng điên đâm chết.

Cuối bài bình luận, Thomas Powers viết không hết ý:

Tôi không bao giờ lầm lẫn ai đã giết Kennedy. Tôi không thấy dễ chịu chút nào khi nghe người ta nói rằng Oswald giết Kennedy chỉ vì muốn nổi tiếng. Tôi phục Mailer đã cố gắng tìm hiểu Oswald, nhưng thủy chung tôi vẫn không thể có cảm tình với tên sát nhân này. Y đã gây nên đau khổ cho nhiều người, nhưng không tạo được hạnh phúc cho ai cả. Tôi chỉ thấy tức giận.

Phê bình gia Don Gillmor kết luận:

Tâm tính Oswald được khám phá, nhưng cuộc đời của y vẫn còn nguyên bí ẩn. Cuốn *Oswald's Tale* không thành công trong công việc quật mồ.

## Câu chuyện muôn thuở: cá-nhân và gia đình

Cũng là một ngẫu nhiên: Tôi vừa đọc xong bài phê bình cuốn *The Distinguished Guest* trên tờ *The New York Times Book Review*, thì được một người bạn già gọi điện thoại bảo thuê một bộ phim hài của Hồng Kông về coi. Nội dung cuốn sách và cuốn phim không hoàn toàn giống nhau, nhưng có chung một chủ đề: Cá nhân và gia đình.

Cuốn phim đã cũ, có tựa là *Mẹ Chồng Nàng Dâu*. Nhà làm phim dụng tâm dùng những hình ảnh hài hước và lời nói trào lộng để châm biếm cái thói mẹ chồng nàng dâu ghét nhau. Bối cảnh trong phim là xã hội người Tàu Đài Loan trong thời gian gần đây. Nguyên nhân chính của những va chạm là "phải ở chung với nhau để chịu đựng nhau".

Cuốn sách mới ra, nhan đề *Người Khách Đặc Biệt* chỉ bà mẹ già, vì hoàn cảnh đau bệnh, đơn chiếc, phải đến sống chung với vợ chồng người con trai. Bối cảnh của câu chuyện là xã hội Mỹ hiện nay. Nhân vật trong câu chuyện là những người Mỹ ta vẫn thường gặp, với tất cả những hi vọng, hiểu biết, khôn ngoan, khó khăn, phiền muộn của họ.

Cuốn phim khôi hài hóa chuyện "mẹ chồng nàng dâu" với hi vọng bi kịch ấy mất hẳn đi. Cuốn sách bi kịch hóa chuyện "con nuôi cha mẹ", nhưng không dám hi vọng gì cả. Có lẽ vì vấn đề khó hơn.

Sau đây, tôi sẽ chỉ đề cập đến cuốn sách.

*

* *

Tác giả cuốn *The Distinguished Guest* (Người khách đặc biệt) là nhà văn nữ Sue Miller. Đây là cuốn tiểu thuyết thứ tư của bà. Thật ra, câu chuyện trong sách cũng là thường tình, nhưng tác giả đã cố đặc thù hóa một số trường hợp để làm nổi bật những mấu chốt của vấn đề tranh chấp giữa cá nhân và gia đình trong xã hội Mỹ.

Alan Maynard và Gaby Maynard là một đôi vợ chồng sống với nhau khá lâu. Hai người đều thông minh. Họ có hai con trai đã lớn. Họ giàu, có một ngôi nhà thật đẹp ở nhiền quê. Nhưng sau, cả Alan và Gaby đều ngoại tình. Gia đình không êm đẹp như trước nữa. Tình trạng có thể dẫn tới ly dị. Gaby gốc Pháp, có cơ sở làm ăn riêng: Một tiệm bán thực phẩm và một quán ăn ở làng bên cạnh. Alan là kiến trúc sư, đang dạy vẽ đồ án tại một trường cao đẳng ở Massachusetts. Ngôi nhà của hai vợ chồng là do Alan vẽ kiểu. Ngôi nhà này là cái gạch nối giữa hai người. Chính trong thâm tâm, Gaby đôi khi cũng phải tự nhận với lòng rằng vì yêu mến ngôi nhà nên đã không cương quyết chia tay với chồng.

Nhưng cuộc sống chồng vợ của Alan và Gaby đang có cơ cứu vãn, thì xảy ra một sự kiện: Bà mẹ của Alan đến ở cùng.

Bà Lily Roberts Maynard cũng có những vấn đề riêng của bà. Trước kia, bà là vợ của một mục sư. Hồi đó, bà đã giúp chồng chấn chỉnh và tạo sự thịnh vượng cho hội thánh. Nhưng về sau, chồng bà trở thành người cấp tiến, ủng hộ phong trào da đen. Bà bất hòa với chồng, rồi hai người bỏ nhau.

Bà viết sách kể lại cuộc đời của bà, của chồng bà, và của 3 người con. Cuốn sách ra đời năm bà đã 72 tuổi, và không ngờ, đã bán rất chạy. Sau đó, bà viết tiểu thuyết. Trong tiểu thuyết của bà, có những điều thật nhỏ nhặt. Và bà lại càng nổi tiếng.

Nhưng bây giờ, đã 85 tuổi, lại mắc chứng Parkinson, cần có người săn sóc, bà đến ở với Alan. Alan là con út của bà, đã chịu đựng nhiều nhất những cơn khủng hoảng tinh thần của bà, khi vợ chồng bà đã ly dị. Bây giờ, Alan vẫn còn nhớ những bữa cơm lặng lẽ một mẹ một con, không ai nói gì với ai, Alan chỉ mong cho mau xong để chạy vào phòng riêng làm bài tập.

Và bây giờ, bà mẹ già là "người khách không mong mà đến" của đôi vợ chồng Alan-Gaby đang không cầm chắc được tương lai của cuộc sống.

Trong câu chuyện, có nhiều chi tiết đặc thù: Vì bà già là một nhà văn, nên có một người đàn bà tên là Linnett Baird tình nguyện đến nhà làm bạn, kiểu như làm thư ký riêng, để trò chuyện, nhưng chính là để "khai thác" viết bài cho tờ *The New Yorker*. Lâu lâu, con trai của Alan và Gaby là Thomas, một tay dương cầm có tiếng, lại trở về thăm cha mẹ. Những lúc như vậy, không khí trong nhà mới có sinh khí lên một chút.

Bao nhiêu chi tiết, bao nhiêu dàn dựng, bao quanh một cái lõi "muôn thuở": Những người sinh ra không phải để sống chung với nhau, mà phải sống chung để chịu đựng nhau, là thảm kịch. Cá nhân, gia đình, bổn phận, cái chung, cái riêng... Tác giả Sue Miller làm như vô tình để cho độc giả nghe được lời nói thầm của bà già Maynard trong một bữa cơm với dâu con: "Trông cậy vào con cháu nhiều quá thì chỉ thêm đau lòng". Và tác giả cũng không có lời khuyên nào đối với các nhân vật của bà.

Tác giả cuốn *The Distinguished Guest*, cũng giống như nhiều nhà viết tiểu thuyết khác, chỉ cho chúng ta thấy cái đã có, chứ không cho chúng ta thấy cái nên có, cái đáng lẽ phải có. Họ không cho chúng ta hi vọng.

## *"Người khôn nhất nước Mỹ"*

Đây là nhan đề cuốn tiểu thuyết mới nhất của W.D. Wetherell. Cuốn sách khá mỏng, nhân vật ít, nhưng chủ đề lớn: Người Mỹ đã như thế nào, đang như thế nào, và sẽ như thế nào để bắt đầu thế kỷ mới.

Ernst Junger rất già, W.D. Wetherell khá trẻ; Junger rất nổi tiếng, Wetherell chỉ mới có 3 tác phẩm xuất bản. Nhưng hai người gặp nhau ở một điểm: Cùng có cái nhìn bi quan về quá khứ và hiện tại của xã hội họ đang sống.

Đây, chuyện của Wetherell, *The Wisest Man In America:*

Max Thomas làm biên tập viên phụ trách chuyên mục cho một tờ báo liên tục trong 40 năm. Nay ông sắp viết bài cuối cùng, trước khi gác bút. Đây là giờ phút long trọng. Long trọng như một học sinh thủ khoa sắp đọc diễn văn trong buổi lễ tốt nghiệp; long trọng như Tổng thống Lincoln sắp đọc diễn văn tại nghĩa trang Gettysburg. Ông muốn nói một cái gì thật gọn, nhưng thật quan trọng. Ông muốn thiên hạ chú ý và nhớ mãi cái đó.

Có phải là ảo tưởng của vinh quang không? Không đâu. Đó là một ước muốn hoàn toàn hợp lý. Tờ báo mà Max đã cộng tác trong mấy chục năm là tờ báo có uy tín nhất Hoa Kỳ. Mục mà Max phụ trách là mục hay nhất của tờ báo. Khi ông nói, mọi người lắng nghe. Một ký giả khác, cũng rất nổi tiếng, đã khen ngợi ông: "Bạn là huyền thoại của thời đại của bạn đấy". Rồi cao hơn nữa: "Bạn là người khôn ngoan nhất nước Mỹ".

Về danh hiệu "khôn ngoan nhất nước Mỹ", Max có một đối thủ: Một tiều phu già ở New Hampshire tên là Ferris. Người này là một thiên tài chính trị. Đã 40 năm, kể từ khi Max khám phá ra ông ta, Ferris đã luôn tiên đoán được ai sẽ là ứng cử viên tổng thống Mỹ, thuộc cả 2 phe Dân Chủ và Cộng Hòa. Không lần nào trật. Trong một bài báo ngay từ buổi đầu, Max viết: "Ferris vạch đường cho đất nước đi".



Hai người đàn ông cao tuổi và khả kính nói trên là bạn thân của nhau. Trong một thời gian, Max đã thuê một ngôi nhà nghỉ mát gần trại của Ferris. Để rồi mùa xuân năm nào có bầu cử, ông cũng về đó, tìm hiểu tương lai của đất nước. Như một nhà tiên tri, hoặc như một tay phù thủy, Ferris đọc tên các ứng cử viên cho Max ghi chép.

Cứ thế, câu chuyện *Người Khôn Ngoan Nhất Nước Mỹ* tiến bước. Một chương nói về Max, một chương nói về Ferris. Chuyện nào cũng thú vị, nhưng chuyện nào cũng chấm dứt không vui.

Ferris bây giờ là một ông già chết vợ, sống cô độc. Lydia, bà vợ kinh khủng của ông, đã chết lâu rồi. Đứa con duy nhất của hai người bây giờ là một gã ghiền ma túy bệ rạc.

Max cũng là một ông già góa vợ. Anya, nguyên là một nhà khoa học lỗi lạc, cũng chết trước chồng. Hai vợ chồng chỉ có một người con gái, đã ly dị chồng từ hồi ngoài 30. Cô ta có một đứa con trai nhỏ, cả ngày chỉ ngồi coi truyền hình, không nói tiếng nào.

Max và Ferris đến với cảnh cô đơn của họ, mỗi người một cách.

Ferris luôn luôn ở nhà. Ngay trong khi thi hành quân dịch trong Thế Chiến II, ông cũng không rời quê hương: Ông gác tù binh tại New Hampshire. Ferris kể chuyện mình: Chuyện ông lùng kiếm và bắn chết một tên tù binh mà ông ưa thích hơn cả trong trại; chuyện ông lăng nhăng với Anya; chuyện những người muốn làm tổng thống cứ đến gõ cửa nhà ông.

Max thì khác. Ông đi khắp nơi trên thế giới. Nơi nào có tin thì ông tới. Mặc dù Anya đẹp, tài giỏi; mặc dù Anya đang làm công việc to tát là la lối trên đài truyền hình để cứu các đại dương; ông vẫn bỏ bà. Số là mùa

hè năm nọ, hai vợ chồng đã định về ngôi nhà nghỉ mát kia sống với nhau, nhưng đột nhiên ông phải đi Việt-Nam săn tin. Rồi Anya tằng tịu với Ferris.

Hình như có một bức màn màu xám phủ lên mọi sự kiện. Mọi nhân vật, mọi cảnh trạng, đều mang ẩn dụ. Max là tư tưởng. Ferris là dư luận. Người con trai nghiện ngập của Ferris là sự "đánh mất mục đích".

Nhưng rồi, Max cũng phải viết bài cuối cùng. Ông viết rất ngắn: "Sau 40 năm viết báo, sau 40 năm làm công việc tốt đẹp nhất trên thế giới, tôi chẳng biết được cái chuyện ...trước tiên".

Rõ ràng, tác giả W.D. Wetherell mượn miệng Max để bày tỏ quan niệm về tương lai đất nước.

## Câu chuyện một bức tranh

Xin các bạn yên tâm, không phải chuyện trinh thám rùng rợn như *"Tờ di chúc trong bức tranh"* đâu. Đây chỉ là chuyện "tâm lý" của bức tranh, hoặc "tâm lý" của họa sĩ khi vẽ bức tranh. Nhưng là bức tranh nào, mà chúng ta phải để ý như vậy?

Xin nói ngay là bức *Les Demoiselles d'Avignon* của họa sĩ Picasso. Mới đây, 3 họa sĩ đã chung nhau viết một cuốn sách gần 300 trang, để nói riêng về bức tranh ấy. Nhận định về một họa phẩm tất nhiên phải là họa sĩ. Ngành nghệ thuật nào cũng có những cái chuyên môn của nó. Không ở trong nghề, khó lòng mà hiểu cho hết được. Nhưng cuốn *Les Demoiselles d'Avignon* của William Rubin, Hélène Seckel và Judith Cousins không quá chuyên môn, những ai không phải là họa sĩ cũng có thể hiểu. Hiểu được sách tức là hiểu được tranh.

Đó là nói chung. Riêng tôi, có đôi trường hợp tôi nghĩ khác. Ngắm một họa phẩm, nhiều khi người xem chỉ cảm mà không hiểu. Và cái đẹp, cái hay của bức tranh có thể nằm trong cái "cảm" ấy. Nếu được một nhà chuyên môn giải thích, tất nhiên người xem sẽ "hiểu" hơn, nhưng không chắc cái "cảm" cũ còn nguyên vẹn.

Hồi còn trẻ, có lần tôi cùng hai người bạn đến xem một phòng triển lãm hội họa tại Nha Trang. Chúng tôi chú ý đến một bức, vẽ bằng bột màu, vì thấy lạ. Trong bức tranh, có một tấm vách, một cây chổi dựa tấm vách, một khoảnh sân ở giữa có con gà trống đứng, có vẻ ngơ ngác, nền trời màu xanh lẫn trắng, khoảnh sân màu vàng. Bức tranh không tựa. Chúng tôi bàn nhau đặt tên cho nó. Một người bạn nói: "Trưa Hè"; người kia nói: "Im Lặng"; tôi chẳng nghĩ ra được ý gì hay, bèn nói bừa: "Con Gà". Không ngờ tôi trúng. Một người thanh niên, đeo kính trắng, có phần còn trẻ hơn chúng tôi, bước lại gần, tự giới thiệu là họa sĩ đã vẽ bức tranh kia, giải thích:

- Anh bạn đây (chỉ tôi) đoán đúng. Phải chú ý đến con gà. Con gà là linh hồn của bức tranh. Một con gà trống mà không có con gà mái nào bên cạnh. Nó đang cô đơn. Tên bức tranh này là "Cô Đơn". Các bạn coi đây.

Họa sĩ lật bức tranh cho chúng tôi thấy phía sau. Quả có 2 chữ "Cô Đơn".

*

* *

Tôi kể chuyện bức tranh con gà, cốt là để các bạn hiểu ý tôi nghĩ gì về bức tranh *Les Demoiselles d'Avignon* của Picasso, hay đúng hơn, về cuốn sách bàn về bức tranh này.

Xưa nay, trong ngành hội họa Tây Phương, mỗi tay danh họa đều có một họa phẩm tiêu biểu. Không hẳn là bức tranh được nhiều người thích nhất. Có thể là bức tranh "làm kỷ niệm", bức tranh "chuyển bút pháp", bức tranh "ghi tâm trạng", v.v... Như Léonard de Vinci có bức *La Joconde*; Vincent Van Gogh có bức *Tự Họa* (Người rách tai) và *Hoa Diên Vĩ*; Henri Matisse có bức *Cô Gái Hung Mặc Áo Xanh*... Riêng Picasso có bức nói đây.

Pablo Picasso (1881-1973) vốn người Tây-ban-nha, về sau sang Pháp ở luôn cho đến mãn đời. Ông rất đa tài, nhưng chuyên về hội họa và điêu khắc. Chính là hội họa. Ông là họa sĩ đã gây được nhiều ảnh hưởng hơn hết trong thế kỷ 20. Cùng với họa sĩ Pháp Georges Braque (1882-1963), ông đã sáng lập trường phái "Lập Thể".

Tranh của Picasso, lượng thì nhiều, phẩm thì cao. Có nhiều bức là kiệt tác. Có nhiều bức đáng giá cả trăm triệu, chỉ có các tỉ phú (như tỉ phú Nhật bản chẳng hạn) mới sưu tập nổi. Cũng có trường hợp "có thể dễ làm ăn", hoặc "danh tiếng tạo thêm danh tiếng". Báo chí Paris đã có lần đăng tin một người thợ mộc nghèo bỗng kiếm được vài trăm ngàn quan, nhờ giữ được, và bán lại một trang giấy có vẽ một cái tủ, mà trước kia Picasso đã phác họa, để nhờ ông đóng.

Nhưng hình cái tủ thì đơn giản, mà hình các cô gái điếm trong bức tranh lập thể *Các Cô Avignon* kia, thì rất phức tạp. Càng ngày càng phức tạp. Nghĩa là càng nghe bàn luận, càng nghe giải thích, thì càng "thấy hay thêm", nhưng lại "càng khó hiểu".

Để có luận chứng, 3 vị họa sĩ đã phải lục lọi đời tư của Picasso. Mà lục lọi rất kỹ. Nào là bức tranh ấy chịu ảnh hưởng tâm trạng của Picasso trong thời gian phải chia tay với tình nhân là Fernande Olivier; nào là nó thể hiện những mơ tưởng tình dục của họa sĩ với đứa con gái nuôi 13 tuổi; nào là Picasso đã vẽ nó sau khi bị mắc bệnh phong tình vì đã tới lui nhà điếm, v.v...

Không có bức tranh nguyên bản trước mắt, tôi thử mở tự điển ra coi. Tôi cố nhìn kỹ các *demoiselle* trong tranh, để hiểu lời giảng trong sách, nhất là sự dẫn luận của tác giả William Rubin về cảm quan Freud. Nhưng tôi chịu. Chỉ thấy mặt các cô trở nên đau khổ hơn.

Vậy thôi, nghe các cô! Họa sĩ Picasso chắc biết các cô (vì cuốn sách nói vậy), nhưng không chắc các cô đã nhớ ông ta. Các cô cứ ở yên trong bức tranh ấy, để mặc cho thiên hạ bàn ngang tán dọc. Các cô đã được viện bảo tàng gìn giữ. Chỉ có ông Picasso vẽ các cô, là không ai bảo vệ mà thôi. ●

# Xuân Diệu, "Thi-Sĩ Máy" của Dòng Thi-Ca Phương Bắc

## *Phan Thịnh*

*LTS.- Nói đến cộng-sản là nói đến hủy-diệt.*

*Hủy-diệt giai-cấp bằng cách kéo cả nước xuống hàng nghèo-khó cơ hàn. Xã-hội tuyệt-đối công-bằng ở mức thấp nhất: nhân-dân cùng đói.*

*Hủy-diệt tự-do bằng cách câu-thúc thân-thể. Ràng-buộc từng bước chân đi. Ràng-buộc từng ý-nghĩ trong đầu. Từng miếng ăn, giấc ngủ, từ sợi chỉ cây kim. Con dân sống trong nước cộng-sản càng thấm-thía hơn ai hết giá-trị của tự-do!*

*Hủy-diệt văn-nghệ, và làm cho văn-nghệ tự hủy. Vườn thi-ca Việt-nam dưới sự lãnh-đạo của đảng cuối cùng nở rặt một loài hoa. Hoa đỏ.*

*Bài viết sau đây của Phan Thịnh hé cho thấy một khoảng trời xanh trong ngày cũ, đã ám mây mờ. Khoảng trời của Xuân Diệu, người thơ tiền chiến, đã biến thành máy thơ kháng-chiến. Thi-nhân không còn run với gió, mà thu hình với nỗi sợ chờn-vờn trong không, dưới ánh-sáng chỉ-đạo của đảng và cán-bộ lãnh-đạo văn-nghệ.*

*Nay ở trong thơ nên có thép*
*Nhà thơ cũng phải biết xung phong.*

Hai câu thơ trên của Hồ Chí Minh đã là một thứ khuôn mẫu vạch ra cho những người làm văn hóa trong chủ nghĩa Cộng sản.

Đáp lại lời hiệu triệu đó, có rất nhiều người thơ phương Bắc xung phong, hăng hái cầm bàn chải tự chà xát vào dĩ vãng mình, quỳ xuống mà kể lể những oan khiên, những bất ưng của mình trong quá khứ, và cố gắng lột xác để "xung phong" theo ý "bác". Trong số đó có Xuân Diệu.

"Trước kia, tôi đã cực nhục vô cùng với chế độ cũ coi rẻ nhà thơ, thì bây giờ người thi sĩ trong tôi cảm kích vô hạn trước cái thái độ đại nghĩa của Đảng..." (*Tuyển tập Xuân Diệu II*, nxb Văn Học, Hà Nội 1987, tr. 234). Xuân Diệu đã gặp mình trước những đặc ân mà đảng Cộng sản dành cho sau những năm tháng dài phục vụ.

Hãy thử ôn lại dĩ vãng cũng như thi nghiệp của Xuân Diệu.

Thế Lữ, trong lời tựa tập *Thơ Thơ*, đã giới thiệu một thi sĩ rất trẻ, sinh năm 1917 tại Quy Nhơn như sau: *"...Nhà thi sĩ ấy là một chàng trai hiền hậu và si mê, tóc như mây vướng trên đài trán thơ ngây, mắt như bao luyến mọi người, và miệng cười mở rộng như một tấm lòng sẵn sàng ân ái. Chàng đi trên đường thơ, hái những bông hoa gặp dưới chân, những hương sắc nẩy ra bởi ánh sáng của lòng chàng. Thơ là cụm đầu mùa chàng tặng cho nhân gian. Và từ đây, chúng ta đã có Xuân Diệu..."*

Hoài Thanh-Hoài Chân trong *Thi Nhân Việt Nam* cũng nhận định: *"Xuân Diệu đã say đắm tình yêu, say đắm cảnh trời, sống vội vàng sống cuống quít, muốn tận hưởng cuộc đời ngắn ngủi của mình. Khi vui cũng như khi buồn, người đều nồng nàn tha thiết..."*

Không tha thiết sao được khi Xuân Diệu, người thơ của tình yêu đã:

*Với bàn tay ấy ở trong tay*
*Tôi đã nguôi quên hận tháng ngày*
*Một tối trăng mờ gieo mộng tưởng*
*Vào làn gió nhẹ thần thơ bay...*

Và nồng nàn:

*Em nói trong thư mấy bữa rày*
*Sao mà đom đóm cứ đua bay*
*Em buồn em nhớ. Chao! Em nhớ!*
*Em gọi thăm anh suốt cả ngày.*

Lãng mạn nữa:

*Tôi muốn tắt nắng đi*
*Cho màu đừng nhạt mất*
*Tôi muốn buộc gió lại*
*Cho hương đừng bay đi*

Thuở đó, thuở của *Thơ Thơ*, của *Gửi Hương Cho Gió*, Xuân Diệu là thi sĩ của tình yêu. Những bài thơ ca ngợi tình yêu ấy như một làn gió mới thổi qua thi đàn đang đóng khung trong những lề luật, điển tích và gò bó của Đường Thi. Thơ Xuân Diệu xuất hiện như một khai mở cho lối sáng tác mới: phóng túng, tự nhiên, và chân thành.

Nhóm Tự Lực Văn Đoàn với Nhất Linh, Khái Hưng, Thế Lữ, Thạch Lam, Hoàng Đạo... đã là những cây bút tiên phong trong phong trào duy tân và cấp tiến. Họ có công khai phá và làm nhẹ bớt những ảnh hưởng cũng như những khuôn sáo cũ trong văn chương. Họ đã đưa được làn gió từ trời Âu thổi sâu vào những lũy tre xanh, đưa ra nhiều tác phẩm có giá trị.

Riêng Xuân Diệu, phải nhận rằng ông là người tiên phong đưa vào thi đàn những cảm giác, những nguồn hứng sáng tác tự nhiên, mà từ lâu bị đè nén, gò bó và lúng túng trong khuôn sáo của lối thơ cũ.

Ca tụng tình yêu, Xuân Diệu đã thành công trong ý hướng sáng tác của mình:

*Tình yêu muôn thuở vẫn là hương*
*Biết mấy lòng thơm mở giữa đường*
*Đã mất tình yêu trong gió rủi*
*Không người thấu rõ đến nguồn thương.*

Cuộc đời, đối với Xuân Diệu, chỉ có tình yêu là đáng kể:

*Rồi một ngày kia tôi sẽ đi*
*Vì sao! Ai nỡ hỏi làm chi!*
*Tôi khờ khạo lắm, ngu ngơ lắm*
*Chỉ biết yêu thôi, chẳng hiểu gì.*

Diễn tả nhịp lòng xôn xao trong những giây phút hẹn hò, Xuân Diệu cũng đã ghi lại với ý thơ rất mới và rất đẹp:

*Ai để bàn tay ngọc*
*Run run hoa lá gần*
*Thoảng màu đôi mắt lọc*
*Bên lòng vang gió ngân.*
*Cho lòng xin chút hương*
*Cho lòng xin chút lửa*
*Cho lòng xin chút thương*
*Cho lòng xin chút nữa...*

*ThơThơ* mới chỉ là bước đầu của thi nghiệp Xuân Diệu. Những tác phẩm sau đó như *Gửi hương cho gió* (thơ); *Phấn thông vàng* (văn xuôi); *Thanh niên với quốc văn* (tiểu luận) đã được người đọc đón nhận, ấp ủ và trân quý.

Qua một bài tiểu luận về việc sáng tác đăng trên tạp chí *Tri Tân*, Xuân Diệu bày tỏ quan niệm của mình đối với khuynh hướng cổ điển: *"...Bạn thanh niên, chúng ta không nên ăn cắp 'trời bến Phong Kiều' hay 'thu sông Xích Bích' như những người lớp trước nữa, mà phải đào, phải cuốc ở cái miếng đất riêng biệt của chính tâm hồn mình, để đem cái không khí sáng tạo cho văn chương Việt Nam..."* Và ông đã đi tiên phong trong lời khuyên ấy:

*...Em sợ lắm, gió băng tràn mọi nẻo*
*Trời đầy trăng lạnh lẽo suốt xương da*
*Người giai nhân, bến đợi dưới cây già*
*Tình du khách: thuyền qua không buộc chặt*
*Lời kỹ nữ đã vỡ vì nước mắt*
*Cuộc yêu đương gay gắt vị làng chơi*
*Người viễn du lòng bận nhớ xa khơi*
*Gỡ tay vướng để theo làn gió nước*
*Xao xác tiếng gà, trăng ngà lạnh buốt*
*Mắt run mờ, kỹ nữ thấy sông trôi*
*Du khách đi! Du khách đã đi rồi!*

Người yêu thơ Xuân Diệu, mấy ai quên được hai chữ "trời ơi" của bài *Nguyệt cầm*:

*Thu lạnh càng thêm nguyệt tỏ ngời*
*Đàn ghê như nước lạnh. Trời ơi!*
*Long lanh tiếng sỏi vang vang hận*
*Trăng nhớ Tầm Dương, nhạc nhớ người...*

Nếu Xuân Diệu ngừng ở đây, với những bài thơ trong *Thơ Thơ, Gửi Hương Cho Gió*, danh vị "Thi sĩ của tình yêu" chắc chắn sẽ mãi mãi thuộc về ông.

Nhưng, bất hạnh thay cho thi ca VN, và cũng đáng tiếc thay cho Xuân Diệu, ông đã bị cơn lốc Cộng sản cuốn đi, biến chất và trở nên một thi sĩ máy, sáng tác theo lệnh Đảng.

Năm 1949, trong tập *Dưới Sao Vàng*, khi hình ảnh Hồ Chí Minh chưa được ca ngợi, tôn sùng quá đáng, Xuân Diệu đã nhắc tới họ Hồ tương đối bình tĩnh và vừa phải:

*Gió sương bốn biển pha hơi ấm*
*Trong máy truyền thanh tiếng cụ Hồ.*

Bốn năm sau, 1953, Xuân Diệu đã hoàn toàn lột xác. Còn đâu một Xuân Diệu:

*Đi sao được khi mặt trời vẫn nở*
*Bỏ sao đang những mái ngói yên buồn*
*Đường rất lặng với hàng cây rất nhớ*
*Xa sao đành, mất đẹp của hoàng hôn.*

Bây giờ là một Xuân Diệu thành khẩn, quì mọp trước họ Hồ:

*Mỗi lần tranh đấu gay go*
*Chúng con lại được Bác Hồ đến thăm*
*Chúng con dưới vực sai lầm*
*Đang vươn mình được Bác cầm tay lên*
*Lời Cha rất mực dịu hiền*
*Như là thấm nhẹ mà xuyên vào lòng*
*Con quỳ trước Bác mênh mông*
*Tội nhiều chưa dám ngẩng trông cha già.*

Hy vọng có được một chỗ đứng trong xã hội mới, Xuân Diệu đã miệt mài đi "thực tế" để tìm chất liệu sáng tác. Từ những miền xa của tổ quốc, thơ Xuân Diệu nườm nượp bay về, đăng chằng chịt trên các báo Đảng, ca tụng sự ấm no, hạnh phúc mà Đảng đã ban phát:

*Gió xuân về huyện Cẩm Khê*
*Thì tôi cũng mến thương về Thanh Nga*
*Cọ cao lá rợp sân nhà...*

Thi sĩ đã làm thơ cổ động theo đơn đặt hàng của tổ hợp trồng cọ thuộc xã Thanh Nga. Rồi đến *"hương cà phê thơm trong giấc ngủ..."*. Ly cà phê và gã thi sĩ là một quyến luyến không rời, chẳng nói năng gì với nhau, nhưng vẫn khơi được rất nhiều tâm sự. Ở đây, trong thơ Xuân Diệu thì ly cà phê bỗng dưng... vĩ đại hơn, vì ly cà phê có... nghĩa vụ quốc tế:

*Ai lại cà phê nở rất tươi*
*Lao xao hoa trắng bạt ngàn thôi*
*Trong xanh như sắc hoa nhài vậy*
*Mà một mùi hương thoảng nhẹ người.*
*Đông Hiếu nông trường còn trẻ ghê*
*Nghe đồn Đông Hiếu lắm cà phê*
*Rờn rờn lá ánh, ánh dương biếc*
*Đã mọc trên làn lá trẩu che*
*Tưởng ở nơi đây lúc chín cà*
*Nghìn tay thoăn thoắt hái như hoa*
*Đầy tay, đầy giỏ, đầy vai nữa*
*Một sắc hồng Arabica.*
*Nâng tách cà phê pha rất thơm*
*Vị đời có lẽ cũng tăng hơn*
*Gửi đi nước bạn đang băng tuyết*
*Một ít hương mặt trời Việt Nam.*

Rời đồn điền cà phê, "thi sĩ máy" Xuân Diệu ghé qua thăm nông trường trồng khoai mì. Củ khoai mì qua cách tả của ông thật đẹp, thật hấp dẫn:

*...Vỏ ngoài em khoác áo nâu*
*Vỏ trong em khoác áo màu hồng sen*
*Muốn ăn xôi, sắn đồ lên*
*Cầm thanh sắn luộc không quên người trồng.*

Xuân Diệu bôn ba nhiều lắm, có mặt trong từng góc cạnh của quê hương. Ông đem tài thơ của mình để ca ngợi những công, nông trường và công tác thủy lợi:

*Con kênh, con máng, con mương*
*Ba con cùng chảy, anh thương con nào*
*Anh thương sông cái làm sao*
*Nhỏ to sông mán g, sông đào đều yêu*
*Công ta một thuở tuy nhiều*
*Mà nghìn năm vẫn phì nhiêu đất này...*

Tuy thi sĩ có nói đến yêu, nhưng là yêu sông, yêu máng chứ không yêu con người. Vì thế, bài thơ nói về sông nước mà không nghe được một tiếng róc rách của nước chảy, không có

được chút mát mẻ của hơi nước phả vào.

Rồi một buổi chiều trên sông Đà, bên bến phà Thia; con phà già nua cũ kỹ vẫn phải cặm cụi đi về cho đến lúc phế thải. Nơi đó, Xuân Diệu dừng gót phiêu du, đặt bút làm thơ, bài thơ không buồn, không cảm cảnh cho chặng cuối của một con phà ọp ẹp, mệt mỏi; mà người và cảnh cứ phải lâng lâng, phơi phới:

*Anh lên lần trước uống nước sông xanh*
*Anh lên lần này nấu cơm nước đỏ*
*Đầu lũ sông Đà trắng phau cửa sổ*
*Bến phà Thia, ngôi nhà nhỏ công nhân*
*Anh thủy thủ có tâm hồn hơn hớn*
*Vẫn đưa phà qua những bến bờ yêu.*

Đôi khi Xuân Diệu dừng chân bên cánh đồng hợp tác, ngắm cảnh người cày thay trâu, công việc đồng áng nay là phái nữ, vì đàn ông đã phải vào chiến trường miền Nam:

*Ngày xưa thi sĩ yêu công chúa*
*Mơ khói trầm lên quyện khói hương*
*Ngày nay thi sĩ trên ruộng lúa*
*Muốn làn ca ngợi gái nhà dân.*

Và cũng vì thi sĩ đã trót "*muốn làn ca ngợi gái nhà dân*", nên cái thuở người thơ yêu mỹ nhân có hương vòng khói quyện đã trở nên thê thảm, tàn lụi và đau thương:

*Đi trong đời như một kẻ lột da*
*Rách đau thương ở giữa bọn gian tà*
*Nhìn dân chúng khổ vì đâu chẳng biết*
*Vũ trụ tưởng tàn, thế giới tưởng hết*



*Không đấu tranh mà chỉ có thương tâm*
*Tôi thảm một mình quẩn tháng quanh năm.*

Xuân Diệu đã nhẫn nha bấn từng viên đạn để khai tử dĩ vãng mình. Thi sĩ đã quỳ xuống, thùm thụp đấm ngực mình kêu gào xin tha thứ. Và rồi vươn vai lột xác, trở thành một con người Cộng sản:

*Hãy cảm ơn đảng Cộng sản, lòng ta ơi*
*Hãy cảm ơn những người dựng con người*
*Hãy cảm ơn Hồ Chí Minh đồng chí*
*Đã rèn luyện một nửa già thế kỷ*
*Xưa lệ sa ta oán hận đất trời*
*Nay lệ hòa ta lại thấy đời tươi*

Để tạ ơn tái tạo của họ Hồ và Đảng, Xuân Diệu đã gào thét:

*Máu kêu máu trả thù*
*Súng đâu, anh em đâu*
*Bắn nó thủng yết hầu*
*Bắn tỉa, bắn dài lâu.*
*Căn cứ đổ nhào, lửa reo đồn bót*
*Quân ta dân ta, quân ta đạn rót*
*Trộn xác quân thù vào với bê tông*
*...*

Men rượu hữu tình ngày xưa không còn nữa; bóng dáng chàng trai trẻ hiền hậu và si mê, tóc như mây vướng trên đài trán thơ ngây cũng đã mất tăm, thay vào đó là hình ảnh của một tên đồ tể đang quay cuồng trong trường sát giới:

*Chặt đầu mổ bụng*
*Lấy mật moi gan quân ác ôn chia nhau uống rượu.*

Nghe kinh khiếp quá! Người thơ của "*...Làm sao sống được mà không yêu; Không nhớ không thương một kẻ nào?...*" nay lồng lên như một người bị quỷ ám. Hơn thế nữa, Xuân Diệu không chấp nhận ngay cả một cảm giác thiết tha, lưu luyến rất thường tình:

*Khi vui sướng ta nổ cười huyên náo*
*Lúc đau khổ ta gầm gầm dông bão*
*Cắt cái bùi ngùi, vứt nó xuống sông*
*Chặt cái bùi ngùi, dẫm nó dưới chân.*

Hai chữ "Trời ơi" thảng thốt của Xuân Diệu trong *Nguyệt cầm* còn đó, nhưng nay với thẻ đảng trong tay, thi sĩ đã viết với một âm sắc khác hẳn:

*Trời ơi, quần chúng hóa tình nhân.*

làm như là một khám phá bất ngờ.

Xuân Diệu cũng gạt bỏ ước mơ của những ngày tháng *Thơ Thơ*. Cái bàn tay khiến thi sĩ "*nguôi quên hận tháng ngày*" không còn nữa vì ông bận tìm cảm giác:

*Ôi êm ái khi tay cầm vũ khí.*

Ngân nga mãi cái tiết điệu sắt máu, hung tàn, bợ đỡ và những trò xảo thuật chữ nghĩa như thế, Xuân Diệu vẫn cho là chưa đủ. Trong bài *Sáu mươi năm phía trước* in trong tập *40 năm Văn Học*, xuất bản năm 1986, thi sĩ đã trâng tráo ghi nhận: "*...Những nhà thơ của chúng ta nhất định đúng và tốt, và do vậy về bản chất, nó ưu việt gấp ngàn vạn lần, không thể so sánh được cái thơ văn sai và xấu của các giai cấp bóc lột và bọn phản cách mạng...*"

Như chiếc phà già nua trên bến phà Thia, Xuân Diệu rồi cũng có ngày chậm chạp, nhịp thơ không còn đều, chữ nghĩa đã cạn. Miền Nam không hề là miền đất hung hiểm, và miền Bắc thì cũng chẳng trù phú, mượt mà và lễ nghĩa như thơ Xuân Diệu mô tả. Lúc này, Xuân Diệu đã quá mòn mỏi, tả tơi, thoi thóp. Luật đào thải từ từ đến với ông. Một nhát dao chém xuống dĩ vãng của người "thi sĩ máy" đã suốt đời nổ dòn lời thơ ca tụng chế độ và họ Hồ, đã gần như trọn đời bập bùng và mù mịt trong khói lửa hận thù, chém giết. Năm 1987, báo *Sàigòn Giải Phóng*, trong bài nhận định của Phạm Hổ có đoạn: "*...Chín năm kháng chiến chống Pháp, với kiểu đó, Xuân Diệu, Tế Hanh có được mấy bài thơ hay đâu!...*"

Phê bình Xuân Diệu như vậy, phải chăng đảng Cộng sản đã... phản tỉnh? Chắc chắn không! Chỉ vì những bài thơ của thời ấy nay đã chẳng còn chút dư âm. Tất cả đã chìm hút vào quên lãng. Nó đã hoàn thành sứ mạng tuyên truyền và nó phải bị đào thải. Thời Xuân Diệu đã qua, chữ nghĩa đã cạn cùng. Người "thi sĩ máy" được nằm yên trong kho chứa đồ phế thải cùng với những "cây bút máy" khác. Sân khấu văn nghệ của Đảng hôm nay cần những người trẻ tuổi hơn, khôn ngoan hơn và cũng hiện đại hơn. ●

# Đại-Hội Văn Bút Tây Đức 1995

# *Ký-Ức Bất Tương-Đồng*

Bùi Hạnh Nghi

***Đ***ại hội Văn bút Tây Đức năm nay được tổ chức từ 19 đến 21 tháng 5 tại thành phố Mainz, thủ phủ của tiểu bang Rheinland Pfalz, cách Frankfurt độ 50 cây số. Mainz là một thành phố có nhiều di tích lịch sử, văn hoá và cũng là quê hương của Gutenberg, người đã phát minh kỹ thuật in tại Âu châu vào khoảng giữa thế kỷ 15. (Tác phẩm đầu tiên được ông cho in là bộ Thánh kinh Thiên Chúa giáo, vì thế sau này người ta thường gọi là Thánh kinh Gutenberg). Để ghi nhớ công ơn, thành phố Mainz đã lấy tên ông đặt cho viện đại học của thành phố này.

Danh xưng Văn bút Tây Đức có thể làm một số độc giả ngạc nhiên. Nước Đức đã thống nhất hơn 5 năm nay, nghĩa là chỉ có duy nhất một Đức quốc chứ không còn Tây Đức, Đông Đức nữa; thế thì tại sao vẫn có Văn bút Tây Đức? Lý do là vì khi Đức quốc chia đôi, Tây và Đông Đức mỗi bên đều có một trung tâm riêng biệt, cả hai đều là thành viên bình đẳng của Văn bút Quốc tế mặc dù trên nguyên tắc, mỗi quốc gia chỉ được quyền có một trung tâm, ngoại trừ trường hợp những quốc gia có nhiều ngôn ngữ chính thức như Thụy Sĩ hoặc lãnh thổ quá rộng lớn và số hội viên quá đông như Hoa kỳ. Cho đến nay, hai trung tâm Tây và Đông Đức vẫn song song tồn tại và chưa kết hợp được mặc dầu một số hội viên của cả đôi bên, nhất là bên Đông Đức và cả hai bên chấp hành đương nhiệm, đều tỏ ý mong muốn. Văn bút Quốc tế cũng khuyến cáo hai bên chóng đi đến kết hợp để chấm dứt tình trạng một nước có hai trung tâm. Do đó vấn đề kết hợp được chọn làm đề tài chính của các buổi thảo luận trong kỳ đại hội năm nay, và cũng sẽ là vấn đề quyết định vận mạng ban chấp hành đương nhiệm.

Thành phần tham dự gồm khoảng 170 hội viên và độ 30 quan khách đến từ các trung tâm bạn. Những người này được mời không với tư cách đại diện cho trung tâm mình mà với tư cách thân hữu. Văn bút Tây Đức có truyền thống khả ái là mỗi kỳ đại hội thường mời một số hội viên của các trung tâm khác. Các quan khách được mời tham dự với tư cách quan sát viên trong tất cả các buổi sinh hoạt, kể cả các cuộc họp nội bộ và bầu cử. Ngoài người viết bài này còn có những quan khách thuộc các trung tâm Hoà Lan, Áo, Nga, Bosnia, Thụy Điển, Thụy Sĩ, Tây Ban Nha, Tiệp và Văn bút Đức lưu vong.

Chủ đề của Đại hội 95 là *Die geteilte Erinnerung*, tạm dịch là "Ký ức bất tương đồng". *Erinnerung* (hồi tưởng, ký ức, kỷ niệm) là phạm trù được nhắc nhở, bình luận rất nhiều trong năm nay, nhân dịp kỷ niệm 50 năm kết thúc đệ nhị Thế chiến, ngày các nước đồng minh giải phóng Đức quốc khỏi ách độc tài tàn bạo của Hitler; đồng thời cũng kỷ niệm 50 năm ngày giải phóng tù nhân các trại tập trung của Đức Quốc Xã. Vì những kỷ niệm quan trọng đó, năm nay giới chính trị và truyền thông cũng như quần chúng cùng nhau làm chuyến hành trình trở về quá khứ để lấy những biến cố đã qua làm đề tài suy tư và từ đó rút ra bài học cho hiện tại. Nhắc lại, bình luận, phê phán và truy cứu nguyên nhân là phương pháp hiệu nghiệm nhất để giải toả quá khứ, một quá khứ chồng chất oan khiên dưới ách độc tài chuyên chế Đức Quốc Xã. Nếu vô tâm để quá khứ rơi vào quên lãng, tức là tạo cơ hội cho chính sách tàn bạo được dịp hồi sinh.

Riêng đối với Văn bút Đức trong kỳ đại hội năm nay, cuộc hành trình về quá khứ còn nhằm vào một đối tượng khác: đó là 40 năm cộng sản thống trị Đông Đức. Cụm từ "ký ức bất tương đồng" vừa để mô tả hậu quả khốc liệt mà toàn dân phải gánh chịu qua 40 năm dài đất nước chia đôi, vừa để nói lên những dị biệt và tương phản lịch sử giữa Văn Bút hai miền.

Bằng một cuộc tranh đấu hoà bình có một không hai trong lịch sử, Đông Đức đã lật đổ được chế độ cộng sản và tái lập nền dân chủ. Đức quốc đã thực hiện được thống nhất vào cuối năm 1990. Nhìn chung, công trình thống nhất quốc gia đã diễn tiến tốt đẹp trên lãnh vực chính trị và kinh tế. Nhưng có nhiều người cho rằng thống nhất đã diễn ra quá vội vã và thiếu bình đẳng đối với Đông Đức. Về phương diện tâm lý tình cảm thì bức tường ô nhục vô hình vẫn tồn tại trong lòng người, gây ra nhiều đố kỵ và thành kiến chưa giải toả được, tạo ra hàng loạt vấn nạn tâm lý và xã hội. Giới văn sĩ vốn nhạy cảm hơn người nên đã phân tích mổ xẻ tình trạng này trên báo chí, và Văn Bút đã lấy vấn đề này làm chủ đề của đại hội năm

nay.

Sự ngăn cách và khác biệt Đông Tây vẫn tiếp tục tồn tại trong lòng người, hằn sâu trong ký ức vì 40 năm chia cách, hai miền sống trong hai thể chế hoàn toàn tương phản, không dễ gì một sớm một chiều có thể xóa bỏ để đi đến hòa hợp, nhất là sự thống nhất quốc gia đã không là sự kết hợp song phương mà trên thực tế chỉ là đơn phương sát nhập Đông Đức nghèo nàn vào Tây Đức giàu mạnh. Những háo hức của buổi đầu thống nhất đã sớm tan biến, nhường chỗ cho những uẩn ức và hiềm khích đố kỵ ngày càng gia tăng.

Người Tây Đức cho rằng mấy chục năm cộng sản không những đã làm kinh tế Đông Đức kiệt quệ và trở thành gánh nặng cho Tây Đức sau ngày sát nhập khiến dân Tây Đức phải nai lưng đóng góp để cứu vớt; mà còn tạo nên những mẫu người bất tài, bất lực, vô trách nhiệm, chỉ biết chờ lệnh thượng cấp, không sử dụng được cho kinh tế thị trường.

Người Đông Đức bất bình vì Tây Đức ỷ mạnh, đem toàn bộ cơ cấu luật pháp, chính sách thuế khoá và tổ chức hành chánh áp đặt lên Đông Đức. Dưới mắt người Đông Đức, Tây Đức đã đến với đồng hương bên kia trong tư thế một loại đế quốc tư bản, vừa ích kỷ vừa tự cao tự đại. Các doanh gia chỉ nghĩ đến lợi dụng tình thế để làm giàu; còn giới cầm quyền và dân chúng Tây Đức thì khinh thường người đồng hương, xem họ là sản phẩm của chế độ cộng sản.

Một số không nhỏ dân Đông Đức ta thán vì đang phải hứng chịu những hậu quả cay nghiệt của thời kỳ chuyển tiếp sang nền kinh tế thị trường (thất nghiệp, lạm phát, chênh lệch giàu nghèo.v.v..) Họ đã phải bất ngờ chạm trán với một nền kinh tế mới lạ, đòi hỏi nhiều kiến thức và khả năng ngoài tầm hiểu biết và rốt cục mấy chục năm cần cù lao động nay phút chốc hầu như bị xoá bỏ, chỉ còn lại một số không to tướng cả về vật chất lẫn tinh thần. Heiner Mueller, một nhà văn Đông Đức nổi tiếng và trước đây từng là nạn nhân của chế độ Honecker đã bình phẩm thống nhất như sau: "Hậu quả của thống nhất là cả Tây lẫn Đông Đức đều biến mất, nhường chỗ cho một khoảng trống to lớn đặt nền tảng trên thế lực của đồng đức mã". Văn sĩ thường thích ngoa ngôn. Khách quan mà nói, lời bình phẩm của Heiner Mueller quả là quá đáng, nhưng qua đó ta cũng cảm nhận được sự sứt mẻ trầm trọng trong tâm lý của dân chúng hai miền.

Tuy nhiên cũng nên nói thêm rằng người Đức thường có xu hướng cực đoan, khi thì kiêu hãnh quá đáng lúc lại tự mạt sát thậm tệ. Lúc bàn về những khó khăn hay lầm lỗi trong quá khứ của dân tộc mình thì người Đức, nhất là giới trí thức, ưa mổ xẻ và phê phán nghiêm khắc chứ đứng ngoài mà nhận xét, ai cũng phải công nhận rằng thống nhất đã mang lại thành quả tốt đẹp và Đông Đức cũ đang tiến vượt bực và dần dà sẽ đuổi kịp sự phú cường của Tây Đức. Điều mà giới văn nhân trí thức muốn nhắc nhở là không nên chỉ nhìn thống nhất dưới khía cạnh vật chất mà lãng quên những giá trị tinh thần và những nhu cầu tâm lý.

Bên cạnh những bất đồng trên bình diện rộng lớn của dân tộc, Đại hội Văn bút năm nay còn nhắm vào sự bất đồng giữa Văn Bút hai miền, được biểu lộ qua sự hiện hữu của hai trung tâm Văn bút Đông, Tây; mỗi bên có một lịch sử và đường lối hành động khác biệt, đối nghịch nhau. Muốn đi đến kết hợp thì trước hết phải giải tỏa quá khứ bằng cách hồi tưởng, nhận định, phân tích và phê phán những lỗi lầm trong thời gian qua.

Mấy tháng trước ngày Đại hội, vấn đề kết hợp đã là nguyên nhân của một cuộc bút chiến sôi nổi trên báo chí làm xôn xao dư luận và xáo trộn nội bộ Văn bút Tây Đức không ít. Nguyên do là vì ban chấp hành đương nhiệm, để chuẩn bị đại hội, đã gửi trước đến các hội viên lời đề nghị đem vấn đề "nên hay không nên đối thoại và thương thuyết với Văn bút Đông Đức để cùng nhau tìm ra phương thức kết hợp" vào chương trình nghị sự để đại hội thảo luận và biểu quyết. Đề nghị này đã khiến một số hội viên hiểu lầm là ban chấp hành đã ngấm ngầm thỏa thuận kết hợp với Văn bút Đông Đức hay ít ra cũng đã bí mật thương thuyết với bên kia.

Thế là một làn sóng phản đối diễn ra tới tấp. Một số hội viên công khai lên tiếng chỉ trích chủ tịch lạm quyền, muốn đặt cái cày trước con trâu và chủ trương kết hợp khi vấn đề chưa được bàn cãi thấu đáo và biểu quyết một cách dân chủ trước đại hội đồng. Chủ tịch còn bị phê bình là đã quá đề cao Văn bút Đông Đức, quá vội quên quá khứ của họ để mặc nhiên xem họ như một trung tâm ngang hàng với trung tâm Tây Đức.

Những phản ứng mãnh liệt này khiến Trung tâm Đông Đức chột dạ, nên mặc dầu trước đó họ đã nhận lời mời tới tham dự đại hội, giờ chót đã viết thư từ chối với lý do: cuộc bút chiến vừa xảy ra đã khiến họ sợ rằng sự có mặt của họ sẽ làm không khí quá căng thẳng và sẽ có những cuộc xô xát về tư tưởng giữa Văn bút hai miền đưa hội trường vào một cuộc khẩu chiến ác liệt khiến vấn đề vốn đã nan giải lại càng bế tắc thêm.

Đại hội đã đưa ra nhiều ý kiến xung khắc nhau về vấn đề kết hợp, tựu trung có thể đúc kết thành hai lập luận chính sau đây:

Lập luận thứ nhất - do một thiểu số chủ trương - cho rằng kết hợp hai Trung tâm là một nhu cầu của tình thế và là một đòi hỏi chính đáng. Do đó phải đối thoại để cùng tìm ra một phương thức kết hợp. Tuy Văn bút Đông Đức có lỗi lầm trong quá khứ và "ký ức bất tương đồng" là một hiện tượng không ai chối cãi được, nhưng hãy cho qua đi những gì đã qua. Phải hướng về tương lai, phát huy tình huynh đệ trong tinh thần hoà giải, kết hợp trong sự bình đẳng của đôi bên bằng một phương thức do hai bên thỏa thuận.

Lập luận thứ hai chiếm đa số tại Đại hội. Những người này lần lượt lên diễn đàn gay gắt kết án Văn bút Đông Đức và chống lại kết hợp. Họ cho rằng không thể kết hợp, bao lâu Văn

bút Đông Đức vẫn còn là hậu thân của Văn bút Đông Đức cũ, nghĩa là vẫn chưa chịu bày tỏ lập trường dứt khoát với những sai lầm của quá khứ và vẫn chưa khai trừ những hội viên trước đây từng làm tay sai cho mật vụ cộng sản, chỉ điểm tố cáo đồng nghiệp, hoặc đã dùng ngôn ngữ, hành động để biến mình thành công cụ của chính sách đàn áp, hay đã có những lời tuyên bố hay tác phẩm phản lại tôn chỉ và hiến chương của Văn bút Quốc tế. Những kẻ đã tự bán mình làm dụng cụ đàn áp của bạo quyền thì không thể nào chấp nhận, cho phép họ được ngồi chung với nạn nhân của họ. Văn bút Đông Đức vốn không phải là một Trung tâm gồm những người cầm bút chân chính mà chỉ là bình phong tuyên truyền của chính quyền Đông Đức. Sở dĩ ngày trước Văn bút Quốc tế đã phải nhận họ làm hội viên là vì tình trạng nước Đức chia đôi; mặt khác cũng vì hy vọng các nhà văn của Trung tâm này sẽ gây được ít nhiều mầm mống phản kháng "ngay trong lòng địch". Nhưng lịch sử đã chứng minh điều ấy chỉ là ảo tưởng. Một số khá đông hội viên Văn bút Tây Đức cho rằng việc chấp thuận cho Văn bút Đông Đức gia nhập Văn bút Quốc tế là một sai lầm và chính Văn bút Quốc tế phải chịu phần lớn trách nhiệm về sự sai lầm này. (Hy vọng Văn bút Quốc tế sẽ rút được kinh nghiệm này để sáng suốt và thận trọng hơn trong tương lai, nếu một ngày nào đó Bắc Hàn hoặc Việt Nam cộng sản hay bất cứ một nước độc tài chuyên chế nào khác muốn xin gia nhập).

Văn bút Đông Đức đã hoàn toàn lệ thuộc chính quyền cộng sản, đã không hề tranh đấu cho quyền tự do ngôn luận và bảo vệ nhân phẩm; họ cũng không hề can thiệp hoặc tranh đấu cho các văn sĩ đồng hương bị cầm tù, bị đày ải; tác phẩm bị cấm xuất bản hoặc bị kiểm duyệt. Ngược lại, Văn bút Đông Đức đã trở thành công cụ của bạo quyền, một công cụ được chính quyền sử dụng vừa để đàn áp đối lập vừa để lừa bịp dư luận và khoác cho mình chiếc áo của chính nghĩa và của lương tri. Cho đến nay, Văn bút Đông Đức vẫn còn dung túng, không chịu khai trừ những văn sĩ tay sai của mật vụ trước đây.

Kết hợp hay sát nhập hai Trung tâm Văn bút Đông Tây trong tình trạng hiện nay sẽ không khác gì thừa nhận lịch sử phi nhân của chính phủ Đông Đức, mặc nhiên hợp thức hoá một thực thể không thể hợp thức hoá được và ân xá cho một chính sách lấy khủng bố văn hoá làm nền tảng. Hành động như vậy sẽ không giải oan được cho vô số nạn nhân của chính quyền và Văn bút Đông Đức, trong đó có nhiều người chỉ vì ngòi bút mà thân bại danh liệt, tan nát cuộc đời. Chỉ có thể có một giải pháp: Văn bút Đông Đức phải tự giải tán, để nước Đức chỉ còn lại một trung tâm duy nhất là Văn bút Tây Đức. Trung tâm này sẽ mở rộng vòng tay đón nhận những hội viên Đông Đức cũ nếu họ muốn xin gia nhập với tư cách cá nhân và nếu họ được xem là xứng đáng, nghĩa là có một quá khứ trong sạch, không từng làm tay sai cho bạo quyền và không phản lại hiến chương hay ít ra cũng đã công khai sám hối những lầm lỗi của mình.

Sau hai ngày thảo luận, hai đề nghị được đưa ra Đại Hội Đồng biểu quyết:

- Đề nghị thứ nhất của ban chấp hành đương nhiệm với nội dung: Tuy nhận rõ và cực lực lên án những lỗi lầm của Văn bút Đông Đức và một số hội viên, nhưng vì nhu cầu của tình thế nên xem việc kết hợp là một mục tiêu chính đáng và đề nghị ủy thác cho ban chấp hành nhiệm vụ tiếp xúc, đối thoại với Văn bút Đông Đức để cùng tìm ra phương thức kết hợp trong sự đồng thuận của đôi bên.

- Đề nghị thứ hai của các hội viên không chấp nhận hoà giải trong tình trạng hiện nay và cũng là đề nghị của nữ văn sĩ Bacher là người ra ứng cử chủ tịch nhiệm kỳ này: Bao lâu Văn bút Đông Đức chưa lột xác, chưa



hoàn toàn dứt khoát với quá khứ và chưa thanh lọc hàng ngũ thì không có đối thoại chính thức.

Đề nghị thứ hai chiếm đa số và ban chấp hành đương nhiệm xem đó là dấu hiệu Đại Hội Đồng bất tín nhiệm đường lối hoà hoãn và chủ trương đối thoại của mình nên toàn bộ ban chấp hành đã rút lui không tái ứng cử và cũng không nhận lời đề cử giữ bất cứ một chức vụ nào trong nhiệm kỳ mới.

Ngoài vấn đề kết hợp, Đại hội còn dành nhiều thì giờ để thảo luận về một vấn đề khác đã từng gây sôi nổi trong giới truyền thông, đó là việc trao tặng Giải thưởng Hoà bình của Hiệp hội các nhà Xuất bản Đức quốc. Giải thưởng này hàng năm được trao tặng một tác giả không những có văn phẩm xuất sắc mà còn có công trong việc kiến tạo và bảo vệ hoà bình. Năm nay Ủy ban tuyển chọn đã quyết định trao giải này cho bà Annemarie Schimmel, một giáo sư nổi tiếng chuyên về văn hoá Hồi giáo.

Quyết định này vừa được loan báo thì gặp ngay phản ứng gay gắt của nhiều người thuộc giới trí thức và văn nghệ sĩ Đức. Lý do là, theo báo chí tường thuật, bà Schimmel đã công khai ủng hộ việc Ba Tư tuyên án tử hình nhà văn Salman Rushdie, tác giả cuốn *The Satanic Verses*, vì Khomenie và nhóm Hồi giáo quá khích cho rằng tác phẩm này có nội dung và lời lẽ xúc phạm đến tôn giáo của họ. Nếu quả thật bà Schimmel đã ủng hộ lập trường của Ba Tư thì giải thưởng mệnh danh là "hoà bình" này đã phạm sai lầm khi đem trao cho một người công khai ủng hộ một chế độ có tư tưởng và hành động sắt máu, đang bị cả thế giới gay gắt lên án, nhất là các cơ quan bảo vệ nhân quyền, tranh đấu cho các tù nhân lương tâm và văn nghệ sĩ bị bách hại vì ngòi bút của mình.

Một điểm son đáng ghi nhận là Đại Hội Đồng đã rất thận trọng và dè dặt khi thảo luận và biểu quyết về trường hợp bà Schimmel. Mặc dầu bị báo chí bình phẩm gắt gao và một số hội viên Văn Bút dựa vào đó để yêu cầu Đại Hội Đồng lên án bà cũng như đòi hỏi Hiệp hội các nhà Xuất bản thu hồi quyết định trao giải thưởng cho bà Schimmel, Đại Hội Đồng đã không vội vã lên án vì cho rằng không thể chỉ căn cứ vào những lời đăng tải trên mặt báo hay những lời tố cáo vu vơ không bằng chứng xác đáng. Thay vì yêu cầu Hiệp hội thu hồi quyết định thì Đại hội chỉ yêu cầu họ điều tra lại kỹ càng và hỏi thẳng đương sự để bà ta có dịp trực tiếp minh xác quan điểm của mình.

Nội dung và tinh thần các cuộc thảo luận trong kỳ đại hội Văn bút Tây Đức năm nay khiến chúng ta có thể đưa ra vài nhận định như sau:

1. Văn bút là môi trường thuận lợi cho sự phát triển tột bực tự do ngôn luận. Những ý kiến xung khắc được thẳng thắn đưa ra. Nhưng tự do ngôn luận phải được xem là một quyền chỉ được sử dụng trong tinh thần trách nhiệm. Văn bút không chấp nhận sự lạm dụng tự do ngôn luận để bôi nhọ, mạ lị, vu khống hoặc bới móc đời tư nhằm thoả mãn những dục vọng đê hèn. Mọi lạm dụng tự do ngôn luận theo kiểu này đã gặp phản ứng mãnh liệt tại Đại hội, bị lên án và chặn đứng.

2. Văn bút Tây Đức lấy hiến chương Văn bút Quốc tế làm tiêu chuẩn cho suy tư và hành động. Điều then chốt của Hiến chương này là tuyệt đối tôn trọng và bảo vệ tự do tư tưởng, tự do ngôn luận. Trong tinh thần đó, mọi chính kiến và mọi lập trường đều được tôn trọng, nhưng họ không chấp nhận những hành vi chà đạp hoặc hạn chế những quyền căn bản vừa nói. Lý do khiến Văn bút Đông Đức bị lên án không ra ngoài tinh thần này vì Văn bút Đông Đức đã phản bội Hiến chương và do đó, nếu không "cải tà qui chánh" thì sẽ không thể có chỗ đứng trong Văn bút Quốc tế.

3. Văn bút Tây Đức chủ trương hoà giải và ân xá nhưng không mù quáng. Đối với họ, chỉ có hoà giải và ân xá sau khi phạm nhân công khai sám hối, tuyên bố dứt khoát với quá khứ.

4. Văn bút Tây Đức không tự giới hạn vào những vấn đề nội bộ mà còn quan tâm đến những văn sĩ bị đàn áp trên khắp thế giới trong tinh thần liên đới đối với đại gia đình Văn bút Quốc tế. Trong các bản tường trình đọc tại đại hội về những hoạt động của Trung tâm thì bản tường trình của Ủy ban Văn sĩ bị cầm tù chiếm một vị trí quan trọng. Bản tường trình năm nay đặc biệt nhắc lại trường hợp Phạm Đức Khâm, người được Văn bút Đức chọn làm hội viên danh dự. Trước đó Văn bút Đức đã chọn Nguyễn Chí Thiện và mới đây chọn thêm Đoàn Viết Hoạt.

5. Sinh hoạt của Văn bút Đức không những được sự chú ý của nhà cầm quyền và giới truyền thông mà còn được sự hưởng ứng của đông đảo quần chúng. Hai buổi hội thảo và trình đọc văn thơ tuy phải mua vé vào cửa khá đắt mà số người ngoài hội đến tham dự đông kín cả hội trường.

6. Phương thế Văn bút Tây Đức giải quyết về vấn đề Văn bút Đông Đức có thể là một kinh nghiệm quí báu cho chúng ta. Với đà cởi mở kinh tế tại Việt Nam (mặc dầu chỉ cởi mở về kinh tế, không mảy may thay đổi về chính trị và sự phát triển kinh tế ấy chỉ phục vụ cho tư bản đỏ cũng như một thiểu số dân chúng), Việt cộng sẽ tạo thêm được uy tín quốc tế và sẽ tìm cách xâm nhập Văn bút Quốc tế để lạm dụng diễn đàn này như một lợi khí tuyên truyền. Trách nhiệm của mọi người nói chung và của Văn bút Việt nam Hải ngoại nói riêng là phải bằng mọi cách, ngăn chặn sự xâm nhập của Việt cộng vào tổ chức quốc tế này. Văn bút Việt nam Hải ngoại cũng không nên có thái độ nhập nhằng trong vấn đề giao lưu văn hoá. Không thể giao lưu một chiều và nhất là không thể giao lưu với những thành phần đã và đang tự bán mình làm công cụ đàn áp, bóp méo sự thật mà không hề có dấu hiệu nào chứng tỏ đã phản tỉnh hoặc hối lỗi.

●

# *Từ Đáy Hồn Thương-Tích*

## Hoàng Hải Thủy

*Chợt nghe từ đáy hồn thương tích*
*Vẳng tiếng kèn truy điệu mộng xưa*
Thanh Nam

**T**ừ hai mươi năm trước, và ròng rã suốt mười lăm, mười sáu năm, Việt cộng ra rả chửi những người Việt trốn ra nước ngoài bằng những danh từ nặng hơn đá đeo: "ma cô, đĩ điếm, lưu manh, trộm cướp, phản động..." Chưa đầy hai mươi năm sau - từ năm 1988 - Việt cộng đổi giọng gọi cũng những người từng bị chúng mạt sát, khinh bỉ thậm tệ đó là "Việt kiều yêu nước". Văn huê hơn, Vi-xi còn ví von những anh những chị từng "bỏ của chạy lấy người" là "khúc ruột xa vạn dặm của tổ quốc".

Có thể có một số Việt Kiều Yêu Nước Ngoài nào đó thú vị vì những lời văn vẻ cải lương trên đây của Vi-xi. Nhưng chẳng cần nghĩ ngợi chi nhiều, chỉ cần xét lại tí ti thôi, người ta có thể thấy anh Vi-xi thốt ra câu "Việt kiều là khúc ruột xa vạn dặm của tổ quốc" là một tay xỏ lá, ba que ra rít đấy. "Khúc ruột của tổ quốc..." nghe êm tai thật, nhưng là khúc ruột nào mí được? Ruột già hay ruột dư? Ruột già thì lãnh đủ, ruột dư thì nó hổng có cần đâu!

Việt kiều trở về nước vì nhiều nguyên nhân. Đa số về thăm lại nơi họ đã từng sống, từng yêu thương, có những kỷ niệm, về để gặp lại những người thân. Việt kiều không trở về nước vì yêu mến chế độ Xã hội Chủ nghĩa rởm.

Việt cộng chỉ dễ dàng để Việt kiều về nước vì những đồng đô-la của Việt kiều. Là bọn chuyên môn ăn bám, thối nát - và ông nội, ông ngoại của chúng đã chết thẳng cẳng - Việt cộng sống nhờ nhân dân. Chúng hoan hỉ bóc lột nhân dân đến tận xương tủy, xương tủy nhân dân, không phải xương tủy của chúng.

Những chân lý trên đây nhiều người đã biết, ta chẳng cần nói nhiều.

Nhưng giọng điệu của cộng sản Việt Nam đối với những ai không ưa chế độ nên bỏ ra nước ngoài không có gì là mới lạ. Tôi nhắc lại một lần nữa: Việt cộng không sáng tạo được qua một việc gì mới. Tất cả những gì Việt cộng nói, làm... đều do họ học mót của những Nga cộng, Tàu cộng. Những gì Việt cộng nói, làm đều đã được Nga cộng, Tàu cộng nói, làm từ nhiều năm trước.

Năm 1920... bộ máy tuyên truyền của Nga cộng đã làm cho thế giới phải tin là những người Nga bỏ nước ra đi đều là bọn lưu manh, đĩ điếm, phản động, đồi trụy.v.v.. Năm 1980, năm mươi năm sau, Việt cộng mới có dịp hoan hỉ lặp lại những lời chửi bới của đàn anh Nga cộng.

Năm 1980, Việt cộng ra rả chửi Tàu cộng thực hiện chủ nghĩa bá quyền nước lớn, bọn phản động Bắc Kinh, bọn phản bội chủ nghĩa Mác-Lê.... Năm 1992, Việt cộng bán đất, bán dân, bán lịch sử, bán tổ tiên cho bọn ngoại nhân giống hệt Tàu cộng.

Những anh chị mũi lõ mắt xanh - từng bị gọi là bọn Bạch Quỉ - nay chỉ cần chi vài đô-la là có thể giả làm vua Tàu, vua Việt, bận hoàng bào, áo mão vua ngồi trên ngai vua Tàu, vua Việt chụp ảnh chơi...

Việt cộng vẫn khinh thị những triều vua nhà Nguyễn. Nhưng dân tộc ta không phải chỉ có những ông vua triều Nguyễn. Dân tộc ta còn có những ông vua anh hùng Lê Lợi, Quang Trung. Khi người du khách da trắng nói: "Đây là ảnh tôi giả làm vua Việt Nam chụp chơi ở kinh đô cũ của Việt Nam", người đó không nói: "...vua Việt Nam tôi giả làm đây là vua triều Nguyễn, một triều vua bị những người cộng sản Việt Nam khinh thị".

Nhưng thôi. Tôi thấy những người cộng sản Việt Nam là những người không có liêm sỉ, không biết hổ thẹn. Họ coi những lời tố cáo tội ác của họ là những lời hát êm tai; họ vẫn mặt trơ tránbóng, thản nhiên làm những trò ruồi bâu, kiến đậu. Mùa xuân... trăm hoa đua nở trên đất Virginia, miền đất của những người yêu. Để tôi kể bạn nghe một chuyện tình...

### *Lolita*

Năm 1960, tên tuổi Vladimir Nabokov nổi sáng với tiểu thuyết *Lolita*. Những nhà phê bình văn nghệ nghiệm thấy cứ một chu kỳ mười năm mới có một quyển tiểu thuyết loại "bestseller" bán được thật nhiều bản trên khắp thế giới. *Lolita* là tiểu thuyết bestseller quốc tế thập niên 1960. Trong những thập niên tiếp đó - 1970, 1980 - thị trường tiểu thuyết Âu Mỹ có những tác phẩm nổi tiếng

như *One Hundred Years of Solitude* của Eric García Marquez, *The First Circle* của Aleksandr Solzhenytsin, nhưng không có tác phẩm nào bán nhiều, được đọc nhiều, nói đến nhiều trên khắp thế giới bằng *Lolita* của Vladimir Nabokov.

*Lolita* chỉ là một chuyển tình, kể lại cuộc tình của một người đàn ông trung niên - lứa tuổi *"quá niên trạc ngoại tứ tuần"* như Mã Giám Sinh. Ông này không yêu đàn bà đồng lứa mà lại yêu loại thiếu nữ mười bốn, mười lăm tuổi. Trong tiểu thuyết, nữ nhân vật chính tên là Lolita, một *nymphet* Mỹ.

Đây là bản sơ lược cốt truyện *Lolita:*

Nhân vật nam của *Lolita* xưng "tôi", là một công dân Nga chạy nạn cộng sản sang Âu châu. Chàng nguyên là giáo sư, có vợ là con gái một giáo sư già. Hai vợ chồng sống lưu vong ở Paris. Thời này có nhiều sĩ quan cỡ trung tá, đại tá Bạch vệ Nga bại trận sang Paris hành nghề tài xế taxi. Nhà giáo Humbert, tên nhân vật chính, chẳng yêu thương gì cô vợ mà chàng thấy là không có qua một nét hấp dẫn nào. Một tối, hai vợ chồng đi ăn tiệm. Chị vợ tỏ ra bối rối, lơ đãng. Sau nhiều câu nói vòng vo, chị cho anh chồng biết chị yêu thương người khác, chị muốn ly dị.v.v..

Anh chồng chỉ thấy khó chịu chứ không giận hờn, không buồn khổ cũng không hào hứng. Anh đưa vợ về nhà để giải quyết chuyện hôn nhân đến ngày tan rã "tui đi đường tui, đường anh đi mặc anh..." Trên chiếc taxi về nhà, ngạc nhiên vì bỗng dưng thấy có một gã đàn ông nào đó trên cõi đời này muốn nhận vợ mình làm vợ, Humbert hỏi vợ: "Người đàn ông ấy là ai?" Humbert ngơ ngẩn thấy thay vì trả lời, chị vợ lại trỏ ngón tay vào cái cần cổ trâu - nguyên văn "cần cổ trâu" - của gã tài xế taxi. Thì ra người tình của chị là ông cựu đại tá Bạch vệ hiện hành nghề tài xế taxi. Ông này đã đem xe bông đến chờ sẵn ở cửa nhà hàng, đợi người yêu tuyên bố đoạn tuyệt với chồng là đón nàng về nhà lấy hành lý của nàng đi liền một khi.




Vợ chồng Humbert liền chia tay liền tù tì tút suyt. Sau 1945, giáo sư Humbert sang Hoa kỳ. Từ ngày vợ bỏ, anh sống thoải mái. Nhưng anh không thích gần đàn bà, anh chỉ thích gần những cô gái sắp đến tuổi dậy thì - sắp thôi, không phải là gái dậy thì - những cô gái ở tuổi mười bốn, mười lăm. Humbert đến sống ở một thị trấn nhỏ. Anh đi mướn phòng để ở trong một nhà tư. Anh đến một nhà kia. Chủ nhà là một sương phụ trạc bốn mươi xuân xanh. Humbert rất kỵ loại đàn bà tuổi này. Anh đi coi nhà qua loa và đang định nói vài lời hứa hẹn suông để rút dù thì nhìn thấy cô con gái của sương phụ chủ nhà. Cô gái này là Lolita. Humbert bèn chịu mướn phòng.

Nàng sương phụ chủ nhà được Vladimir Nabokov diễn tả "Tội nghiệp nàng. Nàng chỉ là một phụ nữ có nhan sắc hấp dẫn..." Sương phụ đa tình hấp dẫn đàn ông nhưng nàng lại không hấp dẫn Humbert. Nàng yêu và tỏ tình với Humbert.

Humbert nhìn thấy cơ hội ngàn vàng để anh được gần, được thân mật, được ôm ấp, vuốt ve Lolita. Anh vồ lấy cơ hội để trở thành bố dượng của Lolita.

Sương phụ đa tình vì không biết sự thật nên sống trong hạnh phúc. Nhưng những rắc rối của cuộc đời liên tục xảy ra. Humbert viết nhật ký ghi lại những cảm giác của anh khi anh được gần Lolita. Anh đã phòng xa, viết nhật ký bằng thứ chữ mật mã của riêng anh, thứ chữ viết mà anh tin

là không người nào trên cõi đời này có thể đọc nổi. Nhưng anh quên là "những người đàn bà yêu đương có những con mắc sắc hơn mất điện tử", loại mắt thần có thể đọc được hết những gì người đàn ông họ yêu, viết ra. Họ đọc được cả những gì người đàn ông được họ yêu không viết. Sương phụ đa tình lén đọc nhật ký của chồng. Vỡ mộng và đau khổ, nàng đoạn tuyệt với người chồng chỉ lấy nàng vì muốn gần con gái nàng.

Lúc ấy Lolita đang đi trại hè do trường học của cô tổ chức. Sương phụ mẹ cô viết thư cho cô, dặn cô đừng cho bố dượng gặp mặt và sẽ nói rõ tại sao cho Lolita biết sau. Nàng đi qua đường để bỏ thư cho con gái vào thùng thư bên kia đường. Ô tô trờ tới cán nàng chết...

Humbert chiếm được bức thư bà vợ chết còn cầm ở tay. Làm đám ma cho vợ xong, anh đem xe đến trường đón Lolita - con gái anh - đi một chuyến viễn du toàn nước Mỹ. Thế rồi Lolita cũng bỏ anh. Khi Humbert gặp lại nàng, Lolita đã có chồng, có con. Trước mắt anh, nàng không còn là Lolita nữa. Nàng đã trở thành một phụ nữ Mỹ điển hình: ăn nhiều, sắp mập phị, ngực to bụng to, mông to quá khổ, bắp chân đã ẩn hiện những sợi gân xanh.v.v..

Với cốt truyện như thế, *Lolita* bị gọi là loại tiểu thuyết vô luân. Năm 1960 cũng là năm sức mạnh thống trị nhân dân miền Nam của chính phủ Đệ Nhất Cộng Hoà lên cao nhất. Không ai có hy vọng gì thấy tiểu thuyết *Lolita* được chính phủ cho phép nhập vào Sài gòn. Nhân có ông cậu tôi sĩ quan đi dự hội thảo ở Nhật bản, tôi nhờ ông mua cho tôi quyển *Lolita* ở Tokyo.

Vladimir Nabokov viết *Lolita* bằng Anh văn. Có rất ít người không phải là người Mỹ chính cống thành công trong việc viết văn bằng tiếng Anh. Cũng có khá nhiều văn sĩ không phải người Mỹ viết truyện bằng Anh văn nhưng chẳng mấy ai thành công. Vladimir Nabokov đã thành công tuyệt đẹp với tác phẩm *Lolita*. Tôi vốn dốt nát, vốn liếng Ăng-lê ăn đong nhưng nhờ được nghe nhiều ông dzăng nghệ sĩi Sài gòn năm xưa phê bình "Văn *Lolita* đọc như thơ", tôi đọc *Lolita* và thấy văn *Lolita* quả thật như thơ đúngnhư lời các vị ấy từng nói. Nhưng như tôi đã viết: Tiểu thuyết *Lolita* bị chính ngay những xã hội Âu Mỹ, những xã hội bị chê trách là sa đọa nhất hành tinh xanh - tức quả đất méo - về mặt tính dục bệnh hoạn, sex bậy bạ, coi là "tiểu thuyết vô luân, loạn luân, đồi trụy".v.v.., *Lolita* không sao có thể đặt gót chân ngà ngọc vào những tiệm sách lớn Sài gòn thời ấy như nhà sách Xuân Thu, Khai Trí. *Lolita* chỉ có thể lén nhập vào Sài gòn qua những đường tắt, nằm nép trong va-li của những người Sài gòn có điều kiện được đi ra nước ngoài.

Sau khi chính phủ Ngô Đình Diệm bị lật đổ năm 1963, tình trạng văn hoá phẩm Âu Mỹ vào Sài gòn được nới lỏng. Nhưng thời kỳ vàng son của *Lolia* đã qua rồi. *Lolita* tuy là bestseller bán được rất nhiều, nhưng cũng chỉ là loại tiểu thuyết "xì-căng-đan", được người đọc nhắc đến một thời rồi quên. Tình hình tiểu thuyết của François Sagan cũng vậy. Trước sau *Lolita* không được dịch hay phóng tác sang Việt ngữ. Kể cả những năm sau 1986 giới lái sách Hà Nội, thành Hồ dịch, in lại, in mới đủ thứ tiểu thuyết Mỹ - tác phẩm *ForeverAmber* tràng giang đại hải, loại tiểu thuyết cải lương nhiều tập của Mỹ những năm 55, 60 cũng được tái bản và bán hết veo - nhưng không hiểu vì sao vẫn không thấy có *Lolita* Việt Nam.

Năm 1965, Hollywood làm phim *Lolita*. Nam diễn viên James Mason đóng vai giáo sư Humbert mê con gái mới lớn, Shelley Winters vai sương phụ đa tình, dường như cô đào Sue Lyons được chọn đóng vai *Lolita*. Phim đen trắng, một thất bại lớn. Phim không diễn tả được một phần trăm không khí thơ mộng, lãng mạn, tình tứ của tiểu thuyết. Các diễn viên đều không nhập vai. Cô đào bé Sue Lyons sau *Lolita* bị Hollywood cho vào quên lãng.

## *Mary*

Vòng vo Đông Châu liệt quốc...

Tôi chỉ nói đến *Lolita* để viết về tiểu thuyết *Mary* của Vladimir Nabokov.

Vladimir Nabokov theo gia đình chạy khỏi nước Nga, sang Âu châu năm ông mười sáu tuổi. Ở Paris, Berlin, ông trưởng thành, viết tiểu thuyết bằng tiếng Nga, đăng ở những tuần báo, tạp chí Nga quốc ngoại. Một số truyện của ông được dịch sang tiếng Đức. Phải mãi đến những năm 1960, với tác phẩm *Lolita*, tên tuổi Vladimir Nabokov mới nổi sáng trên văn đàn quốc tế. (Tiểu thuyết không được viết bằng tiếng Anh, Y Pha Nho thì khó mà khá đươc. Cuối thế kỷ 20, tiếng Pháp, tiếng Đức cũng ế độ rồi!)

Những năm từ 1965 đến 1972, những người Mỹ đến Sài gòn "bảo vệ tự do", đọc sách báo Mỹ xong vứt đi. Những văn hoá phẩm này được những chuyên viên văn hoá giả dạng bồi phòng thu lượm, đem ra bầy ở vỉa hè với mục đích truyền bá văn minh cho dân Sài gòn. Nhờ vậy tôi có được những quyển tiểu thuyết của Vladimir Nabokov đã được dịch sang tiếng Anh, xuất bản ở Anh, Mỹ.

Tôi đã phóng tác tiểu thuyết *Laughter in the Dark* của Vladimir Nabokov thành *Tiếng cười trong đêm tối*. Rất ít nữ độc giả ái mộ tiểu thuyết Hát-Hát-Tê có dịp đọc truyện *Tiếng cười trong đêm tối* in thành sách vì một lẽ giản dị là sách vừa in xong chưa kịp phát hành phát tởi gì thì nón cối, dép râu ngơ ngáo như đàn bò không người quen vào thành phố. *Tiếng cười trong đêm tối* và dịch giả Con Trai Bà Cả Đọi cùng chịu số phận thê thảm của ba triệu sáu trăm tám mươi chín ngàn hai trăm năm mươi bảy anh chị đàn ông đàn bà Sè goòng bỏ của chạy lấy người không kịp, bị kẹt cứng, đành khóc chứ không cười được, dù là cười trong bóng tối.

Quyển tiểu thuyết thứ hai của Vladimir Nabokov tôi may mắn lượm được trên kệ sách trước cửa nhà Viễn

Đông, Sài gòn nước mía là quyển *Mary*.

*Mary*, tiểu thuyết vừa, khoảng hai trăm trang, diễn tả cuộc sống của những người Nga lưu vong ở một thị trấn Đức quốc những năm cuối thập niên 20, đầu thập niên 30. Đây là sơ lược cốt truyện *Mary:*

Chừng một chục cư dân Nga lưu vong sống trong một nhà trọ. Tất cả đều buồn phiền, não nề với cuộc sống vô vọng nơi đất lạ quê người. Chàng thanh niên Nga trạc hai mươi bảy, hai mươi tám một chiều về nhà với người đàn ông đồng hương. Ông nhà buôn này trạc bốn mươi tuổi, nói cho chàng thanh niên biết vợ ông sắp từ nước Nga đến theo diện đoàn tụ gia đình. Được tin vợ đến, ông ta không mừng mà lại có vẻ ưu tư. Nguyên nhân: ông ta có một cô vợ khác ở đây. Nay vợ chính thức từ quê nhà đến, ông phải hy sinh cô vợ mới. Tuy hai người ở chung một nhà nhưng chàng thanh niên và ông nhà buôn không thân nhau. Tình cờ chàng được ông nhà buôn cho xem thư và ảnh người vợ từ quê hương sắp đến.

Chàng thanh niên choáng váng. Cô vợ trẻ của ông nhà buôn đứng tuổi này là người yêu của chàng. Tên nàng là Mareska. Chàng hồi tưởng những ngày tháng đẹp, thơ mộng tuyệt vời năm xưa khi chàng và nàng yêu nhau. Chàng vào quân đội, ra chiến trường đánh nhau - đánh Hồng quân - một lần về nghỉ phép, chàng gặp lại nàng. Họ tình tự trong công viên đầy bóng tối đồng loã. Nhưng chàng vẫn để người yêu thơ ngây còn nguyên vẹn...

Trở lại chiến trường, Bạch vệ - quân độ quốc gia Nga La Tư - đánh đâu thua đấy, đánh lớn thua lớn, đánh nhỏ thua nhỏ. Quân, tướng chạy dài. Chàng trẻ tuổi một chiều mùa đông xám đen, tơi tả đứng nhìn những chiến binh già vừa khóc vừa đẩy những khẩu đại bác xuống biển trên hải cảng Sevastopol rồi chàng lên tàu vĩnh biệt nước Nga, đi ra nước ngoài...

Chàng đến nước Đức, làm đủ nghề, bồi bàn "fi-gu-răng" đóng phim xi-nê. Trên đường lưu vong, chàng được tin nàng đã lấy chồng...

Những mùa lá vàng theo nhau rơi rụng... Bây giờ người yêu của chàng sắp đến đây. Chàng nhớ lại những kỷ niệm xưa và đi đến quyết định: chàng sẽ đón nàng ở sân ga. Vừa đặt chân đến, nàng còn bàng hoàng nhìn chàng như trong giấc mơ, chàng sẽ nói: "Anh yêu em. Em yêu anh. Anh không trở về với em vì anh không thể về được. Nhưng hôm nay định mệnh an bài cho em đến đây. Định mệnh dàn xếp cho chúng ta sống với nhau. Anh đến đón em, đưa em đi ngay. Thằng chồng em là thằng không ra gì. Em không yêu nó mà nó cũng chẳng yêu em. Đi thôi... Chúng ta đi..."

Sáng sớm hôm sau Mary đến bằng xe hỏa. Đêm ấy chàng trẻ tuổi phục rượu cho anh chồng già say bí tỉ. Trời còn tối, chàng ngồi trong chiếc xe ngựa chờ nàng trước sân ga.

Nhưng...

Khi đoàn tàu từ xa hú còi chạy vào ga vắng, chiếc xe ngựa trong có chàng thanh niên Nga lưu vong, nạn nhân cộng sản, đến đón người yêu, đã lọc cọc đi xa nhà ga. Trong những

---

# *những dòng sông đã cạn*

*Anh mới về Việt Nam ăn Tết*
*Ăn làm gì một cái Tết đau thương!*
*Tổ quốc ta trên muôn vạn nẻo đường*
*Đầy bóng dáng những cuộc đời tàn tạ.*

*Anh mới về Việt Nam thấy lạ*
*Lạ quê hương, và lạ cả gia đình*
*Buồn làm gì chuyện đất nước điêu linh*
*Chuyện sẽ đến và bây giờ đã đến.*

*Dân tộc ta như con thuyền không bến*
*Lúc gần chìm đâu chịu nổi phong ba*
*Bao năm rồi chẳng có một mùa hoa*
*Chỉ nước mắt và toàn là nước mắt.*

*Anh mới về Việt Nam, cúi mặt*
*Mua chút yên tâm, mua được mấy nụ cười*
*Ở một nơi không có ánh mặt trời*
*Người ta bán cả những gì có thể*

*Tôi thường nghĩ về quê hương máu lệ*
*Hai mươi năm quằn quại từng ngày*
*Những loài chim chẳng có cánh để bay*
*Nên đã sống tội tình trên mặt đất.*

*Tôi thường nghĩ về những gì đã mất*
*Những màu xanh đang èo uột hôm nay*
*Nhiều đêm khuya trong nước mắt lưu đày*
*Tôi nghĩ tới một ngày mai thê thảm.*

*Tổ quốc tôi, những dòng sông đã cạn.*



*kha huyền*

giây phút cuối cùng, chàng biết cuộc tình của chàng và nàng đã chết, đã đứt, không còn chắp nối được nữa. Chàng lặng lẽ bỏ đi...

Khi đọc *Mary* tôi tưởng tượng ra cảnh làm phim: Mở đầu là hình ảnh chiếc xe ngựa đứng im trong bóng tối sân ga. Con ngựa gõ móng lộp cộp trên đường. Hình ảnh cuối cùng: chiếc xe ngựa lọc cọc, lắc lư lăn bánh xe lãng tử đi xa nhà ga, ngược đường toàn tàu chạy đến...

Đẹp. Đẹp và buồn. Phải không bạn? Một phim như thế sẽ có thể đẹp, buồn, làm khán giả mơ màng nhưng chắc chắn sẽ là một phim không ăn khách, ít người thích, ít người xem, lỗ lớn hoặc huề vốn là may. Phim không có *happy ending*. Tình yêu trong phim không chiến thắng. Những người yêu nhau trong phim không đoàn tụ mí nhau, không lững thững dắt tay nhau đi đến những nơi cuối bãi đầu ghềnh, chân trời góc biển, thủy tận sơn cùng - đi và sống mí nhau, yêu nhau ra rít đến khi cả hai đều tóc nhuộm, răng giả, bất chấp mọi trở ngại, mọi rắc rối của cuộc đời, săng-phú toàn thể loài người...

Trong những ngày cuối tháng tư 1975, tôi có nói với một người bạn thân của tôi về tác phẩm *Mary:* "Nếu phải chạy ra nước ngoài, tôi sẽ mang quyển này theo. Những năm 1920 bọn Liên xô đã chửi những người Nga bỏ nước chạy sang Âu châu tàn tệ. Ngày nào những người Việt phải bỏ nước mà đi, chắc Việt cộng cũng chửi bới họ y như thế.

## Ôm hôn thắm thiết...

Cộng sản Nga đàn áp, trừng trị, bỏ tù dễ dàng những người bị kẹt trong vòng xiềng xích của họ; nhưng họ ve vãn, mơn trớn, dụ dỗ thật ngọt cứ y như thật những người may mắn ở ngoài vòng kiềm tỏa. Cộng sản Việt cũng làm y như thế.

Đây là một chuyện tôi nghe người bạn từ Hà Nội vào cuối năm 1975 kể:

Buổi sáng phái đoàn Việt kiều từ Paris về thăm quê hương, Chế Lan Viên cầm đầu đoàn đại biểu Hội Nhà Văn ra phi trường Gia Lâm chào đón.

Buổi chiều Chế Lan Viên bực dọc khi thấy Đoàn Phú Tứ mò đến nhà. Đoàn Phú Tứ là hội viên Hội Nhà Văn, ăn lương tháng. Chế Lan Viên lúc đó là tổng thư ký Hội Nhà Văn. Đoàn Phú Tứ chuyên đến nhà Chế Lan Viên vay tiền, hẹn đến kỳ lương trả, nhưng thường là lươn khươn, dễ mượn, khó trả. Chế Lan Viên nhăn mặt:

- Tôi đã nói nhiều lần... có chuyện gì mời anh lên Hội, ta thảo luận. Anh cứ đến nhà như thế này làm vợ chồng tôi khó xử...

Đoàn Phú Tứ lắc đầu:

- Sáng nay anh ra đón những người từ Paris về, anh ôm hôn họ thắm thiết, anh niềm nở mặn nồng với họ như họ là những người bạn chí cốt của anh, anh ca tụng họ lên đến mây xanh. Họ có công gì với dân tộc, với đất nước, mà anh hân hoan với họ đến như thế? Còn tôi, tôi là thằng sống gắn bó với nhân dân, tôi cũng như anh vậy. Anh đối xử với tôi tàn tệ đến thế này sao?

Năm 1986, Tết đến, tôi đang nằm trong phòng Mười khu ED, khách sạn Chí Hoà. Ngày Tết, anh em tù được thân nhân thương hại, chiếu cố gửi quà bánh, thức đớp cho nhiều hơn. Theo luật thăm nuôi Chí Hoà, tất cả những thức ăn, quà bánh bên ngoài gửi vào đều phải đựng trong túi ni-lông, nhưng ngày Tết, số đồ gửi vào quá nhiều, cán bộ xét đồ cũng lơi tay, lơ là. Tôi bắt được một trang báo Hà Nội. Nằm tình tang đọc, tôi thấy trang báo đăng bài một anh Hà Nội nào đó viết về thơ Thanh Nam.

Thanh Nam, làm đài phát thanh Mẹ Việt Nam, đem được vợ con đi Phú Quốc trước ngày ba mươi tháng Tư. Sang Hoa kỳ, Bánh Xe Lãng Tử Thanh Nam phiêu giạt vài nơi rồi định cư ở Seattle, tiểu bang Washington làm tạp chí *Đất mới* cho đến ngày anh từ trần.

Năm 1970, Thanh Nam làm bài *Hành tuổi bốn mươi* ở Sài gòn; năm 1980, Thanh Nam làm bài *Hành ly hương năm mươi* ở Seattle. Bài *Hành Seattle* của Thanh Nam, cùng vài bài thơ Cao Tần, được cán bộ văn nghệ Việt cộng khai thác nhiều nhất khi họ viết về cuộc sống đầy những cay cực, khổ nhọc, vất vả của những người Việt chạy sang Hoa kỳ. Thơ văn là bằng chứng không chối cãi được của đời sống thực tế. Họ trưng bằng cớ chính những văn nghệ sĩ chạy được sang Mỹ than oán, kể khổ chứ không phải họ xuyên tạc, bôi đen.

Bài báo Hà Nội tình cờ đến tay tôi trong Lầu Bát Giác chỉ trích đăng vài đoạn bài *Hành Seattle* của Thanh Nam. Tôi nhớ loáng thoáng trong bài, Thanh Nam diễn tả nỗi tiếc nuối những ngày xa xưa ở Hà Nội, Tết đến có mưa xuân phất phới bay, có hoa đào nở.v.v.. và anh than đời sống cơ cực, vô vọng, chán chường của anh khi xuân đến xứ người... *Thân phận không bằng đứa mãng phu.*

Tôi nói với chú nhỏ nằm bên cạnh:

- Ông này là bạn tao. Ông ấy ở Mỹ nên chúng nó gọi ông ấy một điều ông, hai điều ông. Nếu ông ấy ở lại trong nước thì giờ này ông ấy cũng nằm trong tù như tao. Còn nếu tao sang được Mỹ, chắc tao còn viết than thở nhiều hơn ổng, tao làm thơ nhớ thương nhiều hơn ổng. Chúng nó sẽ viết về tao, ca tụng tao, gọi tao là ông...

Màn kịch vô duyên, trơ trẽn, bỉ ổi diễn ra, bổn cũ soạn lại trong cái gọi là Xã hội Xã hội Chủ nghĩa: những người bỏ trốn bị bắt, bị tù, bị sỉ nhục; những người trốn thoát trở về được chào đón, được ôm hôn, được choàng vòng hoa, được mơn trớn. Những người cộng sản mặt trơ trán bóng nhơn nhơn đóng vai trò thô bỉ của họ; còn những người Việt ở nước ngoài trở về thăm người thân, tìm lại kỷ niệm xưa... có tâm trạng gì? Các vị có nên cũng trơ trẽn đóng vai trò ruồi bâu kiến đậu mà những người cộng sản muốn các vị đóng hay không?

*Nói lời thì giữ lấy lời*
*Đừng như Việt cộng khen rồi lại chê.*
*Nói lời thì giữ lấy lời,*
*Đừng như Việt cộng chửi rồi lại khen.*

●

# *Khung Trời Cũ Qua Đường*

Hoàng Nga



***H***ồi tôi đi lấy chồng, thấy tôi ngồi viết thiệp cưới gửi cho Nguyễn, Trân đùa:

- Nụ tầm xuân nở ra xanh biếc hở Vi.

Tôi cười buồn:

- Nhưng ta đi lấy chồng, lại chẳng có ai tiếc nhỏ ơi.

Trân nghịch ngợm vuốt tóc tôi:

- Biết đâu được hả Vi. Ngay trong bài ca dao thời nảo thời nao ấy mà người xưa cũng thấy rõ cái tâm lý cà chớn của con người. *Ba đồng một mớ trầu cay, sao anh không hỏi những ngày còn không.* Khi em đi lấy chồng rồi mới thấy... *lòng man mác buồn*, Vi ạ.

Trân quả là thiên tài. Tôi nhận được thư Nguyễn: "Đọc thiệp cưới của Vi, anh ngẩn ngơ hết cả buổi chiều. Anh xuống phố, đi qua đi lại trên những con đường xa lạ này nhiều vòng, lòng hỏi lòng chẳng lẽ thôi từ nay anh và Vi đã thật sự xa cách nhau mấy đại dương rồi hay sao? Anh ngước mắt nhìn lên bầu trời đầy những bông tuyết trắng đang rơi rụng, dưng không nhớ quay quắt dáng Vi nhỏ nhắn hiền lành đứng trong vườn nhà anh, dưới giàn hoa giấy đỏ thắm, nhớ bàn chân Vi đạp xe trên con đường đầy cát trắng đến thăm anh, nhớ nụ cười Vi dịu dàng, giọt nước mắt Vi long lanh ngày tiễn anh đi. Nhớ tất cả những thân thương Vi dành cho anh mà ngậm ngùi. Ngậm ngùi, bởi vì một mai anh về Vi chắc đã tay bế tay bồng, Vi đâu còn một mình nữa để chờ đợi anh như Vi đã có lần hứa với anh".

Trân bảo Nguyễn không thật lòng, nó nói:

- Em đã linh tính là anh ấy sẽ hụt hẫng vì Vi vuột khỏi tầm tay anh ấy một cách không ngờ. Nhiều người, khi không còn yêu ta nữa, vẫn không muốn cảm thấy bị mất mát, vẫn không thích thấy ta thuộc về người khác Vi ạ.

Tôi cười. Nụ cười héo. Trân xếp lá thư của Nguyễn mà tôi vừa đưa cho nó đọc, bảo:

- Nhưng trước ngày lên xe hoa mà nhận được một cái thư tình mùi mẫn như thế này cũng vui đấy chứ. Chỉ có điều là cấm Vi không được hát cái *Bài không tên số 2* đâu đấy! Không được thở than *"đời một người con gái, ước mơ đã nhiều trời cho không được mấy, đến khi lấy chồng chỉ còn mối tình mang theo"*. Ông trời không ngăn cấm Vi thực hiện những ước mơ của Vi, mà cuộc đời và những người ở cùng chiến tuyến với anh Nguyễn đã giết chết những ước mơ ấy đấy.

Tôi chẳng bao giờ muốn trách Nguyễn. Bởi tôi nghĩ thời hai đứa yêu nhau, đứa nào cũng còn quá nít nhỏ, đứa nào cũng còn cả một thời gian năm, sáu mươi năm dài đăng đẳng trước mặt để sống. Đứa nào cũng muốn chọn cho mình một tương lai sáng sủa nào đó để theo.

Tháng mười hai năm bảy bảy gặp lại nhau, Trân và anh Huyên đều lên tiếng cảnh cáo tôi là Nguyễn đã thay đổi nhiều. Thay đổi, theo cách nói của anh Huyên:

- Thằng Nguyễn khác xưa quá. Cái suy nghĩ của nó về xã hội mới này làm anh hẫng. Anh không khất khe hay có thành kiến, vì anh hiểu là còn ở lại, còn ở trong guồng máy của xã

hội này thì bắt buộc người ta phải quay theo những vòng xích của nó để không bị nghiền nát. Nhiều người cũng giả dại qua ải, nhưng anh không thấy họ biểu lộ nhiệt tình một cách quá đáng để anh phải khó chịu như vậy.

Tôi cãi là anh Huyên cũng đã thay đổi. Anh lắc đầu, chỉ vào trán mình:

- Thay đổi hay không là ở đây này. Anh chưa thoát ra được nên vẫn phải làm việc. Làm việc để phục vụ cho cái bao tử mỗi ngày không phải là thay đổi.

Và nhỏ Trân, thực tế hơn:

- Cách nói chuyện của anh Nguyễn làm em mệt. Anh ấy "Bôn" quá! Anh ấy là cán bộ đoàn thì đúng là nên sử dụng cái giọng điệu ấy. Nhưng có lẽ ở một chỗ nào khác thì hơn. Trong nhà, thiếu gì đề tài để tán gẫu với nhau mà phải lôi ba cái chuyện chính trị chính em ra.

Nguyễn có bị tiêm nhiễm hay nhồi nhét cái thứ chính trị rập khuôn mà mỗi ngày, lúc lên lớp, khi ra đường, về nhà, xuống phố... đều phải nghe ra rả bên tai hay không thì tôi không rõ. Đối với tôi, chuyện Nguyễn trở thành cán bộ Đoàn là việc phải làm, nên làm, bởi vì đó là điều kiện tiên quyết để được vào đại học. Nguyễn muốn vào đại học, Nguyễn phải thực hiện mọi cách để kiếm được một chỗ ngồi trong giảng đường. Nhiều người, và ngay cả chính bản thân tôi cũng muốn được như vậy.

Trân nói với tôi:

- Anh Nguyễn có vẻ thích bằng cấp. Em không nghĩ bằng cấp có thể khẳng định được giá trị con người, ngoại trừ việc chứng minh người quyết tâm đạt được nó là người có ý chí và kiên nhẫn. Cứ nghe nói nhiều quá về chuyện này, em bỗng có cảm tưởng mình bị dị ứng. Anh Nguyễn đã không hiểu được bây giờ người ta không còn đơn thuần căn cứ trên kiến thức và khả năng của học sinh để quyết định cho vào đại học hay không. Anh ấy không hiểu hay không muốn hiểu là chẳng phải người nào cũng có được cái "may mắn" có một ông bố chết trận trong bộ quân phục phía bên kia. Nếu ngày xưa bố anh ấy đi lính Cộng Hoà thì bây giờ làm sao anh ấy có thể trở thành người khoa bảng của chế độ này được!

Cả nhà tôi ai cũng nghĩ nguyên nhân chính khiến tôi và Nguyễn chia tay là vì tôi không thể trở thành một người có khả năng đứng trong cái hàng ngũ mà Nguyễn gọi là trí thức.

Nguyễn đi Nga du học. Chúng tôi thư từ thưa thớt cho nhau trong vài năm rồi thôi hẳn. Tôi không buồn Nguyễn, vì tôi nghĩ cái gì cũng phải có đoạn cuối, phải có chấm dứt. Trong hoàn cảnh của xã hội này, và cả trong hoàn cảnh riêng của chúng tôi, đó là một chấm dứt hiển nhiên phải đến. Nhưng thỉnh thoảng giở những tờ thư cũ ra đọc, tôi không khỏi buồn và ngậm ngùi, lòng đau rưng rức, xót xa tội nghiệp cho cái tình cảm trong sáng và dễ thương mà Nguyễn và tôi đã trao nhau suốt thời mới lớn. Đôi khi tôi nghĩ, nếu như số phận đất nước không thay đổi, cuộc đời của chúng tôi không có những bước ngoặt, những ngã rẽ, thì tôi và Nguyễn cũng có thể phải xa nhau vì một vài lý do nào đó. Nhưng lý do nào, chắc cũng ít làm tôi tái tê, cay đắng như vậy.

Trân hay giễu tôi:

- Vi giống như ông Nguyễn Tất Nhiên, thi hỏng đại học nên vuột tình yêu. Tóc Vi dài mà chắc là không có sợi nào làm vướng chân anh Nguyễn. Có bao giờ Vi *đau lòng muốn khóc* không vậy Vi?

Khóc thì không, nhưng bùi ngùi xếp lại mối tình thơ của mình vào hành trang về nhà chồng. Ký ức lại lâu lâu hiện lên hình ảnh Nguyễn một chiều lang thang trên phố xá Mạc Tư Khoa đầy tuyết trắng. Và thỉnh thoảng vẫn thở dài so sánh, đắng cay.

*

* *

Nguyễn về nước năm tám mươi hai. Vợ Nguyễn là con gái một ông thứ trưởng nào đó. Hai người lấy nhau bên Nga. Bạn bè tôi bảo thỉnh thoảng gặp Nguyễn và vợ đi phố, mặt mày rạng rỡ hạnh phúc. Nguyễn vẫn trắng và vẫn đẹp. Nụ cười vẫn tươi tắn, cuốn hút y như ngày còn đi học. Tôi chắc là Nguyễn bình an và hài lòng với những gì Nguyễn đạt được: Một cô vợ con ông quan to. Một chỗ đứng vững vàng trong xã hội mới. Một cơ ngơi, một mái nhà. Một cái chấm hết vừa vặn để sang trang.

Ngày còn yêu nhau, có lần Nguyễn hỏi:

- Sau này lấy nhau, Vi thích con mình giống bố hay giống mẹ?

Tôi đáp giống bố một cách không đắn đo suy nghĩ, vì Nguyễn đẹp như thiên thần. Mắt Nguyễn màu nâu, trán rộng, nụ cười rạng rỡ mà bạn tôi từng bảo là nụ cười có ướp á phiện. Nguyễn đã nhìn tôi thật dịu dàng rồi bảo:

- Còn anh, anh chỉ ao ước con sẽ trái tim nhân hậu của Vi.

Tôi nhân hậu, có lẽ vì tôi yêu Nguyễn. Tôi độ lượng, có lẽ cũng chỉ vì yêu Nguyễn. Tình yêu luôn luôn làm người ta trở nên bác ái, dễ thương.

Tôi tự hỏi, không biết bao giờ thì tôi hết yêu Nguyễn. Tôi và Nguyễn chia tay nhau đã lâu, đã có một chấm dứt đoạn đành và buồn bã như vậy mà rất nhiều lần tôi giật mình hoảng hốt khi nhận ra tình cảm mình dành cho Nguyễn vẫn chẳng thay đổi gì, vẫn nguyên vẹn và tràn đầy như ngày hai đứa còn yêu nhau. Có nhiều hôm nằm mơ thấy vòng tay và môi hôn của Nguyễn, thức giấc, tôi đã ngơ ngác bàng hoàng vì cái cảm giác nồng ấm vẫn còn tỏa khắp người, đầu lưỡi vẫn còn nghe tê rung, ngây dại.

Kể cho Trân nghe, nó cười:

- Ai cũng có một mối tình canh cánh mang theo, để vui để buồn lúc nhớ về. Vi và anh Nguyễn đã có những kỷ niệm đẹp nên Vi không quên được anh ấy là điều tất nhiên rồi. Nhưng - Trân thở dài - *nhớ nhau để mà nhớ, nhớ nhau rồi lại quên* chứ không phải để tự làm khổ mình, Vi nhé. Vi tưởng Vi vẫn còn yêu anh Nguyễn, đó chỉ là một tâm lý bình thường. Bởi vì nếu đời sống lứa đôi của Vi mà chan hoà niềm vui và hạnh phúc, em tin chắc Vi đã quên anh Nguyễn mất rồi. Nhưng bây giờ dẫu

quên hay nhớ, anh ấy cũng chỉ là một trong những kỷ niệm, cũng thuộc về quá khứ. Em đề nghị chỉ những lúc vui, Vi mới nên nhớ đến anh ấy, còn buồn thì đừng. Buồn mà nhớ, Vi chỉ cay đắng cho phận mình thôi chứ không ích gì đâu!

Lúc buồn, nhớ đến Nguyễn, tôi cay đắng cho phận mình thật. Tôi vẫn oán than thời cuộc đã đẩy tôi và Nguyễn về hai đầu xa cách. Có lần gặp cô em họ của tôi, Nguyễn gửi lời thăm hỏi và bảo vẫn nhớ tôi luôn. Chỉ vậy, chỉ có vậy mà tôi buồn muốn khóc. Chỉ có vậy mà tôi nhớ Nguyễn xót xa và cứ nặng lòng mang theo hình ảnh Nguyễn trong nhiều năm tháng dài ở xứ người.

Lần qua thăm tôi, Trân giễu:

- Vi lãng mạn quá coi chừng đâm ra... lãng xẹt. Nghe Vi nói về anh Nguyễn mà em cứ tưởng tượng gặp lại anh Nguyễn, chắc Vi sẽ lao về phía anh ấy như phi thuyền lao vào quỹ đạo bằng vận tốc của ánh sáng đấy Vi. - Rồi nó cười - Thế Vi có định áo gấm về làng thăm lại người xưa hay không?

Áo gấm về làng đã khó mà thăm lại người xưa lại còn khó hơn. Nguyễn có cuộc sống của Nguyễn, tôi có cuộc sống của tôi. Hai cuộc đời như hai dòng nước rẽ về hai đại dương hoàn toàn khác nhau, gặp nhau chắc chỉ thêm ngậm ngùi.

Trân đùa, hát:

- *Thôi thì thôi nhé, có ngần ấy thôi...*

Vậy đó. Vậy mà cả tôi lẫn Trân, và chắc là cả mọi người quen biết, đều không thể nào ngờ có ngày tôi còn gặp lại Nguyễn. Gặp lại, mà không cần phải mũ áo xênh xang về lại nơi chốn tôi đã cố tình bỏ đi. Không cần phải bằng chiêm bao, giấc ngủ mà bằng hình hài thịt xương, ngay trên cái xứ sở này.

Tôi khăn gói lên đường đi gặp Nguyễn, bằng vận tốc của một chuyến xe lửa tốc hành về miền nam nước Đức sau nhiều ngày suy nghĩ. Hôm nhận được thư Nguyễn, tôi ngạc nhiên đến sửng sốt, không tin nổi. Nguyễn báo tin đang ở trong một trại tị nạn cách chỗ tôi bốn trăm cây số. Vài năm trước đây, nếu có ai nói với tôi khối cộng sản Đông Âu sẽ sụp đổ, có lẽ tôi cũng dễ dàng bị thuyết phục hơn là cái tin Nguyễn có mặt tại nơi này. Tôi đọc đi đọc lại hai trang giấy đầy chữ của Nguyễn nhiều lần mà vẫn không biết mình có nằm mơ hay không.

Sau cùng, tôi dè dặt trả lời, và bảo Nguyễn liên lạc với tôi bằng điện thoại. Tôi nghe lại giọng Nguyễn qua đường giây viễn liên sau bao năm không gặp, bàng hoàng và ngơ ngác với chính mình vì cứ có cảm tưởng là chưa bao giờ quen với một người có cái tên Nguyễn, chưa bao giờ biết mặt người đàn ông ấy trong đời.

Tôi không có tấm hình nào của Nguyễn. Tôi không biết Nguyễn thay đổi ra sao. Ở trong tôi, Nguyễn là một anh chàng thư sinh con nhà nghèo học giỏi, có cặp mắt màu nâu đại, gương mặt thanh tú, nụ cười hiền lành, tính tình dễ thương, thân ái. Trong mấy ngày liền, tôi cố nhớ lại ngày hai đứa mới quen nhau, nhớ đến những hò hẹn, những nụ hôn, như để tìm lại những bâng khuâng, rung động ngày xưa mà có đủ can đảm đi gặp Nguyễn.

Suốt đoạn đường, tôi ngồi bất động trong toa tàu, nhẩm đọc tên thành phố hai bên đường, đầu óc lan man nghĩ ngợi về những sân ga, những bến đỗ đã đi qua trong đời mình mà tự hỏi Nguyễn đã có mặt tại cái sân ga nào, bến đỗ nào. Không tài nào tôi hiểu được chính mình, vì suốt gần hai mươi năm mang theo cái mối tình thơ và hình ảnh Nguyễn bên lòng, vậy mà khi biết được tin Nguyễn có mặt ở đây, nghe Nguyễn nói tha thiết muốn gặp lại mình, thì tôi bỗng khựng lại, bỗng thấy lòng vắng lạnh, chẳng hề dấy lên một chút hăm hở, vui mừng. Đã bao lần tôi trách móc cuộc đời tạo ra những hố ngăn để đẩy Nguyễn xa tôi, vậy mà lúc nghe Nguyễn chạy về phía bên này, tôi lại buồn, buồn lạ thường. Tôi hoang mang và đắn đo như đang phải đứng trước một quyết định nào đó. Tôi lo sợ. Cái lo sợ rất mơ hồ, không rõ rệt nhưng dường như có một sức trì kéo rất mãnh liệt, làm mờ đi tất cả các ý muốn gặp lại Nguyễn trong tôi.

Nguyễn đón tôi ở sân ga lớn của thành phố Munich. Mặc dù Nguyễn đã cẩn thận cho biết mặc áo màu gì, trang phục ra sao, vậy mà tôi vẫn không nhận ra người đàn ông đang cười rạng rỡ tiến lại phía tôi là chàng, nếu không bắt gặp nụ cười với hai hàm răng trắng đều long lanh như ngọc trai từng một thời làm tôi tương tư. Nguyễn già quá sức tưởng tượng của tôi. Mái tóc ngày xưa vốn không đen, giờ ngả bạc, khiến Nguyễn như thêm lên hàng chục tuổi. Nguyễn ốm, hai má hóp, lưỡng quyền nhô cao. Khi cười, những nếp gấp càng hằn sâu ở hai bên khoé miệng.

Tôi ngơ ngác nhìn Nguyễn. Nguyễn cũng sửng sốt nhìn lại tôi rồi kêu lên:

- Vi đây sao! Vi trẻ quá, y như ngày nào!

Tôi cười, nụ cười rất ngập ngừng. Tôi không biết nói gì, bởi chẳng lẽ lại bảo, còn anh, sao anh già thế, nên bối rối đặt cái xắc xuống đất rồi chìa tay ra bắt tay Nguyễn. Tôi không nhớ Nguyễn đã nói gì, hình như là Nguyễn hỏi tôi có muốn về trại của Nguyễn để cất đồ đạc hay không thì tôi lắc đầu. Chúng tôi vào một quán cà phê, chọn một bàn trong góc phòng, cạnh cửa sổ. Tôi ngồi đối diện Nguyễn, xoay lưng lại với đường phố phía sau. Khi gọi xong nước uống và người hầu bàn đã đi khỏi, tôi ngước mắt nhìn khuôn mặt buồn bã của Nguyễn một lần nữa. Hai hàm răng tôi cắn chặt lại trong đôi môi khép kín. Không thể nào tưởng tượng được Nguyễn bằng xương bằng thịt đang ở trước mặt tôi. Người đàn ông với đôi mắt sâu thẳm mỏi mệt, đuôi mắt đầy vết chân chim, hoàn toàn chẳng hiện lên chút thân quen nào của người tôi từng yêu ngày xưa. Tôi tự hỏi, đâu là nét môi, ánh mắt của người con trai mười mấy, hai mươi năm về trước? Đôi bàn tay trắng xanh, gầy xương đặt trên mặt bàn với những ngón dài mỏng mảnh, lúc nãy bắt tay tôi sao

lạnh đến vậy! Cả đôi môi kia nữa, đôi môi từng có thời hôn mình thắm thiết sao trông lạ lẫm dường ấy?

Tôi đan tay dưới gầm bàn, cố nghĩ xem hình ảnh mà tôi đã canh cánh mang theo trong lòng bao nhiêu năm nay có phải là của bức chân dung này, của con người này hay không.

Con-người-xa-lạ hỏi tôi:

- Vi đi đường có mệt không?

Tôi lắc đầu. Người ấy mỉm cười:

- Vi vẫn chưa nói gì với anh.

Tôi chớp mắt ngập ngừng thật lâu rồi mới cười, thành thật bảo tôi vẫn còn bàng hoàng vì không ngờ gặp lại anh ở đây. Người đàn ông im lặng một hồi. Sau đó là thở dài. Tiếng thở dài áo não, không biết chứa đựng ý nghĩa nào nhưng bất chợt vang ra làm trái tim tôi bỗng co bóp không điều hoà trong vài giây đồng hồ. Tôi nghĩ ngay đến giọng nói lạnh lẽo của mình vừa mới toát ra và cảm thấy tức nghẹn cả lồng ngực. Tiếng thở dài đã khiến mớ cảm xúc trong tôi khuấy động dữ dội. Tôi nuốt nước miếng, hạ giọng một cách khó khăn rồi hỏi:

- Anh sống ở đây có dễ chịu không?

Người đàn ông bâng khuâng nhìn ra ngoài, hai hàng mi chớp khẽ nhiều lần trước khi đáp lời tôi:

- Ở đây... ở đây buồn lắm Vi ạ. Chẳng có gì hy vọng cho cuộc sống trước mặt vì không biết đến bao giờ thì người ta đuổi mình về.

Bàn tay vừa tì trên mép bàn với những móng sơn màu hồng nhạt của tôi bỗng ngọ ngoạy không ngừng. Tự dưng không cần Nguyễn kể tôi cũng đoán được Nguyễn đã chạy qua bên này từ một nước Đông Âu nào đó, và đã xin tị nạn sau khi bức tường Bá Linh sụp đổ như hàng vạn người Việt khác đang có mặt trên đất nước này. Tôi đã từng nghe rất nhiều nguyên do khiến những người đi du học và đi hợp tác lao động ở những nước Xã hội Chủ nghĩa bỏ trốn qua đây. Có những lý do thật, cũng có những lý do không thật. Có những trăn trở thật, những chống đối thật; nhưng cũng đầy dẫy những trăn trở giả, những chống đối giả, được khai la liệt trong các đơn xin tị nạn. Có rất nhiều hoàn cảnh, và cũng có rất nhiều người đang bị đe dọa đưa về.

Tôi hỏi một câu mà có đến chín mươi phần trăm người Việt đang xin tị nạn tại đất nước này vẫn hay hỏi nhau:

- Giấy tờ anh đến đâu rồi? Anh đang sử dụng *Ausweis* hay giấy gì?

Nguyễn cười buồn, câu trả lời như không muốn thoát ra khỏi đôi môi:

- *Dundung-abschiebung*.

*Ausweis* là một loại giấy tùy thân mà người sử dụng hiện đang còn được phép kiện tiếp để có thể hưởng qui chế tị nạn. *Dundung-abschiebung* tạm gọi là giấy trì hoãn để chờ trục xuất.

Tôi im lặng. Bối rối im lặng bởi thật sự không biết nói gì thêm. Cách đây mười bảy năm, khi tôi báo cho Nguyễn biết tôi rớt đại học lần thứ hai, Nguyễn cũng viết cho tôi một câu tương tự như thế, anh không biết nói gì hơn. Hai câu nói, thoạt nghe qua thì giống hệt nhau, nhưng ở hai hoàn cảnh khác biệt, ý nghĩa của chúng cũng rõ ràng khác biệt. Ngày xưa, có lẽ Nguyễn chán ngán. Còn tôi, tôi đang thương hại, tội nghiệp hay xót xa thật sự cho Nguyễn?

Tôi lại nuốt nước miếng một cách khó khăn, hỏi Nguyễn sau mấy phút đồng hồ im lặng:

- Ở bên nhà ra sao hở anh? Bác có khoẻ không?

Gương mặt Nguyễn có vẻ dịu xuống. Nguyễn nhìn tôi, mỉm cười:

- Mẹ nhắc đến Vi luôn.

Tôi nhớ đến người đàn bà vẫn thích tôi trở thành con dâu của bà, và vẫn hay thăm hỏi về tôi. Bỗng dưng tôi muốn cười một mình. Có bao giờ bà trách Nguyễn đã không cưới tôi không nhỉ? Tôi nói:

- Nếu anh viết thư về, cho Vi kính lời thăm bác.

Nguyễn chớp mắt:

- Nghe anh gặp Vi, chắc mẹ vui lắm.

Tôi di di ngón tay trỏ trên bàn, mắt vẫn không rời khuôn mặt xương gầy của Nguyễn, xốn xang nghĩ đến những chăm sóc ân cần mà mẹ Nguyễn dành cho tôi thuở ấy. Tôi giễu:

- Nhưng coi chừng tới tai madam của anh thì hơi phiền đấy nhé!

Nguyễn đột ngột hết cười. Đôi môi khẽ mím lại rồi mở ra. Khá nhanh nhưng cũng đủ cho tôi thấy sự cay đắng hiện ra giữa khoảnh khắc ngắn ngủi ấy. Nguyễn cười nửa miệng:

- Tụi anh ly dị lâu rồi.

Tôi chưng hửng ngó Nguyễn. À ra thế! À ra là anh đã ly dị. Tôi hoàn toàn không biết phản ứng thế nào nên đưa mắt trân trối nhìn từ đôi môi Nguyễn lên đến hai gò má rồi cuối cùng dừng lại ở mắt. Tôi nghĩ thầm, bây giờ thì em nói cái gì với anh đây hả Nguyễn? Chia sẻ với anh về những mất mát đổ vỡ của gia đình em, rồi sau đó là hỏi tại sao anh và con gái ông quan to không thể chung sống hoà bình ư?

Tôi nhủ thầm với mình. Vi ơi, nếu như cô có đủ can đảm để hỏi, thì có lẽ là cô sẽ được nghe câu trả lời rằng anh và vợ anh có những bất đồng về quan niệm sống, về chính kiến, về cả thói quen tập tục trong đời sống hàng ngày, anh đã sai lầm khi chọn người ấy, nên chẳng thể nào chịu đựng nổi cho đến cuối đời. Vừa chia tay nhau, là anh phải đi tìm một con đường khác để bắt đầu lại từ đầu đây Vi. Anh đang tập sống cho hoà hợp với cái thế giới mới lạ một cách khổ sở như thế này đây Vi.

Tôi hơi cúi xuống rồi lại ngẩng lên. Bắt gặp ánh mắt của Nguyễn, tôi bỗng van vái thầm: Nguyễn ơi, xin anh đừng nói gì cả để sau này em khỏi nghĩ đến anh một cách tầm thường như đã từng nghĩ đến những kẻ tầm thường mà em đã gặp trong đời. Tôi vội vã hỏi để Nguyễn không kịp giãi bày:

- Anh được phép đi làm chưa?

Nguyễn gật đầu:

- Anh đi làm ngay từ ngày đầu mới qua đây. Nhưng vừa rồi chỉ được gia hạn ở lại có hai tuần nên chắc sắp tới sẽ có vấn đề với hãng. Chả biết rồi có được ký tiếp hợp đồng hay không!

Tôi ngồi im trên ghế như đã ngồi

bất động bốn tiếng đồng hồ liên tiếp trên toa tàu. Đầu óc lan man cái ý nghĩ lẽ ra mình không nên đi gặp Nguyễn vì không muốn nghe những điều tương tự như Nguyễn vừa nói. Vậy mà cái tình cảm bốc đồng thời thơ trẻ vẫn còn đủ sức đẩy mình đi hơn bốn trăm cây số, đủ sức để tống mình vào bầu không khí ngột ngạt thế này.

Chúng tôi ngồi im rất lâu. Nguyễn cứ xoay tới xoay lui cái gạt tàn thuốc nằm trên bàn,còn tôi thì chẳng biết làm gì nên ngó mãi bức tranh treo trên tường bên cạnh. Lát sau, Nguyễn đột ngột cười rồi nói:

- Anh có chuyện này. Lẽ ra không kể cho Vi nghe làm gì. Nhưng biết đâu chừng sẽ chẳng bao giờ gặp lại Vi lần nữa. Vi cứ nghe như nghe một câu chuyện phiếm. Cứ nghe xong và tưởng tượng là chưa gặp lại anh vậy.

Tôi thắc mắc nhìn Nguyễn. Chàng lại cười, vẻ hơi lúng túng:

- Cũng chẳng có gì... Đại khái như một trong những chuyện dài tị nạn của đám tụi anh... - Nguyễn lại xoay gạt tàn thuốc - Cách đây vài tuần, sau khi đi gia hạn giấy tờ về, anh có một thằng bạn từ Đông Đức qua chơi. Thằng này ngày trước cùng đi du học với anh nên có nghe anh kể về Vi. Nó mới vừa làm giấy tờ kết hôn với một bà Đức già nên được chấp thuận ở lại. Nó sang để bảo anh chạy tiền lo một cái giấy hôn thú như nó. Nó có mối manh, đường giây, người quen biết gì đó nên muốn giới thiệu cho anh... Đang lúc tuyệt vọng, nghe nó mách nước thấy cũng bớt rầu. Thế nhưng cái thằng phải gió này lại nảy ra một ý khác sau khi nghe anh bảo mới vừa liên lạc được với Vi...

Nguyễn bỏ ngang không nói nữa. Tôi chờ mãi vẫn không thấy Nguyễn kể tiếp nên cau mày hỏi lại:

- Ý gì?

Nguyễn mỉm cười. Mãi một hồi mới nói:

- Thì nó... xúi anh nhờ Vi giúp đỡ chứ sao.

Tôi trố mắt ngó Nguyễn. Chàng vội vã nói tiếp:

- Giúp đỡ, anh nghĩ là Vi hiểu nó xúi anh nhờ Vi cái gì, phải không?

Tôi không biết là nếu người ngồi trước mặt mình là một ai đó khác mà không phải là Nguyễn vừa hỏi, thì tôi có nên gật đầu để chứng tỏ mình còn đủ trình độ tiếng Việt để hiểu một câu thông thường như vậy hay không. Tôi chăm chăm nhìn người đàn ông vừa cúi xuống cầm cái thìa, khuấy vào ly cà phê gần cạn. Tôi mở to mắt, cố tìm xem Nguyễn vừa mới nói thật, *Vi cứ nghe như nghe một câu chuyện phiếm*, hay đã bịa ra câu chuyện người bạn để đề nghị tôi giúp đỡ mà không sợ bị ngượng. Nếu Nguyễn đề nghị thật, nhờ mình làm một cái giấy hôn thú thật, thì mình sẽ phản ứng thế nào đây? Lúc nãy sao mình không thử nhìn xem trong mắt Nguyễn có bao nhiêu phần trăm thành thật và bao nhiêu phần trăm giả dối nhỉ!

Tôi chờ Nguyễn nhìn lên, nhưng hai hàng mi dài vẫn cứ như đang khép. Mãi, tôi hướng đi phía khác rồi lại nhìn xuống ly cà phê của mình, nhặt một mảnh giấy gói đường xếp nhỏ lại rồi lại cẩn thận mở ra như một đứa con nít chơi mãi một trò chơi mà không biết chán.

Sau cùng, Nguyễn ngước nhìn lên, nhưng không ngó tôi mà hướng ra đại lộ, thở dài nhỏ giọng:

- Đã bao nhiêu năm trôi qua trong cuộc đời của anh và Vi. Đã có bao nhiêu thay đổi đến với chúng ta. Anh không biết Vi nghĩ thế nào về anh, không biết tình cảm của Vi đối với anh bây giờ ra sao. Riêng anh, anh vẫn luôn luôn quí Vi, vẫn ước ao có ngày gặp lại Vi, để nghe Vi nói, để thấy Vi cười. Tuy nhiên, chẳng phải là trong cái hoàn cảnh như thế này; chẳng phải để nói với Vi về những điều không đáng nói, kể cho Vi nghe những điều không đáng nghe. - Nguyễn lại thở dài - Cuộc đời anh giống như một con rối, một đám mây lơ lửng trên bầu trời. Mãi cho đến lúc này mà anh vẫn chưa biết được mình muốn gì. Cả cái ý định ở lại bên này hay chờ ngày về bên kia cũng không rõ rệt trong đầu óc anh. Có thể đến một hôm nào đó, anh sẽ phải chạy sang Đông Đức tìm thằng bạn anh. Nhưng cũng có thể là anh để mặc cho cuộc đời đẩy giạt về bất cứ nơi nào nó muốn.

Tôi thả bàn tay mình lên bàn. Nguyễn quay lại nhìn tôi rồi đặt tay anh lên tay tôi, bóp nhẹ:

- Anh cám ơn Vi đã đến đây gặp anh, dù anh đã chẳng nói được những gì muốn nói với Vi. Vì không lẽ lại bảo rằng ngày xưa anh đã ngu xuẩn để Vi vuột bay, hay nói cái câu tiếc nuối, tiếng phải chi. Nói ra, chắc chỉ làm Vi buồn cười, phải không? Anh hy vọng trong trái tim nhân hậu của Vi, anh vẫn còn một chỗ đứng dù thật nhỏ nhoi và mờ nhạt...

Nguyễn buông tay tôi ra, cười buồn:

- Trong lá thơ cuối cùng gửi cho anh ngày anh còn ở Mạc Tư Khoa, Vi viết, *đường dài hạnh phúc cầu chúc cho người*. Anh đã không mường tượng nổi cái đoạn đường anh phải đi nó dài lê thê đến vậy... Cuộc đời, có vô số đường dài mà hạnh phúc thì lại không, phải không Vi? Nhưng chia tay Vi lần này, anh bắt chước Vi hát câu đường dài hạnh phúc, đường dài an vui để cầu chúc cho Vi.

Tôi ngồi thật lặng yên nhìn vào khoảng không gian chật hẹp trước mặt. Không muốn, nhưng tôi vẫn tự hỏi, nếu còn mười lăm mười bảy, không biết trong tình cảnh này mình có phải vừa quay mặt đi vừa cố giấu những hạt long lanh trên mi sắp rơi rụng hay không.

Tôi thở dài. Phía sau lưng tôi trời bắt đầu trở lạnh. Những bông tuyết trắng đã rụng rơi đầy hè phố. Tôi lắng nghe nhịp tim mình đập trong giọng hát u buồn của một ban nhạc trẻ da đen: *"We'll be together, forever, again... just you and me. I'll be with you, until to the end of time..."* Tôi nghĩ đến đoạn đường trở lại, với bốn tiếng đồng hồ lắc lư trong một toa tàu chật hẹp, mỏi mệt. Nghĩ đến công việc làm ở hãng sắp tới. Nghĩ đến khung trời cũ đã qua, đã trở thành quá khứ, và nghĩ đến cả những lời của bài hát đang réo lên như một chua xót mỉa mai mà nghe lòng bùi ngùi, cay đắng vô kể. ●

# *Câu Chuyện Con Mèo*

Văn Thanh



***M***ột hôm đi học ngang qua chợ Hàng Da, tôi chợt thấy bên đống rác có con mèo con màu tam thể gầy nhom, thoi thóp nằm chờ chết. Tôi rất thích nuôi mèo. Lần trước, tôi cũng có con mèo tam thể đẹp lắm, nhưng mẹ tôi đem cho mất, tôi khóc mấy ngày liền bắt đền mẹ tôi chẳng được. Nhìn con mèo ngắc ngoải, miệng há hốc tớp táp hơi, tôi thương nó quá. Tôi bèn ngồi sụp xuống đất, chẳng nề hôi hám, tôi kéo con mèo ra chỗ trống. Ôi chao ôi! Kiến lửa ở đâu mà nhiều thế, chúng bâu đầy người nó, chổng vồng những cái đít tròn mòng mọng cắn cả vào mắt nó. Tôi đang lăng xăng định tìm cái gì để phủi kiến cho mèo, thì, soạt! Một tiếng xẻng ở sau lưng tôi, kèm theo là câu chửi mắng phũ phàng:

- Tiên sư mày! Con ranh con! Chỗ chơi của mày đây à?

Tôi giật mình quay lại. Trước mặt tôi là bà quét rác béo phự. Tay bà chống xẻng, mặt đỏ au au nom đến dữ tợn. Tôi nhìn lại xác con mèo con, nó đã biến mất. Chắc bị hót vứt vào cái xe thùng cao ngất ngư.

Tôi chưa biết nói sao, bà béo đã lại cúi xuống tiếp tục xúc những xẻng rác nặng hất tiếp lên xe. Bụi rác vung lên mù mịt. Thoảng đây những hơi tanh nồng và thối khẳm. Tôi vội bịt mồm, bịt mũi, ôm cái cặp sách nặng bỏ đi. Mắt tôi tự dưng sầm tối, tưởng như có hàng tấn rác nặng đang chụp xuống ngộp thở.

Cả buổi học hôm ấy, lòng tôi cứ nao nao buồn buồn. Giờ ra chơi, con Mai, con Lan rủ tôi nhảy giây nhào cầu vồng, tôi chán nản lắc đầu. Lan hích cùi tay bảo Mai, cố tình nói to cho tôi nghe thấy, để chọc giận tôi:

- Cái con khỉ này! Sao hôm nay nó điệu thế không biết! Đếch thèm chơi với mày nữa!

Tôi chỉ cúi đầu ngồi im như không nghe thấy gì hết. Giờ cả lớp làm bài. Tôi viết bài tập làm văn "Câu chuyện trong ngày" thành "câu chuyện con mèo chết đói" đem nộp bài cho cô giáo Thảo. Mải viết, tôi không ngờ tôi là đứa về sau cùng. Bài của tôi dài kỷ lục gần 4 trang giấy. Trên đường về nhà, không hiểu sao, tôi tránh con đường ngang qua chợ Hàng Da, lượn xuống Phùng Hưng tít sang đầu Nguyễn Trãi mới vòng về nhà. Mệt ơi là mệt! Nhưng thà thế, còn hơn phải nhìn lại cái chỗ làm cho tôi nhớ đến con mèo ốm đói ngắc ngoải bị vùi vào thùng rác cao tú hú mà buồn. Hai mẹ con tôi, thi thoảng cũng có những hôm ôm bụng đói róc rách đi ngủ... Cái chết của con mèo làm cho tôi sợ, nếu có một ngày nào, mẹ con tôi cũng bị chết đói như thế...

Hôm sau trả bài, cô giáo gọi các bạn lên nhận bài cho điểm. Bài của tôi, cô giáo Thảo trả sau cùng. Tôi nhìn bài làm của mình, thấy không được một điểm nào hết. Tôi ngạc nhiên nhìn cô. Cô Thảo đoán được ý của tôi. Cô thũng thẳng bảo tôi:

- Tan học, em ở lại, cô muốn nói chuyện với em...

Rầy rà rồi! chắc là bài viết của mình có câu nào bị lỗi nặng.

Tan học, tôi lủi thủi lên buồng chủ nhiệm gặp cô Thảo. Như con ăn cắp bị bắt quả tang, tôi xấu hổ cúi gằm mặt chẳng dám nhìn ai. Cô Thảo bảo tôi ngồi chờ. Mãi lâu lắm, có dễ hàng tiếng đồng hồ, cô mới nói chuyện xong với các bạn khác. Rồi cô thong thả chải đầu, soi gương sửa soạn ra về. Cử chỉ chậm chạp của cô Thảo làm cho tôi ngồi sốt nóng cả ruột.

Cô Thảo bảo tôi đi theo cô. Chúng tôi ra khỏi trường theo lối cổng sau. Cô dẫn tôi đi dọc phố lớn đông người, cuối cùng tới chợ Hàng Da. Tôi chẳng hiểu cô định làm gì với tôi, và tôi cũng không thấy cô nói gì với tôi cả.

Hai thầy trò, người trước kẻ sau đi vòng vòng lách qua nhiều dẫy hàng chật chội. Vào đến cuối chợ, cô chợt reo lên:

- Kia rồi!

Tôi nhìn theo tay cô Thảo chỉ. Có một bà ngồi ôm cái lồng nan trong có con mèo mướp con đem bán.

Thì ra, đọc bài của tôi, cô giáo Thảo động lòng thương, cô quyết định mua tặng cho tôi con mèo! Tôi không muốn nhận của cô, tôi biết là cô giáo Thảo nghèo lắm, tôi sợ cô tiêu phí tiền. Mấy lại, tôi cũng muốn nói cho cô biết, mẹ tôi không cho tôi nuôi mèo đâu. Nhưng cô Thảo đã gạt phắt đi, không cho tôi nói hết câu. Rồi cô móc cái ví nhỏ trả tiền cho bà bán mèo. Cầm cái lồng mèo, cô giáo Thảo hể hả dẫn tôi ra khỏi chợ. Cô trao lồng mèo cho tôi và nói:

- Cô cháu mình giống tính nhau. Ngày xưa, cô còn bé, cô cũng thích nuôi mèo lắm, bế ẵm nó như con búp bê suốt ngày. Cô tặng em con mèo này để em nuôi. Cô chỉ mong từ nay, sẽ không phải đọc bài viết nào của em như hôm qua em đã viết, rằng: "Mọi con người trong cuộc đời bây giờ đều là độc ác." Em hãy còn bé, em không nên nghĩ quá xấu về những người xung quanh như thế. Cái bà hót rác kia không hẳn độc ác như em nghĩ đâu. Bà ấy phải làm việc của bà ấy thôi. Chắc em đã hiểu vì sao cô không cho điểm bài viết của em rồi chứ? Em nhớ nhé, kỳ này em mất điểm kiểm tra, các kỳ tới phải thật cố lên thì mới có điểm quân bình khá được.

Cô giáo Thảo âu yếm xoa tóc tôi, rồi đi lẫn vào giòng người trên phố. Tôi cầm cái lồng mèo con, nhìn theo hút bóng cô giáo Thảo, nước mắt rưng rưng.

Tôi khóc dở mếu dở. Tôi cảm động bởi tấm lòng quý hóa của cô giáo thì có, nhưng tôi muốn khóc thật sự là bởi vì, mẹ tôi là người rất ghét mèo. Tôi phải làm gì với cái lồng mèo bây giờ đây? Đem vất bỏ con mèo này đi thì phụ mất cái tình tử tế mà cô giáo Thảo dành cho tôi, mà nếu mang con mèo này về nhà, thể nào tôi cũng bị mẹ mắng, có khi còn bị ăn đòn là đàng khác...

Tôi nghĩ đến cái bờ tường đổ nát thâm thấp mé đằng sau nhà. Ở đấy có một đống củi, một ngôi đền thờ. Chỗ này thoạt nhìn có vẻ trống trải, kỳ thực nó rất kín đáo bởi vì, trong đền có một ông từ trông coi. Ông từ này lắm mồm lắm, hay chửi bới, chung quanh chẳng ai muốn giây chuyện với ông, thành thử chỗ ấy hóa nên vắng vẻ. Tôi thường hay chơi trò bịt mắt trốn lính nhà quan. Nấp vào đấy, tụi bạn đi tìm chỉ có cách chịu thua.

Tôi len lén đem con mèo ra đó. Xếp củi thành một cái hỗng kín, trải ổ cho mèo nằm. Con mèo con mới rời vú mẹ, chân còn đi lẩy bẩy. Tôi đặt mèo nằm vào ổ. Con mèo thò chân vấu khẽ vào tay tôi, cái móng non của nó hơi gai gai, nhưng không đủ cứng làm cho tay tôi bị xây sước. Con mèo há miệng thè lưỡi liếm láp như chẳng muốn cho tôi đứng dậy. Tôi vuốt ve, gãi gãi lên trán nó, dặn dò:

- Mày nằm đây đợi chị một tị nhớ! Chị về tìm xem có cái gì cho mày ăn không.

Con mèo tròn xoe xoe đôi mắt non thơ nhìn tôi, mồm khẽ ngoeo ngoeo trả lời tôi. Và nó đã nằm im như vậy cho tới khi tôi đem ra một nắm cơm nguội cùng với vài con tép rang khô. Mèo con ăn nhỏ nhẻ, chốc chốc lại ngẩng mặt nhìn tôi như để bầy tỏ sự biết ơn.

Tôi đút từng hạt cơm cho con mèo con ăn. Nó có vẻ thích lắm. Ăn xong hạt cơm, nó lại liếm tay tôi, như thể tay tôi có sữa, có đường. Từ đấy thành quen. Bao giờ tôi cũng đút cho nó ăn. Tôi mừng rỡ, và không ngờ con mèo con này lại ngoan ngoãn và dễ nuôi như vậy. Tôi cảm thấy mình cũng nhớn hẳn ra, biết suy nghĩ lo lắng như người lớn. Ăn bữa này, tính đến bữa sau.

Tôi đặt cho con mèo cái tên rất là đặc sắc: Thương Yêu! Hễ tan trường, về nhà, đầu tiên tôi lảng ra sau nhà thăm nó. Rồi tôi quét dọn nhà cửa, giặt giũ quần áo, những việc mẹ tôi dặn dò. Làm xong, tôi lại ra chơi với Thương Yêu.

Hai bạn Mai và Lan không thấy tôi sang nhà chúng nó chơi. Chúng nó tới tìm tôi. Tôi dẫn ra chỗ Thương Yêu. Cả hai đứa đều thích con mèo mướp, tranh nhau đòi bế. Cái Lan khâu cho con Thương Yêu cái mũ con con đội đầu rất chi là xinh.

Tôi tới trường khoe với cô giáo Thảo, tíu tít kể cho cô nghe bao nhiêu là chuyện xung quanh cái tính nết rất chi là vui của con mèo Thương Yêu.

Tôi nói:

- Cô ơi, Thương Yêu không biết nói, nhưng hễ thấy em tới là nó nhẩy tót lên lòng em đấy. Thương Yêu ở nhà một mình cũng biết buồn cô ạ! Nó hay giụi cái mũi ướt của nó vào má em để làm nũng cô ạ!

Cô giáo Thảo có vẻ hài lòng lắm. Vậy là cô đã đem đến cho tôi người bạn thân thiết. Món tiền cô bỏ ra mua con mèo nhỏ cho tôi chơi không uổng phí.

Cô bảo tôi:

- Em không có bố, em cần nhiều niềm an ủi.

Thương Yêu chịu ăn, chóng nhớn như thổi. Bây giờ nó đã biết trèo lên cây, nấp sau những tàn lá rậm rạp nghịch ngợm trêu đùa với mấy con chim sẻ đá. Tôi không thấy nó nằm trong ổ. Gọi to: "Thương Yêu!" Chỉ câu trước câu sau, đã thấy Thương Yêu "ngoeo" ở trên cây cao nhẩy tùm xuống giữa đống củi, rồi phốc một cái nhẩy tới cạnh chân tôi, đầu giụi sàn sạt vào ống quần của tôi, quyến luyến.

Tôi thường nói dối mẹ tôi: "Ngồi ở nhà ăn cơm nóng quá!" để bưng bát cơm ra ngoài cửa ngồi ăn. Tôi coi như đây là bát cơm cuối, không bao giờ vào xúc thêm bát khác. Cơm thừa lại trong nồi, để dành cho mẹ tôi mang cơm đi làm. Nhưng nhiều khi mẹ tôi cứ bớt phần lại cho tôi ăn sáng. Tôi cầm đũa, uể oải và miếng cơm. Mắt trước mắt sau, đợi mẹ tôi không để ý, tôi lẻn ra sau nhà gọi Thương Yêu... Thương Yêu đói cả ngày, thấy tôi gọi, nó nhào từ trên cây cao xuống. Tôi đổ cơm cho nó ăn. Nó ăn và sung sướng kêu "ngon ngon"....

Thế rồi, cuối cùng chuyện bí mật của tôi cũng bị mẹ tôi biết.

Mẹ tôi theo hút tôi từ lúc nào tôi không biết. Mẹ tôi bất thần xông tới, tru tréo váng lên, cầm tay tôi lôi xềnh xệch về nhà. Vừa đi, mẹ tôi vừa gào lên như muốn cho cả khu phố biết:

- Giời đất ơi là giời! Cái con nặc nô này, mày làm khổ tao như thế chưa đủ hay sao? Người còn không có mà

ăn, lại còn nuôi mèo! Thảo nào, nấu bao nhiêu cơm cũng không đủ. Mày phí phạm của giời thế hử? Cái con giời đánh thánh vật này!...

Tôi sợ quá, chắp tay rối rít van lạy mẹ tôi tha tội, nhưng mẹ tôi không nghe. Mẹ tôi nhẩy choi choi lên như mấy bà lên đồng trong đền, nước mắt ngấn nước mắt dài, rít lên những tiếng kêu xé rách lòng dạ, hai tay của bà chơi lơi giữa nhà:

- Thật là toi cơm! Toi cơm! Bao nhiêu công của nuôi cho mày khôn nhớn, tưởng mày phải biết nghĩ, phải thương đến con mẹ còm của mày đi làm quần quật, làm quanh năm suốt tháng, đi làm ốm cũng không dám nghỉ, làm suốt cả ngày cả đêm, để kiếm cho mày hai bát cơm ăn. Rồi nào là tiền học, tiền giấy bút, tất cả cho mày. Thế mà mày không biết sót thương đến con mẹ đẻ ra mày! Ối giời ơi là giời! Tôi còn phải khổ đến bao giờ! Hết trộm lại cướp, hết cướp thì con gái trong nhà đổ cơm đi cho mèo! Tôi nuôi ong tay áo, tôi nuôi giặc cái trong nhà. Tôi đến chết rạc chết dài mất thôi. Tôi còn biết làm gì để mà sống nữa đây hở ông giời ơi là ông giời ơi!

Tôi những tưởng mẹ tôi sẽ điên tiết lên, sẽ lại đánh tôi như những lần tôi có lỗi. Tôi đã nghiến răng lại, chuẩn bị chịu đòn. Tôi biết cái tội nặng của tôi vì dám đem hạt cơm ăn vào miệng đổ cho con mèo Thương Yêu. Tôi bụng bảo dạ sẽ không khóc. Nếu mẹ tôi đánh tôi, túm tóc tôi, tát tôi, tôi cũng sẽ chắp tay lạy mẹ để nhận lỗi lầm. Nhưng mà không phải thế. Mẹ tôi cứ lăn ra đất khóc lóc, vật mình vật mẩy, tự làm tình làm tội lấy mình, đầu tóc phờ phạc, rũ rượi. Người mẹ tôi cũng gầy nhom, xanh lả lướt như tôi. Gầy đến nỗi cái mặt choắt lại như cái lá héo nước quăn queo.

Tôi nhìn mẹ, nước mắt ùa chảy ra như suối đổ. Tôi thương mẹ tôi lắm. Trong khi đó, tai tôi phải nghe những câu bợi móc chì chiết đau buốt cả tim. Cũng chỉ tại nhà tôi nghèo quá, mẹ tôi đi làm chả đủ ăn, lại sợ tôi nhịn đói bị gầy gò, ốm yếu, không có tiền chữa bệnh. Mẹ tôi phải làm như thế để cho tôi chừa cái tội đi nuôi mèo. Mẹ tôi đã chửi tôi những câu cay độc nhất mà người đời đã từng chửi bới mẹ tôi. Người đời coi mẹ tôi như thứ nô lệ, làm thuê làm mướn, đè đầu cưỡi cổ mẹ tôi. Những buổi trưa nghỉ giải lao, mẹ tôi tranh thủ mang cái thúng ra chỗ bốc gạo xuất biên quét gạo rơi, thường bị đánh sưng u cả đầu. Bao nhiêu cái khổ nhục cho miếng ăn hàng ngày, khi tức giận mẹ tôi tuôn ra tất cả, đĩ nhiên trút hết vào đầu tôi. Tôi đứng trân trân trước mặt nghe mẹ tôi mắng, mà tôi thì hư quá, cảm thấy mình đúng là một đứa con bất hiếu, khốn nạn, không biết thương xót lấy mẹ của mình! Mất tôi nở tím bãi hoa cà.

Mẹ tôi vẫn chưa nguôi cơn tức:

- Nuôi cho mày nhớn, cho mày ăn học hẳn hoi cho thành người tử tế, cho bằng chị bằng em. Vậy mà mày ăn học thế đấy à? Mày về làm khổ con mẹ mày, mày có biết mẹ mày phải cực nhục như thế nào để kiếm cho mày một ngày hai bát cơm ăn không? Chúng nó trừ đầu khấu đuôi, ăn quỵt công xá, còn bọn đầu gấu, công an thu tiền luật lệ. Tao phải phơi cái mặt ra, tao phải còng cái lưng xuống mà làm lụng. Mày có biết xót thương mẹ mày không? Tao đẻ ra mày, vì mày, tao phải nuôi mày! Tao phải chịu nhịn nhục tất cả... Ối ông giời ơi là ông giời, sao ông giời không có mắt, để cho tôi phải đi nuôi cái nghiệp chướng oan khổ này... Tao hy vọng mày lớn lên thì đời mày sẽ khá hơn. Mày được ăn được học, thì mày phải biết nghĩ chứ! Mày thử soi gương nhìn vào cái mặt của mày xem, người thì gầy như cái xác con ve đói, tay chân con gái, sờ vào không thấy da thấy thịt, mày sống làm sao? Ăn có ngày hai bát cơm, cũng nhịn, đổ cơm đi cho mèo! Tao thử hỏi, tao hy sinh cái thân xác, tao quần quật đi làm để làm gì hử? Con nặc nô lô tĩ này!...

Tôi ôm lấy mẹ tôi, và tôi khóc to hơn mẹ tôi:

- Mẹ ơi! Con lạy mẹ, từ giờ nếu con còn mở nồi lấy cơm cho mèo ăn nữa thì con sẽ chết bờ chết bụi mẹ ạ! Con xin mẹ đừng khóc nữa. Con biết tội của con rồi.

Từ buổi đó, tôi không sao dám sờ vào nồi cơm nguội. Tôi không dám giấu mẹ tôi đem miếng ăn cho mèo Thương Yêu của tôi nữa. Thương Yêu thấy tôi, cũng vẫn như mọi lần, sà vào lòng tôi kêu meo meo, tôi chỉ biết ngậm nước mắt mà vuốt ve nó. Chẳng thà mẹ tôi cứ căng tôi ra mà đánh bằng roi vọt thật là đau, tôi vẫn có gan làm gian làm dối, ăn cắp của nhà đi nuôi mèo. Đằng này, mẹ tôi đã lăn ra đất khóc lóc, kêu lên thảm thiết như thế, tôi không thể nào quên đi nỗi đau khổ của mẹ tôi. Và vì không muốn cho cái nỗi đau khổ đó tái diễn nữa, cho nên tôi với con mèo Thương Yêu bây giờ chỉ còn biết ôm ấm nhau cho đỡ tủi. Thương Yêu tuy không biết nói, nhưng nó thừa hiểu là lòng tôi lúc này thật là đau khổ. Hai mắt nó giương tròn nhìn tôi, giúi cái mũi ươn ướt của nó vào má tôi; tôi ve vuốt nó, nó kêu lên se sẽ. Mình nó teo quắt lại như tôi, cái bụng lép dính, da sát liền với xương không còn một tẹo thịt...

Cái Mai và cái Lan sang tìm tôi, rủ ra chỗ mèo Thương Yêu chơi. Tôi bảo chúng nó, thiếu cơm nuôi mèo, tôi đã thả lỏng, cho con Thương Yêu đi nhập bọn với lũ mèo hoang, lang thang tự kiếm lấy mà ăn. Bây giờ nó không về "nhà" nữa.

Cái Lan nghe xong, nó bĩu môi nhìn tôi thương hại:

- Mày ngốc thế! Đời sống ở khu nhà quanh chúng mình bây giờ khó khăn, chẳng ai muốn tốn cơm nuôi mèo, thành thử mèo bỏ đi hoang rất nhiều. Mày bảo nó tự kiếm lấy cái gì mà ăn? Mày cho Thương Yêu nhập bọn với chúng nó, tức là mày bắt con Thương Yêu từ nay phải đi ăn cắp hay ăn cướp đồ ăn như lũ lưu manh để mà sống. Mày không thấy à? Giống như những con mèo hằng đêm chạy rình rình trên mái nhà, rình chuột, rình xem có nhà nào để hớ hênh nồi cơm, nồi cá, thì cậy ra ăn vụng, nhiều khi đói quá, mèo ăn vụng cả rau muống luộc. Mèo là giống tinh quái, nghe tiếng động thì bỏ chạy cuống cuồng,

chạy mất bóng! Nhà chủ tức lắm. Họ thường ngồi tụm với nhau, bàn nhau đủ mọi cách tiêu diệt lũ "phản động" mèo. Mày đã đẩy con Thương Yêu vào con đường chết dí!

Cái Mai cười sặc sụa - sao mà đáng ghét thế! nó có vẻ tàn nhẫn đến lạnh lòng - cũng nói chêm vào:

- Ở cạnh nhà tao, có mấy chú đi tù về. Các chú không có gì ăn, đã bàn nhau đi bắt mèo đói về ăn thịt! Ôi giào ôi! các chú ấy cắt tiết mèo, cạo lông da con mèo trắng hếu, xong đem thui rộp lên cho hết mùi tanh rồi nấu lên ăn!

Tôi thấy mình rơn rớn khắp cả người. Nghe được những chuyện này, tôi nghĩ ngay đến Thương Yêu. Con Thương Yêu từ nay sẽ chẳng bao giờ được ai âu yếm, đưa từng hạt cơm vào mồm như tôi thường đút cho nó ăn hồi nó còn bé nữa. Tôi vừa mong cho nó kiếm được nhiều thức ăn để mà sống; tôi lại cũng lo lo cho nó, thể nào cũng có ngày bị người ta túm được, bị đánh đòn đau, hay là bị giết thịt.

Tôi để ý. Quả thật, quanh khu nhà của tôi, có nhiều nơi đã đặt bẫy mèo. Họ nói là phải giết hết lũ "phản động" mèo! Loại bẫy này nhập ngoại từ người Hoa ở Singapore. Bẫy bán rẻ ối, có con dao sắc lắm, chặt phập xuống rất mạnh, gỗ cũng phải đứt!

Cái Lan còn khẳng định:

- Mèo đi hoang, bị đói, tham miếng mồi ăn, bị trúng bẫy, nếu không bị giết chết, có thoát được thân, thì bốn chân, chắc chắn bị chặt cụt mất một, hóa ra mèo ba chân.

Tôi bặm môi, ngẩy người bỏ đi. Tôi không tin nó. Tôi cho là nó bịa ra để chọc tức tôi.

Thế rồi một buổi chiều, tôi đã giật nẩy mình khi nhìn thấy cả một lũ mèo, giời ạ, một lũ mèo thành đàn chạy rầm rầm trên mái nhà tôi, và mỗi con mèo, thấy đều chỉ có ba cái chân. Mắt tôi như lồi trố hẳn ra, ngỡ ngàng không thể nào hiểu được nữa. Còn lũ mèo kia, hình như sau một lần thoát chết, chúng đã biết sợ. Chúng sợ chết nên chạy trối chết, chạy nhanh hơn cả những con mèo bốn chân bình thường.

Những người nhớn ở dưới, vốn không thích mèo, trông thấy lũ mèo ba chân chạy lò cò khổ sở, họ vỗ tay cười vang lên, khoái trá giễu cợt:

- Ha ha ha! Mèo được đổi giống, Mãn Việt Nam oanh liệt nhất thế giới, Không nơi nào có! Mãn Việt Nam chỉ có ba cái chân mà chạy nhanh vô địch! Hơn hẳn Con Rồng Vàng bốn chân!

Những đêm hôm khuya khoắt, tôi nghe thấy tiếng những con mèo gầm gào nhau bứt rứt. Chán rồi, chúng đua nhau kêu khóc thảm thiết trên mái, những tiếng kêu hết hơi, nghe não thấu lòng dạ con người, thì tôi nhận ngay ra trong số mèo đói đang kêu khóc ấy, có cả tiếng con Thương Yêu của tôi.

Thương Yêu như đang gọi tôi, oán trách tôi, căm giận tôi đã bỏ rơi nó, thả nó đi hoang, làm cho nó phải chịu đói chịu cực. Lòng tôi đau đớn quặn lại, tim thắt xít như giây thừng xoắn bị kéo căng. Tôi bất lực, không thể làm gì được. Tôi sợ mẹ tôi buồn. Tôi đành cho mãi ngón tay vào mồm cắn mạnh, cắn thật là mạnh, tuy không gây ra tiếng động, nhưng tôi không sao quên được nỗi day dứt nhớ thương con mèo.

Tôi đến gặp Lan, làm lành và xin lỗi vì đã hiểu nhầm nó. Nó tha thứ cho tôi và giảng giải thêm cho tôi biết. Thì ra, nó vốn "hiểu biết xã hội" sâu sắc hơn tôi. Nó giảng cho tôi biết. Thức ăn chính của lũ mèo là những xương xẩu lẫn trong đống rác thải, chất cao thối khú tú ụ quanh đền. Lũ mèo đói rủ nhau ra đấy đào bới nhặt nhạnh những gì chúng có thể ăn được. Nhưng chúng phải luôn luôn đề phòng những con mèo to khoẻ hơn chúng xông tới cắn xé. Chỉ khổ những con mèo ốm yếu bé bỏng, không kiếm được ăn còn bị cắn xé da

---

## *định phần*

*Ta như hoa hướng dương*
*Mặt trời người rực rỡ*
*Đời là những hoàng hôn*
*Vẫn vọng hoài phương đó.*

*Ta như con suối nhỏ*
*Nào biết chi cội nguồn*
*Theo sông tìm biển cả*
*Chảy vào lòng đại dương.*

*Người là trời hay biển*
*Ta cũng phận bọt bèo*
*Trôi trên giòng tai biến*
*Cơn lũ đời cuốn theo.*

*Ta, người cung phi già*
*Hưởng hồng ân thánh chúa*
*Đợi lãnh cung không xa*
*Ngày tim người đóng cửa.*

*Hay người là ngọn lửa*
*Còn ta loài thiêu thân?*
*Đốt cháy đời trong đó,*
*Hân hoan nhận định phần.*

*lãm thúy*

## *hoài cảm*

*Bốn năm đào cũ ra hoa chửa*
*Nụ vẫn lòng ta chẳng thúc mầm*
*Rào kẽm chồng thêm hàng lớp lớp*
*Chim chóc vô hồn trong cõi âm.*

*Tình dẫu lót đường dăm mảnh vụn*
*Tóc đà mấy chốc lạt màu sương*
*Tay chèo chưa mỏi lòng nhen nhóm*
*Chút bến ân tình ghé mến thương.*

*Cuối chiều ai khiến ta hậm hực*
*Đuôi mắt mơ mòng dõi đất thơ*
*Tim ơi co thắt làm chi nhỉ*
*Hương thắp sầu thêm những điện thờ.*

*Dang tay ôm ấp sao cho xuể*
*Một thế gian nghiên ngả quân cờ*
*Ai tát giùm ta trơ đáy bể*
*May tìm dăm tế vật ngày xưa.*

*Đáy túi may còn đôi vụn thuốc*
*Dẫu hút hay không chẳng bõ tìm*
*Lát nữa trăng lên cùng sóng bể*
*Cũng đành khi ấy ngửa tay xin.*

*ông thế hùng*

toạc thịt, máu chảy đỏ lòm lòm. Đền độ này hay có người đến cúng. Những người mang cái buồn cái tủi ở đâu đâu, sắm đồ ăn, đồ lễ đến quỳ lạy dưới chân bệ Thánh. Họ sụt sùi kể lể trăm ngàn nỗi oan ức của con người thường ngày. Họ cầu xin Thánh phủ hộ cho họ.

Tôi nhớ lại. Dạo trước, mẹ tôi bị người ta cướp tiền, đánh dập mày dập mũi, mẹ tôi cũng sắm lễ vào đền xin Thánh trả thù cho. Ai làm hộ cái giấy bảo mẹ tôi đi thưa kiện, mẹ tôi xé toạc giấy ra làm đôi, lắc đầu:

- Giáo ôi! Kiện với tụng mà làm gì! Chúng nó một duộc với nhau cả! Thằng cầm đầu là thằng ăn cướp thì thằng ở dưới lép vế cũng phải là thằng ăn hôi. Kiện cái củ khoai.

Cái Lan nói:

- Người nhớn bây giờ tin ở thần thánh hơn là tin ở chính quyền, tao thấy ai cũng nói như vậy. Đền thờ Thánh càng ngày càng có nhiều người đến cúng vái nhờ vả. Nhờ có nhiều người cúng bái, bàn thờ của Thánh thường có nhiều đĩa ăn ngon. Thịt gà luộc, cá rán thơm, thịt lợn quay chín dòn bầy quanh cỗ sôi gấc, sôi lạc, chè vừng, chè đậu. Người đi cúng dù túng đến mấy cũng cố chạy vạy mua những món ngon để tranh nhau được lòng thánh. Đám mèo đói đánh hơi thấy bàn cúng có nhiều thức ăn ngon, rủ nhau đến ăn trộm của Thánh. Có những con mèo táo tợn lắm. Lừa lúc mọi người mải lúi húi cúng bái, nó dám nhẩy phốc cả lên bàn thờ ăn cướp của Thánh. Tượng Thánh lúc nào cũng cau có, tức giận, chỉ vì Thánh bất lực, chẳng làm gì nổi lũ mèo, chỉ vì Thánh rút cục lại chỉ là một pho tượng làm bằng đất. Thánh đã phải ngồi im để lũ mèo ăn trộm đồ cúng, mà như không... trông thấy cái gì hết.

Tôi gật đầu mừng mừng:

- Thế cũng tốt. Mèo có chỗ ăn.

- Tưởng bở! Những người đi cúng không trông thấy mèo ăn trộm. Lúc hạ lễ xuống thấy mất đồ cúng, họ ngơ ngác nhìn nhau, rồi người ta nghi là ông từ ăn vụng đồ cúng, bởi vì ông từ phải luôn luôn có mặt chăm sóc cúng bái. Bị nghi oan, ông từ tức lắm, tức tối sôi sủi gan ruột, đoán ngay ra lũ mèo ăn trộm. Ông từ nói cho mọi người rõ. Có người tin, có người không. Riêng ông từ thì từ đó, suốt ngày lẫn đêm, tao thấy ông ấy vác khúc củi đi rình đánh lũ mèo. Đấy rồi mày xem!

Tôi đâm lo lo, bèn để ý hơn nữa cảnh cúng bái trong đền.

Dạo này, những người đi lễ đền có vẻ như khôn hơn. Họ mang theo những cái lồng bàn nặng bằng sắt, trên có những cục gỗ nặng đè lên. Vì đồ thờ được đậy điệm lồng bàn cẩn thận, xem ra chỉ có Thánh mới mở được, lũ mèo đói không tài nào cậy nổi, dù chúng nó liều gan xông lên bàn thờ ngay cả lúc có các bà lên đồng đang múa hát ở dưới.

Tôi tin là con mèo Thương Yêu của tôi không có trong số đám mèo đói hỗn hào ấy. Tôi biết tính Thương Yêu, nó rất hiền lành và nhút nhát. Hễ thấy người lạ là nó sợ co rúm người lại.

Họa hoằn lắm, tôi mới gặp lại Thương Yêu. Những lúc nó sẹt qua như cái bóng trên bức tường đổ. Tôi rối rít gọi to:

-Thương Yêu! Thương Yêu!

Có khi nó cứ thế chạy đi. Có khi, nó ngoái cổ lại nhìn tôi rồi lừ lừ mất lững thững bỏ đi, giống như hờn giận tôi. Cũng có khi, nó chụm hai chân trước lại với nhau, vươn dài thân mình, mở mồm ngáp một hơi thật là dài rồi tung tả chạy lại với tôi, mặc tôi ve vuốt.

Bụng của con Thương Yêu cưng cứng, to hơn trước. Chắc không phải là nó ăn no. Chắc là... tôi đoán thầm, hay là nó sắp có con bé? Tôi hỏi Thương Yêu, nó không trả lời, giống như đứa xấu hổ, giụi trốn cái mặt vào mớ tóc sau gáy của tôi.

Một lần, tôi gọi được con Thương Yêu xuống với tôi. Nhìn thấy Thương Yêu nhẩy lò cò, nước mắt của tôi chảy ra ròng ròng. Thương Yêu có bốn cái chân, bây giờ chỉ còn ba! Một cái chân trước bên trái của nó đã bị chặt đứt từ bao giờ! Tôi ẵm nó vào lòng, xuýt xoa, đau đớn như chính mình bị ai chặt cụt mất một chân vậy. Con Thương Yêu thì cứ giơ mãi cái chân cụt lên trước mặt tôi như khoe cái chân đau. Tôi phải nhìn lảng ra chỗ khác.

Tôi thầm oán trách những người đã đem bẫy mèo đến Hà Nội bán, chỉ vì họ mà con Thương Yêu của tôi hóa thành mèo ba chân. Rồi tôi cố trấn tĩnh, ve vuốt trán con mèo, "giả vờ" như không biết Thương Yêu bị mất một bên chân, huyên thuyên hỏi chuyện, tâm sự với Thương Yêu.

Ông từ gác đền cầm khúc củi xăm xăm đi đến. Ông ta cởi trần, mồ hôi mồ kê nhễ nhại khắp người, ướt như vừa tắm xong. Thương Yêu đang nằm gọn trong lòng tôi, nhác trông thấy ông, nó vụt nhoài người cong đuôi vọt ra khỏi tay tôi phóng lên bờ tường. Móng sắc của nó lúc vội đã cào thành một vết chảy máu trên cổ tay tôi. Nó lò cò nhẩy, cố sức nhẩy thật nhanh qua bờ tường và chạy về phía cuối ngõ. Vừa chạy vừa vật ngã dúi dụi.

Ông từ hùng hục đuổi theo. Không kịp, ông bực tức ném quãng theo khúc củi. Khúc củi đánh trúng thành tường. Một tiếng "rầm" vang lên, vỡ sạt một mảng tường, gạch vỡ bắn tứ tung. Tôi hoảng hồn, co rụt cổ lại như con rùa gặp sấm động, người bủn rủn, chân tay mềm nhũn ra như sợi bún để thiu. Bụi tường rơi vào mắt tôi, làm tôi cay mắt, tôi tưởng như tường đang bốc khói cháy. Mọi việc xẩy ra nhanh chóng quá, tôi chưa kịp kêu xin câu nào. Sự hung dữ của ông từ và mảng tường vỡ đổ làm tôi sợ run lên cầm cập. Tôi tưởng như sắp bị ông Từ nện tiếp cái gì vào đầu mình nữa.

Tôi trở về nhà trong tâm trạng buồn và vẫn chưa hết sợ. Tôi như người đã bị một tội lỗi nặng nề mà không hiểu vì sao mình phạm tội. Vẻ mặt hung tợn của ông từ, sự hốt hoảng của con Thương Yêu phóng chạy với ba cái chân còn lại, khổ sở như anh bộ đội chân què thường thấy đi bộ trên đường dài ngoài cửa Ô Cầu Giấy, và mảng tường lở sạt, khói bụi mù loang đã bám riết tôi suốt buổi chiều dài.

Tối hôm ấy, tôi đi ngủ. Đến nửa đêm, mồ hôi người tôi toát ra đầm đìa. Tôi nằm mơ một giấc mơ khủng khiếp, thấy ông Từ đuổi đánh con mèo Thương Yêu, rồi lại đuổi đánh cả tôi nữa. Tôi và con mèo chạy bán sống bán chết, con Thương Yêu nhẩy lò cò, chậm hơn tôi, tôi cứ phải vừa chạy vừa gào lên gọi nó chạy theo, chúng tôi cứ luẩn quẩn chạy mãi như thế mà vẫn không sao thoát được. Đã thế, tôi lại thấy mấy chú đi tù về, mặt mày các chú nom hung tợn dữ dội, tay các chú, người nào cũng lăm lăm con dao bầu sắc ánh lên loang loáng. Họ sẵn sàng làm thịt cả mèo lẫn trẻ con! Tôi kinh sợ quá. Tôi ú ớ kêu rầm lên trong giấc mơ. Mẹ tôi nằm bên cạnh nhỏm dậy lay tôi dậy, hỏi tôi chuyện gì!

Tôi không dám kể cho mẹ tôi nghe chuyện con mèo Thương Yêu. Tôi đưa ống tay áo quệt mồ hôi chảy đầm trên trán, nói lảng đi một chút:

- Mẹ ạ! Con nằm mơ... con thấy con bị người ta đuổi đánh... con khiếp quá, mẹ ạ!

Mẹ tôi nghe xong, bà nằm ngay xuống, im lặng ngẫm nghĩ. Bà có vẻ như không quan tâm đến giấc mơ khủng khiếp của tôi nữa. Thái độ trầm lặng đột ngột của bà làm cho tôi khó nghĩ. Tôi thầm đoán, cũng có thể, giấc mơ của tôi đã gợi cho bà đang nghĩ đến chuyện hàng ngày bà vẫn bị người ta đuổi đánh thực sự. Thỉnh thoảng, mẹ tôi vẫn kể những chuyện đó cho tôi nghe qua giọng nghẹn ngào những nước mắt. Gạo đem xuất biên. Dân thì đói. Đi quét nhặt những của rơi phí phạm trên đất bẩn, phải nộp tiền cho công an, đầu gấu, lại còn bị đánh đập. Chúng cầm dùi cui đập vào đầu mẹ tôi sưng u lên và chửi mẹ tôi bằng những câu tục tĩu nhất trên đời. Mẹ tôi khổ sở là thế, nhưng bà vẫn phải chúi đầu vào, giơ lưng ra lãn vào quét quáy nhặt nhạnh, chỉ vì mẹ tôi muốn có bát cơm cho con ăn khỏi đói... Tôi thấy mẹ tôi có vẻ thật buồn, không gian như trĩu nặng hẳn xuống, tôi nghe thấy cả trong tiếng thở dài thườn thượt của bà nỗi tủi hờn thực sự của cuộc đời chứ không chỉ là giấc mơ như nó đã vừa chợt đến với tôi.

Tôi ân hận quá, ôm lấy cổ mẹ tìm câu chuyện khác nói cho mẹ tôi vui, nhưng không hiểu sao, tôi lại buột miệng nói ra một điều đáng lý phải được giấu kín như một tội lỗi:

- Cô giáo Thảo... định... cho con một con mèo...

Vừa nghe nói, mẹ tôi giật thót mình, giống như phát hiện trong nhà bị cháy to, bà ngồi nhỏm ngay dậy, nhìn tôi hầm hầm và quát:

- Để làm gì? Mày lại nuôi mèo hử?

Tôi sợ quá, lắc đầu chối quầy quậy:

- Dạ không đâu mẹ ạ! Cô giáo bảo, để con tập quen với tình yêu thương, đừng bao giờ nghĩ là những con người xung quanh cuộc sống của mình rất độc ác...

Mẹ tôi im lặng giây lát, bà bĩu môi, chửi tôi mà giống đang chửi cô giáo Thảo của tôi:

-Yêu thương? Mày thử sờ lên đầu tao xem có bao nhiêu vết sưng, chưa kể những cái sẹo cũ? Tiên sư cha mày!... Ngủ đi!.... tinh dậy trẻ con những thứ ngược đời!

Tôi xót xa thay cho cô giáo Thảo. Tôi nhấm vội mất lại, không dám cãi thêm một nửa lời. Im lặng trong đêm. Có tiếng mèo đói kêu xa xa quanh khu nhà. Tôi thoáng nghĩ đến con mèo Thương Yêu, băn khoăn tự hỏi, với cái bụng hơi to to của nó, một mai nó đẻ những con mèo con, thì những con mèo con ấy sẽ có bốn chân hay là chỉ có ba cái chân như con mèo mẹ nó? Tôi rùng mình sợ hãi vội ôm chặt lấy mẹ... Tôi không dám nói ra mồm nỗi sợ hãi của mình.

Tôi biết rõ chứ. Những gì cô giáo Thảo nói với tôi ở trường, là những câu ngọt ngào, nhưng nó chỉ là... sách vở thôi. Ở nhà, mẹ tôi nói với tôi là những câu chua chát, cay độc, nhưng nó là sự thực. Mẹ tôi là người nuôi tôi, không có mẹ, chẳng ai cho tôi ăn, tôi cũng đến chết đói mất thôi. Mẹ tôi thương yêu tôi. Mẹ tôi đi làm, hay bị người ta chửi bới tục tĩu, bị đuổi đánh, ai đã thương xót cho mẹ tôi nào, dù chỉ một cái chép miệng hời hợt? Lúc này đây, bà còn suy nghĩ, đau đớn và lo sợ cho cuộc sống hàng ngày vạn lần hơn nỗi lo lắng của tôi về con mèo Thương Yêu.

Từ nay, tôi không nên nuôi mèo. Thương xót những con mèo hoang đói bị bỏ rơi tội nghiệp là một thứ tội lỗi... những thứ ngược đời.

Tiếng những con mèo đói nối đuôi nhau chạy lò cò với ba cái chân đang kêu ráo ran trên mái nhà xa xa khua động giấc ngủ đêm. Tôi cố quên đi mọi nỗi hãi hùng như không nghe thấy gì. Tôi ôm chặt lấy cổ mẹ tôi, nghe hơi thở của bà, tôi biết rằng bà vẫn trằn trọc chưa ngủ, tôi hình dung tiếng mèo kêu thảm thiết kia là những tiếng khóc rức ngất của mẹ tôi, bà nghĩ tôi là đứa con gái khốn nạn chỉ biết thương hại con mèo tội nghiệp mà quên mất người mẹ đang phải sống khổ sở cho con mình. ●

---

## *trăng xưa*

*Người chưa cất được tim tôi*
*để tôi cứ ướt mảnh đời gió sương*
*bỗng dưng làm nước sông buồn*
*sóng chao như thể mảnh hồn em bơi*
*xưa em cũng đã nghẹn lời*
*với tôi suối mắt chảy trời yêu thương*
*nhện chưa thả mối tơ vương*
*bởi hương trái chín trong vườn treo cao*
*giờ trong những giấc chiêm bao*
*thấy vườn trái vẫn ngọt ngào trăng xưa.*

*nguyễn văn cường*



# *Cô Nữ Sinh Áo Tím*

## Phạm Thăng



*C*hâu Đốc là một tỉnh của miền biên giới Miên Việt xa xôi nơi có Thất Sơn huyền bí, có nhiều thắng cảnh, có thị xã Châu Phú sung túc nằm soi bóng hiền hòa bên bờ sông Bassac (Hậu Giang). Trước thập niên 50 vùng này chưa có trường trung học công lập Thoại Ngọc Hầu, học sinh nào muốn muốn học lên cấp trên chỉ có hai con đường để chọn lựa: lên ở Sài Gòn hoặc đến Cần Thơ trọ học.

Đa số chúng tôi thích học tại Cần Thơ vì giá sanh hoạt vừa với khả năng gia đình mà lại ...gần nhà. Châu Đốc đi Cần Thơ chỉ hơn 130 cây số. Từ Châu Đốc chạy ngang Long Xuyên 55 cây số rồi qua Thốt Nốt, Ô Môn, tới Bình Thủy đã thấy đến Cần Thơ rồi. Đi học xa nhà được kêu là du-học-sinh, bảnh tẻng lắm thì ai không ham.

Nhưng thích là một chuyện còn được đến đó học là chuyện khác. Lúc bấy giờ, đi học Cần Thơ mà còn được mang danh học sinh trường Trung học Cần Thơ (collège CanTho) mặc đồng phục sơ mi trắng, quần trắng, trên cổ áo gắn hai miếng nỉ đen thêu hai chữ CC bằng chỉ vàng lấp lánh mới thật le lói.

Tiếng tăm của trường vang dội khắp miền Tây. Được là học sinh của trường đâu phải dễ! Không biết ngày xưa sĩ tử mang lều chõng đi thi tú tài, cử nhân sau 10 năm đèn sách ra sao, chớ muốn học tại trường Cần Thơ phải qua cuộc thi tuyển chọn học trò giỏi (concours) thật gian khổ. Vì như đã nói, ở miền tây Nam Việt từ Hà Tiên đến Châu Đốc, qua Rạch Giá, Long Xuyên, Vĩnh Long, Sa Đéc không nơi nào có trường trung học, thế nên hàng năm trên 2000 học sinh các tỉnh đó, kể luôn Cần Thơ, Sóc Trăng, Bạc Liêu phải đem sức học của mình suốt từ lớp chót ABC đến lớp Nhứt cũng đã 7 năm... đèn điện, để chỉ được chọn có 20 người có học bổng, sau đó từ hạng 21 đến 120 được nhà trường nuôi ăn ở nội trú, chỉ phải đóng 17 đồng 50 xu thôi. Nếu ngoại trú thì tự túc đóng tiền ăn ở, khỏi trả học phí. Sau số này, nhà trường có lấy thêm 20 đứa kế tiếp (đậu vớt) để

đề phòng có đứa thi đậu nhưng bị bịnh.

Đó là niềm hi vọng và ước mơ có thể thành sự thật cho những cậu học sinh chăm chỉ, còn phần tôi chắc có ngôi sao chiếu mạng là con ngựa cô đơn (canh ngọ) và lại là con ngựa ham đi lang thang nên chỉ thích học Sử Địa và Toán. Ngoài ra, điểm các môn khác còn thua xa... sự ham chơi ở sân trường.

Cũng may nhờ các môn kia kéo lại nên năm nào các thầy học thấy tôi lên lớp, cũng gật gù bảo nhau: "Thằng nầy liếng xáo có hạng, may nhờ siêng vẽ bản đồ đầy đủ và làm toán khá khiển nên số điểm trên trung bình đó nghe. À, nó lên học lớp của anh thì anh sẽ có một tay vẽ trang trí cho lớp đó".

Nghe lõm bõm như vậy tôi mới chợt nhớ ra là học ở lớp nào tôi cũng ít bị thầy la rầy, mặc dầu sau giờ ra chơi nào tôi vẫn là đứa chạy lại sắp hàng sau chót để vô lớp với mặt mày mồ hôi, mồ kê nhễ nhại, miệng thở phì phò..., là vì tôi có khả năng vẽ trang trí cho lớp học như: bảng Danh Dự, bảng Bài học Thuộc lòng, bảng Thành Tích Biểu hàng tháng, bảng Thời Khóa Biểu v.v.

Tôi "nổi danh" từ lớp ba. "Tài nghệ" của tôi được các thầy bảo nhau nên khi lên lớp được một tuần lễ là tôi có công tác rồi.

Cũng vẫn những bảng đó nhưng tôi chịu khó thay đổi lối trang trí và "cóp pi" trong các sách của chị tôi. Tôi vẽ hoa lá cành có chim, có bướm, có khi tôi cao hứng vẽ vào bảng Bài Học Thuộc Lòng cảnh dòng sông có cây to (cây gì không biết, mà có ba tầng lá) có chim bay dang cánh ở xa xa, có cánh buồm trắng bọc gió như hình tam giác nghiêng nghiêng...

Bạn bè nhóc tì của tôi thì le lưỡi thán phục, đến các thầy cũng "chịu" lắm.

Tôi nhớ mãi những thầy của tôi ngày xưa ở Châu Đốc như ông Đốc Châu văn Đồng, thầy Phan Cao Nhựt, thầy Thân, thầy Thuận, thầy Tổng... của những năm 1942 - 1947, mà nhớ nhứt là thầy Nhựt, một thầy giáo tận tụy chỉ dạy học trò dầu lúc đó thầy đang đau mất hột. Những bữa trưa nào nắng gắt, thấy thầy vào lớp với kiếng đen trên mắt, thì hãy ...coi chừng. Thầy đang xốn mắt, đừng để thầy phải dùng đến roi mây, nhờ vậy học trò đều cố học thuộc bài. Ông Đốc Đồng, thầy Tổng bỏ công dạy thêm ngày nghỉ cho học trò lớp nhứt để chúng tôi giỏi thêm toán mà hi vọng trúng tuyển tại Cần Thơ.

Tôi trở thành họa sĩ sau nầy chắc nhờ thầy Phan Cao Nhựt. Thầy đã cho tôi điểm cao mỗi khi tôi vẽ bản đồ cạnh bài Địa lý cũng như bài Khoa học Tự nhiên. Lúc trước, học trò trường Sơ học (primaire) phải vẽ hình kèm với bài học Địa lý, vì các thầy nói: "Nếu các em vẽ theo đúng bản đồ thì các em sẽ nhớ hơn". Riêng tôi lại ỷ "có hoa tay" nên ngoài bài Địa lý, tôi còn vẽ chim thú, hoa lá v.v. cho bài Khoa học Tự nhiên. Tôi vẽ nhiều hơn là rán học bài cho thuộc lòng. Một hôm tôi bị thầy gọi trả bài. Chắc chắn tôi sẽ trả bài ngúc ngắc, nhưng tôi lanh trí xin thầy cục phấn để lên bảng đen... trình bài. Tôi nắn nót vẽ nên đầu không thuộc bài vẫn như thuộc trơn tru. Thầy Nhựt lần nào cũng cho tôi điểm "Rất giỏi" (Très bien), thầy dạy tôi cách xếp đặt và gợi ý để tôi tiến bộ hơn.

Ngày chúa nhựt đó, tôi gò lưng ngồi nắn nót, tô tô vẽ vẽ (nhớ lại thì hình ảnh màu mè coi sặc sỡ lắm, chỉ có tên bảng thì nét chữ quá non). Tôi say mê vẽ mà quên đi tắm sông ở bến đò Châu Giang để vớt trái chàm dẹp dẹp màu nâu từ Nam Vang trôi về.

Sau khi bảng vẽ dán lên bìa cứng xong, treo lên vách lớp, tôi nở mũi vì được khen tặng. Mỗi cuối tháng tôi lại "được hân hạnh" gắn tên học sinh lên bảng vàng. Tôi cắt từng rẻo giấy bìa để tên học sinh và cắt nhọn hai đầu để cài vào bảng theo thứ tự số điểm trong tháng. Thầy tôi nhắc: "Phải đổi màu của tên học sinh, như bảng Danh Dự chỉ có 5 tên thì làm bằng giấy màu hồng. Trên bảng hàng tháng thì 5 tên nầy vẫn nằm trên, màu hồng, từ thứ 6 trở đi, các tên khác bằng giấy màu xanh".

Tháng đó tôi mang bảng Danh Dự và bảng Thành Tích Biểu về gắn tên. Tôi say mê làm mà không hề nghĩ đến hạng bậc, vì có lo gì... ba cái lẻ tẻ đó, chợt chị hai tôi đứng sau lưng hỏi:

- Ủa, sao hổng thấy tên em trên màu hồng? Chỉ còn có ba tháng nữa là bãi trường, học như em làm sao thi đậu vô trung học Cần Thơ?

Lúc đó tôi mới nhớ là từ trước đến nay tôi chưa bao giờ được đứng tên trên bảng Danh Dự màu hồng hấp dẫn nầy. Chao ơi, câu hỏi của chị làm tôi nhột nhạt kéo tôi về thực tế. Đúng rồi, tôi chỉ lẹt đẹt trên giấy xanh thì làm sao tranh đua nổi với 2000 thí sinh, chỉ lấy có 120 đứa? Học như thằng Trình, thằng Lộc đứng nhứt nhì hoài mà chúng còn lo lắng, còn tôi chỉ ham vẽ và ham... lội sông!

Quả nhiên năm đó chị tôi dẫn tôi đến Cần Thơ. Châu Đốc cũng có mười mấy đứa đi dự thi. Kết quả chỉ có thằng Trình đậu *payant* (được tuyển vào học, được nuôi nội trú nhưng phải trả 17 đồng 50 xu hàng tháng).

Năm sau, tôi học lớp Tiếp Liên (lớp dành riêng cho những học sinh đã đậu Certificat nhưng chưa được tuyển vào Trung học). Năm nầy tôi khỏi vẽ bảng cho lớp nhưng với tài học dở hơn tài vẽ nầy, tôi lại ê mặt vì xuống Cần Thơ lần thứ hai để ... trở về không.

Vài bạn tôi trong kỳ thi rớt năm trước, mấy đứa nhà giàu có khả năng, được đến Cần Thơ, mệnh danh là Thủ phủ miền Tây, để vào trung học tư thục Institution Bassac và Nam Hưng, nên có bộ mặt kênh kiệu, ra vẻ ta đây là "du học sinh", mà là "học sinh trung học" đây. Bọn chúng tôi nhìn chúng, thèm thuồng ước ao khi nghe vài đứa khoác lác kể những vui nhộn của tỉnh Cần Thơ lúc bấy giờ. Nào là Vườn Thầy Cầu có trồng kỳ hoa dị thảo, có cầu gỗ bắc quanh nhiều mương nước uốn quanh, có chim lạ, có khỉ có vượn... nào là bến Bắc Cần Thơ dập dìu, nào là mỗi buổi chiều đi dạo từ dinh ông Chánh, qua nhà đèn, hãng nước đá, đi lần về chợ chiều, có gió từ sông Hậu thổi lên mát

rượi (lúc đó chưa xây dựng bến Ninh Kiều), nào là ở Cần Thơ, ngoài collège Cần Thơ (trung học) còn có hai trung học Bassac, Nam Hưng nên học sinh ăn mặc tươm tất, nữ học sinh thì khỏi chê, xinh xắn, duyên dáng, áo dài thướt tha...

Nghe mà ham! Đúng vậy. Đã đến tuổi dậy thì, tuổi 15, 17 rồi, đâu còn trẻ con nữa. Có đứa đã biết mộng mơ, đã biết chép lại những bài thơ trữ tình của Thâm Tâm, T.T.KH. thì nghe Tây Đô có những "cái hay" như vậy sao không rán học để được đến đó? Bọn tôi có thằng Lộc nhà nghèo, học giỏi mà có phải vì học tài thi phận nên vẫn còn... tắm sông ở bến đò Châu Giang như tôi. Phần tôi đi thi hai năm đều rớt, chỉ làm tốn tiền cha mẹ và tốn công chị tôi hướng dẫn. Lần đầu thì không nói gì, đến lần thứ hai, thay vì đến Cần Thơ trọ nhà quen xong thì phải cắm cúi học ôn bài chờ ngày thi và ngày... xem kết quả, nhưng tôi bị đám học sinh cũ tuyên truyền, nên xin phép chị đến Vườn Thầy Cầu, đến Cầu đôi Cái Khế, đến bung-ga-lô có cầu sắt dài trước dinh ông Chánh để hóng gió và tán dóc nên học sinh Châu Đốc vẫn hoàn là học sinh Châu Đốc.

Về lại trường nhà chưa biết tính sao, chẳng lẽ lại mài đũng quần trên băng ghế lớp Tiếp Liên. Đang mắc cỡ với bạn bè thì nghe nhà trường có thông cáo: "Theo nhu cầu của trường Mỹ Thuật Gia Định sẽ có cuộc thi tuyển sinh cho trường nầy, tại... văn phòng ông Đốc". Tôi mừng lắm, sẽ được đi học Gia Định, kế bên Sài Gòn mà lại có học bổng toàn khoá 4 năm. Xem thông cáo xong, tôi chạy bay về nhà năn nỉ ba tôi cho thi vào trường đó. Ba tôi là họa viên sở Công chánh, chuyên vẽ bản đồ và nhà cửa, nghe vậy chịu liền nhưng ông căn dặn cố thi đậu vào trường vẽ, nếu có dạy ngành Kiến trúc thì phải học để nối nghiệp ông.

Tôi vâng dạ không phải vì tôi có hiếu mong nối nghiệp nhà mà vì muốn trở thành du học sinh của Sài Gòn hoa lệ. Tôi chắc mẻm thi đậu lấy một trong 3 học bổng do trường đài thọ vì còn đứa học trò nào... vẽ giỏi như tôi? Nghĩ vậy chớ lòng tôi cũng lo lắng. Đã hai lần hi vọng để lần nào cũng tiu nghỉu trở về. Mà lo lắng cũng phải, vì biết đâu số tiền học bổng hấp dẫn nhiều cậu học trò dở chữ như tôi?

Rồi ngày trọng đại cũng tới. Khỏi đi Cần Thơ tốn tiền, tôi chỉ chuẩn bị đến văn phòng trường với bút chì, thước đo, compas, màu vẽ. Những thứ nầy đâu lạ lùng gì với tôi. Tôi chỉ lo có quá nhiều học sinh tranh tài lấy học bổng thôi.

Tôi đến trường sớm hơn nửa giờ. Mùa nầy còn bãi trường nên sân trường vắng hoe. Tôi đảo mắt nhìn những cây me keo đã cho tôi bóng mát suốt bảy năm qua, tôi nhìn cái trống chầu to tướng. Tiếng trống báo hiệu giờ ra chơi, giờ vô lớp, giờ về, quá quen thuộc với tôi bao nhiêu năm, giờ đây đã nghe hơi rè. Vì da trống quá sờn hay vì bác gác dan già, gân tay đã mỏi?

Nhớ đến tiếng trống tôi nhớ lại giờ thi. Ủa sao không có đứa nào đến dự thi? Hay là tôi đi lộn chỗ. Chợt thấy chú tùy phái, tôi hỏi:

- Có phải hôm nay là thi tuyển vô trường vẽ tại đây hông chú ba?

- Đúng rồi. Mầy tới thi đó hả?

- Sao không thấy ai vậy chú?

Chú nhìn tôi cười:

- Vậy là chú mầy ăn chắc rồi. Tao nghe như chỉ có một đứa thi, nên ông Đốc biểu dọn sạch sẽ có một cái bàn ..hì..hì....

Tôi lo sợ hỏi:

- Vậy là hủy bỏ cuộc thi sao chú?

- Đâu có mậy. Một đứa cũng phải thi cho trường Gia Định thấy tỉnh mình cũng có học trò giỏi vẽ chớ... Chú mầy đậu là cái chắc.

Rồi như để tôi hết ngạc nhiên, ông Đốc Đồng bước ra nói:

- À, tới rồi hả? Vô đây trò T.

Tôi mừng rơn trong lòng. Tới 3 học bổng mà có mình tôi. Ngon như ăn chè rồi.

Thi xong, ông Đốc dặn dò, (coi như tôi đã được chọn) phải rán học, nếu học dở không đủ điểm, cha mẹ bị đòi tiền học bổng v.v.

Tôi vui mừng nhưng lòng tôi chùng xuống. Rồi đây tôi được đến thành đô nhưng sẽ rời mái ấm gia đình thân yêu..

Lúc bấy giờ chiến tranh chống thực dân Pháp trở lại Việt Nam càng ngày càng sôi động nên những nẻo đường về miền Tây thường bị đắp mô, gài mìn, không còn xe cộ lưu thông. Gia đình tôi e ngại khuyên tôi đừng đi, nhưng tôi đã chí quyết, phải đi học xa chớ ở Châu Đốc học nơi đâu? Phương tiện giao thông đi và về từ Sài Gòn - Châu Đốc chỉ có tàu thủy là an toàn. Những chiếc tàu thủy hai tầng, có ống khói to tướng nhờ hành khách đi buôn hay hành khách có chuyện đi xa như tôi mà tha hồ hốt bạc. Tuyến đường tàu thủy từ Châu Đốc đến Sài Gòn qua Long Xuyên, Chợ Mới, Sa Đéc, Vĩnh Long, Mỹ Tho... lúc nào cũng nhộn nhịp. Tôi sẽ đi Sài Gòn trên chiếc tàu Ngọc Lợi bằng giấy miễn phí của ngân khố tỉnh cho và sẽ ngồi trên tàu thủy suốt hai ngày một đêm..

Ngày ra đi, anh rể tôi hướng dẫn tôi lên Sài Gòn, cả nhà bịn rịn. Lần đầu tiên đi xa, tôi khóc mùi mẫn tại bến tàu, không cần mắc cỡ với đám bạn gái tiễn đưa, không còn nét hãnh diện mình là du học sinh Sài Gòn ...

Tàu rời bến đò Châu Giang nhộn nhịp và những người thân yêu. Những hàng cây đầu cao vút trước đình thần Châu Phú mờ dần sau màn nước mắt của tôi...

Mùa tựu trường là mùa nước đổ xuôi ra biển nên tàu chạy khá mau nhưng nhìn hai bờ sông phong cảnh thân thương vẫn thấy chầm chậm lướt qua.

Anh rể tôi mướn hai ghế bố xếp nằm cạnh boong tàu ở tầng trên. Anh đã từng đi Sài Gòn nhiều lần nên không lạ gì với sự biệt ly, xa cách, nên nằm đọc tiểu thuyết, riêng tôi nhớ đến kỷ niệm gia đình, với bạn bè mà lòng quặn đau.

Xế chiều tàu đến Long Xuyên và khi bóng chiều vừa xuống, màu tím lam của hơi nước đang tỏa mờ mặt sông thì tàu chạy ngang chợ Cái Tàu Thượng. Vì là chợ nhỏ, không có bến

đậu nên hành khách nào từ Cái Tàu Thượng muốn đi tàu thủy phải nhờ ghe đò đưa ra hoặc rước vào. Tôi lơ đãng nhìn cảnh những chiếc ghe thương hồ xuôi ngược trên sông cũng như thấy chiếc ghe đò chèo tay đang từ chợ Cái Tàu hướng đến tàu Ngọc Lợi. Chiếc tàu đã quá quen cảnh nầy nên chạy chậm lại. Trên chiếc đò nhỏ lố nhố cạnh bên mấy chị bán gà vịt có bóng dáng một cô gái và một cậu áo trắng. A, họ chắc là học sinh đi học xa nhà vì trông gương mặt còn nét nhà trường, đâu phải là người mua bán hay đi thăm ai. Mùa tựu trường mà!

Hai chị em nầy có người anh dẫn dắt y như tôi thì chắc chắn là học sinh ở tỉnh lẻ lên Sài Gòn đây. Lên được tàu, người cùng cảnh ngộ và cùng trang lứa hay đến gần nhau. Anh kia và anh tôi chào hỏi làm quen rồi mướn ghế bố nằm cạnh, vậy là chúng tôi, ba đứa học sinh sau một lúc bẽn lẽn thẹn thò cũng dễ quen nhau. Hỏi ra mới biết người anh làm đã từng học Sài Gòn hướng dẫn hai em. Cô chị tên Kim vừa đậu tuyển vào trường nữ trung học Gia Long, nổi danh là trường Áo Tím. Cậu em tên Nam sẽ xin vào học tư thục.

Nghe cô gái đậu vào trường Áo Tím, tôi bỗng thấy ngượng nghịu. "Người ta cũng khoảng tuổi mình mà sao học hay vậy?" Nhưng sau đó tôi lên tinh thần trở lại vì khi nghe tôi là học sinh năm thứ nhứt trường Mỹ Thuật Gia Định, hai chị em Kim thích lắm (đâu có ngờ tôi thi đậu lấy được học bổng vì thi có... một mình). Từ giờ phút đó, mặc cho hai thanh niên đã trưởng thành nói chuyện xi nê, ca nhạc, ba đứa chúng tôi kể chuyện học trò...

Cô nữ sinh duyên dáng coi nhu mì nhưng ăn nói rất thông minh. Qua chuyện trao đổi tôi mới biết Kim, đầu ở tại quận Cái Tàu xa xôi nhưng đọc sách nhiều nên thích đường xa xứ lạ cũng như yêu quê hương..

Từ lúc có Kim hiện diện, tôi cố ăn nói chững chạc hơn. Hình ảnh những cây dừa lả ngọn bên bờ sông Hậu, những cánh buồm nâu nghèo nàn bọc gió không còn gây chú ý nơi tôi nữa. Tâm hồn tôi thấy xao xuyến không biết vì sao!

Bóng đêm phủ trùm cảnh vật. Không gian toàn một màu đen. Chỉ có những tàn lửa đỏ nhỏ từ miệng ống khói tàu vọt lên cao bay theo gió và tắt ngấm trước khi đến mặt nước. Chúng tôi chỉ trỏ, và chợt Kim hỏi:

- Anh có đọc bài *Những vì sao* của Alphonse Daudet không? Bài đó nói đến những ngôi sao đổi ngôi..

Tôi đáp mau mắn:

- Có chớ. Nếu ai có điều gì ước mơ, nhắc điều đó kịp trong khoảng thời gian ngôi sao di chuyển thì ước mong sẽ thành tựu.

Cô bạn gái tên Kim nghe tôi nhắc, cười tươi, hàm răng trắng đều dưới ánh đèn đầu vàng vọt của chiếc tàu.

Chắc Kim vô tình nhìn thấy những tàn lửa nên hỏi, vậy mà sau khi trả lời, tôi bỗng thẫn thờ... Tôi nhìn theo đám tàn lửa bay bay mà muốn ước mơ.. Nhưng đám tàn lửa của tàu Ngọc Lợi bay mau quá.

Ngọn gió đêm trên mặt sông Hậu đã làm tàn lửa lụi thật sớm. Biết tôi ao ước có kịp không? Mà ao ước gì đây khi mới vừa gặp mặt lần đầu?

Cuộc đi chung đường dầu xa bao nhiêu cũng phải tới đích. Chúng tôi chia tay nhau tại bến tàu Chợ Lớn. Tôi vì lần đầu thấy cái ồn ào náo nhiệt của Chợ Lớn, hồi hộp bước theo anh tôi vì sợ lạc, nên đã quên một việc cần hỏi là địa chỉ nhà chị em Kim sẽ ở.

Tôi vào trường bắt đầu học nhưng lòng dạ buồn thấm thía. Vừa buồn nỗi nhớ nhà vừa buồn đã đánh rơi "mối tình đầu chớm nở".

Mấy tuần lễ liền, tôi muốn đến trường Gia Long để tìm nhưng không dám vì là học sinh ở tỉnh vừa lên Sài Gòn còn xa lạ và bỡ ngỡ, rồi khi gặp mặt Kim, biết nói gì đây? Tôi ôm nỗi buồn cho đến một hôm bạo gan hỏi thằng bạn cách thức đến trường nữ sinh Áo Tím, nói dối là đi tìm người em họ.

Trường vẽ Gia Định cho học sinh ra ngoài trời tập vẽ, và hàng tuần, vào chiều thứ bảy được nghỉ nhưng với điều kiện là phải có bài vẽ thú vật tại Sở thú. Đa số chúng tôi thường lấy hình thú vật trong tự điển Larousse vẽ theo nên giống nhau, các thầy dư sức biết.. Lợi dụng có buổi chiều thứ bảy, tôi diện quần áo đàng hoàng, áo sơ mi trắng, quần xanh, ngồi xe ngựa Bà Chiểu Chợ Lớn, đến góc Mayer (Hiền Vương sau nầy) nhảy xuống mà trống ngực đánh lung tung, từ đó đến cửa trường Gia Long chỉ hơn 100 thước.

Tôi nào dám chường mặt nơi gần cửa trường. Tôi đứng thập thò bên kia đường Hồ Xuân Hương và Le Grand de la Liraye (sau là đường Phan Thanh Giản) nhìn qua. Đứng xa như vậy mà tôi vẫn run vì lo sợ, một nỗi lo sợ vô cớ. Có nhiều người đứng chờ em cháu để rước về, và chắc cũng có người đến đón người yêu, bạn đến đón bạn mà lo sợ nỗi gì? Tôi cố trấn an lòng mình như vậy mà vẫn hồi hộp, Tôi muốn bỏ ra về, biết nói gì với Kim, nếu... được gặp thình lình. Nhưng ra về thì biết đến bao giờ mới tìm gặp nhau? Rồi lại còn lo không biết Kim còn nhớ đến cậu học sinh chỉ mới quen nhau trên chuyến tàu cách đây hơn hai tháng?

Cổng trường mở ra. Từng nhóm nữ sinh xinh xắn trong tà áo tím thướt tha. Những tà áo tím, có màu tím Huế nhàn nhạt, có màu tím than đậm đà... Ôi những màu tím mà học sinh trường vẽ pha trộn rất khó giống!

Tự nhiên tôi đứng lùi vào gốc cây. Tôi hồi hộp nếu được gặp Kim... Những tà áo tím bớt dần, bớt dần...tôi vẫn chưa thấy Kim bước ra.

Tôi lên xe ngựa ra về mà lòng bâng khuâng. Thứ bảy tuần sau, tôi lại đến nữa, để lo sợ hồi hộp, rồi thất vọng thất thểu về nhà trọ.

Sau mấy tháng đứng chờ, lòng hồi hộp bớt đi, tôi đã dám đến gần cửa trường để nhìn cho rõ mấy cây đại (cây sứ cùi) đứng uốn éo, thân sần sùi lâu đời. Hai cây phượng vĩ mùa nầy chưa ra hoa nhưng thân, cành của hai cây nầy in sâu vào trí nhớ các cô nữ sinh áo tím trường Gia Long cũng như các cây phượng vĩ khác khi ra hoa là tượng trưng cho mùa bãi trường.

Tôi nuôi hi vọng để mà thất vọng

sau hai tháng chờ đợi thì bỏ cuộc. Nhưng một buổi chiều, vừa bước ra cửa trường tôi gặp cậu em trai của Kim. Nỗi mừng nào hơn. Tôi hỏi thăm Kim thì cậu chỉ tay về phía bên kia đường, nơi có lăng mộ của Thống chế Nguyễn văn Học. Tôi mừng quá vội đi theo đứa em trai Kim băng qua đường.

Lúc bấy giờ nơi nầy chưa có xây nhà, còn là vùng lăng u tịch, có nhiều cây đầu cao che bóng mát.

Tôi mừng rỡ không còn biết mắc cỡ với đám học sinh trường vẽ nhìn theo. Thì ra Kim và em nàng cũng tiếc cho cuộc quen nhau mà quên hỏi địa chỉ. Hôm nay Kim nhờ em trai đất đi tìm tôi ở đây, vì biết chắc trường vẽ ít học sinh nên dễ tìm. Kim đến để nhờ tôi vẽ cho quyển Lưu bút. Gì chớ chuyện nầy quá dễ, nhờ vậy tôi mới gặp lại nàng. Tôi ngượng ngùng kể lại những lần đến tìm Kim ở cổng trường. Cô nàng nghe xong chớp mau đôi mắt đẹp.

Không biết có phải vì cảm động mà từ đó ba chúng tôi liên lạc nhau thường xuyên. Khi thì vào Sở Thú xem cọp, khỉ, khi ra Sài Gòn ăn đậu đỏ bánh lọt... Dĩ nhiên kỳ bãi trường Tết năm đó chúng tôi hẹn nhau đi chung chuyến tàu thủy về quê.

Tình bạn thân thiết dần dần. Qua năm học thứ hai rồi thứ ba, chúng tôi hiểu nhau nhiều hơn. Màu tím tà áo nữ sinh của Kim ăn sâu vào trí đến nỗi khi vẽ trang trí hay vẽ phong cảnh, sắc tố màu tím đã hiện ra nhiều nhứt trên hình vẽ của tôi.

Chúng tôi hợp nhau vì tha thiết yêu thương đồng quê nên thường đưa nhau đi suối Lồ ồ, Thủ Đức để được hòa mình với thiên nhiên, hoặc cùng đạp xe đến cầu Gò Dưa, hái bông sen bên vệ đường. Cái ồn ào náo nhiệt của Sài Gòn hấp dẫn cậu em trai ham vui nên ban đầu cậu còn đi theo để ăn quà, nhưng sau nầy, cậu theo bạn bè đi xi nê để tôi và Kim được đạp xe sóng đôi nhau vào những ngày nghỉ đến những vùng quê ven đô.

Ba năm trôi qua đẹp đẽ giữa anh học sinh trường vẽ yêu màu tím và cô nữ sinh áo tím... Bỗng chúa nhựt đó tôi chờ hoài không thấy Kim đến. Tuần sau rồi tuần sau nữa cũng bặt vô âm tín, tôi đến trường Huỳnh Khương Ninh, nơi em nàng học để hỏi mới biết Kim và em nàng về chịu tang cha rồi sau đó mẹ nàng bắt phải ở nhà lo tiếp gia đình. Tôi buồn quá, hỏi tại sao Kim không gởi thơ cho tôi biết, em nàng cũng không biết trả lời sao.

Những ngày nghỉ cuối tuần sau đó, tôi đạp xe một mình đến cầu Gò Dưa, Thủ Đức, Châu Thới mà lòng nặng chĩu...

Tôi chờ, tôi chờ mãi, rồi sau đó thi ra trường, tôi dấn thân vào làm báo. Cuộc tình đẹp ban đầu phai dần với thời gian... Cuộc đời thăng trầm đưa đẩy tôi đến định cư tại vùng sáu tháng tuyết giăng giăng của Canada.

Một hôm, tôi được lá thơ mang nét chữ lạ, gởi từ Thái Lan:

*Kính anh T.*

*Tôi muốn viết: Thân gởi anh T. nhưng không biết anh còn nhớ và thân như ngày xưa chăng, nên xin kính gởi vậy.*

*Chắc anh ngạc nhiên khi thấy con dấu bưu điện của xứ Thái xa xôi, cách xa anh tới nửa vòng trái đất? Thế nào anh cũng tìm trong trí coi có đứa bạn nào vượt biên, vượt biển rồi... kẹt ở Thái Lan?*

*Không phải đâu. Tôi là kiều bào Việt Nam sống trên đất Thái từ năm 1960 kia.*

*Anh khoan vội tìm chữ ký để biết ai viết thơ nầy, hãy đọc từ từ rồi sẽ hiểu thôi.*

*Gần 7 tháng, tôi thơ từ qua lại với nhà báo mới biết chắc anh là anh T. của Châu Đốc ngày xưa, nhứt là tôi vừa đọc mấy tác phẩm mới đây của anh nên chắc mẻm anh là học sinh đi trên tàu Ngọc Lợi từ miền Tây lên Sài Gòn học... vẽ lưu bút cho bạn gái.*

*Đọc đến đây anh đã đoán tôi là ai chưa? hay cần viết thêm chuyện đi hái sen bị té ướt quần áo ở cầu Gò Dưa, Thủ Đức?*

*Hi vọng anh nhớ rồi. Hi vọng sau mấy mươi năm thành phố hoa lệ Sài Gòn chưa làm nhạt nhòa hình bóng người bạn gái áo tím của trường Gia Long ngày xưa. Làm sao tôi trách anh được. Làm sao anh tìm được địa chỉ của tôi khi tôi rời mái trường thân yêu và thành phố có nhiều lá me bay, có nhiều trái dầu rơi như chong chóng xuống mặt đường nhựa... và vì từ đó đến mấy năm sau, tôi không viết cho anh chữ nào, lại cấm em tôi không cho anh địa chỉ, thì trách anh làm sao được, phải không nè? Chỉ xin anh thông cảm cho một thiếu nữ nhút nhát ở vùng quê Cái Tàu, dầu là nữ sinh lớp đệ tam trung học Áo Tím, vẫn còn e lệ thẹn thùa.*

*Sau khi tôi về quê cư tang cha chết, mẹ tôi không cho đi học nữa vì cảnh nhà đơn chiếc, bắt tôi phải lấy chồng. Tôi buồn lắm. Phải rời bỏ tuổi học sinh mộng mơ để bước vào vòng lễ giáo quá sớm. Tôi có nghĩ đến anh. Nghĩ đến, không phải mong thực hiện những gì ta đã xây mộng đẹp, vì biết anh là trai quá trẻ, chưa xây dựng được gia đình lúc nầy, trong lúc gia đình tôi cần một nơi nương tựa.*

*Tôi tủi thân bé bỏng mà sớm phải làm dâu. Tôi nhớ mấy cây sứ cùi dựa hàng rào sắt trường Gia Long, tôi nhớ đến mấy cây dái ngựa (tên gì nghe thô tục quá) đã cho đám nữ sinh chúng tôi bóng mát, tôi nhớ những ngày chúng mình đạp xe đi núi Châu Thới... Tôi phải ôn lại trí nhớ, quay lại những đoạn phim tình cảm trong đầu lúc đó, để rồi khi bước qua xác pháo vu qui, tôi phải quên đi hết, hầu lo tròn bổn phận làm dâu, làm vợ.*

*Lúc còn đi học, chị em nữ sinh chúng tôi đều thuộc bài thơ của Nguyễn Bính với những câu:*

*Em ơi, em ở lại nhà,*
*Vườn dâu em đốn, mẹ già em thương*
*Mẹ già một nắng hai sương,*
*Chị đi một bước trăm đường xót xa...*

*để mà lo sợ vẩn vơ cho tương lai mình. Nhưng không có đâu! Chồng tôi thương và quí trọng tôi lắm, nên khi bước vào vòng mới thấy cái may mắn của mình.*

*Chồng tôi chỉ là nhà thầu khoán trẻ tuổi, chuyên xây cất nhà phố thường thường nhưng anh rất tháo vát. Rồi theo thời cuộc, chúng tôi theo bạn lên Paksé xứ Lào để thầu xây dựng nhà cửa của phi trường Séno. Sau mấy*

*năm hít bụi đỏ cao nguyên, chúng tôi về sống tại Vạn Tượng. Chắc anh đã qua Vạn Tượng vì tôi có đọc Những Chuyến Đò Ngày Xưa của anh.*

*Đúng như anh tả. Dòng sông Cửu Long chảy ngang Vạn Tượng hiền hòa và trầm lặng mặc dầu có những tháng nước lũ từ thượng ngàn đổ về ầm ầm, nhưng sau đó lại hiền hòa trở lại như tâm hồn dân Lào nên chúng tôi định cư nơi đó.*

*Nhiều buổi chiều tôi ra sông Mê Kông mà nhớ về sông Tiền Giang của tôi. Có lần tôi khóc, nước mắt nhỏ âm thầm, khóc vì nhớ vùng Cái Tàu Thượng thân yêu của tôi, biết đến bao giờ tôi trở về đó để nghe lại giọng hò của cô gái bán vàm trong đêm khuya. Có một lần tôi chợt nhớ đến anh.*

*Mỗi năm vào tháng 12, ngày trăng tròn, thủ đô xứ Lào tưng bừng với hội chợ tại chùa Thát Luỗng. Chồng tôi dẫn tôi đến xem gian hàng của Việt Nam Cộng Hòa và nhiều tiết mục ca múa của các ca sĩ Việt Nam nổi danh. Gian hàng Việt Nam có triển lãm ảnh chụp cũng như hình vẽ sơn dầu... Đẹp quá, mê quá! Tôi chợt nhớ đến người bạn họa sĩ ngày xưa. Anh có được tác phẩm nào để treo nơi đó chăng? Tìm hoài không thấy tên anh. Tôi thưởng thức hình lăng tẩm Huế, cảnh đẹp Đà Lạt mờ sương, Vũng Tàu sóng vỗ, Sài Gòn mến yêu... nhưng than ôi sao lại không có trường trung học áo tím chúng tôi?*

*Trường trung học Gia Long vào mùa phượng nở đẹp lắm chớ. Thân cây phượng uốn éo, những cành nhỏ nào cũng cong xuống để rồi vút lên khoe khoang mấy chùm bông năm cánh đỏ với những nhụy như đuôi phượng. Sao các anh không đứng bên góc đường Bà Huyện Thanh Quan, hay trước cổng chùa Xá lợi nhìn qua để ghi lại hình dáng những cây sứ thân yêu trước mái trường tôi? Anh là họa sĩ, anh có ghi vội cảnh tan trường buổi chiều? Bao nhiêu xe cộ chạy hối hả vội vàng, vậy mà mấy tà áo tim tím của chúng tôi tha thướt bước ra là không gian như dịu lại. Anh đã nói với tôi là có.... đứng ở đó bảy lần mà! Đẹp quá phải không anh?*

*Đêm đó, đi dạo xem các gian hàng xong, vợ chồng tôi ngồi trước sân chùa để ăn khao lảm, loại cơm nếp nấu bằng ống tre, làm tôi lại nhớ đến buổi chúa nhựt chúng mình đi Châu Thới về dọc đường bị mưa, phải núp dưới gốc cây. Trong khi chờ mưa dứt hột, tôi và anh lấy bánh tét ra ăn. Bữa đó, dưới cơn mưa tầm tã, sao mà bánh tét ngon vậy, mặc dầu mình ngồi dưới gốc cây cứ lo sợ sét đánh.*

*Đêm đó tôi ăn khao lãm không thấy ngon. Làm sao có hương vị quê hương, làm sao có được lòng trong trắng ngây thơ như lúc đó?*

*Sau thời gian ở Vạn Tượng, vợ chồng tôi qua định cư tại BangKok, thủ đô xứ Thái. Nhà chúng tôi nằm phía bên kia bờ sông Chao Phaya, đối diện thủ đô. Đó là quận Thonburi, như quận Thủ Thiêm mình. Ở đây tôi có dịp đi tàu du lịch chạy trên sông nhưng rất tiếc nó tiện nghi và sạch sẽ không như chiếc tàu Ngọc Lợi của dòng sông Hậu. Nó chạy bằng dầu cặn nên ban đêm không có tàn lửa bay bay...*

*Cái thơ đầu tiên tôi viết nhiều quá, mà tự nãy giờ chỉ nói đến tôi. Tôi chưa hỏi lúc nảy... tình cảm và gia đình anh ra sao ở xứ tuyết lạnh phủ trắng cây thông suốt nửa năm đó? Tôi tin rằng anh hạnh phúc lắm vì qua giọng văn, anh lúc nào cũng đôn hậu. Anh chưa bị buồn nên nhìn đời rất lạc quan. Tôi mong như vậy và cầu chúc anh không có cảnh "thất tình" như cuốn tiểu thuyết "Dưới rặng thông" của nhà văn Nguyễn Dân Giám đã viết:*

*"...ôi mùa xuân đầm ấm ngày xưa,*
*"Mùa xuân đi mất đã tuyệt mù tăm tích...*
*"Ta chẳng còn trông thấy mùa xuân trong vắt ở đầu cành.*
*"Ý trung nhân ơi, ý trung nhân đi, mang theo của ai một mối hạnh phúc...*
*"Để xuân kia trở lại cũng bằng thừa...*

*Thủ đô xứ Thái, ngày....*
*Kim"* ●

# *bắt đầu, trên quê người*



*Tóc em không còn thơm hương bồ kết*
*Da em không còn mùi đồng nội quê hương*
*Nên anh nhớ kỷ niệm xưa tha thiết*
*Từng bóng cây, từng góc phố, con đường.*

*Hai đứa mình những người già trước tuổi*
*Bỏ quê hương để đổi lấy ngày mai*
*Có gì đâu ôi ước mơ mông muội*
*Nên cố giấu nhau những tiếng thở dài.*

*Ngày hai buổi anh lang thang tìm việc*
*Nơi đâu cũng có sẵn cái lắc đầu*
*Loanh quanh dưới phố mãi phát mệt*
*Nên đành về nhà gặm nhấm niềm đau.*

*Vì quá buồn anh lấy bút làm thơ,*
*Thơ thì không thể kiếm sống bao giờ!*
*Nhưng thơ khiến tâm hồn anh vơi bớt*
*và có thể cho đời chút mộng mơ.*

*đông vũ*

# *Căn Nhà Mới*

## Vũ Tiến Dũng

*M*ặc cái xe đạp tòng tọc đổ kềnh ngoài hiên, anh xộc vào nhà gọi toáng lên từ cửa:

- Em ơi! Em ơi! Xong rồi! Tốt đẹp rồi! Có nhà rồi!

Chị bước ra từ sau tấm liếp ngăn giữa nhà với bếp, tay cầm soong bột:

- Kìa anh, bình tĩnh nào! Đổ soong bột bây giờ. Anh đừng ầm ĩ vậy. Hàng xóm ngủ cả rồi.

Anh chợt nhớ ra, tay bưng miệng, giọng đã nhỏ đi nhưng chưa hết háo hức:

- Xong rồi. Ủy ban Phường đã đồng ý cho mình miếng đất ở đầu bãi xít rồi, ký rồi đây này.

Miệng nói, tay anh lập cập mở tờ giấy đánh máy có con dấu đỏ chót và chữ ký loằng ngoằng như tia chớp của ông chủ tịch, mắt sáng ngời:

- Anh làm "thủ tục" với chủ tịch phường chiều nay. Nhẹ thôi, ba tút thuốc Bông Sen với hai cân trà Thái Nguyên. Bây giờ đất là của mình.

Chị mỉm cười chia sẻ rồi hỏi:

- Vậy bao giờ mình có nhà mới hở anh?

Câu hỏi của chị đủ để hãm bớt sự phấn chấn đang gia tăng trong anh. Anh không trả lời chị, xoay lưng ngồi xuống cái vừa là bàn vừa là chạn đựng thức ăn, mắt nhìn không chớp vào bức tường tróc vôi loang lổ trước mắt. Giây lát, anh thở ra nhè nhẹ.

Đưa nhau từ quê ra mỏ đã ba năm, thật là vạn sự khởi đầu nan. Anh rùng mình nghĩ lại hơn một năm phiền toái ở nhờ nhà người chú họ. Những ngày đó vợ anh thường úp mặt vào ngực chồng để nén tiếng khóc bật ra mỗi đêm khi nghe tiếng xì xèo đay nghiến của người thím từ buồng trong lọt vào tai. Vợ chồng anh ngày đó thầm mơ một nơi có thể gác chân lên nhau xỉa răng sau mỗi bữa ăn. Gọi là ở nhờ nhà chú thím, thực ra anh chị chỉ nhờ mỗi chỗ kê cái giường đôi. Cái giường ấy đêm là của anh chị, ngày là chỗ bà thím giữ mẹt cơm để trộn men ủ rượu. Ân ái với nhau, chị phải cắn chặt răng như chịu một cực hình, không dám dù là một hơi thở mạnh. Rồi may thay, một người bạn cùng quê thông cảm nỗi khổ tâm của chị, đã nhường chị nửa căn nhà vốn là nhà kho cũ của xí nghiệp. Chị sung sướng như lần được từ quê ra mỏ sinh sống.

Đêm đầu tiên ở căn nhà mới, thực ra là một gian buồng chín mét vuông, với chị thật tuyệt vời. Lần đầu tiên chị được ngắm anh trần truồng dưới ánh sáng điện. Chị không dám làm gì ầm ĩ lắm nhưng chị đã có thể rên rỉ nhè nhẹ. Suốt đêm đó chị không cho anh mặc quần áo, không cho anh mắc màn và cũng không cho anh tắt đèn. "Cho bõ những ngày phải giấu giếm khổ sở", chị nói, cười, mắt lim dim.

Đứa con đầu lòng của anh chị được sinh ra trong căn nhà mà anh chị gọi là "lò bánh mì" này vì thật sự vào mùa hè, ngồi trong nhà như ngồi trong lò nung. Thằng cu đẹp và phổng phao "nhờ mình được thoải mái với nhau", chị khẳng định như vậy. Chị hạnh phúc. Với chị, một chỗ kê cái giường, một chỗ nhóm cái bếp lò, một chỗ treo cái nôi cho con như cái "lò bánh mì" này là đủ cho chị thấy hạnh phúc. Tuy nó chật chội thật nhưng chỉ cần đóng cửa cài then là nó đã trở thành một thế giới riêng của vợ chồng chị mà trong đó chị có thể cởi trần ngồi ở mép giường cho con bú và tủm tỉm cười khi thấy anh cứ nhìn chằm chằm nơi miệng thằng cu. Chị có thể giữa ban ngày nằm áp má vào vồng ngực để trần của anh mà hát khe khẽ.

Anh tạo ra một cái bếp và là nhà tắm luôn bằng một tấm liếp ngăn phần ba căn buồng. Tắm xong, chị thường để nguyên mình trần, chải tóc ngắm mình trước cái gương ố treo cạnh giường rồi cứ trần như vậy, chị nằm ngửa đầu gối cuối giường, thả mái tóc đen mướt gần chấm đất mắt đong đưa nhìn chồng. Không những chẳng khó chịu về sự chật chội, chị còn thấy hay hay khi vợ chồng lên nhà xuống bếp đụng nhau luôn. Khách khứa tới nhà, xin mời khoanh chân lên giường. Nếu là khách lạ, chị bế con ra sân hoặc ngồi sau tấm liếp. Mỗi khi tiếng lợn kêu vọng sang từ nhà hàng xóm, hoặc ngửi thấy mùi rượu nhà bên bốc sang thơm nồng, anh lại nói chuyện tăng gia nhưng chỗ người ở còn không đủ nói gì đến lợn. Chị an ủi:

- Thôi thiếu một chút cũng được, chỉ cần anh yêu thương mẹ con em.

Bắt gặp anh thở dài luôn, chị hiểu:

- Chật hẹp nhưng mình yêu nhau, mình hạnh phúc là được anh ạ.

Anh nói hơi gắt:

- Nhưng đây là nhà mình mượn của xí nghiệp, đến khi người ta đòi thì sao? Không lẽ lúc ấy để hạnh phúc ngoài đường?

Chị im lặng. Anh nói phải. Đúng là đàn ông nông nổi cũng thể giếng khơi.

Thế rồi anh lần mò, hỏi han, dành dụm... Đến hôm nay thì anh đã có nó trong tay, một miếng đất, để xây cái nhà riêng cho mình.

Anh ngồi, cái điếu cày chống nơi cằm, mắt nhìn không chớp vào bức tường loang lổ. Hai vợ chồng công nhân lao động, một đứa con nhỏ, tằn tiện kiểu gì cũng chỉ vừa đủ. Thuốc lá với anh là hoang phí, quần áo không may sắm. Chị cũng mặc toàn đồ cũ may từ thời chưa lấy chồng. Ba năm qua, món tiền dành dụm đủ mua ba tút thuốc với hai cân trà. Anh biết chị chăm sóc cho sức khoẻ của anh hơn là túi tiền tiết kiệm của chị. Anh biết bữa ăn của anh khá hơn những người bạn cùng cảnh với anh. Anh biết chị say mê những bắp thịt nổi cuộn và bộ ngực như đá tảng của anh. Nhưng bây giờ là cái nhà. Làm sao xây được cái nhà!

Còi ca ba hú lên, một rưỡi đêm.



Chị kéo anh lên giường, nâng đầu anh đặt vào bờ vai trần nóng rực, tay xoa xoa bắp đùi dế mèn của anh gác ngang hông chị. Anh nói như ra lệnh trước đôi mắt mở to của vợ:

- Từ nay, mỗi tháng em phải tiết kiệm ba nghìn.

- Hai vợ chồng mỗi tháng có chín nghìn, tiêu đủ còn khó, anh bảo tiết kiệm là tiết thế nào? Không ăn nữa hay sao?

- Ăn uống qua loa thôi, xây xong nhà rồi ăn sau.

Chị thở dài. Đó là đêm đầu tiên chị trằn trọc trong căn nhà hạnh phúc.

Hôm sau đi làm về chị không thấy anh ở nhà, con gửi hàng xóm. Chị ra ngay bãi xít. Miếng đất làm nhà của anh thuộc khu bãi thải cũ, nơi trước đây người ta đổ đống sắt vụn. Anh đang hì hục đắp cái lò vôi. Thấy chị ra, anh cười rạng rỡ. Lưng anh bóng nhoáng dưới nắng chiều, mồ hôi ướt đẫm cạp quần.

Chị về nhà bế con. Đó là chiều đầu tiên chị đi làm về mặc nguyên quần áo bế con ngồi trước cái quạt con cóc khô đầu chốc chốc lại hộc lên như con lợn bị chọc tiết. Chị thở dài mệt mỏi. Theo anh tính thì anh chị sẽ phải tằn tiện vất vả chừng hơn một năm mới có được một căn nhà lớn chừng gấp đôi căn nhà này. Kỳ lương vừa đến, anh mua ngay một xe đá vôi ba nghìn. Đi làm về anh đạp xe ra thẳng nền nhà mới. Anh đập đá, đóng than, xếp đá vào lò, rồi đốt, rồi đắp, rồi đào. Anh cứ một mình hì hục cho đến khi tối hẳn, chị bế con đi ngang qua bãi xít vẳng teo gọi anh về.

Mẻ vôi đầu tiên ra lò tuyệt đẹp. Anh cười sung sướng. Chị bảo anh nhờ bạn bè giúp, anh gạt đi: "Anh làm được; với lại, lấy gì cho người ta ăn? Không lẽ để họ làm giúp mình rồi về nhà họ ăn cơm!" Trước tới giờ chị chỉ mới chiêm ngưỡng sức khoẻ của anh khi chăn gối, nay mới thấy anh khi lao động. Anh khoẻ phi thường. Anh dun xe nước chạy phăng phăng, bê những thúng vôi đầy có ngọn đội xuống hố vôi sôi sùng sục. Hơi khói bốc lên mù mịt, từ xa chẳng ai nghĩ rằng cái hố vôi đang tôi kia lại chỉ có mình anh đang xoay vần. Anh đội thùng nước cuối cùng xuống hố vôi đã no nê, nhìn chị cười mãn nguyện:

- Hết ý! Vôi hết ý em ạ.

Chị bế con theo anh đi qua bãi xít vắng teo, còi tầm ụ sáu rưỡi.

Hôm đó, gọi là mừng chiến công đầu, chị mua ba lạng thịt, mở giá đỗ với góc chai rượu. Anh người đỏ phừng nằm duỗi dài trên giường nghe cái quạt con cóc hộc lên từng hồi, từng hồi... Đó là đêm đầu tiên chị không dám động vào người anh. Chị nhìn anh thở dài.

Anh nháo vữa đống gạch. Rồi mẻ vôi thứ hai, đập đá, vào lò, ra lò, tôi rồi lại nháo, lại đóng. Anh ghi số gạch đóng được vào một cuốn vở, từng ngày, từng hòn.

Buổi sáng anh trở dậy quáng quàng khoác áo đi làm với cái bụng rỗng. Tối mịt chị bế con ra gọi. Tay chưa buông đũa, mắt anh đã trĩu

xuống, lăn ra giường ngủ, con đái vọt lên mặt không biết. Chị nằm cạnh thở dài, đếm tiếng hộc của cái quạt con cóc. Căn buồng nhỏ thế mà chị thấy trống trải. Thật là chật hẹp hay rộng rãi cũng chỉ do ở mình. Cơm nước xong xuôi, chị gửi con bên hàng xóm rồi ra chỗ anh:

- Cho em làm với.

Anh gạt phắt:

- Không, nắng thế này em không chịu được đâu! Việc của em là trông con.

Anh nhất định đuổi chị về, miệng lẩm bẩm:

- Nắng thế này, ba bữa thì đen thui.

Chị lủi thủi về ngồi ôm con. Căn nhà chín mét vuông bỗng chốc mênh mông như một bãi xít. Tối về chị bảo anh:

- Anh cứ làm từ từ. Mình có thể ở đây vài năm cơ mà.

Anh sẵng:

- Ba mươi tuổi chưa có cái nhà riêng. Từ từ làm sao được!

Một chiều về, hai mẹ con chị thấy con chó con buộc chân giường. Thằng Cu thét lên thích thú. Anh bảo:

- Cho nó làm bạn với thằng Cu.

Sáu tháng trôi qua, anh bảo ngắn ngủi, chị thấy đằng đẵng. Thằng Cu đã thành anh của con Mực, suốt ngày quấn quít. Thằng Cu thân với con Mực hơn với bố nó.

Anh đã xây được cái móng. Đống gạch của anh ngày càng cao và anh ngày càng gầy. Chị giật mình khi thấy anh nằm xuống sườn đã nhô lên trên cái bụng trũng như cái hố vôi. Sáu tháng nay anh chẳng còn thời giờ nào để ngắm nhìn chị. Nhiều hôm anh để người chua loét, vật ra giường ngủ, đến sáng lại khoác áo đi làm. Sáu tháng ấy, ân ái chỉ vài lần. Vài lần ấy, anh leo lên người chị vội vã như khi anh nhảy lên xe đạp đi làm và nhanh như khi anh dội thùng nước xuống hố tôi vôi. Rồi anh vật ra ngủ, chẳng kịp hỏi chị như trước đây cái câu chị thích nghe nhất đời: "Em có yêu anh không?" Chị bỗng thấy thù ghét cái nhà mới. Anh tặc lưỡi: "Đàn bà! Sâu sắc mấy cũng chỉ như cái cơi đựng trầu". Lại sáu tháng nữa như thế.

Một sáng, trước khi đi làm, anh dặn chị:

- Em mua hai cân thịt, ba chai rượu và nấu cơm bốn khách nhé. Ngày mai bắt đầu xây.

Khách đến khi chị đã nấu nướng tinh tươm. Ba người bạn làm cùng tổ với anh chị đã quen mặt, Quản đốc trẻ chị mới gặp lần đầu. Miệng chào, mắt Quản đốc cứ nhìn vào ngực chị. Mâm rượu dọn lên giường. Chị ngồi sau tấm liếp vá áo.

Anh:

- Đời tôi chỉ mơ ước có một căn nhà để mà an cư lạc nghiệp. Tôi không có tiền nên phải đem sức ra.

Bạn anh:

- Ông còn hơn chúng tôi là ông có sức. Cái đống việc mình ông làm một năm, chúng tôi phải làm trong ba năm.

Anh:

- Quản đốc chẳng phải vất vả ngày nào mà nhà của Quản đốc một đời tôi không dám mơ.

Bạn anh:

- Ông đừng bì phấn với vôi.

Quản đốc cười:

- Mỗi người một phận, phận nào lộc nấy. Nhà nước cấp đất cho tôi, vật liệu người ta biếu, người làm xí nghiệp lo. Mọi thứ, trừ mỗi vợ là nhà nước chẳng cấp cho tôi. - Quản đốc cao giọng - Tôi cho ông bốn người, công xá đàng hoàng giúp ông đến khi nào ông xong nhà. Tôi sẽ bảo kế toán cho ông vay mươi nghìn, trả trong một năm. Riêng ông, làm xong nhà tôi cho ông nghỉ ba ngày, tôi sẽ bảo tổ trưởng của ông chấm công. Cả vợ ông nữa.

Mọi người xuýt xoa. Anh lặng người. Chị linh cảm lo âu.

Bữa rượu gần tàn. Quản đốc xuống bếp rửa tay. Chị đội nước. Quản đốc nhìn chị, mắt bốc lửa, miệng thì thào hơi men:

- Em đẹp quá!

Chị ngộp thở, tay run run. Cái gáo sắt rơi choang.

Bạn bè cùng tổ giúp anh nhiều hơn là họ đã hứa. Chị có tiền lo cơm nước. Chiều tối, trên giường chị bày mâm, ăn uống qua quít rồi chờ đợi sau tấm liếp. Mọi người ăn uống. Quản đốc đến luôn, uống chén rượu, động viên vài câu, xuống bếp rửa tay, mắt bốc lửa miệng thì thào: "Em đẹp quá!" Chị đội nước, tay run bần bật, mắt nhắm nghiền. Quản đốc về, chị bần thần lau má.

Một tối mất điện, anh sửa cái đèn dầu, nói trong bóng tối:

- Ông ấy sướng thật. Nhà cao cửa rộng chẳng thiếu thứ gì. Thế mà cứ kêu buồn.

Khêu ngọn đèn cháy bùng, anh loạng choạng nằm lăn ra giường. Chị ngồi thụt vào, tránh gồ vai nhô xương lớp nhớp mồ hôi của anh. Chị ngồi, mắt đăm đăm nhìn ngọn đèn dầu. Ngọn đèn giần giật, bập bùng trong mắt chị.

Rồi khi đôi mắt của anh đã tụt sâu vào trong hốc mắt và đôi môi không còn đủ đầy đặn để giấu hàm răng lười cọ chải thì ngôi nhà mơ ước của anh đã tạm hoàn thành. Chỉ độ ba buổi nữa là anh có thể tuyên bố khánh thành. Sự háo hức về ngôi nhà mới đã dịu xuống trong anh, phần vì ngôi nhà đã nằm trong tay, phần vì cái mệt nhọc đã ngấm tới đường gân thớ thịt sau hơn một năm dâm sấp dập ngửa. Anh kê dép ngồi tựa thành giường, cái điếu cày chống nơi cằm. Chị ôm con ngồi tựa lưng vào bức tường loang lổ, tai nghe tiếng con thạch sùng tắc lưỡi. Chị thấy căn nhà trở nên âm u dưới ánh đèn đỏ quạch. Chị thở ra dài dài.

Anh lên tiếng:

- Chủ nhật này khánh thành nhà. Mình mời bảy người, Quản đốc nữa là tám. Em không phải vất vả lắm đâu, anh sẽ bảo mấy người giúp nấu nướng.

- Nhưng mình hết tiền rồi, làm cỗ thế nào?

Anh chỉ tay:

- Cỗ kia chứ đâu.

Con chó mực đang nằm xoài trên nền nhà nhỏm dậy.

- Giết nó à? Chị giật thót.

- Anh tính từ khi xin nó về nuôi, em thấy có được không?

Anh cười, tay vê vê bi thuốc lào.

- Thằng Cu khóc chết mất. Không được đâu!

- Ô hay! Không lẽ vào nhà mới bằng cơm muối à?

Cổ chị nghẹn một cục đầy ứ. Hai giọt nước mắt nguội ngắt lăn xuống gò má. Tay chị ôm chặt thằng Cu. Nó ngủ, miệng nhai nhóp nhép.

Chỉ năm người tay xách nách mang là căn nhà chín mét vuông sạch nhẵn, trơ ra bốn bức tường loang lổ. Căn nhà đã từng chứng kiến chị hạnh phúc, chán chường và dằn vặt khổ sở, nay chứng kiến chị nuối tiếc. Rồi người ta sẽ phá nó đi. Chị bật khóc nức nở, tay bế thằng Cu, tay cắp rổ bát đũa. Con Mực cun cút theo sau.

Dù đi như không muốn đến, cuối cùng chị cũng tới ngôi nhà mới của anh. Mái gianh, nền đất, tường quét vôi trắng lành lạnh. Nó rộng chừng gấp ba căn nhà hạnh phúc xưa của chị. Chị thấy nó rộng quá, trống trải quá, trống hoác như nỗi lòng của chị. Chị chẳng buồn rơi nước mắt.

Gượng cười trước sự chào mừng của mọi người, chị bế con đến chỗ chồng. Anh đang tìm dây trói con Mực.

- Em bế con đi chỗ khác đây, không thì nó khóc chết mất. Mà em cũng không chịu được đâu. Anh đừng phần thịt chó cho mẹ con em.

Anh thừ người:

- Anh sẽ xào rau cho mẹ con em.

Chị bế con đi ra, tay anh xoắn xoắn sợi dây điện, mắt nhìn con Mực.

Anh gọi con Mực đến. Nó vẫy đuôi liếm tay anh. Hai người từ đằng sau đè nghiến nó xuống đất. Con Mực không giãy giụa nhiều lắm. Hình như nó cũng hiểu cái phận chó nuôi ở nhà túng. Nó nhìn anh tha thiết với đôi mắt ướt đẫm. Nó muốn kêu lắm nhưng sợi dây điện đã siết quanh mõm nó mấy vòng. Nó nấc lên những tiếng hức hức trong cổ họng. Ngoài kia, người ta đang mài dao.

Khi nắng chấm mép hiên thì con Mực đã vàng ruộm trên chạc gỗ. Dao thớt, nồi niêu loảng xoảng, giềng mẻ lá mơ lạc rang phưng phức, lửa than củi phừng phực. Và khi nắng chiều đã ra khỏi cái sân đất vương vãi lông chó thì con Mực đã đâu ra đấy. Lòng đỏi khoanh tròn trên đĩa, chân đầu lục sục trong nồi ninh và đùi lườn thì đang được quạt trên than hồng. Nắng càng nhạt, nước bọt càng ứa ra nhiều. Ai đó giục anh đi gọi Quản đốc. Anh xếp vội mấy chai rượu vào góc nhà, chạy ra:

- Chết thật! Quên khuấy đi.

Anh khoác áo dắt xe đạp ra, còn nói với lại:

- Đừng nướng cháy quá nhé!

Anh dắt xe vào ngõ nhà Quản đốc. Ngôi nhà to xây kiểu đời mới với màu vôi hồng nhạt nổi bật giữa những lùm cây ăn quả rậm rạp.

Cổng khoá. Quái! Ông này đi đâu giờ này? Xe máy còn để ngoài hiên. Anh dựng xe đạp vào cánh cổng sắt rồi tặc lưỡi trèo qua bức tường có gắn mảnh sành chi chít. Qua mảnh sân xi-măng rộng đầy chậu cảnh, anh bước lên bậc tam cấp láng bóng. Đặt chân lên thềm đá hoa anh chợt dừng lại. Có tiếng người. Ông ấy có nhà. Anh rụt tay khi mới chạm nắm đấm cửa. Anh nghe có tiếng rên rỉ bên trong. Anh ghé tai, tiếng rên nghe quen quen là lạ. Tiếng rên to hơn, dồn dập hơn khiến cái cảm xúc bỡn đi hơn một năm nay giây lát xâm chiếm cơ thể anh. Anh run lên ngây ngất. Tim anh như dừng lại. Tiếng thở dốc, tiếng "anh ơi, trời ơi" nghe rõ mồn một. Của anh. Đúng, đúng của anh rồi! Anh cúi xuống nhòm qua lỗ khoá. Đúng lúc chị đang nấc lên. Người chị cong như con cá trên chảo rán, hai tay riết róng xoa, cào như phát cuồng trên tấm lưng trắng đầy của Quản đốc. Dưới nền nhà, thằng Cu đang ôm con bẹc-giê ngủ ngon lành. Mồm nó lép nhép nhai.

Anh bò trên đỉnh tường gắn mảnh chai rồi thả mình rơi uỵch ra ngoài. Anh bò dậy, bỏ lại chiếc xe đạp tòng tọc. Anh chạy, chân sai khớp, bụng chảy máu ròng ròng. Anh chạy nghiêng nghiêng, khòng khòng, tay quờ quạng trong không khí. Anh chạy như người bị trúng đạn qua phố. Người ta quát hỏi anh, anh không nghe, không biết. Anh chạy, đôi chân khập khiễng đưa anh về đến ngôi nhà cũ. Anh lao như điên qua cánh cửa khép hờ, gục đầu vào bức tường loang lổ. Anh khóc mà không như người khóc. Anh rên mà không như người rên. Từ ngực anh thoát ra tiếng kêu là lạ. Bức tường lạnh làm anh tỉnh lại đôi chút. Anh nhìn trân trối vào bức tường loang lổ. Những đường nét loang lổ, vô nghĩa bỗng chốc cựa quậy, sống động trước mắt anh, hiện lên nụ cười tủm tỉm, đôi mắt đong đưa và tấm lưng mềm mại. Hiện lên đó là cái miệng xinh xinh ngậm đầu vú hồng hồng, là những mơ ước, những khát khao... tất cả những gì thuộc về hạnh phúc. Hiện lên sau rốt là tiếng rên rỉ, tiếng cuồng dại. Hiện lên sau rốt là những gì anh đã thấy qua lỗ khoá nhà Quản đốc. Hình ảnh cuối cùng đó hiện lên và anh sụp xuống. Anh nằm co quắp trên nền nhà, hai tay chắp trước ngực. Những tiếng kêu thoát ra từ lồng ngực trơ xương của anh nghe là lạ. Hức, hức, hức... ●

## *nỗi thầm*

*Thầm trong nỗi nhớ nhà*
*ẩn giấu buồn tịch lặng*
*thầm dưới bóng mây qua*
*một khoảng đời phai nắng.*

*Thầm trong dòng ngôn ngữ*
*nỗi hiu hắt vào thơ*
*và trong hồn viễn xứ*
*điêu đứng giọt mong chờ.*

*Thầm vọng cõi bình yên*
*chỉ chập chùng bão thổi*
*với ràng buộc lụy phiền*
*trên vũng đời gian khổ.*

*Còn nỗi thầm thật nhỏ*
*xin cất giữ quê hương*
*dẫu nhọc nhằn khốn khó*
*vẫn con tim bình thường*
*để một đời gắn bó*
*ta, em và quê hương.*

*vạn giả*

*LTS: Để gợi lại, chia-sẻ và giữ-gìn những kỷ-niệm của đời người bên cạnh nét đẹp quê-hương, tòa-soạn mở mục "Xóm cũ" để chào-đón các bài viết về phong-thổ, tập-quán, con người, đặc-tính địa-phương,.. Hãy ghi chép lại trước khi kỷ-niệm chìm sâu. Hãy phơi trải, trước khi lớp bụi thời-gian phủ mờ ký-ức. Viết về một lượm lúa, một cánh vạc, một câu hò, một ngôi miếu, một cảnh chùa, một dòng sông, một trái núi, một bờ kênh,.. nơi bạn đã ra đời, lớn lên hay thắt chặt một mối tình đằm-thắm. Hãy sớt chia, để được gìn-giữ. Hãy cho, và hãy nhận...*

# *Văn Ấp Làng Tôi*

Nguyễn Xuân Lê



*P*hần đông người Việt chúng ta đều có quê hương bản quán nơi thôn dã, gọi là làng xã, một đơn vị cốt yếu của quốc gia.

Làng xã là nơi chôn nhau cắt rốn của mình nên có những ràng buộc thiêng liêng mà dù xa xôi cách trở, tâm hồn người xa xứ vẫn luôn hướng về quê mẹ, mong một ngày về.

Từ ngày chinh chiến, qua buổi lưu vong, người viết mất quê, nhưng những kỷ niệm xa xưa nơi làng cũ vẫn còn trong ký ức: Nào khi ngồi cạnh gốc cô tùng ngắm vành trăng khuyết, vẳng xa tiếng chuông chùa trong buổi thu không; lại khi bên bờ ao buông câu đợi cá, lắng nghe tiếng sáo diều vi vút trên cao... Ôi! Nghĩ đến cảnh cũ người xưa, thức lòng hoài cảm nên viết *Làng tôi* cho bớt niềm cay đắng nhớ thương.

Làng tôi tên là Văn Ấp, thuộc tổng Vụ Bản, huyện Bình Lục tỉnh Hà Nam, giáp ranh Nam Định.

Văn Ấp là một làng có từ lâu đời, trước tên là Vạn Ấp, sau mới đổi thành Văn Ấp. Không có tài liệu đối chiếu nên không rõ sự đổi tên có từ năm nào, song theo suy luận của các bậc cao niên thức giả người làng thì có lẽ khoảng giữa thế kỷ 18, do có một số đông người làng đỗ đạt nên mới đổi danh xưng từ Vạn Ấp ra Văn Ấp.

Văn Ấp còn có tên nôm là làng Chấp với dân số khoảng 5.000 người kể cả nam phụ lão ấu, tọa lạc trên một diện tích 1154 mẫu tây gồm ruộng 988 mẫu, đất 160 mẫu. Phía bắc Văn Ấp giáp làng Ngọc Lũ - nơi đào được trống đồng Ngọc Lũ - và sông Trà; phía nam giáp xã Vũ Bi; đông giáp làng Bỉnh Trung và tây giáp xã Tử Thanh tên nôm là làng Tía.

Văn Ấp có 8 xóm: Tràng Sa, nôm là xóm Bãi, nằm ở hữu ngạn Trà giang, ngăn với các xóm khác bằng một quãng đường đê dài trên hai cây số, hai bên trồng nhãn mà mùa hái là vào tháng sáu âm lịch hàng năm; Thiên Thai hay xóm Chợ; Xuân Đình hay xóm Đình; Liên Ngẫu hay xóm Ngó; Đông Liêu hay xóm Liêu; Nam Tân hay xóm Bến; Phan Long hay xóm Phan; và cuối cùng là Quỳnh Lâm hay xóm Chùa.

Văn Ấp còn có 8 giáp từ giáp Nhất đến giáp Tám; mỗi giáp đều có một miếu thờ linh thần, hai bên giải vũ được xây bằng gạch lợp ngói để dùng vào việc tế lễ và hội họp bàn bạc công việc làng xã hàng năm. Thành phần kết hợp của mỗi giáp không nhất thiết là người cùng một họ hay cùng một xóm, mà là do sự sắp xếp tự lâu đời rồi con cháu sau này nối tiếp; mục đích chủ yếu là để tham gia việc làng cùng với các giáp khác và để tương trợ trong việc quan hôn tang tế. Tài sản hàng giáp là một số công điền và một phần hoa lợi nhãn trái chia đều cho 8 giáp.

Hàng năm, ngày Xuân tế là ngày họp để đấu giá ruộng cấy và nhãn trái. Người cho giá cao nhất trúng thầu, được quyền cày cấy ruộng công và thâu hoạch mùa nhãn. Tiền đấu thầu được chi vào việc biện lễ cúng tế hàng năm và các việc công ích khác, kể cả nghĩa vụ đóng góp việc làng. Khi cần tiền chi dụng trong những việc bất thường như sửa chữa miếu giáp chẳng hạn, thì hàng giáp cho bán Nhiêu, bán Lão. Người mua chức Nhiêu được miễn phần tạp dịch, và người mua Lão thì có chỗ ngồi chiếu trên trong lúc họp hành hay trong các bữa tiệc làng.

Văn Ấp xưa thuộc tỉnh Sơn Nam tức Nam Định, đến năm Thành Thái

nguyên niên thì chuyển sang tỉnh mới thành lập là tỉnh Hà Nam. Vì lẽ đó nên hàng năm vào đầu tháng ba âm lịch, Văn Ấp vẫn có chân cúng tế Bà Chúa Liễu Hạnh vào ngày hội Phủ Giầy, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định.

Văn Ấp cách tỉnh lỵ Nam Định 17 cây số đường đê nên muốn ra tỉnh, khách có thể dùng xe kéo, xe đạp, xe gắn máy hay xe hơi. Đi lối này sẽ qua làng Tức Mạc là quê quán vua nhà Trần. Hàng năm vào ngày 20 tháng tám âm lịch có hội đền Bảo Lộc, Tức Mạc, thờ Đức Thánh Trần tức đức Trần Hưng Đạo.

Nếu đi đường tắt từ làng ra Nam Định thì qua làng Đặng Xá, khoảng cách chừng 8 cây số; rồi từ Đặng Xá đến Nam Định chừng 5 cây số đường nhựa; như vậy chỉ mất có 13 cây số đường. Tuy nhiên lộ trình này chạy qua những cánh đồng chật hẹp, chỉ có thể đi bộ hoặc xe đạp mà thôi. Một lối thứ ba là đi từ Văn Ấp đến Sùng Văn gọi nôm là nhà ga Cầu Họ độ 10 cây số, rồi dùng quốc lộ 1 queo trái thì xuống tỉnh lỵ Nam Định mà queo phải thì đến tỉnh lỵ Hà Nam rồi Hà Nội. Lối này có thể sử dụng tất cả các loại xe.

Văn Ấp có một ngôi đình và một ngôi chùa rất cổ kính nguy nga. Sau này vào thời cải lương, Hương Hội cũng xây một trường làng và một trạm y tế bằng bê-tông cốt sắt rất vững đẹp. Để thực hiện công trình này, Hương Hội đã dùng công quỹ làng, gồm tiền đóng góp của 8 giáp, tiền đấu thầu công điền công thổ của làng, tiền thuế chợ và tiền bán chức vị, ngôi thứ trong làng. Lệ mua quan bán tước này rất phổ thông ở nước ta và ngay cả ở các nước Âu châu như Anh, Pháp... Chức vị bán ra được hội đồng kỳ mục và hương hội công nhận, và những người mua các chức này có chỗ ngồi xứng với danh vị nơi chốn đình trung khi có cuộc hội họp, tiệc tùng.

Chợ làng gọi nôm là chợ Chấp, ở sát bên đình và trạm y tế, một tháng có 9 phiên họp vào các ngày 1, 3, 6, 11, 13, 16, 21, 23, 26.

Văn Ấp còn có tục cứ 3 năm "vào đám" một lần. Vào đám là đại hội liên hoan, ví như *festival* ở Âu, Mỹ, thường được tổ chức trong ba ngày vào thượng tuần tháng ba âm lịch. Ngày đám được chuẩn bị kỹ càng từ nhiều tháng trước và được thông báo cho các xã lân bang trong hàng tổng để mời tham dự.

Ngày khai mạc, đình sở được trang bị rất nguy nga tráng lệ, cờ xí rợp trời, 8 giáp phải tổ chức rước kiệu Thánh giáp mình ra đình hội tế. Chủ tế sẽ do vị tiên chỉ trong làng đứng mạnh bái, còn các thành phần bồi tế do sự cắt đặt sắp xếp của ban nghi lễ. Bên cạnh các nghi thức cúng tế, vào đám có rất nhiều trò vui giải trí như hát chèo, chọi vật, đánh đu, đánh cờ người, cờ tướng, thi vừa chăn cóc vừa nấu cơm, thi dệt vải... Trong các trò vui, thi dệt vải hào hứng nhất. Đây là một cuộc thi có tính cách khuyến khích ngành dệt, một tiểu công nghệ rất thịnh hành của làng vì đa số các gia đình đều có một hay vài khung cửi. Vải dệt được đem bán ở chợ làng hay các chợ lân cận, đôi khi còn mang xuống tận chợ Rồng Nam Định.

Cuộc thi dệt vải được tổ chức như sau: Bên hông chợ làng về phía nam có một thửa ruộng khá rộng, nước sâu khoảng hơn một thước tây. Ban tổ chức cho đóng gióng tre, đặt hai khung dệt trên đó, cách nhau lối hai thước tây. Khung nào cũng mắc sẵn chiều dọc khổ vải và con thoi dệt với 5 ống suốt chỉ, cân lượng bằng nhau để dệt ngang khổ vải.

Thí sinh chia thành từng đội hai người một, thi từng đợt. Người thắng đợt đầu sẽ thi đợt hai rồi đợt ba với nhau và cứ thế cho đến đợt cuối cùng chỉ còn hai đấu thủ thì người thắng sau hết sẽ đoạt giải khôi nguyên lãnh thưởng.

Cách thức thi thì thí sinh từng đội phải dệt hết năm ống suốt chỉ. Người nào dệt nhanh, xong trước là thắng. Nếu lóng ngóng sểnh tay để con thoi rơi xuống ruộng nước thì phải lội mò lên trả ban giáo khảo.

Sau khi tuyên bố khai mạc, ban giáo khảm lần lượt cho chèo thuyền chở từng đội một đến giàn dệt cho họ trèo lên an vị đàng hoàng rồi mới nổ pháo lệnh ra hiệu bắt đầu cuộc thi. Khán giả, phần lớn là người làng và thân nhân thí sinh, vỗ tay hoan hô khuyến khích người nhà nồng nhiệt tạo nên một không khí rất phấn khởi, vui nhộn.

Đến nay Văn Ấp đã bị cải đổi ra thôn, hợp cùng Bình Trung thành xã tân lập Bồ Đề, các thuần phong mỹ tục như trên chắc không còn nữa. ●

---

## *qua sông*

*Qua sông ngồi với tuyệt mù*
*Bóng em thuở nọ đã phù vân thôi*
*Chờ đêm xuống với đất trời*
*Để anh bái tạ phần đời đã qua*
*Bao đêm khép lại hiên nhà*
*Trôi trôi trôi cả trăng tà ngoài kia.*

*huỳnh liễu ngạn*

## *dại khờ trăm năm*

*gió vờn trên vết da thơm,*
*buồn chưa kịp kéo da non*
*lại buồn.*
*chìm tôi xuống vũng mê hồn,*
*cuồng ca nhịp vỡ hoàng hôn nắng tàn.*
*mồi tôi đốt lửa tâm can*
*trường lên bờ nỗi hoang mang*
*bất ngờ.*
*mù tôi, mép vải đan thưa*
*huyệt em nắng vỡ dại khờ trăm năm.*

*hoàng chính*

## *hạ nhớ*

*Sáng nay đất trổ hoa đời,*
*Ô hay, mùa hạ đến rồi sao em?*
*Không còn nghe tiếng ve êm*
*Không còn phượng đỏ rơi*
*thềm trường xưa*
....
*Ở đây cuộc sống bơ phờ*
*Trăm năm bến cũ còn chờ thuyền xưa.*

*phạm tâm phố*

# *tiếng kêu của máu*

Hoàng Hải Thủy

*phóng tác*



**Chương 1**

Will Graham mời Crawford ngồi ở cái bàn gỗ ngoài trời, kê giữa căn nhà và biển xanh. Khách được mời ly trà đá.

Jack Crowford ngắm nhìn căn nhà đã cũ, mặt tiền nhà sáng lên màu cát bạc trong ánh chiều vàng:

- Lẽ ra tôi phải đến Marathon nói chuyện với anh - Jack Crawford mở đầu - Chắc anh không thích chúng ta nói chuyện đó với nhau ở đây.

- Tôi không muốn nói chuyện đó với anh ở bất cứ chỗ nào cả, Jack. Anh đến gặp tôi vì chuyện đó thì anh nói đi. Nhưng đừng có đưa tấm ảnh nào ra. Nếu anh mang ảnh đến, cứ để chúng nằm yên trong cặp. Molly với Willy sắp về đấy.

- Anh đã biết những gì về vụ này?

- Không nhiều. Tôi biết những gì đã đăng trên tờ *Herald Miami* và tờ *Times*. Hai gia đình bị giết hết trong nhà riêng của họ. Thời gian cách nhau giữa hai vụ là một tháng. Một vụ ở Birmingham. Vụ kia ở Atlanta. Hai vụ án mạng này có nhiều dữ kiện giống nhau.

- Hoàn toàn giống nhau, không phải chỉ có nhiều điểm giống nhau.

- Có bao nhiêu người đến nhận tội rồi? Will Graham hỏi.

- Tám mươi sáu mạng đến tự thú tính đến 12 giờ trưa hôm nay. Tất cả đều dở điên dở khùng. Chẳng anh nào nói được một sự kiện gì đúng về vụ giết người. Tên sát nhân đập vỡ tấm gương trong phòng tắm, dùng miếng thủy tinh nhọn đâm nạn nhân. Mấy anh cà chớn không anh nào biết chi tiết ấy.

- Anh còn giấu không cho báo chí biết những gì?

- Tóc kẻ sát nhân màu vàng, thuận tay phải và sức rất mạnh. Nó biết thắt những nút thừng như một thủy thủ, đi giày cỡ 11, mang bao tay cao su khi giết người. Những dấu vết nó để lại ở cả hai nơi đều là những vết bao tay cao su.

Sau khi ngừng hai ba giây, Crawford tiếp:

- Có vẻ nó không thạo việc mở khoá cửa. Trong vụ thứ hai, nó vào nhà bằng cách dùng dao cắt cửa kính. Nó gắn ống hút từ bên ngoài để lấy khoanh kính bị cắt ra, thò tay mở khoá cửa từ bên trong. Máu của nó thuộc loại AB dương tính.

- Nó bị thương ư? Will hỏi - Nó bị nạn nhân chống cự nên bị thương hay sao?

- Không. Jack lắc đầu. Chúng tôi tìm ra loại máu qua phân tích tinh khí và nước miếng của nó.

Jack Crawford nghiêng mặt nhìn ra biển. Anh hỏi mà không nhìn mặt Will Graham:

- Vụ thứ nhất ở Birmingham không được báo chí chú ý nhiều. Nhưng vụ thứ hai ở Atlanta được các báo, các đài truyền hình khai thác ồn ào. Chắc chắn anh cũng phải suy nghĩ về hai vụ ấy chứ? Anh có nghĩ đến chuyện phôn cho tôi không?

Will Graham lắc đầu:

- Không.

- Tại sao?

- Không có gì đáng được gọi là kỳ dị trong vụ Birmingham. Động cơ vụ đó có thể là vì thù hằn, vì ghen tuông. Thủ phạm có thể là một người thân thích với nạn nhân.

Jack Crawford quay lại nhìn bạn:

- Nhưng còn vụ thứ hai? Khi vụ Atlanta xảy ra, anh dư biết tên sát nhân là loại người gì chứ?

- Một tên bị bệnh tâm thần. Tôi không nghĩ đến chuyện phôn cho anh là vì tôi không muốn. Anh đã có đủ người giúp anh rồi. Anh có Heilich ở Harvard, Bloom ở đại học Chicago...

- Nhưng người tôi cần nhất thì lại ở đây hành nghề sửa máy tàu biển.

- Jack... Đừng chờ đợi gì ở tôi. Tôi không còn giúp gì được anh đâu! Tôi đã quá chán việc điều tra rồi. Tôi không còn thói quen suy nghĩ về tên sát nhân, về vụ giết người nữa.

- Thật không? Anh đã thành công trong hai vụ mới đây nhất. Trong cả hai vụ anh đều tìm ra thủ phạm.

Will nhún vai:

- Có gì tài giỏi đâu. Không có tôi các anh cũng tìm ra.

- Đừng nói thế chứ, Will. Khi anh đã biết anh nói không đúng, anh còn nói làm chi? Anh thấy nhiều cái mà chúng tôi không thấy. Anh có những suy tư chỉ riêng mình anh có.

- Những gì tôi thấy các anh cũng thấy. Đó là những dấu vết tên sát nhân để lại hiện trường...

- Tất nhiên. Rồi chúng tôi cũng thấy, chỉ có điều đáng nói là chúng tôi luôn luôn thấy sau khi anh đã thấy.

Hai người im lặng một lúc.

Họ nghe tiếng sóng biển cùng tiếng gió biển rì rào, vi vu trong buổi

trưa vắng.

- Tôi chẳng giúp gì được anh đâu. - Will nhắc lại - Tôi đến đây để sống, để nghỉ ngơi, để được xa những vụ giết người và những tên giết người.

- Tôi biết. Lần cuối cùng anh đã bị thương nặng. Bây giờ anh có vẻ khoẻ mạnh hoàn toàn rồi. Nhưng...

Jack Crawford nói thật êm, thật dịu. Một lần nữa anh nghe tiếng nói, giọng nói, cách nói của anh trong tiếng nói, giọng nói, cách nói của Will Graham. Anh từng thấy Will Graham làm như thế nhiều lần. Đây là một đặc tính, một khả năng độc đáo của Điều tra viên Will Graham. Will có biệt tài tự đặt mình vào vị trí người khác, tự hoá thân làm người ấy, suy nghĩ như người ấy. Đây không phải là một trò chơi của Will Graham. Chính nhờ khả năng này mà Will trở thành một chuyên viên điều tra án mạng tài ba nhất của cơ quan FBI.

- ...những người bị chết thật oan ức. - Jack nhẹ nhàng nói tiếp - Sẽ còn nhiều người nữa bị giết thê thảm như thế. Không lâu đâu. Chỉ ít ngày nữa thôi. Cứ khoảng một tháng là nó làm một vụ. Chúng ta không thể ngồi yên chờ những người đó bị giết...

Dùng hai ngón tay rút trong túi áo ra hai tấm ảnh, Jack quăng ảnh lên bàn:

- Đây là những người bị giết...

Will Graham ngồi lặng một lúc trước khi cầm ảnh lên xem.

Hai tấm ảnh gia đình. Người thiếu phụ bưng đĩa bánh đi trước, ba đứa con của nàng đi sau. Ảnh chụp bên một hồ nước. Mặt hồ có cả một đôi vịt. Ảnh thứ hai: hai vợ chồng, ba con đứng cười tươi sau cái bánh mừng sinh nhật.

Đặt hai tấm ảnh xuống bàn, Will nhìn ra xa. Chú nhỏ đang cúi nhìn một vật gì đó trên cát. Người thiếu phụ đứng nhìn chú. Nàng nghiêng mình về phía đất liền, sóng biển tràn lên vờn ôm hai cổ chân nàng. Mái tóc nàng còn ướt, nàng đưa tay lên hong tóc.

Trong một lúc Will quên Jack Crawford, người khách không mời mà đến. Anh mơ màng nhìn người đàn bà và con trai nàng đứng bên nhau trên bờ biển cát trắng.

Nhưng Jack Crawford hài lòng. Anh biết cách che giấu thích thú của mình; anh biết giữ không cho những ý tình của anh hiện lên nét mặt, trong ánh mắt hay giọng nói. Chuyến đi của anh không uổng công. Anh đã nắm được Will Graham dù cho Will có ra mặt từ khước lời mời trở lại tham dự cuộc điều tra.

Ba con chó hình dung quái đản theo nhau chạy tới quấn quanh chân hai người. Jack kêu lên:

- Lạy Chúa... loài quái vật gì đây?

- Mấy con chó hoang đấy mà. - Will nói - Người ta đem chó con ra bỏ ở bãi biển. Molly thương hại đem về nuôi. Những con xinh xinh được người khác đến xin, còn những con xấu xí không ai lựa thì cứ ở lại đây.

- Anh sống ở đây hay đấy. Bây giờ anh có Molly và thằng nhỏ. Nó bao nhiêu tuổi rồi?

- Mười một.

- Coi bộ nó dám cao lớn hơn anh lắm!

- Bố nó to cao lắm. Tôi biết tôi đang có hạnh phúc. Chính vì vậy nên tôi không muốn rời bỏ nơi đây.

- Tôi rất muốn đưa Phyllis xuống đây. Chúng tôi muốn tìm sẵn một chỗ để về sống khi tôi nghỉ hưu. Tôi quá chán cuộc sống trong những condo, như con cá vàng quanh quẩn trong bồn. Nhưng Phyllis nói tất cả những bà bạn thân của nàng đều sống ở Arlington.

- Tôi muốn cám ơn Phyllis về những quyển sách chị ấy mang vào bệnh viện cho tôi, nhưng cứ quên mất. Anh nói giùm với chị ấy là tôi cám ơn.

Một đôi chim nhỏ xíu bay đến đậu ngay trên mặt bàn. Chúng tìm những miếng bánh vụn. Jack ngồi yên nhìn đôi chim nhảy nhót cho đến lúc chúng bay đi.

- Will... Coi bộ thằng ác ôn ấy ra tay trong những đêm trăng tròn. Nó giết gia đình Jacobis ở Birmingham đêm thứ bảy, 28 tháng 6. Đêm trăng tròn. Nó giết những người nhà Leeds ở Atlanta hai đêm trước đây, 26 tháng 7, trước đêm trăng tròn một đêm. Nếu may mắn, chúng ta cũng chỉ còn ba tuần nữa để tóm cổ nó. Tôi chắc anh chẳng muốn cứ ngồi ở đây chờ đọc tin đăng báo. Tôi cũng chẳng muốn bảo anh nên làm gì nhưng Will... anh vẫn tin tôi là người có nhận xét đúng chứ?

Will Graham gật đầu:

- Tôi vẫn tin.

- Vậy thì tôi nghĩ rằng chúng ta có nhiều cơ may để ngăn chặn tên sát nhân trước khi nó ra tay một lần nữa. Tôi nói chúng ta đây là anh và tôi. Đừng do dự nữa, Will. Anh phải làm công việc của anh thôi. Anh lại lên đường. Anh đến Atlanta, đến Birmingham, xem xét hiện trường, rồi về Washington. Công tác đặc biệt. Lần này nữa thôi.

Graham yên lặng.

Jack Crawford cũng yên lặng ngắm những làn sóng biển tràn vào bờ cát. Rồi anh đứng lên, vắt áo vest lên cánh tay:

- Tối nay tôi trở lại.

- Ở đây ăn tối với chúng tôi.

Crawford lắc đầu:

- Tối tôi trở lại thì hơn. Chắc có tin nhắn tôi ở khách sạn. Tôi cũng phải phôn về Washington. Nói giùm với Molly tôi xin lỗi đã đi trước khi nàng trở về.

Chiếc xe mướn của Crawford để lại chút bụi trắng trên vòm cây bên đường.

Will Graham ngồi lại một mình. Anh bỗng bồi hồi. Anh sợ đây là hình ảnh cuối cùng anh sẽ nhớ mãi về cuộc sống êm đềm này: những viên nước đá tan dần trong hai ly trà trên mặt bàn gỗ, gió biển cuốn mấy tờ giấy lau tay lăn tròn trên cát, mặt biển mông mênh và hai mẹ con Molly đi bên nhau xa kia.

*

* *

Chiều xuống dần trên vùng biển Sugar. Những con cò đứng tim tại chỗ, vầng mặt trời lớn dần, vàng ối màu cam.

Will Graham và Molly Froster Graham ngồi trên một thân gỗ mục trên bãi cát. Khuôn mặt họ màu vàng

cam, sau lưng họ là bóng chiều tím.

Molly cầm tay chồng:

- Crawford ghé lại tiệm em trước khi đến đây. Hắn hỏi đường đến nhà mình. Em phôn về nhưng anh không chịu trả lời phôn. Khi về nhìn thấy xe của hắn, mẹ con đi xuống biển chơi.

- Hắn còn hỏi em những gì nữa?

- Hỏi anh có được vui mạnh không, hồi này anh sống như thế nào...

- Em trả lời sao?

- Em nói anh đang sống bình thường như mọi người và hắn nên để cho anh sống yên. Hắn muốn anh làm gì vậy?

- Muốn anh đến xem hiện trường, tức là xem xét nơi xảy ra án mạng, tìm những dấu vết. Anh là chuyên viên điều tra án mạng. Em thấy giấy chứng nhận và những giấy khen của anh mà.

- Em thấy. Em cũng thấy anh bỏ quên những giấy tuyên dương công trạng của anh trong đáy tủ.

Nàng xoay người ngồi lại để nhìn thẳng vào mặt chồng:

- Em mừng khi thấy anh không còn nhớ gì, không còn bị ám ảnh vì những gì đã xảy ra trong cuộc sống cũ của anh. Anh không còn bị ác mộng nữa. Bây giờ anh sống bình thản như mọi người...

- Nhờ có em, Molly...

Mấy cái chớp mắt của nàng cho Willy biết anh cần nói câu gì mới lạ hơn, nồng nàn hơn, tỏ lòng biết ơn nhiều hơn. Anh đã nói mấy tiếng trên với nàng quá nhiều lần. Trước khi anh kịp sửa lỗi, nàng lại nói:

- Crawford mang tai họa đến cho anh. Hắn đã có bao nhiêu người giúp hắn rồi. FBI có biết bao nhiêu là chuyên viên điều tra. Tại sao hắn cứ nhất định phải có anh mới được?

- Crawford không nói cho em biết tại sao ư? Tại vì hắn là người chỉ huy trực tiếp của anh trong rất nhiều năm. Tại vì hắn với anh làm việc với nhau rất ăn ý. Tại vì anh đã giúp hắn khám phá được mấy vụ giết người tập thể trong mấy năm qua. Bọn sát nhân điên loạn là loại vô cùng nguy hiểm. Hai tháng nay vừa xảy ra hai vụ. Cả chục người bị giết. Hắn muốn anh giúp hắn bắt tên điên đó. Hắn cần anh vì anh có... kinh nghiệm.

- Đúng. Anh có kinh nghiệm.

Ngực áo sơ-mi của Will không gài nút. Molly nhìn thấy vết sẹo dài trên bụng anh. Vết sẹo bề ngang rộng bằng nửa ngón tay. Tuy Will ở bãi biển và hay phơi nắng nhưng vết sẹo vẫn không chịu bắt nắng. Nó vẫn có màu trắng đục trông dễ sợ.

Bác sĩ Hannibal Lecter là người để vết sẹo ghê rợn này lại trên bụng Điều tra viên Will Graham. Vụ này xảy ra một năm trước ngày Molly gặp Graham. Anh suýt chết vì vụ này. Bác sĩ Hannibal, nhân vật được các báo đặt cho hỗn danh "Hannibal Cannibal" là tên sát nhân điên thứ hai bị Điều tra viên FBI Will Graham bắt sống.

Khi Will Graham thoát chết và ra khỏi bệnh viện, anh xin FBI cho anh nghỉ việc. Anh từ giã thủ đô Washington để về làm công việc chuyên viên sửa máy tàu trong một cơ xưởng ở Marathon, Florida. Sửa máy tàu là công việc đầu đời của anh. Ông già anh ngày xưa làm chủ một nhà sửa máy tàu. Anh sống trong một căn nhà kéo theo xe hơi đặt ngay trong xưởng cho đến ngày anh gặp Molly.

Và giờ đây anh cũng ngồi xoạc hai

---

## *kiếp bơ vơ*

*Cơn gió bấc căm căm*
*Manh áo mỏng không ngăn nổi giá rét*
*Môi em bé tái nhợt*
*Gan bàn chân buốt kim đâm*
*Manh chiếu đêm em nằm*
*Gác bến xe dăm người ngủ gật*
*Lạnh hơn gió buốt*
*Lòng người đóng băng.*

*Nhân loại sinh tồn nhờ tình thương*
*Hay cậy trông những chiếc đầu điện tử?*
*Bom hạt nhân đẩy người về viễn xứ*
*Trái đất thuở hoang sơ.*

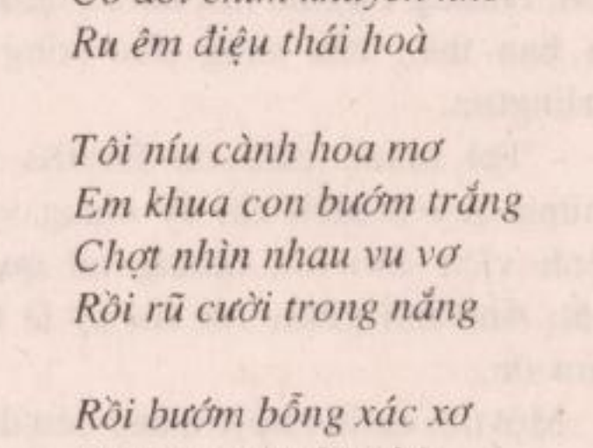
*Mạt kiếp nghèo em bé bơ vơ*
*Không thốt nổi lời cảm ơn hay hờn trách*
*Nỗi khổ đau cuộc đời ô trọc*
*Dồn cho em nặng kiếp sống thừa.*

*Trong bào thai em có hằng mơ*
*Có thể biết rằng đời là tăm tối*
*Khi mở mắt đã biết đời rác rưởi*
*Chú chim non - em chẳng biết bới tìm!*

*Giữa đông người, em sống kiếp hoang*
*Lạnh bên ngoài buốt vào gan ruột*
*Sống lay lắt như ngọn đèn lụi bấc*
*Cơm canh thừa bé chẳng đủ no.*

*Em vẫn còn phải mất tuổi mơ*
*Khi bao kẻ còn thèm ngôi vua chúa*
*Róc thịt da người dệt nên nhung lụa*
*Ép xương khô dựng những lâu đài.*

*đỗ đăng bắc*



## *đường xưa*

*Con đường đơn sơ đó*
*Ngày hai đứa đi qua*
*Có đôi chim khuyên nhỏ*
*Ru êm điệu thái hoà*

*Tôi níu cành hoa mơ*
*Em khua con bướm trắng*
*Chợt nhìn nhau vu vơ*
*Rồi rũ cười trong nắng*

*Rồi bướm bỗng xác xơ*
*Và hoa quên hẹn hò*
*Nắng mùa không đủ sáng*
*Biết tìm đâu bây giờ!*

*Con đường đơn sơ đó*
*Ngày em bỏ đi xa*
*Cỏ mọc đầy lối cũ*
*Tôi nhìn năm tháng già.*

*vạn lam*

chân trên khúc cây, tay anh nắm cả hai bàn tay Molly. Hai bàn chân nàng nằm yên dưới hai bàn chân anh.

- Molly... - Will dịu giọng - Crawford cần anh vì hắn tin anh có khả năng đoán biết được bọn sát nhân sẽ làm gì.

- Còn anh? Anh có tin như hắn không?

Will ngước mắt nhìn theo cánh chim hải âu bay ngang trời. Anh không muốn nói với nàng về những tên giết người loạn thần kinh, nhưng anh vẫn phải nói vì nàng có quyền biết:

- Molly... Một tên loạn thần kinh giết người mà thông minh rất khó bị bắt. Vì nhiều lẽ. Trước hết: không có động cơ vẫn gây ra những vụ giết người. Thường thì người ta giết người vì thù hận, vì tham của, vì cướp. Nhưng bọn giết người bệnh thần kinh thì không hành động vì những động cơ ấy. Thứ hai, thường thì luôn luôn có những người cho ta biết tin về những vụ sát nhân, người ta tố cáo những người bị tình nghi. Phần lớn những vụ cảnh sát thành công, bắt được kẻ gây tội ác là nhờ chỉ điểm. Nhưng với những vụ giết người mà kẻ sát nhân là tên bệnh hoạn thì hoàn toàn không có ai tố cáo. Ngay cả tên sát nhân đôi khi cũng không biết là chính nó đã giết người. Khi phạm tội, nó trở thành một người khác. Vì vậy, muốn tìm ra nó, người ta chỉ còn có thể căn cứ trên những dấu vết nó để lại hiện trường. Và ta phải tưởng tượng ra ta là nó, ta suy nghĩ, lý luận như nó vậy.

- Ta tìm theo dấu nó và ta đến bắt nó... - Molly thở dài. Nàng nhắm mắt lại - Nhưng ta chỉ tính đến chuyện ta còng tay nó thôi. Sao ta không tính đến chuyện nó có thể giết ta? Nó giết ta quá dễ. Khi ta chưa biết nó là ai, nó đã biết rõ về ta. Nó biết cả vợ con ta nữa.

Đôi mắt đẹp của nàng mở lớn, nhìn thẳng vào mắt chồng. Will nhìn thấy ánh u buồn xen lẫn ý lo âu trong đôi mắt ấy:

- Anh đã hai lần bắt được hai tên và hai lần gần chết vì chúng. Em sợ lần thứ ba này anh sẽ không thoát!

Will xiết nhẹ bàn tay nàng:

- Nó sẽ không biết có anh đi điều tra truy nã nó. Crawford sẽ giữ kín việc anh tham gia điều tra. Còn việc đi còng tay nó thì đã có nhân viên cảnh sát. Anh sẽ không đích thân đi bắt nó.

Molly nghiêng mặt nhìn ra biển. Mặt trời vàng ối, lớn như cái bánh xe ngựa, đang từ từ chìm xuống biển.

Will Graham yêu nàng hơn mỗi khi Molly nghiêng mặt nhìn đi như thế này. Nửa mặt bên kia của nàng đẹp hơn nhưng anh thấy nửa mặt bên này của nàng có duyên hơn. Anh nhìn thấy cả nhịp đập của dòng huyết quản trên cổ nàng. Bỗng dưng anh nhớ lại vị mặn của muối trên da thịt nàng. Như người bị bắt buộc phải nói những lời mình không thích, anh nuốt nước miếng trước khi nói:

- Anh phải làm gì bây giờ?

- Anh làm như anh đã quyết định làm. - Molly nói - Nếu anh cứ ở yên ở đây rồi anh được tin tên sát nhân giết thêm vài người nữa, anh sẽ ân hận.

- Nếu anh hỏi em, anh phải làm gì, em sẽ nói sao?

- Ở lại đây với em. Với em. Em. Em. Em và Willy. Em không muốn khóc chồng một lần nữa. Em không muốn những đêm về sáng em bàng hoàng chợt thức mà không biết tại sao bên em không có anh. Em ích kỷ quá, phải không?

Will lắc đầu:

- Không. Em muốn như thế vì em yêu anh.

- Em có ích kỷ cũng chẳng sao. Nhưng em nói rõ: Anh cứ làm những việc anh thấy phải làm.

Bóng tối xuống thật nhanh. Hoả tinh hiện trên nền trời sẫm. Họ sánh vai đi trở về nhà. Vầng trăng lưỡi liềm treo ngang đầu họ.

*

* *

Crawford trở lại sau giờ ăn tối.

Anh đã bỏ áo vest, bỏ cà-vạt, hai tay áo sơ-mi xắn lên. Molly mời anh uống cà phê và tiếp chuyện anh trong lúc Graham và chú nhỏ Willy bận cho bầy chó ăn tối.

Molly yên lặng. Crawford mở lời:

- Trông anh ấy có vẻ khoẻ. Chị cũng vậy. Cả hai người cùng rắn rỏi, nước da nâu hồng.

Không nhìn Crawford, Molly nói:

- Dù tôi có nói gì hay làm gì đi nữa, anh cũng vẫn cứ mang Will đi, phải không?

- Vâng. Tôi bắt buộc phải nhờ đến Will. Tôi xin lỗi. Tôi hứa sẽ dùng hết khả năng của tôi để việc làm của anh ấy được dễ dàng, thoải mái. Tôi sẽ làm hết sức tôi để anh ấy không gặp nguy hiểm.

- Jack... anh là bạn thân của Will, sao anh không để Will được sống bình yên?

- Tại vì... không may cho Will, anh ấy là điều tra viên xuất sắc nhất của FBI. Will không suy nghĩ như bọn tôi. Will lại càng không may mắn khi anh ấy làm việc rất ăn ý với tôi. Không phải FBI không còn điều tra viên nào giỏi như Will, chỉ có điều là những điều tra viên khác làm việc chung với tôi không hiệu quả bằng Will.

- Tôi muốn anh hứa với tôi sẽ bảo vệ Will, đừng để anh ấy đến gần tên sát nhân. Hai lần rồi. Tôi sợ...

- Tôi xin hứa.

Khi Graham trở vào, Molly đi giúp chồng soạn hành lý.

## Chương 2

Will Graham lái xe chạy chậm qua trước cửa căn nhà, nơi gia đình Leeds đã sống và đã chết. Những khung cửa sổ tối đen. Một ngọn đèn sáng trong sân sau. Đậu xe cách hai khu nhà, anh đi bộ trở lại trong bóng đêm ấm áp, tay xách cái hộp các-tông đựng những bản báo cáo của cảnh sát Atlanta.

Graham muốn đến đây một mình. Sự có mặt của một người khác trong nhà có thể làm anh bị chia trí - đó là lý do anh đưa ra với Crawford. Thực ra anh còn một lý do riêng tư khác - anh vẫn chưa biết chắc anh sẽ làm những gì. Anh không muốn có người nhìn thấy anh bối rối và biết rằng anh

chẳng làm được gì đáng kể.

Graham đã đến nhà xác thăm các tử thi. Anh đã có thái độ, tác phong đúng khi đứng trước những xác chết.

Căn nhà gạch, một tầng lầu, nằm xa đường chính, giữa một vườn cây. Graham đứng khá lâu dưới những hàng cây nhìn vào căn nhà. Anh tưởng tượng cảnh bên trong căn nhà anh sắp vào. Chắc những chiếc đồng hồ trong đó vẫn còn sống, vẫn chạy đều. Anh đứng chờ cho nhịp đập của tim anh dịu lại.

Vài người lái xe chạy ngang. Những người trên xe chỉ nghiêng mặt nhìn thoáng căn nhà xảy ra án mạng. Một căn nhà có người bị giết là một vết đen cho toàn khu gia cư. Khu này trở nên khu mất an ninh, khu hắc ám. Chỉ có người khu khác và bọn trẻ con là đứng lại nhìn vào căn nhà.

Graham hài lòng khi thấy không có thân nhân nào của gia đình Leed đang ở trong nhà. Anh thận trọng đi vòng ra sân sau, tránh không dùng đèn bấm. Cảnh sát Atlanta biết giờ này anh đến đây, nhưng những người dân quanh đây không biết. Nếu người ở những nhà chung quanh thấy bóng anh, họ sẽ báo cảnh sát. Nguy hiểm hơn, họ có thể vác ngay súng ra bắn anh vài phát.

Qua khung kính cửa sổ bên hông nhà, Graham có thể nhìn suốt căn nhà đến cửa trước. Không khí phảng phất mùi hoa dạ lý. Trên khung cửa sau có gắn dấu niêm phong của cảnh sát Atlanta. Anh gỡ dấu niêm, mở cửa bước vào.

Anh muốn bật đèn sáng. Anh muốn mọi người biết anh là điều tra viên và anh đang hành sự trong căn nhà này, căn nhà im vắng cách đây vài đêm có năm người bị giết. Nhưng thay vì bật đèn, Graham lặng lẽ đi vào bếp, ngồi bên chiếc bàn trong bóng tối.

Hai bóng đèn nhỏ trên dàn bếp điện phát ra ánh sáng màu xanh. Máy đo nhiệt độ kêu lên một tiếng "cách" rồi dàn máy điều hoà không khí rì rì chạy. Tiếng động làm Graham giật mình. Anh sợ. Nhưng anh đã quen với sợ hãi. Anh có thể chế ngự được sợ hãi. Tuy sợ, anh vẫn làm được những gì anh phải làm.

Kinh nghiệm cho biết khi sợ hãi, Graham làm việc mạnh hơn, hữu hiệu hơn; trí óc anh hoạt động sáng suốt, sắc sảo hơn. Anh cũng thấy anh trở nên thô bạo những lúc anh sợ hãi. Nhưng đêm nay ở đây không có ai thấy anh sợ, cũng chẳng có ai để anh có thể tỏ ra thô bạo.

Điên loạn đã đi vào nhà này bằng lối cửa kia. Điên loạn đi vào đây trên đôi giày số 11. Ngồi trong bóng tối, anh đánh hơi thấy điên loạn như con chó săn ngửi hơi người trên cái áo sơ-mi.

Suốt buổi chiều hôm nay anh đã đọc những bản báo cáo của cảnh sát Atlanta. Anh biết khi những cảnh sát viên vào đây, hai ngọn đèn trên dàn bếp, cả ngọn đèn gắn ở ô thông hơi trên trần nhà kia vẫn sáng. Giờ đây, ngọn đèn trên ô thông hơi đã được tắt. Đứng lên, anh đi tới bật đèn.

Hai tấm bảng được gắn trên giàn bếp. Một bảng ghi hàng chữ: "Hôn nhau vô ích. Làm bếp, nấu ăn hay hơn". Bảng thứ hai có hàng chữ: "Các bạn ta thích ngồi trong bếp, nghe nhịp đập của trái tim nhà, nghe tiếng nhà thở".

Graham nhìn đồng hồ tay. Mười một giờ ba mươi đêm. Theo báo cáo của pháp y sĩ, những cái chết đã xảy ra tại nhà này trong khoảng từ mười một giờ ba mươi đêm đến một giờ sáng.

Trước hết là việc tên sát nhân lọt vào nhà. Anh tưởng tượng cảnh đó...

*Đứng ngoài cửa, gã điên lấy ra cái chén hút bằng cao su. Có thể gã dùng cái đế cao su của một cái máy gọt bút chì thường được dùng để gắn chặt vào mặt bàn.*

*Gã lom khom nhìn qua khung kính vào nhà. Gã thè lưỡi liếm vành chén cao su để gắn cho dính chặt hơn trên mặt kính. Gã bất chấp việc gã để lại chất nước miếng loại AB của gã trên khung kính cửa.*

*Dùng mũi dao đặc biệt để cắt kính, gã cắt tròn theo vành chén cao su. Một tay cầm đáy chén, ngón tay kia gã gõ nhẹ cho khuôn kính bị cắt rời ra. Gã phải làm khéo để khuôn kính không rơi vào trong nhà.*

*Thò tay qua khuôn kính bị cắt, gã mở chốt cửa. Cánh cửa nhẹ mở. Gã bước êm vào căn bếp. Nhà mát và êm vắng...*

Will Graham nhai trệu trạo rồi nuốt hai viên Di-Gel. Tiếng sột soạt của miếng giấy bạc bọc thuốc làm anh khó chịu. Anh đi qua phòng khách, cây đèn bấm được anh cầm xa người theo thói quen. Tuy đã nghiên cứu trước đồ hình bên trong nhà, anh cũng phải tìm mới thấy cầu thang lên lầu. Không có bậc thang gỗ nào cọt kẹt.

Bây giờ anh đứng trước khung cửa vào phòng ngủ của vợ chồng chủ nhà. Anh có thể nhìn được lờ mờ cảnh trong phòng mà không phải chiếu đèn pin. Chiếc đồng hồ điện tử vẫn im lặng đếm thời gian trôi. Ánh đèn vẫn sáng trong phòng tắm. Mùi máu tanh như mùi đồng còn nặng trong không khí.

Khi mắt đã quen với bóng tối, gã điên có thể nhìn rõ cảnh trong phòng ngủ này. Gã có thể phân biệt được ai là người chồng, ai là người vợ. Có đủ ánh sáng để gã đi tới bên giường, nắm tóc người chồng, cắt cổ. Rồi sao? Gã bật chốt đèn trên tường, quay lại giơ tay làm hiệu chào người vợ rồi rút súng bắn nàng...

Đi tới bật chốt đèn, Graham nghe tiếng kêu của máu gào thét với anh từ những vết máu trên tường, trên nệm giường, trên gối, trên sàn phòng. Cả bốn bức tường cùng vang vọng tiếng kêu của máu. Những tiếng kêu làm anh choáng váng.

Graham ngồi bệt xuống sàn cho đến lúc những tiếng kêu dịu đi trong đầu anh.

Số vệt máu, số vũng máu quá nhiều trong phòng ngủ đã gây thắc mắc cho những điều tra viên của sở cảnh sát Atlanta. Năm nạn nhân đều được tìm thấy nằm chết trên giường. Vậy thì tại sao lại có nhiều vết máu trên sàn phòng đến như thế?

Lúc đầu người ta cho rằng ông chủ

nhà - Charles Leeds - đã bị tấn công trong phòng ngủ của cô con gái rồi xác ông bị kéo về phòng ông. Nhưng sau khi điều tra kỹ hơn thì người ta thấy không có việc ấy.

Người ta chưa xác định được đúng những động tác tên sát nhân đã làm trong đêm ấy.

Giờ đây, nhờ có báo cáo của y sĩ giải phẫu tử thi, báo cáo của phòng thí nghiệm, Will Graham bắt đầu thấy được những diễn tiến xảy ra trong nhà này.

Charles Leeds đang nằm ngủ yên bên cạnh vợ, bị tên sát nhân dùng dao cắt cổ. Xong, tên sát nhân bật đèn trên tường. Gã mang bao tay nhưng vài sợi tóc và chất dầu trên tóc Charles Leeds theo ngón tay tên sát nhân dính lên quanh chốt đèn. Tên sát nhân quay lại bắn bà Leeds khi bà này ngồi dậy nhưng chưa kịp kêu cứu. Xong, gã đi vào phòng những người con của gia đình Leeds.

Tuy bị cắt cổ nhưng ông Leeds vẫn đứng lên được. Ông đi theo tên sát nhân để bảo vệ các con ông. Máu tươi từ vết cắt trên cổ ông bắn tung toé khắp nhà. Ông bị tên sát nhân xô ngã. Ông chết trong phòng ngủ của cô con gái.

Một em trai bị bắn chết trên giường. Em trai thứ hai cũng bị bắn và cũng nằm chết trên giường nhưng trong tóc nó đầy những bụi. Cảnh sát cho rằng chú nhỏ này đã trốn xuống gậm giường và bị tên sát nhân kéo ra.

Khi ông Leeds và ba người con đã chết, trừ bà Leeds, tên sát nhân bắt đầu đập vỡ những tấm gương soi. Gã chọn mấy miếng kính vỡ và trở lại giường bà Leeds.

Pháp y sĩ giảo nghiệm xác bà Leeds báo cáo, nạn nhân bị bắn xuyên vào sườn bên phải, viên đạn nằm lại ở cuối xương sống. Nhưng nạn nhân không chết vì bị bắn mà chết vì bị xiết cổ.

Chất *serotonin* và chất *histamine* tụ lại quanh vết đạn cho thấy bà Leeds còn sống ít nhất là 5 phút sau khi bị bắn. Chất *histamine* nhiều hơn chất *serotonin* cho biết bà Leeds không sống được lâu hơn 15 phút. Phần lớn những vết thương khác trên thi thể nạn nhân đều có thể do tên sát nhân gây ra sau khi nạn nhân đã chết.

Nếu gần như tất cả những vết thương kia đều có sau khi bà Leeds đã chết, tên sát nhân đã làm những gì trong thời gian bà chờ chết? Graham tự hỏi. Tên sát nhân ác quỉ đã xô ngã ông Leeds, bắn chết ba người con. Đúng. Nhưng gã chỉ làm những việc ấy lâu lắm là một phút đồng hồ. Gã đi đập vỡ những tấm gương. Gã còn làm những gì nữa?

Những chuyên viên điều tra của sở cảnh sát Atlanta đã điều tra xem xét kỹ nơi này. Họ dùng máy hút bụi trên sàn, nạo vét chất nằm trong ống cống đem về phòng thí nghiệm phân tích. Nhưng Graham vẫn cứ tìm.

Những vết máu trên sàn chưa được giải thích thỏa đáng. Một điều tra viên đưa ra giả thuyết: một nạn nhân mình đầy máu đã bò lết trên sàn phòng. Graham không tin như vậy. Anh nghi tên sát nhân đã kéo xác những nạn nhân trên sàn phòng, sau đó lại kéo họ về đặt nằm lại trên giường. Nhưng gã kéo xác những nạn nhân trên sàn phòng để làm gì?

Người ta thấy rõ tên sát nhân đã làm gì với bà Leeds, nhưng còn với những nạn nhân khác? Tên sát nhân đã làm những gì với chồng con bà Leeds? Gã đã không làm nát mặt họ như gã đã làm với bà Leeds. Ba người con mỗi người bị bắn một phát vào đầu. Ông Leeds bị cắt cổ. Người ta còn thấy trên ngực ông có vết lằn như ông đã bị trói bằng dây. Vết lằn này ghi lại trên xác ông sau khi ông đã chết.

Graham xem kỹ những vết máu. Trên sàn. Trên tường. Rồi anh vào phòng tắm đựng nước lòng bàn tay khum khum uống nốt hai viên Buffarin mang theo. Anh vã nước lạnh lên mặt, lau mặt bằng vạt áo sơ-mi. Nước từ bồn chảy xuống sàn, làm ướt giày. Graham quên là ống nước đã được cảnh sát gỡ mang đi.

Ngoài những ống nước được gỡ đi, những tấm gương bị đập vỡ, những vết máu trên tường; những đồ vật khác trong phòng tắm vẫn nằm

## *gọi thầm quạnh hiu*

*Lêu bêu từng bước quê người*
*Ru cơn mộng vỡ khóc cười trăm năm*
*Hẹn hò giờ đã mù tăm*
*Bến xưa người cũ gọi thầm quạnh hiu.*

*hoàng như phương bối*

nguyên chỗ. Bàn chải răng, bàn chải tóc, những hũ kem dưỡng da, dầu gội đầu, ve nước hoa.v.v.. tất cả đều có vẻ không bị di chuyển.

Graham chui qua khung cửa sổ ra ngồi trên mái cửa vào nhà. Anh ngồi, hai tay vòng ôm lấy hai đầu gối, rùng mình thở hắt ra mấy cái, xua đuổi mùi tử khí ra khỏi ngực.

Ánh đèn thành phố Atlanta hắt lên trời làm mờ những ánh sao. Đêm nay, trời vùng Key ở Florida chắc chắn là sao sáng lấp lánh. Lẽ ra giờ này anh phải ngồi chờ sao băng bay qua trời với Molly và Willy. Đêm nay sao chổi Aquarid cũng mọc rất sớm. Thế nào Willy cũng thức chờ xem sao chổi.

Anh lại rùng mình thở hắt ra. Anh chưa muốn tưởng nhớ Molly ngay đêm nay. Anh vừa mới xa nàng có hơn một ngày một đêm.

*

* *

Tắt đèn. Graham ra khỏi nhà bằng cửa sau, khung cửa anh đã đi vào nhà.

Trên một góc sân sau, ánh đèn pin cho thấy chiếc xe đạp dựng bên cái chuồng chó. Bát thức ăn của chó đặt bên chuồng.

Những nạn nhân vẫn say ngủ khi tên sát nhân đến tận bên giường họ. Nhưng nhà có chó. Graham ghi vào sổ tay: Hỏi: con chó đâu?

*

* *

Will Graham về phòng khách sạn lúc 4 giờ 30 sáng. Anh muốn phôn về cho Molly nhưng giờ này hãy còn quá sớm.

Sẽ có cuộc họp lúc 8 giờ sáng nay

ở trụ sở cảnh sát Atlanta. Anh chẳng có gì đáng để kể với cử tọa.

Anh sẽ cố gắng ngủ trong vài giờ. Tâm trí anh xao động như một phòng ăn ồn ào với những nhóm thực khách tranh cãi nhau quyết liệt. Anh uống hai đốt ngón tay rượu whisky trước khi nằm xuống giường. Bóng tối đầy đặc. Anh phải đứng lên bật đèn trong phòng tắm. Anh tưởng tượng như Molly đang chải tóc trong đó.

Những dòng chữ trên bản báo cáo vang lên thành tiếng trong óc anh: "...có vết phấn talc ở bắp chân bên phải. Xương tròng mắt bị mẻ vì miếng kính nhọn đâm vào..."

Để quên những cảnh đen tối, chết chóc; để có thể ngủ, anh tưởng tượng cảnh bãi biển Sugar, tiếng sóng biển rì rào. Cuộc sống với Molly ở mũi Sugar êm đẹp đến là chừng nào! Khi được sống với người đàn bà anh yêu thương, anh cũng biết là anh sung sướng, nhưng chỉ khi xa nàng, xa nơi đó... anh mới cảm nhận được hạnh phúc của anh tuyệt vời và thật xứng đáng để anh trân trọng, quí báu. Hình ảnh cơ xưởng sửa máy tàu biển hiện ra trong óc anh. Xưởng nhỏ. Nhưng anh là chủ. Việc làm có đều. Có những buổi trưa Molly mang thức ăn đến ăn với anh, những buổi chiều Willy đến loay hoay chế tạo một động cơ chạy bằng hơi nước...

Graham choàng dậy... Trời ơi! Người đàn bà nằm bên anh là bà Leeds, người đầy máu tươi... Những mảnh gương nhọn hoắt cắm sâu vào hai tròng mắt...

Khi biết mình bị ảo giác, tim anh vẫn còn đập mạnh. Rồi anh thò tay sang phía giường bỏ trống bên anh. Bàn tay anh sờ soạng trên nệm giường không người...

Graham ngồi lên, choáng váng, ngất ngư. Chừng nửa phút sau, anh đứng lên lột cái áo thun ướt đẫm mồ hôi, thay cái áo mới, đi vào phòng tắm...

Từ phòng tắm trở ra anh đã tỉnh. Kim đồng hồ chỉ 6 giờ. Anh vừa ngủ được gần hai tiếng. Thay vì uống cà phê, anh mở đầu một ngày sống mới bằng chất rượu mạnh. Anh bật ngọn đèn ngủ bên giường rồi mở hộp lấy những tấm hình đặt lên giường.

Đây là tấm ảnh chụp ba người con của ông bà Leeds. Những vết máu trên sàn phòng là máu của ba anh em. Đúng rồi! Mình đoán đúng! Graham nghĩ thầm. Nó kéo xác ba anh em đặt ngồi dựa lưng vào tường, mặt hướng về giường ngủ. Để làm gì vậy? Nó cần có người chứng kiến, cần có người nhìn. Dù là người đã chết. Nhưng mắt những em này vẫn còn mở trừng trừng. Nó cần có người nhìn nó với người đàn bà, bà Leeds. Nó bắt cả ông chồng cũng phải chứng kiến. Đây là nguyên nhân ông Leeds có vết bầm ở ngực như ông bị trói bằng dây thừng sau khi ông đã chết. Nó đặt ông Leeds ngồi dựa lưng vào thành giường. Nhưng nạn nhân không ngồi vững được. Nó phải dùng dây thừng buộc nạn nhân vào thành giường. Vì vậy trên thành giường cũng có vết máu.

Graham lan man nghĩ đến chuyện không biết lúc ấy tên sát nhân điên có tắt đèn điện để thắp nến hay không? Để đèn điện thì quá sáng. Ánh nến lung linh giúp nó thêm khoái lạc khi nghĩ rằng những người ngồi quanh nó vẫn còn sống, còn thấy, còn biết.

Không thấy có dấu vết của nến được thắp ở hiện trường. Rất có thể lần sau nó sẽ mang theo mấy cây nến.

Đây là lần thứ nhất Graham hoá thân thành kẻ sát nhân mắc bệnh tâm thần. Anh bắt đầu suy nghĩ như nó. Hành động hoá thân này như mũi dùi nhọn đâm vào tim Graham. Anh không muốn thế nhưng vẫn suy nghĩ như nó.

*Mày kéo các nạn nhân đến xem mày hành lạc... Nhưng xong rồi, tại sao mày không để họ lại đấy? Tại sao mày lại kéo xác các em nhỏ về phòng, đặt chúng nằm lên giường? Tại sao mày mất công làm việc ấy?* - Người điều tra hỏi thầm tên sát nhân - *Có một chuyện gì đó mày muốn giấu không cho tao biết? Phải không? Mày xấu hổ ư? Mày sợ nếu tao biết chuyện đó, tao sẽ tìm ra mày? Mày dùng hai ngón tay mở mắt những người bị mày giết cho họ nhìn mày? Bà Leeds đẹp đấy chứ! Mày giết chồng con bà ấy chỉ vì mày muốn làm tình với bà ấy. Cắt cổ ông chồng xong, mày bật đèn lên cho bà Leeds nhìn thấy ông chồng bị cắt cổ. Nhưng mà... mày phải mang bao tay... Mày sợ để dấu tay lại. Mang bao tay khi giết người là đúng. Nhưng... bao tay làm mày không có được cảm giác về da thịt người đàn bà mày muốn...*

Có vết phấn talc trên bắp chân nạn nhân... Không thấy có hộp phấn talc nào trong phòng tắm... Graham nghe như có tiếng người nào đó nói rõ từng tiếng bên tai:

*Mày tháo bao tay ra. Bao tay của mày là loại bao cao su. Có phấn talc rắc sẵn trong những bao tay loại này. Ngón tay mày dính phấn talc. Mày để vết phấn lại trên da thịt nạn nhân. Thằng chó đẻ. Thằng khốn nạn. Nếu mày dùng hai ngón tay vành mắt chồng con nạn nhân lúc mày không mang bao tay thì đời mày tàn rồi!*

- Reng... reng... reng...

Jack Crawford trả lời điện thoại khi chuông rung lần thứ năm.

Suốt đêm qua Jack không ngủ. Anh trả lời, anh gọi đi cả trăm cú phôn nhưng, đã quen với những đêm làm việc liên miên như thế này, anh vẫn tỉnh trí.

- Jack... Will đây.

- Chào Will.

- Price vẫn còn làm việc ở Phòng Mật chứ?

- Còn. Lâu rồi hắn ngồi nhà, không chịu đi nữa.

- Gọi hắn đến đây, được không?

- Để làm gì vậy? Anh nói là chuyên viên chỉ tay Atlanta khá lắm mà?

- Khá nhưng không bằng Price.

- Anh cần Price đến Atlanta này làm chi?

- Tìm trên những móng tay, móng chân bà Leeds. Tìm cả trong vành mắt những nạn nhân. Tôi nghi có một lúc nó tháo bao tay ra...

- Anh già Price phải đến đây gấp thôi - Crawford nói - Đám tang cử hành chiều nay rồi...

*(còn tiếp)*

# cuộc đời vô định



TRUYỆN DÀI PHÓNG-TÁC CỦA

Tống Minh Long Quân

*(tiếp theo)*

**Chương 13**

Andre Gillian đang trong bếp lo sửa soạn bữa tối thì bỗng có tiếng động lớn bên hông nhà và sau đó hệ thống máy lạnh ngưng hoạt động. Gã chạy vội vào kho, mở hết công tắc ra kiểm soát xem có cái nào bị đứt cầu chì. Tất cả còn nguyên. Andre chửi thề:

- Cứt thiệt! Nhè buổi đánh bạc tối nay mà hư!

Ông chủ Pope sẽ giận điên lên cho coi. Mỗi thứ sáu trong tuần là ngày hội họp để đánh bạc mà khách toàn là dân thượng lưu. Không có máy lạnh sẽ không thể nào chịu nổi. Tháng chín ở New Orleans chỉ dành cho dân hạ lưu. Ngay cả buổi tối, mặt trời lặn rồi mà vẫn nóng hầm hầm.

Andre trở lại bếp, nhìn đồng hồ. 4 giờ chiều. Khách sẽ đến khoảng 8 giờ. Andre định điện thoại cho chủ nhưng chợt nhớ hôm nay ông cho biết sẽ bận cả ngày ở toà án; gã bèn mở hộc tủ nhà bếp tìm số điện thoại.

Sau ba tiếng chuông reo thì đầu giây chỉ có tiếng máy trả lời: "Quí vị đang gọi cho công ty sửa máy lạnh Eskimo. Tất cả thợ của chúng tôi đều bận. Xin quí vị để lại tên và số điện thoại, chúng tôi sẽ gọi lại". Chờ cho tiếng "bíp" vang lên, Andre nói vào máy: "Đây là nhà của luật sư Perry Pope, địa chỉ... Hệ thống máy lạnh của chúng tôi ngưng hoạt động. Xin gửi người tới sửa gấp". Nói xong, gã gác mạnh điện thoại, làu bàu:

- Bộ máy lạnh khắp thành phố hư hết hay sao! Làm sao chịu nổi độ ẩm và khí nóng như vầy chớ! Máy lạnh sửa không kịp chắc chết! Ông Pope tánh nóng cách đáng sợ. Làm sao bây giờ?

Andre nấu bếp cho ông chủ luật sư này đã ba năm và thầm phục sự thông minh của chủ mình. Perry Pope hầu như quen biết tất cả mọi người. Khi ông ta búng tay là mọi người đều nhảy nhổm.

Andre có cảm tưởng căn nhà bắt đầu nóng hơn. Gã thầm mong có người đến sửa càng sớm càng tốt.

Nửa tiếng sau có tiếng chuông cửa. Quần áo của Andre lúc này đã ướt đẫm mồ hôi và trong bếp nóng hầm hầm như một lò lửa. Gã vội vã ra mở cửa.

Hai người đàn ông trong bộ quần áo thợ máy đang đứng trước cửa, tay xách hộp đồ nghề. Một là người da đen cao lớn, người kia da trắng thấp hơn, khuôn mặt có vẻ buồn ngủ. Trong sân có chiếc xe vận tải nhỏ với bảng tên của một hãng sửa máy lạnh. Người thợ da đen lên tiếng:

- Máy lạnh bị trục trặc hả?

- Vâng. Các ông đến thật đúng lúc. Xin sửa ngay cho vì chiều nay chúng tôi có khách.

Người thợ da đen đi ngang bếp, hít hít mũi:

- Thơm quá!

Andre giục:

- Xin các ông sửa gấp giùm cho.

Vừa nói gã vừa dẫn hai người thợ đi về phía hệ thống máy lạnh. Người da đen quay sang bạn:

- Nhà này xây cất tốt thiệt hén Ralph!

- Đúng vậy, Al. Kiểu cất không giống những căn khác.

Hai người thợ đi xem hết mọi căn phòng. Họ dùng đèn bấm xem xét kỹ lưỡng từng nơi một. Tới phòng ăn, chỗ đặt một bàn tròn dùng đánh bài, Al rọi đèn bấm lên lỗ trống trên trần:

- Cái gì trên đây?

- Đó là cái gác.

- Để tụi tôi lên coi.

Andre dẫn hai người thợ lên. Đó là một căn gác dùng làm kho đầy bụi bậm và mạng nhện.

Al bước lại hệ thống điện ở sát tường. Hắn xem xét một hồi rồi la lên:

- Đây rồi!

Andre hồi hộp hỏi:

- Ông tìm ra chỗ hư rồi chớ?

- Tại máy hút hơi. Thời tiết ẩm quá. Cả trăm vụ tương tự như vậy trong tuần này. Để tôi thay máy hút hơi khác.

- Hay quá! Thay có lâu lắm không?

- Ô không. Tụi tôi có máy mới trong xe.

- Vậy mấy ông làm lẹ lẹ giùm chút! Ông Pope sắp về rồi.

Al trấn an:

- Để đó tụi tôi lo cho, ông đi làm việc của ông đi.

Andre trở lại nhà bếp, dặn với:

- Tôi còn phải lo bữa tối. Các ông có nhớ đường trở lại căn gác không?

Al giơ tay ra hiệu không thành vấn đề.

Khi hai người thợ trở lại với túi vải, họ leo lên gác, lôi ra một cái ghế xếp, một dụng cụ khoan lỗ, vài cái săng-uých, hai lon bia và một ống nhòm có thể nhìn trong tối. Al cười nói với bạn:

- Thế nào cục cưng Ernestine của tao cũng hài lòng.

Lúc đầu Al nhất định không chịu thi hành kế hoạch này:

- Cưng có điên không vậy? Anh không muốn dính tới thằng Perry Pope. Thằng chó đẻ này mà bắt được, nó sẽ thiến anh luôn và làm anh không bao giờ còn trông thấy ánh mặt trời!

- Cưng đừng lo. Nó sẽ chẳng còn cơ hội nào làm phiền ai nữa đâu!

Al hỏi lại:

- Vậy chớ cưng làm chuyện này được trả bao nhiêu?

- Không có đồng nào. Tại em ghét nó lưu manh.

- Này cưng, thế giới này có biết bao nhiêu thằng lưu manh, nhưng chẳng lẽ cưng hy sinh cả mạng sống để đi thiến dái từng đứa?

- Thôi, để em nói thật. Em làm vì một người bạn.

- Tracy?

- Đúng.

Al đã gặp Tracy và bọn họ đã cùng đi ăn tối trong ngày cô ta vừa ra khỏi tù. Al có cảm tình với cô gái này:

- Cô ta có tư cách đó, nhưng tại sao mình phải đưa cổ chịu chết cho cô ta?

- Bởi vì nếu mình không giúp nó, nó sẽ đi tìm người khác mà khả năng không bằng một góc của cưng. Nếu loạng quạng nó bị bắt thì người ta sẽ còng đầu nó đưa trở lại xà lim.

Al ngồi nhỏm dậy, nhìn Ernestine chăm chú:

- Đối với em, chuyện cô ta trở lại nhà tù quan trọng lắm sao?

- Đúng vậy.

Mụ không thể giải thích cho hắn hiểu. Sự thật đơn giản là chỉ vì mụ không chịu nổi ý nghĩ Tracy trở lại nhà tù và lọt vào tay mụ Big Bertha. Mụ đã được coi như người bảo vệ cô gái này, và nếu Tracy lọt lại vào tay mụ Bertha thì danh dự, tên tuổi mụ coi như tiêu tùng luôn.

- Cưng đồng ý làm chớ?

- Nhưng anh không thể làm một mình.

Ernestine biết mình đã thắng. Mụ trườn người lên thân thể rắn chắc của Al và thì thầm:

- Ralph sẽ ra tù trong một vài ngày...

Hai người thợ trở lại nhà bếp, áo quần đẫm mồ hôi và bụi bậm. Andre nôn nóng:

- Xong cả chứ?

- Xong rồi. Chừng năm phút nữa máy sẽ chạy lại.

Andre thở phào nhẹ nhõm:

- Mấy ông để biên lai trên bàn cho tôi.

Ralph trả lời:

- Công ty sẽ gởi giấy tính tiền đến sau.

Andre nhìn hai người thợ ra bằng cửa sau, tay xách túi vải. Khi khuất tầm mắt, cả hai đi vòng ra sân chỗ đặt máy hút hơi của hệ thống máy lạnh. Họ nối lại đường dây đã bị cắt hai giờ đồng hồ trước. Hệ thống máy lạnh bắt đầu chạy lại bình thường. Al chép số điện thoại của hãng sửa máy lạnh ghi trên máy hút hơi. Ra đến đầu đường, hắn dùng điện thoại công cộng gọi công ty Esquimo và nói vào máy trả lời:

- Đây là nhà của Perry Pope số... đường... Hệ thống máy lạnh của chúng tôi đã hoạt động trở lại. Khỏi gởi người tới. Cám ơn nhiều.

Mỗi tuần vào tối thứ sáu, các tay đánh bạc đều nôn nóng được tụ họp ở nhà Perry Pope. Lúc nào cũng là

---

## *gửi con*

cho Hiền và Lụa

*Bố con mình bay về phương trời tuyết,*
*Đất xứ người che mát lá cây phong*
*Vẫn thương nhớ nơi trùng dương cách biệt*
*Quê hương ơi! Tình nghĩa nặng trong lòng.*

*Con đừng quên những ngày thơ đã sống*
*Dù đi qua bao năm tháng đọa đày*
*Thấm nước mắt cuộc đời xưa ôm mộng*
*Thương cánh chim côi cút lạc kêu bầy.*

*Hãy chở che con chim non xa mẹ*
*Chuyền trên cành đón nắng ấm ban mai*
*Đừng lay động, xin hãy đi thật khẽ*
*Chớ làm đau những giấc mộng hình hài.*

*Đủ lông cánh con bay về với mẹ*
*Tháng năm buồn trông đợi một ngày mai*
*Con về tắm bến sông Rừng thơ trẻ*
*Đã nuôi con trong những tháng năm dài.*

*Sẽ sống mãi những hồn thơ bất tử*
*Bố con mình đi giữa một trời hoa*
*Những hương phấn không thể nào cám dỗ*
*Quê hương ơi! đã thấm máu xương ta!*

*hoài việt*



những khách thượng lưu: Anthony Orsatti, Joe Romano, chánh án Henry Lawrence, một nghị viên, một dân biểu... Tiền đánh rất cao, thức ăn thật ngon và khách chơi toàn là dân có máu mặt ở thành phố.

Perry Pope vừa thay áo vừa huýt gió nho nhỏ có vẻ yêu đời. Tối nay chắc vui lắm. Tuần trước ông ta rất đỏ và ăn hết mọi người. Cuộc đời ông như canh bạc, lúc nào cũng đỏ. Nếu ai cần sự nới tay của luật pháp thì cứ tìm đến Perry Pope. Ông rất thế lực nhờ được gia đình Mafia Orsatti ủng hộ. Ông cũng biết cả cách mối mai dàn xếp từ những vụ vi phạm lưu thông lặt vặt cho đến buôn lậu bạch phiến, hiếp dâm, giết người... Đời sống với ông thật là dễ chịu.

Anthony Orsatti đến, dẫn theo một người khách lạ và giới thiệu:

- Joe Romano sẽ không chơi bài nữa. Các ông biết ông Newhouse chớ?

Mọi người bắt tay chào hỏi nhau. Perry mời khách lại quầy rượu và chơi vài ván bài trước khi dùng bữa. Tất cả ngồi xuống chiếc ghế quen thuộc của mình. Anthony chỉ vào chiếc ghế trống của Joe Romano, bảo Newhouse:

- Chỗ này bây giờ là của ông đó, Mel!

Trong khi Perry Pope giải thích cho người khách mới về giá trị của mỗi đồng sầu thì Anthony có vẻ không được vui. Lão gắt gỏng:

- Thôi, chơi đi cho rồi!

Giọng lão khàn và thì thào. Đó là dấu hiệu không tốt.

Perry Pope muốn hỏi lão chuyện gì đã xảy ra cho Joe Romano nhưng lại thôi vì biết sớm muộn gì Anthony cũng đem kể với hắn để hỏi ý kiến về vấn đề luật pháp.

Orsatti ngồi đó mà đầu óc cứ luẩn quẩn về Joe Romano. "Mình coi nó như con, mình tin tưởng nó và cho nó nắm hết mọi thứ mà nó còn dám chơi sau lưng mình! Nếu không có con mẹ người Pháp khóc lóc kể lể thì không biết giờ này nó đã xa chạy cao bay tận chân trời nào. Nhưng bây giờ thì đừng hòng đi đâu được nữa. Có giỏi thì nó đi làm bạn với mấy con cá dưới nước!..."

- Tony, ông có định tố không?

Lão giật mình nhìn trên bàn. Số tiền ăn thua có vẻ lớn. Tiền bạc đối với lão không thành vấn đề nhưng mỗi khi thua lão lại thấy bực. Lão không muốn thua bất cứ việc gì dù là trong canh bạc. Lão nghĩ mình được sanh ra dưới một ngôi sao tốt, và phải luôn luôn thắng. Từ hơn sáu tuần qua, Perry Pope lúc nào cũng hên một cách kỳ lạ, hạ các tay chơi khác sát ván. Lão tự nhủ đêm nay lão sẽ phải hạ Perry Pope cho bằng được.

Họ chơi đến nửa đêm mới tạm nghỉ để Andre dọn thức ăn lên. Orsatti thua năm chục ngàn và người thắng lại là Perry Pope.

Thức ăn thật ngon. Thường thì lão Anthony thích những bữa ăn nhấm nháp nửa đêm về sáng thế này nhưng đêm nay lão bỗng nóng ruột và muốn trở lại bàn đánh bạc sớm. Perry Pope nhắc:

- Sao ông không ăn gì cả vậy, Tony?

- Tôi không đói.

Lão vói tay nhấc bình cà phê bằng bạc rót vào tách rồi bưng lại bàn đánh bài và ngồi xuống. Lão nhìn mọi người ăn uống vui vẻ mà sốt ruột. Trong lúc lão đang quậy cà phê thì bụi ở đâu rơi vào tách lão. Anthony bực mình lấy muỗng vớt ra ngắm nghía. Đó là một mảnh vôi trên trần nhà. Lão ngước nhìn lên, vừa vặn một miếng khác rơi trên trán lão. Có tiếng động kỳ lạ trên đó. Anthony hỏi lớn:

- Trên gác có cái quỉ gì vậy?

Perry Pope đang nói chuyện với Newhouse nên không nghe rõ, bèn hỏi lại:

- Xin lỗi ông nói gì?

Lúc này tiếng rung trên trần nhà nghe rõ hơn. Một miếng vôi trắng rơi xuống mặt bàn phủ nhung xanh. Ông nghị viên thành phố cũng nói:

- Giống như có chuột chạy trên đó!

Perry Pope cãi:

- Nhà này làm gì có chuột!

Anthony nói giọng gằm gừ trong cuống họng:

- Chắc chắn là có cái gì đó!

Một miếng vôi lớn khác lại rơi xuống. Pope nói:

- Để tôi biểu Andre lên xem cái gì. Bây giờ mọi người ăn uống xong, mình trở về bàn chứ?

Anthony Orsatti nhìn trừng trừng lỗ nhỏ trên đầu lão và đứng dậy:

- Khoan đã! Để xem cái gì trên gác đã!

- Chi vậy Tony? Andre đi được rồi mà...

Perry Pope ngăn lại.

Lúc này lão Anthony đã tiến đến cầu thang. Mọi người trong phòng nhìn nhau rồi cũng vội vã đi theo lão. Perry Pope vừa đi vừa đoán:

- Có lẽ một con sóc nào lọt vào trong gác. Mùa này tụi nó chạy lung tung tìm chỗ cất giấu hột cho mùa đông...

Orsatti đẩy mạnh cánh cửa gác trong lúc Perry bật công tắc đèn. Mọi người nhìn thấy hai con chuột bạch đang chạy vòng quanh, vẻ hốt hoảng. Perry Pope thốt lên:

- Chúa ơi, nhà có chuột!

Orsatti không nói không rằng. Lão nhìn trừng trừng chiếc ghế xếp, vài mẩu săng-uých ăn dở và hai vỏ lon bia nằm lăn lóc trên sàn. Bên cạnh ghế là cái ống nhòm.

Lão tiến đến, nhặt từng thứ lên ngắm nghía rồi quì gối xuống sàn nhìn qua lỗ hổng được khoét xuống trần nhà. Lão thấy rõ bàn đánh bạc phía dưới.

Perry Pope đứng giữa gác, không hiểu chuyện gì vẫn tiếp tục nói:

- Thằng khốn nạn nào xả rác trên này đây! Tôi sẽ kêu Andre chửi cho một trận.

Anthony từ từ đứng dậy, phủi bụi ở hai ống quần. Perry Pope nhìn xuống sàn nhà, la lên:

- Coi kìa! Tụi nó còn làm lủng một lỗ trên trần nữa. Thợ thầy bây giờ làm ăn cẩu thả...

Perry ngồi xuống nhìn qua lỗ hổng và mặt từ từ tái đi. Mọi người im lặng chăm chăm nhìn hắn chờ câu trả lời. Hắn cuống quít giơ tay phân trần:

- Mấy ông nghĩ gì vậy? Mình là

bạn bè với nhau mà... Tôi không biết một tí gì hết... Tôi không có gian lận. Bạn bè với nhau cả...

Biết vừa lỡ lời, Perry giơ tay bụm miệng và trong lòng giận sôi lên trước những cặp mắt đổ dồn về.

Orsatti vỗ vỗ lên cánh tay Perry Pope:

- Đừng có lo!

Giọng lão thì thào không ai nghe rõ, nhưng Perry sợ điếng người khi nghe da thịt mình đau điếng dưới ngón tay cái của lão già.

## Chương 14

Mụ Ernestine cười vui vẻ:

- Hai thằng gục rồi phải không Tracy? Ngoài đường thiên hạ xầm xì là ông bạn luật sư của mày hết còn hành nghề được nữa rồi. Ông bị tai nạn khủng khiếp.

Cả hai đang ngồi uống cà phê trong một tiệm bánh ngọt ở lề đường. Mụ đen gục gặc đầu:

- Mày tính toán thiệt là hay đó con gái! Mày không thích hợp tác làm ăn với tao sao?

- Cám ơn chị. Tôi còn kế hoạch khác cần làm.

- Thằng kế là đứa nào?

- Lawrence. Chánh án Henry Lawrence.

Henry Lawrence bắt đầu sự nghiệp bằng nghề luật sư ở một thành phố nhỏ Leesville ở Louisiana. Ông không thích hợp với ngành luật lắm nhưng có hai ưu điểm: đẹp trai và ranh mãnh. Triết lý của ông là luật pháp được đặt ra để bẻ cong theo nhu cầu của khách hàng. Với phương châm như vậy nên người ta không ngạc nhiên mấy khi thấy ông đổi về New Orleans mở một văn phòng luật sư nhỏ với một số khách hàng đặc biệt. Việc làm ăn của Lawrence bành trướng nhanh chóng. Ông ta trở nên một chuyên viên lỗi lạc trong ngành luật, biết cách hướng dẫn bồi thẩm đoàn, biết quật ngã những nhân chứng đối thủ và biết hối lộ cho những ai khả dĩ có thể giúp ông thắng trong một vụ án. Chỉ một thời gian ngắn, Lawrence thu phục được lòng tin cậy của Anthony Orsatti, và đó là một hôn ước được ký kết trong thế giới Mafia. Tên tuổi Henry Lawrence được mọi người trong gia đình Mafia nhắc nhở như một cái dù che chở cho tội ác. Khi thời cơ đến, Orsatti dùng đủ mọi cách để đưa Henry Lawrence lên ghế chánh án.

Mụ Ernestine tiếp tục:

- Tao không biết mày tính hại thằng Lawrence cách nào. Nó giàu có và thế lực, một loại *untouchable*!

Tracy sửa lại:

- Nó giàu có thế lực thiệt, nhưng không phải là không thể đụng tới.

Tracy đã nghiên cứu kỹ lưỡng, nhưng khi nàng điện thoại lại văn phòng ông ta thì nàng biết ngay là mình phải thay đổi kế hoạch.

- Cho tôi được nói chuyện với Chánh án Lawrence.

- Xin lỗi, ông Chánh án không có



mặt hôm nay.

- Chừng nào ông ấy về?

- Tôi không thể nói được.

- Có chuyện rất quan trọng. Ngày mai Chánh án có mặt ở văn phòng không?

- Dạ không. Chánh án Lawrence bận đi công tác xa.

- Ồ, vậy tôi có thể liên lạc với ông ấy ở đâu được?

- Dạ, Chánh án không có mặt trong nước.

Tracy cố gắng che giấu nỗi thất vọng qua giọng nói:

- Thì ra vậy. Cô có thể cho tôi biết Chánh án đi đâu không?

- Dạ, Chánh án đang dự buổi hội thảo về luật khoa thế giới ở Âu châu. Xin lỗi cô cho tôi biết tên?

Trí óc Tracy hoạt động ráo riết. Nàng dõng dạc:

- Đây là Elizabeth Rowane Dastin, chủ tịch phân bộ miền Nam của Luật sư đoàn vùng Bắc Mỹ. Chúng tôi có buổi tiếp tân ngày 20 tháng này ở New Orleans và đã chọn Chánh án Henry Lawrence làm người kiểu mẫu đại diện giới luật sư.

Giọng cô thư ký vui hẳn lên:

- Thật là hãnh diện, nhưng tôi sợ Chánh án không về kịp.

- Tiếc thật. Chúng tôi mong được nghe diễn văn của ông trong ngày này. Ông vừa được chọn làm nhân vật danh dự tiêu biểu.

- Vâng, Chánh án chắc sẽ tiếc lắm.

- Đúng thế. Đây là một danh dự tối cao. Trong quá khứ cũng đã có những vị chánh án tài ba trong nước được đề cử như vậy. Ồ, hay là vầy! Tôi có một ý kiến. Cô có nghĩ là ông Chánh án có thể đọc vài câu ngắn để cám ơn ủy ban đã tín nhiệm đề cử không?

- Ừm... tôi không dám chắc... Chánh án rất bận rộn...

- Nhưng lần này có báo chí và truyền hình phỏng vấn để đăng trang nhất...

Cô thư ký biết xếp mình rất thích được báo chí khen ngợi. Cô trả lời dè dặt:

- Có thể xếp tôi sẽ nhín chút thì giờ để nói vài câu cho bài diễn văn cô muốn. Để tôi sẽ hỏi ông ấy...

- Ô, thế thì hay quá! Như vậy là tôi yên tâm rồi.

- Cô có muốn Chánh án nói về điểm gì đặc biệt trong bài diễn văn không?

- Dĩ nhiên là muốn. Chúng tôi muốn ông ấy nói về... - giọng Tracy ra vẻ ngần ngại - Tôi sợ hơi phức tạp một chút. Tốt hơn hết là để tôi giải thích trực tiếp với Chánh án...

Một lúc im lặng. Cô thư ký không biết phải quyết định ra sao. Cô được lệnh là không được tiết lộ cho ai biết lộ trình của chuyến đi này; nhưng mặt khác, nếu cô để lỡ cơ hội được báo chí ca tụng và tâng bốc ông xếp cô thì có lẽ cô sẽ bị khiển trách. Thế là cô quyết định:

- Thật ra tôi không có quyền cho cô biết ông Chánh án đang ở đâu, nhưng tôi nghĩ đây là một trường hợp ngoại lệ. Cô có thể liên lạc với Chánh án Lawrence ở khách sạn Rossia, thành phố Moscow. Ông ta sẽ ở đó trong vòng 5 ngày và sau đó đi...

- Hay quá! Tôi sẽ liên lạc với Chánh án ngay lập tức. Cám ơn cô rất nhiều.

- Không có chi, chào cô Dastin.

Điện tín được liên tiếp gửi đến khách sạn Rossia ở Moscow. Bức thứ nhất có nội dung: "Buổi họp kế tiếp của Hội đồng Luật khoa đã được dự trù. Xin xác định ngày thuận tiện và không gian theo yêu cầu". Ký tên: Boris.

Bức thứ hai đến vào ngày hôm sau: "Cho biết kế hoạch di chuyển bị trục trặc. Máy bay em gái ông đến trễ nhưng an toàn. Mất thông hành và tiền bạc. Cô ấy được đưa ở khách sạn Thụy Sĩ. Sẽ tính sổ sách sau". Ký tên: Boris.

Bức cuối cùng: "Em gái ông sẽ liên lạc với toà đại sứ Mỹ để lấy thông hành tạm. Chưa có tin tức về thông hành mới của Thụy Sĩ để Nga sô yên tâm. Sẽ gởi cô em đến ngày gần nhất". Boris.

Mật vụ Liên sô chờ xem còn điện tín nào nữa không. Khi không còn cái nào nữa, họ quyết định bắt giam Chánh án Lawrence.

Cuộc hỏi cung kéo dài 10 ngày đêm.

- Ông đã gửi tin tức cho ai?

- Tin tức nào? Tôi không hiểu các ông nói gì.

- Chúng tôi nói về kế hoạch. Ai đã đưa ông kế hoạch?

- Kế hoạch gì?

- Kế hoạch tiềm thủy đỉnh của Nga sô.

- Mấy ông điên rồi! Làm sao tôi biết được kế hoạch tiềm thủy đỉnh của Liên sô!

- Đó là điều chúng tôi muốn biết. Ông đã lén lút tiếp xúc với ai?

- Tiếp xúc lén lút? Tôi đâu có gì lén lút.

- Được rồi. Vậy chứ Boris là ai?

- Boris? Ai vậy?

- Người đã bỏ tiền vào trương mục Thụy Sĩ cho ông.

- Trương mục nào?

Bọn người thẩm vấn trở nên giận dữ. Họ điểm mặt Henry Lawrence:L

- Mày là một thằng ngoan cố cứng đầu. Tụi tao sẽ trừng trị mày đích đáng để làm gương cho mấy thằng gián điệp Mỹ khác.

Đến lúc ông Đại sứ Mỹ ở Nga được vào thăm Chánh án Lawrence thì ông này đã sụt hết mười lăm cân. Ông không thể nhớ được lần chót mấy người thẩm vấn cho phép ông ngủ là ngày nào. Ông đi đứng run rẩy, khóc lóc với ông Đại sứ:

- Tại sao họ đối xử với tôi như vậy? Tôi là một công dân Mỹ. Tôi chỉ làm chánh án. Xin ông hãy mang tôi ra khỏi chỗ này.

Ông Đại sứ an ủi:

- Tôi sẽ cố gắng hết sức mình.

Chính ông Đại sứ cũng giật mình trước sự sa sút nhanh chóng của ông Chánh án. Mới hai tuần trước, người đàn ông ấy còn là một người hoạt bát nhanh nhẹn cầm đầu phái đoàn Luật khoa, khác hẳn người đàn ông tiều tụy, sợ hãi và khóc lóc trước mặt ông như vậy.

Ông Đại sứ xin được gặp tổng thống nhưng bị từ chối. Sau đó ông xin được diện kiến một vị bộ trưởng. Trong buổi tiếp xúc, ông giận dữ chất

vấn:

- Tôi sẽ làm phúc trình phản kháng nước ông đã đối xử với Chánh án Lawrence một cách bất công, kết án ông ta là gián điệp mà không có bằng cớ.

Ông Bộ trưởng lạnh lùng trả lời:

- Nếu ông đã nói hết, tôi mời ông xem những tài liệu này.

Ông ta đưa ra ba tờ điện tín. Ông Đại sứ đọc xong, nhìn lên với ánh mắt không hiểu:

- Tôi thấy có gì sai đâu? Chỉ là những lời thông thường...

- Thật vậy sao? Ông đọc lại đi và xem kỹ những mật mã của ba tờ điện tín.

Ông Bộ trưởng đưa ra bản sao những bức điện tín với những chữ quan trọng được gạch dưới:

"Buổi họp kế tiếp của Hội đồng Luật khoa đã được dự trù. Xin xác định ngày thuận tiện và không gian theo yêu cầu". "Cho biết kế hoạch di chuyển bị trục trặc. Cho biết máy bay em gái ông đến trễ nhưng an toàn. Mất thông hành và tiền bạc. Cô ấy được đưa ở khách sạn Thụy Sĩ. Sẽ tính sổ sách sau". "Em gái ông sẽ liên lạc với toà Đại sứ Mỹ để lấy thông hành tạm. Chưa có tin tức về thông hành mới của Thụy Sĩ để Nga sô yên tâm. Sẽ gởi cô em đến ngày gần nhất".

Các hãng thông tấn và công chúng không được phép dự phiên xử. Phạm nhân vẫn giữ thái độ ngoan cố đến phút cuối, một mực từ chối là không biết tí gì về kế hoạch tiềm thủy đỉnh và không nhận tội thi hành một điệp vụ trên đất Nga. Chính quyền hứa sẽ khoan hồng nếu Lawrence chịu khai tên những kẻ liên quan. Thật sự nếu ông biết được một tên nào đó để thỏa mãn đòi hỏi của mật vụ Liên sô thì ông sẽ chẳng ngại ngùng gì mà bán đứng họ để đổi lấy tự do, nhưng hỡi ôi ông có biết một tí gì đâu mà khai!

Báo *Pravda* ngày hôm sau chạy trang nhất, loan tin gián điệp Mỹ dưới lốt chánh án Henry Lawrence đã bị bắt và kết án 14 năm tù khổ sai ở Siberia.

Trong khi đó các cơ quan phản gián Mỹ cũng điên đầu không kém. CIA nói: "Ông ta không phải là người của mình. Có thể ông ấy làm việc cho Tổng nha Ngân khố". Tổng nha Ngân khố cương quyết phủ nhận: "Ông ta không phải là nhân viên của chúng tôi. Chắc tụi FBI đó". FBI cũng lắc: "Chưa bao giờ nghe đến cái tên này. Biết đâu ông ấy nhận công tác đặc biệt cho bộ Quốc phòng". Bộ Quốc phòng chỉ còn cách tuyên bố: "Không có ý kiến". Và rốt cuộc số phận của Henry Lawrence chìm vào quên lãng.

Những chuyện trục trặc liên tiếp xảy ra khiến Anthony Orsatti không thể hiểu tại sao. Đây là lần đầu tiên trong đời lão thấy vận số của mình không còn đỏ nữa. Khởi đầu bằng cái chết của Joe Romano, rồi tới Perry Pope và bây giờ là Chánh án Henry Lawrence. Cả ba đều là cột trụ của tổ chức lão.

Joe Romano chỉ huy tất cả đám thủ hạ của Orsatti, và bây giờ lão chưa tìm ra người tin cậy để thay thế. Công cuộc làm ăn có vẻ trì trệ và xuống dốc. Những kẻ bao lâu nay vẫn phục tùng lão bây giờ bắt đầu đầu than phiền, phê bình. Họ đồn rằng lão đã già, không còn đủ khả năng lãnh đạo và dưới trướng lão không còn tay nào đáng sợ nữa. Chẳng chóng thì chầy, tổ chức lão sẽ tan rã.

Ngọn roi cuối cùng dành cho Orsatti là một cú điện thoại từ New Jersey.

- Ông có vấn đề dưới đó phải không Tony? Để tụi tôi xuống giúp ông một tay.

Lão Orsatti chống chế:

- Tao đâu có vấn đề gì. Dĩ nhiên trong những ngày qua có vài chuyện lộn xộn nhỏ, nhưng bây giờ mọi việc đâu vào đó cả rồi.

- Điều chúng tôi biết lại khác. Người ta bảo là vùng ông cai quản bây giờ như rừng hoang, không được kiểm soát chặt chẽ.

- Thì tao đang kiểm soát đây.

- Có thể là ông ôm đồm quá, làm không xuể. Tụi tôi nghĩ là ông nên nghỉ ngơi đi.

- Đây là đất của tao, không thằng nào có quyền tới giành giựt chuyện làm ăn của tao.

- Nè Tony! Không có ai định giành giựt gì của ông đâu! Anh em chúng tôi chỉ muốn giúp ông mà thôi. Những gia đình phía đông đã họp và quyết định gửi một ít người xuống giúp ông một tay. Anh em cả mà!

Anthony Orsatti nghe một luồng ớn lạnh trong xương sống. Lão biết có một âm mưu gì đó. Một tay sẽ trở nên nhiều tay và từ từ nó sẽ như một trái banh tuyết.

Mụ Ernesti đang nhúng mấy con tôm vào chậu bột chiên. Mùi thơm bay ngào ngạt. Tracy và mụ đang chờ Al về ăn tối. Khí hậu nóng nực của tháng 9 dễ làm mọi người nổi quạu cho nên khi vừa thấy bóng Al bước vào, Ernestine đã hét lên:

- Anh đi đâu từ chiều tới giờ? Đồ ăn cháy hết rồi và tôi cũng muốn cháy luôn đây!

Nhưng Al có vẻ đang vui nên không để ý đến cơn giận của cô bồ hấn. Al cười toe toét:

- Cả buổi chiều tôi bận rộn đi lấy tin... - hắn quay qua Tracy - Tụi Mafia ở New Jersey bắt đầu ra tay với lão Tony rồi. Thế nào lão cũng bị lật đổ thôi. Cô vui chứ?

Tracy ngồi im, nghĩ ngợi: "Vui?" Đã từ lâu nàng không biết đến nghĩa của chữ này nữa. Bấy lâu nay nàng chỉ có độc nhất sự hận thù những người đã làm hại mẹ con nàng và cố gắng bày mưu tính kế bắt họ trả. Bây giờ mọi việc đã xong, nàng chỉ thấy một nỗi trống rỗng to lớn trong tâm hồn.

Qua ngày hôm sau, Tracy bước vào một tiệm hoa tươi và nói với người bán hàng:

- Tôi muốn mua một vòng hoa phúng điếu toàn cẩm chướng trắng với một ruban lớn màu đỏ, giao đến địa chỉ của ông Anthony Orsatti. Trên ruban ghi dòng chữ "An nghỉ trong bình an".

Nàng gắn vào vòng hoa tấm danh thiếp ký tên: "Con gái của Doris Whitney".

*(còn tiếp)*

# hoa trôi trên sóng nước

Nguyên tác:
*Journey in Search of the Way*
**(Satomi Myodo)**

NGUYÊN PHONG
*dịch*



*Đạt Ma tây lai truyền hà pháp*
*Lô hoa thiệp hải thủy phù phù*
Tông Diễn thiền sư

Tạm dịch:
*Đạt Ma truyền pháp ra sao?*
*Nhấp nhô trên biển một cành hoa trôi.*

*Tiểu sử tác giả: Ni sư Satomi Myodo (tục danh là Satomi Matsuno) sinh năm 1896, trong một gia đình nông dân nghèo tại Hokkado. Không chấp nhận truyền thống cho rằng phụ nữ chỉ có thể là một vợ đảm, mẹ hiền; bà quyết tâm tìm thầy học đạo. Trải qua nhiều khó khăn, tham cứu nhiều pháp môn nhưng bà vẫn không tìm được điều bà muốn. Bà đã tu theo Thần Đạo (Shinto), làm đồng cốt cho đền thờ Thánh Mẫu (Kami), và sau cùng chuyển qua tu thiền. Mặc dù siêng năng tu học nhưng bà vẫn không tiến bộ bao nhiêu cho đến khi gặp Thiền sư Yasutani (Bạch Vân lão sư). Dưới sự chỉ dẫn của vị này, bà đã kiến tánh (Kensho) và trở nên một trong những ni sư lỗi lạc nhất của Thiền tông Nhật Bản. Bà đã đào tạo nhiều thế hệ học trò và có một tầm ảnh hưởng rất lớn trong giới tì kheo ni của Nhật ngày nay. Bà qua đời vào năm 1978. Cuốn hồi ký "Michi" (tạm dịch: Hoa trôi trên sóng nước) là cuốn sách nói về cuộc hành trình tìm đạo đầy gian khổ kéo dài hơn 40 năm của tác giả. Khi tạp chí Phật học Kyosho vừa khởi đăng loạt hồi ký nào vào năm 1956, nó đã được các độc giả, nhất là độc giả phái nữ, say mê theo dõi. Lòng nhiệt thành và quyết tâm tìm đạo của bà là một tấm gương sáng cho tất cả những ai muốn bước chân vào cửa đạo. Ngoài ra sự chứng đắc của bà đã đánh đổ quan niệm cổ hủ cho rằng chỉ có phái nam mới có thể thành công trên con đường tu học mà thôi.*

*Lời nói đầu: Trong suốt bốn mươi năm tôi đã lang thang khắp Phù Tang tìm thầy học đạo. Tôi đã theo học với nhiều danh sư của các môn phái khác nhau nhưng không tìm được điều tôi muốn. Điều tôi muốn là con đường đưa đến sự chấm dứt mọi đau khổ, một con đường đã được khám phá hơn hai ngàn năm trăm năm nay nhưng mãi đến thời gian gần đây tôi mới ý thức được nó. Có lẽ các bạn tự hỏi tại sao một người sinh trưởng trong một quốc gia sùng mộ đạo Phật như Nhật Bản lại không biết đến điều này? Quả thật như thế, mặc dù vẫn đi chùa, tụng kinh, niệm Phật nhưng tôi như người ngủ mê, không ý thức một chút gì về con đường thoát khổ này. Giống như kẻ Cùng Tử trong kinh Pháp Hoa, có hạt châu quí trong túi áo mà không biết, cứ cam chịu cuộc sống nghèo hèn, thì tôi cũng thế, cứ mê mải tìm kiếm hết thầy này đến thầy khác, hết lý thuyết này đến lý thuyết nọ. May thay tôi đã gặp được Thiền sư Yasutani và được ngài hướng dẫn, nhờ đó tôi mới ý thức rằng cái khả năng giải thoát ra mọi sự đau khổ vốn vẫn sẵn có trong tôi mà tôi nào biết, cứ tìm kiếm mãi tận đâu. Vì lẽ đó, tôi viết lại cuộc đời mấy chục năm gian nan tìm đạo này để mong những người vẫn còn đang mê mải tìm kiếm, hết thầy này đến thầy nọ, hết tông phái này đến lý thuyết kia, hãy mau chóng tỉnh ngộ, dừng lại, quay trở về với cái khả năng giải thoát sẵn có nơi mình.*

*Tỳ kheo ni Satomi Myodo*
*Tokyo, tháng 10 năm 1956*

## Chương 1

Tôi sinh ra đời vào năm Minh Trị thứ hai mươi tám (1896) trong một gia đình nông dân tại Hokkaido. Cha tôi là một nhà nông trầm lặng, ít nói, suốt ngày chỉ biết cày sâu cuốc bẫm. Nếu cha tôi đã ít nói thì mẹ tôi còn ít nói hơn, bà là cái bóng của cha tôi, một người vợ chung thủy, một người mẹ hiền, và một nhà nông cần mẫn. Tuy xuất thân là nhà nông nhưng tôi không phải là một đứa bé ngoan ngoãn, có tinh thần trách nhiệm như những đứa trẻ nhà nông khác. Trái lại, tôi là một đứa bé lạnh lùng, ích kỷ, có tâm hồn nổi loạn. Hiển nhiên một phần tính nết này bắt nguồn từ những chủng tử được huân tập trong nhiều đời nhiều kiếp, nhưng cũng một phần vì đường lối giáo dục nghiêm khắc và hoàn cảnh khi đó nữa.

Vào lúc đó, chương trình giáo dục bao gồm đức dục, trí dục và thể dục; nhưng đức dục được coi là quan trọng nhất. Các bài giảng về luân lý, đạo đức được chú trọng nhiều hơn những môn học khác. Những đứa trẻ như tôi được dạy bảo rất kỹ rằng "không được nói dối", "phải lễ phép với mọi người", "phải tuyệt đối kính trọng và

vâng lời những người lớn tuổi",v.v.. Không như những đứa bé khác, chấp nhận và tuân theo những qui luật này, tôi thường đặt câu hỏi tại sao lại phải như thế, vì tôi thấy giữa lý thuyết và thực hành vẫn có điều gì không ổn. Tôi nhận thấy đa số người lớn tuổi chẳng mấy khi áp dụng các qui luật này nếu không nói là đã hành động khác hẳn. Họ thường hay nói dối, cãi nhau, và có những hành động không đáng kính trọng chút nào. Thí dụ như khi người chủ ruộng đến nhà đòi nợ thì mẹ tôi sai tôi ra nói rằng cha tôi đi vắng, mặc dù tôi thừa biết rằng ông đang trốn ở vựa lúa sau nhà. Vào dịp lễ lạc, dân làng tụ họp ăn uống, ai cũng cười nói vui vẻ. Họ trầm trồ khen ngợi những bộ áo kimono may thật đẹp, vừa vặn ôm sát người. Họ xuýt xoa khen những món ăn nấu thật vừa miệng không đầu bếp nào có thể sánh kịp. Thế nhưng khi tiệc tan, ai về nhà nấy, thì những lời chê bai, mạt sát bắt đầu được khui ra. Nào là mụ kia vừa già vừa xấu lại cứ tưởng mình đẹp lắm, ăn mặc diêm dúa như con gái còn xuân. Nào là ông nọ nghèo kiết xác, nợ như chúa chổm thế mà lúc nào cũng khoe khoang tiền bạc đầy nhà. Đại khái những điều mâu thuẫn như thế xảy ra rất thường, không riêng gì trong gia đình tôi mà cả trong những gia đình mà tôi quen biết. Ngay như vị thầy giáo "khả kính" hàng ngày thường khuyên học trò phải giữ gìn lời ăn tiếng nói, tránh sa ngã vào các thói hư tật xấu như cờ bạc, rượu chè nhưng cuối tuần nào ông cũng có mặt ở nhà chứa bạc cuối xóm. Nhiều lúc tôi thấy ông mặt mày đỏ gay, quần áo xốc xếch, đi đứng lảo đảo vì say rượu. Mỗi khi thua bạc, ông còn chửi rủa om xòm không chừa một ai trong làng. Có lẽ vì thế nên một đứa bé vừa lên sáu lên bảy như tôi đã có thành kiến về các qui luật được gọi là luân lý, đạo đức này. Theo tôi, đó chỉ là những lý thuyết hay nhưng không thể áp dụng, nếu có thì cũng chỉ áp dụng cho những đứa bé ngây thơ không biết nhận xét mà thôi. Vì đã có thành kiến như thế nên tính tình tôi ngày càng trở nên lạnh nhạt, khô khan và hay khinh thường các giá trị đương thời.

Tuy là một nhà nông nghèo nhưng cha mẹ tôi đã đặt nhiều hy vọng vào đứa con duy nhất là tôi. Ông bà dành dụm tiền để gửi tôi vào trường trung học trên tỉnh, cách làng khoảng 6 cây số. Lúc đó (1904) đường sá giao thông tạo Hokkaido còn thô sơ lắm, từ làng lên tỉnh khoảng vài cây số đã là cả một chân trời cách biệt rồi. Tôi thường phải rời nhà từ khi trời còn mờ sương trên những chuyến xe chở rau lên tỉnh. Khi tan học thì trời đã xế chiều, tôi phải đi bộ băng qua mất thửa ruộng mới về đến nhà. Cha mẹ tôi đặt việc học lên trên hết. Ông bà khuyến khích tôi phải học thật nhiều nhưng vì bận việc đồng áng, ít khi có cơ hội nói chuyện hay tìm hiểu nhiều về tôi nên càng ngày tôi càng trở nên lạnh lùng, độc lập, khác hẳn những đứa bé cùng tuổi trong làng.

Thời đại Minh Trị (Meiji) là một giai đoạn chuyển tiếp hết sức quan trọng của Nhật Bản. Giai đoạn canh tân năm 1868 chấm dứt chế độ Sứ Quân, bãi bỏ chính sách Bế Quan Toả Cảng và đưa Thiên Hoàng lên địa vị tối cao. Từ khi mở cửa biên giới, Nhật Bản thấy rõ mình đang ở trong tình trạng suy kém về mọi phương diện trước sự tiến bộ quá nhanh của các cường quốc Tây phương. Bài học Trung Hoa bị liệt cường xâu xé khiến các nhà lãnh đạo Nhật Bản phải ban hành gấp rút ngay một chính sách cải cách hầu đưa quốc gia ra khỏi tình trạng suy thoái nguy hiểm này. Chính sách được áp dụng lúc đó là việc thay đổi toàn diện hệ thống giáo dục, thương mãi, hành chánh, canh nông, để xây dựng một căn bản kinh tế vững mạnh. Song song với chính sách này là việc đề cao tinh thần quốc gia, kỷ luật hoá đường lối làm việc, và thiết lập một căn bản quân sự phòng khi quốc biến. Trường tôi theo học là một

---

## *sông thương*



*Đã hơn một lần em nghe anh kể*
*Chuyện sông Thương ở chốn non xanh*
*Thật xa, mà như kề bên ngõ,*
*Đường vào lòng em, đường tới tim anh...*

*Một sáng trên chuyến xe*
*Sẽ đưa anh trở lại giảng đường*
*Giữa đám đông giơ tay vẫy gọi*
*Anh thấy trong mắt em,*
*trong đục đôi dòng*
*Sông Thương một thuở,*
*lấp loáng mênh mông...*

*Một chiều hè miền trung du Bắc Việt*
*Nhớ em... đón gió đồng hoang*
*Mà ngỡ... hơi em thở từ vùng biển*
*Đỉnh Tam Đảo mờ xa,*
*vương chút nắng vàng.*
*Dải lụa tím vắt ngang trời,*
*thêu chim lạc tổ.*
*Đất nước, quê hương trong mùa lửa đỏ*
*Rụi thiêu mầm xanh ước mơ,*
*Chia mỗi con người thành hai nửa*
*Nửa gian ngoan và nửa dại khờ.*

*Anh thấy em và thấy em rất rõ*
*Vẫn âm thầm, thanh thoát, ngây thơ.*
*Trên bến lạnh, đôi dòng lệ nhỏ*
*Sông Thương một thuở,*
*trôi xuôi lững lờ...*

*Anh chưa qua sông Thương*
*Nhưng lòng anh biết nhớ.*
*Anh chưa uống nước sông Thương*
*Nhưng biết ngọt đậm đà.*
*Bởi sóng lòng anh cuộn tràn*
*theo sóng nước*
*Bởi tình anh chứa trọn mối tình xa.*

*hà chính bình*

trường nữ trung học. Mục đích của các trường nữ trung học khi đó không chú trọng nhiều về việc phát triển kiến thức mà chỉ nhằm đào tạo nữ sinh trở nên những người "vợ đảm và mẹ hiền". Mỗi sáng, bà hiệu trưởng tập họp tất cả nữ sinh vào giảng đường để nghe bà thuyết giảng về bổn phận của người vợ và người mẹ. Bà nhắc đi nhắc lại rằng đó là "thiên chức" của phụ nữ, một phụ nữ đúng nghĩa phải biết khiêm tốn trước người chồng, khi đi phải đi sau người chồng hai bước, khi ăn phải chờ chồng ăn trước rồi mới được ăn, phải làm mọi việc nặng nhọc vì người vợ được sinh ra để chiều chuộng và hầu hạ người chồng. Bà hiệu trưởng luôn luôn nhấn mạnh danh từ "người chồng" chứ không phải "người đàn ông" vì theo bà, đàn ông là một con thú chuyên rình rập, hãm hại các thiếu nữ ngây thơ khờ dại. Một khi đã thất tiết thì chỉ có nước chết, không còn danh dự, không còn một chút giá trị gì trên cõi đời này nữa. Hiển nhiên giải pháp tốt nhất là lập gia đình, trở thành một người "vợ đảm, mẹ hiền", và như thế mới có thể thoát được cạm bẫy của những "con thú đội lốt người" này. Là một thiếu nữ bướng bỉnh, có tinh thần độc lập, tôi đã tự hỏi giữa người chồng và người đàn ông thì khác nhau chỗ nào? Tại sao trước khi kết hôn, người đàn ông là con thú mà sau khi thành hôn họ lại được trọng vọng như một ông hoàng? Phải chăng hôn nhân chỉ là một cạm bẫy do đàn ông đặt ra? Trong suốt thời gian ở trung học, chúng tôi được dạy rất kỹ rằng không được nhìn một người khác phái nào, đi đâu cũng phải đi chung với nhau thành nhóm ba người để tránh bị chọc ghẹo, và cũng để báo cáo những hành vi lơ đễnh, bất cẩn của một người nào đó. Đối với các nữ sinh đó là những khuôn vàng thước ngọc, nhưng với tôi nó chỉ là một lý thuyết làm giảm giá trị của phụ nữ mà thôi.

Sau khi tốt nghiệp trung học, cha mẹ tôi khuyến khích tôi nên tiếp tục học nữa. Tôi thi đậu vào phân khoa văn chương Đại học Tokyo và nuôi mộng trở nên một văn sĩ. Tôi từ giã Hokkaido lên đường đến Tokyo. Dù đây là lần đầu tiên sống xa nhà nhưng điều này không gây trở ngại bao nhiêu vì tôi đã quen sống độc lập từ nhỏ. Đây cũng là lần đầu tôi có cơ hội tiếp xúc với những người khác phái vì sau buổi học, nam nữ được tự do giao thiệp. Đa số sinh viên văn khoa lúc đó đều say mê chủ nghĩa lãng mạn. Họ nói chuyện một cách văn hoa, lịch sự, đôi khi thêm vào vài câu văn trích dẫn trong tiểu thuyết hay các bài thơ của các văn thi sĩ đương thời. Hiển nhiên những thói thời thượng này đã tạo ra một môi trường thuận lợi cho tình cảm nẩy nở giữa nam nữ sinh viên. Ngay trong khoá học đầu, đã có một thanh niên chú ý và theo đuổi tôi rất kỹ, nhưng tim tôi không hề rung động. Tôi quan sát từng cử chỉ, lời ăn tiếng nói của hắn để chuẩn bị đối phó. Tôi càng tỏ ra lạnh nhạt bao nhiêu thì hắn lại càng say mê tôi bấy nhiêu. Hắn theo sát tôi như bóng với hình, đón tôi trước cửa lớp học, tặng tôi những bài thơ, mời tôi đi xem kịch nhưng lòng tôi vẫn không hề rung động. Tôi thản nhiên trước sự săn đón nồng nàn của hắn và tỏ ra thích thú mỗi khi thấy hắn đau khổ vì không được tôi đáp lại. Thỉnh thoảng tôi cũng ban cho hắn một vài ân huệ nhỏ nhặt như cho phép hắn được mời tôi đi xem hát hay đi dạo trong các khu phố quanh trường. Dần dần tôi trở nên thích thú với trò đùa này, nhất là mỗi khi thấy khuôn mặt đầy vẻ thất vọng của hắn khi bị tôi từ chối một việc gì. Tôi nghĩ mình là người có kỷ luật cảnh giác cao độ, hơn nữa tôi đâu hề có cảm tình gì với hắn. Đối với tôi, hắn chỉ là một con chuột nhỏ trước nanh vuốt của một con mèo già, đầy kinh nghiệm là tôi. Nhưng tôi đã lầm và lầm rất lớn. Trong một buổi hẹn hò, tôi đã yếu lòng, mất tự chủ và thất thân với hắn. Điều bất ngờ hơn nữa là chỉ ít lâu sau tôi thấy mình có thai. Mặc dù tôi biết hắn yêu tôi tha thiết, nhưng tôi không hề có chút cảm tình gì với hắn. Hôn nhân không phải là mục đích của tôi nên tôi nhất định không cho hắn biết gì về hậu quả tai hại này. Tương lai xán lạn của tôi bỗng trở nên đen tối như đêm ba mươi. Tôi vẫn muốn tiếp tục việc học nhưng trước cái bụng càng ngày càng lớn, tôi biết mình không thể ở đây được nữa.

Sau cùng, với tâm trạng khủng hoảng cùng cực, tôi đành trở về nhà. Cha mẹ tôi hết sức ngạc nhiên vì sự trở về bất ngờ này, nhưng là một nhà nông chất phác, ông bà không biết phải hỏi tôi như thế nào. Hiển nhiên mẹ tôi để ý ngay đến thân thể đẫy đà của tôi, nhưng vốn là người ít nói, bà giữ thái độ im lặng, chỉ nhìn tôi bằng cặp mắt thương xót. Đáng lẽ ra, tôi phải trình bày mọi chuyện với cha mẹ tôi và xin tha thứ về lỗi lầm đáng tiếc này; nhưng không hiểu sao tôi lại lựa chọn thái độ im lặng. Mỗi sáng chúng tôi thức dậy trong một bầu không khí ảm đạm nặng nề, không ai nói với ai câu nào. Chúng tôi ăn vội vài bát cơm rồi hối hả ra đồng làm việc. Tôi thường lựa một chỗ riêng, xa hẳn nơi cha mẹ tôi làm việc và cắm cúi làm để không phải nghĩ đến những điều tủi nhục, xấu hổ mà tôi biết trước sau gì cũng sẽ bùng nổ. Tôi muốn cha mẹ tôi mắng chửi tôi một trận thật nặng, đuổi tôi ra khỏi nhà, hoặc yêu cầu tôi tự tử cho đỡ nhục, nhưng ông bà vẫn không hề hé răng nói một lời nào. Sự im lặng này khiến cho lòng tự ái của tôi bị tổn thương, đầu óc tôi rối loạn cùng cực. Tôi không biết phải làm gì hơn là tiếp tục chịu đựng nỗi cay đắng, nhục nhã gặm nhấm vào từng lớp da, thớ thịt.

Một hôm tôi đang làm việc ngoài đồng thì nghe tiếng cha tôi gọi lớn. Tôi vội vã bước đến thì thấy ông đang ngồi xổm trước bờ ruộng đăm đăm nhìn một cái gì đó trước mặt. Tôi ngồi xuống bên cạnh và thấy ông đang chăm chú nhìn một cọng cỏ dại mọc bên bờ ruộng. Một lúc sau ông nhỏ nhẹ lên tiếng:

- Ta đã quan sát nó từ lâu rồi, thật là lạ lùng... Nhìn kìa, một con kiến cánh đang leo lên cọng cỏ. Nó tiếp tục bò lên và bò lên... A ha, nó ngã xuống rồi... nhưng khoan đã... hãy quan sát cho kỹ, nó lại tiếp tục bò lên nữa. Nó đã làm như vậy biết bao

nhiêu lần rồi...

Trong lúc cha tôi nói, con kiến cánh tiếp tục bò lên cọng cỏ rồi lại ngã xuống, nhưng nó ngo ngoe đôi râu, tiếp tục bò lên nữa. Cha tôi vẫn nói bằng một giọng đều đều:

- Đó, thấy không! Nó vẫn tiếp tục leo lên ngọn cỏ... Có lẽ nó mệt lắm. Mỗi khi mệt, nó duỗi mấy chiếc chân nhỏ xíu ra cho đỡ mỏi, xoè đôi cánh ra để lấy sức, và rồi tiếp tục leo lên ngọn cỏ như trước...

Cha tôi nói, giọng trầm trầm, mắt vẫn không rời con vật bé nhỏ đang run rẩy bò lên cọng cỏ kia. Tôi ngạc nhiên theo dõi con vật đang cố gắng leo lên ngọn cỏ trước mặt, nó ngã xuống và rồi tiếp tục leo lên. Bất ngờ thay, như bị một tia sét lớn đánh trúng đầu óc hoang mang của tôi, tôi chợt hiểu điều cha tôi muốn nói. Tôi đứng phắt dậy, lảo đảo đi về phía vựa lúa sau nhà, đến một góc khuất tôi ngã gục xuống đất, ngực tôi đau nhói, hai mắt tôi cay xè. Lần đầu tiên trong đời tôi ý thức rõ rệt rằng mình đang khóc. "Cha ơi, con hiểu rồi. Con thật sự hiểu điều cha muốn nói. Cha thương con biết chừng nào. Con thật là một đứa bất hiếu. Cha vẫn nuôi hy vọng ở con trong khi con đã âm thầm bỏ cuộc. Thật là đáng tiếc khi con đã không hiểu được lòng cha rộng rãi và bao la biết chừng nào. Từ nay con quyết sẽ giữ trọn lòng hiếu thảo với cha, con sẽ phải bù đắp những hy sinh cao quí của cha..."

Tôi không biết mình đã khóc trong bao lâu nhưng gánh nặng mà tôi chất chứa trong lòng bỗng nhiên nhẹ hẳn đi. Trong giây phút đó mọi việc như sáng tỏ hơn bao giờ hết. Tôi ngước mắt nhìn những cánh đồng lúa xanh trước mắt, nhãn quan của tôi mở rộng đến những cây cổ thụ mọc ở đầu làng, những ngọn đồi thấp, những con lạch nhỏ uốn quanh đó, những căn nhà tranh với những tia khói bếp màu xám... Tôi còn nhìn thấy những chim muông bay lượn trên không... Tất cả đều vươn lên một sức sống kỳ diệu, không thể diễn tả. Tôi hít một hơi thật dài và thấy sảng khoái hơn bao giờ hết. Tất cả mọi vật dường như hoà nhập vào trong tôi và chỉ trong giây lát, mọi sự đau khổ bỗng tan biến như mây khói. Tai tôi chợt nghe văng vẳng những điều mà tôi đã được dạy bảo từ khi còn ở tiểu học, những lời khuyên bảo về đạo đức mà tôi vẫn cho rằng không thể áp dụng, bỗng tự nhiên trở nên có ý nghĩa hơn bao giờ hết. Tôi lẩm bẩm "Lòng hy sinh, chịu đựng và chân thật là điều có thể thực hiện được. Nó không phải chỉ là lý thuyết suông". Trong giây phút đó, tôi như con tằm vừa lột xác ra khỏi kén. Tất cả sự kiêu căng, lạnh lùng từ trước bỗng dưng tan biến hết. Tấm lòng hy sinh chịu đựng vô bờ bến của cha tôi đã cảm đến tôi. Tôi hiểu được tình thương mà cha mẹ tôi vẫn dành cho tôi từ bao lâu nay. Cho đến lúc đó tôi mới ý thức rằng từ trước đến nay tôi là một đứa bé lạnh lùng, ích kỷ, ưa châm biếm, nghi ngờ. Tôi chẳng bao giờ nghĩ đến ai khác và cũng chẳng hề nghĩ rằng mình có thể cần ai. Lòng kiêu hãnh đã biến tôi thành một khối nước đá, lạnh lùng dửng dưng trước những sự kiện xảy ra quanh mình. Thật may mắn khi tôi có thể hiểu được những điều mà từ trước đến nay tôi vẫn cho là trừu tượng này. Tôi biết rõ tất cả mọi sự xảy ra chỉ là phản ứng của tư tưởng và hành động của mình. Dĩ nhiên tôi phải gặt những gì mà tôi đã gieo, và tôi xứng đáng nhận lãnh hậu quả đó. Tuy nhiên tôi còn ý thức rằng, những điều mà tôi gọi là đạo đức, luân lý chỉ là những giá trị được xây dựng trên một căn bản nào đó và chính cái căn bản này mới là động năng mầu nhiệm thúc đẩy con người hành động một cách cao thượng. Làm sao người ta có thể ý thức được cái giá trị căn bản này? Hiển nhiên tôi không thể trả lời nó trong lúc này, nhưng tôi biết muốn thực sự hiểu được giá trị đó, người ta cần phải tìm một người nào không những đã kinh qua được nó mà còn phải hiểu và biết sống với nó nữa. Phải chăng đó là bước đầu của người tìm đạo? Phải chăng cái người ta cần tìm là một vị thầy?

Tôi không có nhiều thời giờ suy gẫm thêm về những điều đó nữa vì chỉ ít lâu sau, vào đầu mùa đông tôi đã hạ sinh đứa con gái đầu lòng. Hai tháng trước đó, cha của đứa bé đã tìm đến nhà tôi sau khi phong thanh rằng tôi đã có con với hắn. Là con của một công chức toà hành chánh, hắn vẫn hy vọng sẽ nối nghiệp cha nhưng khi được tin tôi có con, hắn bỏ học về sống với gia đình tôi tại Hokkaido. Cha mẹ tôi lập tức công bố điều này với mọi người trong làng và một đám cưới đã được tổ chức cấp tốc sau đó. Chồng tôi là một thanh niên đẹp trai nhưng mảnh khảnh, tiêu biểu cho lớp thư sinh trói gà không chặt, nhưng hắn đã cố gắng làm mọi việc trong nhà, từ giã gạo, bổ củi đến việc cho gia súc ăn. Qua năm sau, tôi sinh hạ thêm một bé gái nữa nhưng dù đã có hai con với nhau, tình vợ chồng giữa hai chúng tôi không hề tiến triển thêm được chút gì. Không hiểu sao chúng tôi thường khắc khẩu, hay cãi cọ về những chuyện không đâu. Về sau tôi biết, hễ lên tiếng thế nào cũng tạo ra những sự cãi cọ vô ích nên tôi quyết định giữ thái độ im lặng. Có lúc tôi đã nghĩ đến việc ly dị nhưng lại không dám vì nghĩ đến hai đứa con. Điều bất ngờ hơn cả là tôi càng chịu đựng bao nhiêu thì một người vốn ít nói như cha tôi lại càng không chịu đựng được chồng tôi bấy nhiêu. Không khí trong nhà dần dần trở nên ngột ngạt, căng thẳng và sau cùng, sau một cuộc cãi vã kịch liệt giữa cha tôi và chồng tôi, nửa đêm hôm đó chồng tôi hầm hầm thu dọn hành lý bỏ về Tokyo.

*(còn tiếp)*

---

## *còn bao lâu tôi đợi*

*Không như sương đầu núi*
*Thôi là bóng hạc bay*
*Còn bao lâu tôi đợi*
*Tình cuối đến trong đời?*

*nguyễn văn ngọc*

# đàn trăng quạt bướm

(TRUYỆN DÀI)

Hồ Trường An



*(tiếp theo)*

**Chương 10**

Bà Quản hạt Thất ngồi đơm nút kết khuy cho bộ đồ lục soạn tặng con Phước Vân. Nó đem lại cho bà tách trà cúc. Bà bảo:

- Con Bảy Giảng đã lấy được chiếc áo thun rách của thằng Xã Huề. Còn thằng Bụng cũng tìm được chùm tóc của thằng Ba Hưởng. Chú Chánh lục bộ Hàm truy ra ngày sanh tháng đẻ của tụi nó rồi. Tao đã nhờ thầy Chẩm đối chiếu qua ngày tháng âm lịch. Như vậy chuyện cần nhứt là mầy lo nặn sáp thành hai cái hình nhơn hai anh em nó.

Phước Vân lạnh mình từng chặp theo lời nói của bà Quản hạt. Bà cũng đã cho thằng Kiếp đò la mạch nước từ ngoài sông Bảo Định chảy vô hai cái ao trong khuôn viên nhà bà Ba Các. Nhưng soi tìm mạch nước không phải dễ. Đã hai lần, bà cho cắm cọc sắt và mũi tên nhưng nước ao vẫn trong văn vắt, chứng tỏ thằng Kiếp đò sai mạch. Tà Noọt trước khi từ giã, có khuyên bà:

- Bà có nuôi ngải tinh. Sao bà không sai khiến chúng tìm mạch nước cho bà?

Bà Quản Thất chợt nhớ ra:

- Ừ hén! Nhưng tui phải làm cách nào?

Tà Noọt ngẫm nghĩ:

- Bà tìm cách lấy nước trong ao tưới lên cọc sắt và mũi tên. Sau đó bà lấy ngải thoa lên hai món ấy. Đợi tới đêm, bà sai thằng Kiếp cầm hai món đó ra bến nước của mụ Ba Các. Đêm tối, tinh ngải sẽ biến hai món đó sáng ngời như nấm lân tinh. Nhưng khi dò gặp trúng mạch nước, ánh sáng đó sẽ tắt ngay. Thằng Kiếp chỉ cần cắm cọc và mũi tên vô chỗ làm cho ánh sáng tắt. Mạch nước chảy vô hai cái ao là ở chỗ đó chớ đâu!

Vậy là việc tìm mạch nước chảy vô hai cái ao mắt cá chép tiến hành. Bà Quản Thất cho con Thiệp mời chị dâu nó là thím Cai tuần Trọn đến. Bà chìa hai tờ giấy năm đồng cho y thị:

- Nè vợ thằng Cai tuần, mầy làm cách nào lấy được nước ao nhà con vợ thằng Ba Các về đây thì tao sẽ thưởng thêm cho mầy 10 đồng và chiếc áo bà ba vải in bông mới tinh.

Thím Cai cười:

- Khó gì việc đó. Thằng Bảy Khéo em ruột tui thường qua nhà bà Ba Các vét mương, làm vườn. Tui chỉ xỉa cho nó một đồng bạc là bà có một ve nước liền.

Giờ đây thầy Chẩm tuy chưa cung cấp ngày sinh tháng đẻ theo âm lịch của hai anh em Xã Huề nhưng vợ Cai tuần Trọn đã giao ve nước ao rồi. Đêm nay, bà sẽ cho thằng Kiếp đi tìm mạch nước để cắm cọc và tên.

Bà Quản dặn con Phước Vân:

- Ăn cơm trưa xong, mầy hơ sáp se hình nhơn cho tao.

Con Phước Vân giục hưỡn cầu mưu vì nó biết bà Quản đang hành kinh:

- Sáp chưa có nhiều. Bà nên đợi chú Thường xuyên Hạc đi chợ Mỹ Tho mua thêm đèn cầy. Vả lại con cũng đang kỳ hành kinh như bà, mình mẩy dơ dáy, sợ rớ tới bùa phép sẽ hết linh. Đợi sạch sẽ khô ráo rồi hẵng hay.

Bà Quản Thất không nói không rằng và cũng không lộ vẻ nghi ngờ vì bà cho rằng con nầy đau yếu quặt quẹo nên kinh nguyệt nó trồi sụt bất thường. Riêng Phước Vân sau khi rút vô buồng riêng, gục đầu vào gối khóc nức nở. Tình cảm của nó đối với cậu Ba Hưởng là ái tình say đắm. Còn tình cảm của nó đối với bà Quản là thứ tình gần giống như tình mẫu tử. Từ bấy lâu nay, nó coi bà như dưỡng mẫu. Bà sẵn sàng dang tay che chở, nâng giấc nó. Nếu cứu anh em Xã Huề, nó sẽ làm hại bà Quản hạt Thất. Bùa ếm một khi tung vào anh em Xã Huề mà thất bại thì sẽ trở lại đánh vào người ếm và lúc đó bà Quản sẽ thiệt mạng. Việc trở ngược bùa ếm không phải là việc khó đối với con Phước Vân. Nó chỉ cần khuyên anh em Xã Huề lấy máu chó, máu đường kinh đờn bà thấm vào chiếc khăn treo ở đầu cổng hay đầu cửa buồng của họ là xong. Máu dơ sẽ ngăn sức tác động của bùa ếm, trở lại tác hại kẻ chủ mưu. Dẫu sao, ngày mai nó cũng phải quyết định cho xong. Phải cứu anh em Xã Huề, và phải hứng chịu sự trở quẻ của bùa ếm để bà Quản hạt khỏi thiệt mạng. Có vậy tình, hiếu mới vuông tròn, dẫu nó có bị nát thân đi nữa.

Hôm qua đây, Phước Vân đã được

nếm những phút ân tình cùng cậu Ba Hưởng. Cậu đã ôm chặt nó trong vòng tay cứng cáp của cậu, đã nói những lời gắn bó thiết tha với nó, đã hun nó thiệt đậm thiệt nồng, đã truyền sự sống vào thể chất và trái tim nó. Ôi, chỉ cần một lần ân ái trong chòi chăn vịt với cậu, Phước Vân đã cảm thấy mình quá đầy đủ rồi, thêm can đảm để hy sinh mạng sống cho cậu. Nó sẽ lấy chiếc niệc của bà Quản hạt đeo luôn trong mình. Khi bùa ếm tới nhà ông bà Hương bộ Khâm, gặp máu dơ sẽ quay ngược về đây, tìm chiếc niệc của bà Quản hạt để giáng vào, bởi vì niệc nầy cố lá bùa tương ứng với bùa hại anh em Xã Huề.

Nguyên bà Quản Thất và con Phước Vân mỗi người có một cái niệc giống nhau ở lớp vải bọc, chỉ khác là niệc của bà Quản được buộc bằng một sợi dây đeo bằng tơ ngũ sắc, còn của con Phước Vân thì bằng chỉ gai nhuộm đỏ. Nó chỉ cần lén đánh tráo cái niệc là xong. Một khi bùa trở lộn về đây giết nó, bà Quản hạt sẽ hiểu mà không buộc nó tội phản phúc.

Bên ngoài buồng có tiếng bà Quản Thất dặn con Thiệp:

- Con Phước Vân lại ể mình, mầy kho tiêu một tô cá lóc để nó ăn cháo trắng. Nhớ xẹt qua thầy Mười Cẩm lấy thang thuốc giải cảm đem về đây sắc cho nó uống.

Bà rời dãy đông lang bước qua căn bếp để cùng cô Út Thiên Kim sửa soạn bữa trưa. Cô Út buồn rầu bảo mẹ:

- Anh Oánh lóng rày cứ ngơ ngẩn như con ốc mượn hồn. Đến đâu ảnh cũng ngồi thù lù một đống. Đã vậy ảnh còn ăn nói không đâu vào đâu.

Bà Quản Thất chau mày:

- Chắc là con cho nó uống bùa nhiều quá. Thôi thì con ngưng bùa ít lâu thử coi.

Thừa lúc bà Quản hạt xuống bếp, con Phước Vân lồm cồm ngồi dậy bước qua gian thờ Thiên Ma Ba Tuần. Thường thì bà Quản luôn đeo niệc trong mình, nhưng khi sắp có kinh thì bà bỏ niệc vô chiếc đãy gấm và treo ở gian thờ. Do đó việc tráo niệc chẳng khó khăn lâu lắc gì.

Trưa hôm đó, con Phước Vân ăn cháo và uống thuốc sắc xong, bà Quản Thất rờ trán nó, bảo:

- Trán mầy mát rợi. Mầy nên đi ra ngoài dạo một vòng cho thoáng khí. Nhớ lấy nón đội vô kẻo trúng nắng mà bịnh cũ tái phát.

Con Phước Vân thưa:

- Để con đi dạo chợ Bến Chùa cho thảnh thơi tâm trí.

Bà Quản đưa cho nó một đồng bạc:

- Cầm lấy đi, hễ thèm món gì thì cứ mua mà ăn.

Nước mắt con Phước Vân ứa ra khi nó cầm lấy đồng bạc. Bà Quản rầy nó:

- Hễ có đau thì có mạnh. Mầy khóc hoài không nên! Tao cứ khuyên mầy hoài mà mầy có chịu nghe đâu! Cái thân mầy yếu như bún thiu, nắng không ưa mưa không chịu, bởi vậy mầy phải tránh xúc động để tịnh dưỡng. Từ hồi nhỏ tới giờ, mầy cứ mỗi chút mỗi khóc rồi sầu thảm suốt ngày thì còn non nước gì!

Con Phước Vân đi tìm nón đội. Ôi, tui còn sống được bao lâu nữa! Vài ngày nữa đây, thầy trò mình sẽ ngàn thu vĩnh biệt thì tui làm sao tránh khỏi đau lòng mà không khóc?

Riêng bà Quản hạt Thất nhìn theo con Phước Vân, lòng bỗng nao nao. Ý là nó vóc vạc gầy gò mảnh khảnh, da dẻ xanh lè xanh lét, vậy mà nó yểu điệu thanh tân dường ấy! Nếu nó khoẻ mạnh hồng hào thì cô gái út của bà sánh với nó khác nào hột sỏi sánh với hạt trân châu. Con nầy nếu xa vòng bùa ngải thì họa may nó sẽ lành mạnh. Chỉ sợ khí âm huyền cùng ảnh hưởng độc địa của bùa ngải đã thấm sâu vào hồn phách và thần khí nó quá lâu nên khó giải trừ mà thôi. Dù sao năm tới bà cũng sẽ cho nó rời mái đông lang, theo bác sĩ Hữu Thạnh để ông ta chữa bịnh cho nó. Hễ nó lành bịnh rồi, bà sẽ tìm nơi xứng đáng để gả nó.

Riêng cô Út Thiên Kim vừa canh chừng nồi khổ qua hầm vừa bần thần suy nghĩ về cậu Bảy Trinh Tường. Đồ ngu ngốc gì đâu á! Cô đã hẹn với cậu một lần chót tại chiếc quán ở bến đò Rạch Miễu, tha thiết:

- Em lúc nào cũng thương yêu anh. Lòng em trước sao sau vậy. Em không bao giờ muốn anh ra khỏi cuộc đời em. Xin anh tưởng tới tình cũ nghĩa xưa mà chấp nhận lời đề nghị của em.

Cậu Bảy Trinh Tường lắc đầu:

- Em thương yêu tui kiểu đó thì thà ghét tui còn hơn. Tui có biết đôi chút đạo lý, lẽ nào làm chuyện trái lẽ giáo như vậy! Yêu nhau kiểu đó bằng mười phụ nhau. Vả lại, qua bao trận đau thương, lòng tui đã đổi khác rồi. Tui đã gặp cô Hai Kim Điệp, đã cùng cổ thề thốt sống với nhau trọn đời mãn kiếp, nếu tui quên lời thề thì trời đánh tui cháy thành than còn gì!

Câu nói sau cùng của cậu Bảy đã cứa sâu mối thù vào tim cô Út. Được rồi, không ăn được thì tao đạp đổ! Tao sẽ đẩy con dao vô hình nhơn; chùm tóc của mầy sẽ bay qua lỗ mũi mầy, vô phổi mầy để coi mầy còn chung tình nổi với con quạ xóm Ống Cống không cho biết! Tối nay tao sẽ dứt điểm mầy cho rồi, để cù cưa làm chi nữa!

Sau bữa cơm trưa, ông bà Quản hạt Thất rút lên trung đường vừa uống trà vừa bàn kế làm tròng làm tréo để mua rẻ sở ruộng của ông bà Chánh bái Hừng. Cô Út Thiên Kim đem áo gối ra ngoài chiếc võng giăng ở hàng ba để thêu. Thằng Kiếp và thằng Bụng móc mương bồi liếp trong vườn. Con Thiệp xay bột sau nhà. Con Hiếu thì chao mắm sặt ở vựa chứa mắm.

Buổi trưa yên tĩnh. Nắng hanh ửng trên những phiến lá trầu vàng. Trong bụi hoang, con chim cúm núm kêu ra rả. Trên con đường tráng nhựa đưa về chợ Bến Chùa, con Phước Vân bước đi chậm rãi. Gió mát từ sông Bảo Định thổi về từng đợt lao xao. Qua đường rầy xe lửa là tới cổng trường tiểu học và chỉ thả bộ chừng vài chục bước là tới nhà lồng chợ. Chợ đã tan lúc đúng ngọ nên nhà lồng trống trơn, chỉ còn vài gánh hàng rong loe hoe như gánh bánh lọt tàu hũ, gánh chè đậu, gánh bánh ướt triều châu. Lũ trẻ con bày trò chuyền cột bắt cột dưới

mái nhà lồng, cười giỡn om sòm.

Phước Vân bước vô tiệm khách trú mua một gói trà và một phong bánh in rồi bương bả đi về phía bến đò. Ghe bán cá của Ba Hưởng vẫn còn neo ở đó. Ba Hưởng mình trần, đầu đội nón lá đang ngồi sau lái ăn ô môi. Nước sông ngầu đục phù sa dâng đầy ăm ắp. Lục bình từng giề từng cụm trôi dật dờ. Bên kia sông là những khóm dừa nước lá đâm tua tủa, những cây bần lá nhỏ lăn tăn.

Ba Hưởng ái ngại:

- Nắng nôi gió máy đầy trời, em đi ra ngoài làm chi?

Phước Vân cố cầm nước mắt:

- Cũng có chút chuyện nên em đi tìm anh. Ở đây nói không tiện, anh chèo ghe đưa em tới chòi vịt đi.

Ba Hưởng nghe lời, chèo về hướng Tân Hiệp, Bến Tranh. Qua mười doi đất, ghe rẽ vào dòng rạch nhỏ chảy giữa cánh đồng loáng nước. Chòi chăn vịt kia rồi, nhưng cậu Ba Hưởng cho xuồng vào đám sậy trùng trùng điệp điệp, đắc ý:

- Ở đây chỉ có quạ và chim ó lui tới mà thôi, em khỏi lo ai thấy.

Cậu xốc lại ôm chặt người yêu. Con Phước Vân để mặc cho cậu hun hít ấp yêu. Ôi, đây là cuộc ái ân lần chót, để rồi tử biệt sẽ cắt đứt mối tình giữa chàng ngư phủ và cô gái phù thủy. Sau đó, Phước Vân dặn cậu Ba Hưởng:

- Phong bánh in và gói trà nầy là của em ra mắt ông bà khuất mày khuất mặt bên anh. Anh hãy đem về đặt trên bàn thờ chánh ở gian giữa cho em vui lòng.

Rồi đó, nó thuật lại cuộc ếm đối sắp tới của bà Quản Thất. Nó bày cậu dùng máu đường kinh và máu chó để lái sức tác hại của bùa trở về kẻ chủ động, nhưng nó giấu kín việc đánh tráo niệc.

Hai người quần thảo thêm một hiệp nữa. Đó rồi cậu Ba Hưởng đưa Phước Vân trở lộn về bến chợ. Chiều hôm đó, nó than no hơi sình bụng nên không ăn cơm tối. Bà Quản hạt lo lắng than với cô Út Thiên Kim:

- Rồi! Con Phước Vân lại bị trúng nắng rồi!

Cô Út chắc lưỡi:

- Nuôi con Phước Vân cực nhọc như nuôi công chúa vậy. Để con khuất bột trứng sam với đường cát cho nó ăn.

Vừa khi đỏ đèn, mâm cơm chiều dọn lên. Bà Quản ăn qua loa cho xong bữa rồi xuống bếp múc bột trứng sam vô cái tộ sứ mỏng đem đến buồng con Phước Vân. Thấy nó đang giọt vắn giọt dài, bà quở:

- Lại khóc lóc nỉ non nữa rồi. Rầu quá! Thôi, rán ăn tộ bột nầy cho khoẻ trước khi uống gói cảm mạo phát tán.

Con Phước Vân nức nở:

- Công ơn bà hoạn dưỡng, làm sao con trả ơn được muôn một đây?

Bà Quản hạt kêu lên:

- Coi bộ hôm nay con nầy sanh tật lẩm cẩm rồi đây! Mầy muốn trả ơn tao gẫm đâu có khó. Mầy phải tịnh dưỡng, không được buồn rầu chuyện tầm phào, đừng nghĩ ngợi sa đà. Có vậy mầy mới mạnh giỏi, chớ thấy mầy đau ốm dây dưa hoài, tao lo rầu lung lắm.

Bà đặt tô bột trên bàn đầu giường, phàn nàn:

- Còn trẻ thì phải nghĩ những chuyện vui vẻ, chuyện gầy dựng tương lai, có vậy tinh thần mới phấn chấn. Hễ được vậy là bịnh mầy thuyên giảm liền. Để mai tao sai thằng Bụng quét dọn buồng nầy cho sạch sẽ, đốt vỏ bưởi để xua mùi ẩm mốc, đuổi sạch bịnh khí đi.

Khi bà Quản Thất đi rồi, Phước Vân ăn bột uống trà xong, con Hiếu

---

## *một ngày trong đời*

*Cứ mỗi sáng ta khoanh ngày trên lịch*
*Tự nhủ lòng: gắng sống trọn hôm nay*
*Dưới mặt trời, chen chân tìm chỗ đứng*
*Buồn hay vui, cũng được ngắm chút mây.*

*Được lững thững giữa nhân quần nhốn nháo*
*Điểm mặt người, tìm đoán mối riêng tư.*
*Người với ta, có những gì khác biệt?*
*Mà cách ngăn bằng dày đặc ảo hư!*

*Cứ mỗi trưa ta dừng nơi bến vắng*
*Giòng đời trôi mải miết đến không cùng.*
*Nửa quá khứ. Nửa tương lai. Mờ mịt*
*Ta chơ vơ ngay điểm giữa. Mông lung.*

*Nỗi khắc khoải xoắn vòng quanh hiện tại,*
*Cuốn ta vào cơn xoáy lốc vô hình.*
*Thảng thốt vang tiếng con tim rạn nứt*
*Mảnh vụn tan vào cõi chết lặng thinh.*

*Cứ mỗi chiều ta tìm về lối ngõ*
*Nặng đôi chân trên những phiến xanh rêu*
*Chờ đón ta phía bên trong khung cửa?*
*Có gì đâu! Ngoài một nỗi quạnh hiu.*

*Biết làm gì cho mau qua buổi tối?*
*Chẳng lẽ ngồi tâm sự với bóng mình?*
*Mảnh chăn đơn cuộn tròn thân mệt mỏi*
*Chấm dứt ngày bằng giấc ngủ vô mình.*

*b.h.t.*



đã chực sẵn ở ngoài, bước vô thu dọn và bưng thau nước ấm tới cho nó rửa mặt. Phước Vân vô giường buông mùng nằm đợi giấc, nhưng mãi tới cuối canh một mà giấc ngủ vẫn chưa tới. Nó chợt nhớ tới lời báo mộng của bà Thạch Thơm, song nó lại nghĩ mộng triệu bá láp tầm phào, hơi nào mà tin. Cứu anh em Xã Huề thì nó phải làm, nhưng cứu kẻ khác để bùa phép trở quẻ hại lại bà Quản Thất thì chắc chắn nó không nhúng tay rồi đa. Theo lời bà Thạch Thơm thì nếu nó cứu những kẻ bị bà Quản hãm hại, nó sẽ được phước, sẽ hưởng duyên lứa đôi phỉ nguyện. Nhưng có phải bà Thạch Thơm hiện hồn về báo mộng hay không? Hay chỉ là mộng triệu tình cờ? Nghĩ tới đây, Phước Vân thấy hoang mang quá. Nó chắp tay niệm hồng danh đức Quán Thế Âm Bồ tát không hở dứt. Thần trí nó lún sâu vào giấc ngủ. Bỗng nó thấy bà Thạch Thơm mang gông xiềng đến, giọng van vỉ:

- Phước Vân con ôi, con phải đến bà Hai Lầu đem tiền hùn in kinh và nhờ bả tụng kinh Pháp Hoa cho bà, có vậy bà mới thoát khỏi ngục đao kiếm để đi đầu thai. Con đã cứu hai thằng con ông bà Hương bộ Khâm, con sẽ không chết vì bùa trở quẻ đâu. Người phối ngẫu mai sau của con là cậu Ba Hưởng đó.

*

* *

Bên nhà ông bà Hương bộ Khâm tổ chức đám cúng dương căn cho con gái Xã Huề. Đó là lễ ghi nhận đứa trẻ đang vào tuổi trưởng thành, từ đây mỗi hành động của nó đều do nó gánh vác trước sự chứng kiến của hai vị thần hai bên vai nó. Hai vị nầy sẽ ghi chép tội phước vào sổ bộ đời để mai sau khi nó chết đi, họ sẽ trình cho Diêm Vương coi. Lễ cúng dương căn thường không lớn bằng lễ đầy tháng và thua luôn cả lễ cúng thôi nôi. Nhưng năm nay ông bà Hương bộ Khâm làm ăn khá giả, bà Hương bộ được bà Hai Lầu giúp vốn mở vựa mắm dự trữ nhiều thứ khô, mắm để bán cho bạn hàng bán lẻ nên ông bà tổ chức lễ cúng dương căn thiệt lớn cho cháu.

Bà Hai Lầu bảo em dâu:

- Anh chị Hương bộ có công trong việc xây cất am, nhứt là hai anh em thằng Xã Huề làm công quả cho am không nhàm mỏi. Thím lấy cái kiềng vàng chạm nặng nửa lượng cho con gái thằng Xã Huề để anh chị Hương bộ vui lòng.

Bà Ba Các nói xuôi:

- Em xin vưng lời chị.

Cô Hai Ngọc Dung, cô Hai Kim Điệp từ đầu buổi lễ đã qua nhà ông bà Hương bộ Khâm để phụ vợ Xã Huề nấu nướng.

Cô Hai Ngọc Dung thưa với ông bà Hương bộ:

- Thưa hai bác, thằng em cháu khi không nóng vùi, nằm mê man trót hai ngày rồi.

Cậu Bảy Trinh Tường cũng kể:

- Anh Đốc cháu có việc phải đi Sài gòn, chiều mai mới về. Còn con Hai Tố Trinh bỗng dưng ngã bịnh nên chị Đốc cháu phải ở nhà săn sóc nó.

Bà Hương bộ trước đó đã dặn lò heo tại chợ Trung Lương hai cái đầu heo và hai bộ đồ lòng cùng một vịm huyết để nấu cháo. Tôm càng, tôm thẻ có Ba Hưởng lo. Gà vịt nuôi sẵn trong sân nên tiệc rất rôm rả.

Bà Ba Các than thở với bà Hương bộ:

- Năm nay là năm thi, thằng Ba nhà tui mà bịnh dây dưa mười bữa nửa tháng thì khó theo kịp các bạn trong lớp. Mà cũng kỳ, chị Hai tui giỏi tài trị bịnh vẫn không trị nổi bịnh cho nó. Hai hôm rày nó nóng mê man.

Bà giáo Toàn phàn nàn:

- Ngộ cái là thằng Ba lẫn con Hai Tố Trinh cùng ngã bịnh một lượt. Chắc là tụi nó bị ếm rồi.

Bà Ba Các chau mày:

- Chị Hai tui cũng nói vậy, nhưng không biết họ ếm hai đứa nó cách nào.

Tiệc kéo dài tới tám giờ tối. Ba Hưởng đốt đèn treo trên cành mít xéo xéo trước sân nhà. Ánh sáng trắng như nước suối rọi tới bàn tiệc của các ông. Xã Huề bày cuộc đờn ca xướng hát nên bà Hương bộ Khâm phải thết đãi trà bánh.

Khách khứa đờn bà lần lượt ra về. Cô Hai Ngọc Dung bảo cô Hai Kim Điệp:

- Chị cho em mượn cái xửng hấp để mai hấp bánh. Cái xửng của em cất trên giàn bếp bị chuột cắn lủng mấy lỗ.

Cô Hai Kim Điệp:

- Vậy chị tới nhà em đi. Bận về, hai thằng Lân, Luông sẽ hộ tống chị tới bến đò Đạo Ngạn.

Trên trời trăng sáng hắt hiu. Cả hai cùng đi về phía xóm Ống Cống, ngang qua gò đất. Dưới chân gò, nấm mộ ông Bôn bà Tố nằm song song. Cô Hai Kim Điệp bỗng kêu lên:

- Lạ nầy! Phía đầu mộ có hai cục gì sáng như đèn ma.

Cô Hai Ngọc Dung:

- Thì ma chớ còn gì nữa!

Cô Kim Điệp lắc đầu:

- Làm gì có! Vong hồn ông Bôn bà Tố đã đầu thai, thác sanh rồi. Trong huyệt chỉ còn hai bộ xương mà thôi.

Cô Ngọc Dung:

- Để về tới nhà, em hỏi má em coi sao.

Khi đưa chiếc xửng tre cho cô Hai Ngọc Dung, cô Hai Kim Điệp bảo em:

- Lân, Luông nên đưa chị Dung về bến đò Đạo Ngạn.

Hai cậu vui vẻ nhận lời. Trên chuyến về, đi ngang mộ ông Bôn bà Tố, hai cục sáng vẫn đang bay lượn trên đầu mộ, lúc kéo dài thành một dải lụa bạch, khi thun lại thành trái cầu lăn lóc trên cỏ. Cậu Tư Kim Luông nói:

- Để em lấy cây gậy đập hai khối cầu bóng nầy bể tan tác chơi.

Cô Hai Ngọc Dung mắng:

- Đừng có khỉ! Em cứ quen thói ngang tàng mà không sợ ma quỉ hay sao? Có kiêng có cữ, chuyện dữ hoá lành. Thôi đi cho mau, về tới nhà mình sẽ uống trà pha gừng cho ấm bụng.

Tới nhà, cô Hai hỏi bà Hai Lầu:

- Em con có đỡ chút nào không?

- Hồi đỏ đèn có thầy Sáu ngoài ngã ba Trung Lương tới chích cho nó một mũi thuốc trị sốt rét và một mũi

long não. Tuy nó thông hơi bớt ho nhưng vẫn nóng mê man.

Rồi bà than:

- Bịnh nầy là bịnh tà, trị thuốc đâu có ăn nhằm gì. Má đang suy nghĩ cách trục tà nhưng không biết đâu giây mối nhợ thì cũng như mò kim đáy biển mà thôi.

Cô Hai an ủi:

- Để chờ thuốc thấm rồi tính.

Cô hối hai cô Ngọc nấu trà pha lá gừng để mời hai cậu Kim rồi bước vô phòng thăm bịnh cậu Ba Ngọc Toản. Dưới ánh toạ đăng, cậu Ba nằm thiêm thiếp, mặt đỏ bừng đỏ ké, chiếc mền nỉ đắp ngang ngực.

Cô cùng hai cậu Kim nhẹ nhàng rút lui, trở ra trung đường. Bà Hai Lầu, bà Ba Các, thím Chín Hiệp cùng hai cô Ngọc chia nhau ngồi hai bên trường kỷ đợi khách. Mọi người vừa nhấp trà vừa nghe cô Hai Ngọc Dung thuật chuyện hai cục sáng trước ngôi mộ ông Bôn, bà Tố. Bà Hai Lầu nghe xong, nói:

- Chắc chắn đó không phải là oan hồn của ổng bà hiển hiện. Đây chắc là có tinh, tà gì đó đến mộ họ khuấy phá. Mà họ đã đầu thai rồi, tinh tà phá sao được? Hay là ai đó dùng tinh ngải nghệ đến ếm hai ngôi mộ tiền kiếp của thằng Ba Ngọc Toản và con Hai Tố Trinh? Biết đâu tụi nó bịnh do cuộc ếm đó? Vậy thì thím Ba và mấy đứa con gái ở lại coi nhà, để tui cùng thím Chín Hiệp và hai cháu Lân, Luông đây tới đó coi sao.

Cô Hai Ngọc Dung thắp sáng hai cái đèn tán chai đưa cho hai cậu Kim. Mọi người tới gần gò mộ thì sương mù vừa tan loãng, trả lại nền trời xanh trong. Trăng sáng vằng vặc, lùm bụi cây cối tô những khối bóng đậm sắc nét trong biển trăng phiêu diễu. Bầy đom đóm đậu chi chít trên cây bần nơi xẻo rộng. Hai ngôi mộ nằm song song, màu vôi như trắng hơn lúc ban ngày. Hai cục sáng vẫn lập lờ lượn trước đầu mộ, lúc co lúc dãn, lúc bay phất phơ lúc lăn long lóc.

Bà Hai Lầu than thở:

- Bịnh trạng của hai đứa nhỏ là do hai cục sáng đó. Chắc là tinh ngải của Tà Noọt chớ chẳng sai.

Bà chắp tay niệm chú rồi hét:

- Đi chỗ khác cho mau!

Hai cục sáng cất lên khỏi ngọn cây hoá thành hai đạo hào quang bay mất. Bà Hai Lầu cầm đèn rọi sáng chung quanh hai ngôi mộ. Sau cùng bà nhổ được hai cọc sắt có vẽ bùa bằng sơn đỏ.

Khi bốn người về tới nhà thì cô Hai Ngọc Dung cho biết cậu Ba Ngọc Toản đã tỉnh, than khát nước rồi đói bụng.

Bà Hai Lầu vui vẻ:

- Thím Chín đã nấu sẵn soong cháo trắng, con hâm lại tô thịt kho tiêu cho em con ăn đỡ.

Hai cậu Lân, Luông từ giã ra về, hẹn sáng hôm sau qua thăm cậu Ba Ngọc Toản. Riêng cậu Ba sau khi ăn cháo xong, cảm thấy khoẻ khoắn nên ngủ một giấc rất thanh thản.

Canh năm hôm đó, cô Hai Ngọc Dung thức dậy để hấp bánh ướt tôm khô. Vừa làm cô vừa bần thần nghĩ tới những quái tượng xảy đến với cô suốt một tuần nay. Số là cô cứ đam mê si

## *tháng sáu ở cali*

*Em về qua tháng sáu buồn không tưởng*
*Trời Cali mờ bụi xám âu sầu*
*Hốt nhiên ngày cũng trôi đi rất chậm*
*Mưa nắng bất ngờ như trái tim đau*

*Lối đời còn vài ngõ quanh bất chợt*
*Đợi nhau về cùng nhắc chuyện buồn vui*
*Đốt lò hương trầm như bao thu trước*
*Soi nỗi đìu hiu trong đáy mắt người*

*Hong khô vài giọt mưa đêm rất nhẹ*
*Vô tình làm ướt đẫm má duyên xưa*
*Rèm mi cong dịu dàng sao chở đủ*
*Nỗi ưu tư nặng trĩu mắt sao mờ.*

*Tháng sáu bỗng mơ hồ như cát bụi*
*Trên lối đời đau khổ gót chân em*
*Còn chút mộng thanh xuân nào sót lại*
*Trong gió mưa che hộ dáng vai mềm.*

*Chân vội vã tìm về khi hẹn ước*
*Kịp chia đôi dòng lá thắm phai màu*
*Gửi nhau nụ cười quen hương nắng ngọt*
*Cũng đậm đà như một thuở chiêm bao*

*Em về qua tháng sáu buồn không tưởng*
*Trời Cali rất lạ buổi chia lìa*
*Nắng không héo hon như chiều xuân muộn*
*Mưa không dạt dào đẫm bóng sương khuya.*

*Nắm trong tay mơ hồ hương tóc cũ*
*Chờ ngày qua từng bước nhỏ ngập ngừng*
*Có lạ chưa chút duyên đời hạnh ngộ*
*Tháng sáu về tưởng nhớ một tình thân...*

*phan các chiêu hằng*



dại, tơ tưởng không ngớt đến ông đạo Hy Mã, nên dù cố gắng vận dụng lý trí cô vẫn không thể thoát khỏi tình cảm oan nghiệt kia. Ông đạo Hy Mã đúng là mẫu người từ trong phim ảnh, từ trong các cuốn tiểu thuyết diễm tình chui ra, làm sống lại nơi cô thuở mới lớn, mơ mộng một người chồng lý tưởng. Thầy giáo Hớn khôi ngô thì có mà hào hoa phong nhã thì không, bởi cậu là kẻ quen ăn chắc mặc dầy, không đua đòi các thú vui phù phiếm. Bởi đó thầy không nhen nhúm nổi một tia lửa yêu đương nào dù nhỏ nhoi trong tim cô. Lúc gặp ông đạo Hy Mã, dáng dấp hào hoa của ông khiến cô thêu dệt nhiều giấc mơ kỳ thú quanh ông. Cô buông mình vào cơn lốc đam mê sa đà để rồi ray rứt khổ sở. Nhưng từ một tuần nay, đêm nào ngủ cô cũng chiêm bao thấy ông đạo Hy Mã. Có giấc cô thấy cô vuốt ve ông, nhưng khi tay cô đụng vào thì da ông mất hết vẻ trơn mịn mà biến thành những vết nhăn. Có đêm cô gặp ông trong giấc chiêm bao quái đản. Ông ngồi tĩnh tọa trên chiếc chiếu đậu, tóc rụng dần, da thịt chương sình chảy nước vàng ướt cả chiếu rồi sau cùng ông biến thành bộ xương khô ngã lổng chổng. Hai đêm nay, trong cơn chiêm bao, cô thấy cô ôm siết lấy ông, tới chừng coi lại thì thấy mình đang ôm một thằng cùi lở lói, lầy lụa. Và giờ đây, mỗi khi khép mắt, cô thấy hình ảnh ông hiện ra rõ ràng, rành mạch. Ánh mắt ông nghiêm khắc, vẻ mặt ông hầm hừ dọa nạt làm cô nổi gai ốc cùng mình.

Trong khi bánh ướt đang được hấp chín trong chiếc xửng tre, cô Hai Ngọc Dung nấu thêm cháo trắng, kho tiêu cá lóc và thịt nạc, chiên cá thác lác muối sả ớt, hâm các món chay... để dọn bữa ăn sáng. Bao nhiêu giấc mộng trong tuần nay đã cảnh tỉnh cô. Chốc nữa cô sẽ tụng kinh sám hối để dứt bỏ mối ẩn tình oan nghiệt kia. Chuyện đó thiệt không dễ dàng gì, nhưng cô phải cố gắng.

Khi cả nhà đang quây quần ăn sáng thì cậu Bảy Trinh Tường tới, mang theo hai trái đu đủ xiêm làm quà. Cậu kể:

- Hồi hôm cỡ 10 giờ tối, con Hai Tố Trinh đang nóng mê man bỗng dưng hết bịnh. Sáng nay nó ăn được cháo nên anh chị tui sai tui qua đây báo tin.

Cậu Ba Ngọc Toản vui vẻ:

- Cháu cũng thuyên giảm như em Tố Trinh vậy.

Bà Ba Các thuật tự sự hồi hôm cho cậu Bảy rõ. Bà Hai Lầu niềm nở:

- Vậy là thêm một lần nữa tai qua nạn khỏi. Vậy sẵn đây chú Bảy nó nhập bọn ăn sáng cho vui.

Cậu Bảy Trinh Tường cười rất tươi:

- Tui đã nhận lời ăn sáng bên ông bà nhạc rồi.

Cậu kiếu từ rồi quày quả qua xóm Ống Cống. Xong bữa sáng, cô Hai Ngọc Dung súc miệng thay áo qua am tụng kinh. Hai cô Ngọc và thím Chín Hiệp dọn dẹp, rửa chén bát nồi niêu và lo sửa soạn bữa ăn trưa. Bà Ba Các coi việc bán trái cây, rau cỏ trong vườn và các thứ than củi, nước mắm cho bạn hàng đến mua lẻ.

Nắng đầu xuân chiếu sáng vườn, sân. Gió chướng lao xao thổi mang theo tiếng chim cu cườm, chim tu hú. Còn một tháng mười ngày nữa là Tết. Theo dọc bờ rạch, bờ kinh, vông đồng trổ bông đỏ thắm.

Cỡ mười giờ sáng, khi khóm đông hầu trong bồn nở hoa trắng, hoa hường, hoa đỏ thì bà Hương bộ Khâm đến chơi. Bà tìm bà Hai Lầu kể chuyện dan díu giữa con mình và con Phước Vân, thuật những tiết lộ của con Phước Vân về vụ trù ếm hai anh em Xã Huề. Bà kết luận:

- Tui không cho hai anh em tụi nó đi đâu hết. Cổng ngoài tui treo chiếc khăn thấm máu con chó đực của thằng Thường xuyên Bạc hôm chó bị thiến. Còn trước cửa buồng thằng Xã Huề và thằng Ba Hưởng, tui treo chiếc khăn thấm máu đường kinh của con dâu tui. Mai đây, bà Quản hạt sẽ động thủ.

Bà Hai Lầu dặn:

- Chị biểu hai cháu phải niệm thần chú Tiêu Tai Cát Tường và Quán Âm Linh Cảm Chơn Ngôn cho siêng mới được.

Bà Hương bộ Khâm vừa về thì chừng giập bã trầu, cô Sáu Thọ Huệ và cô Hai Kim Chung từ chợ Mỹ Tho tới. Đi theo họ là một chàng trai người Pháp mảnh khảnh và một người đờn bà đeo kiếng mát thiệt lớn, đầu đội khăn san còn che dù tía như muốn giấu mặt. Cả bốn được mời qua am. Cô Sáu Thọ Huệ cung kính:

- Thưa am chủ, từ hôm anh bạn Lionel đây tới viếng am và được gặp ông đạo Hy Mã thì ảnh cảm thấy khoẻ hẳn ra, bịnh trạng biến mất. Nhờ đó ảnh sanh lòng sùng mộ ông đạo và nhứt là đạo Phật của bà con mình lắm. Hôm nay ảnh nhờ cháu đưa ảnh tới đây để cúng dường lạy Phật.

Nói tới đây cô Sáu liếc qua Lionel. Anh này chắp tay mô Phật. Bà Hai Lầu hoan hỉ:

- Lành thay! Lành thay!

Cô Sáu mở bóp, rút ra một cái bao thơ màu vàng, thưa:

- Đây là món tiền cúng dường của ảnh. Xin am chủ cho phép ảnh và cháu cùng lạy Phật.

Lạy Phật xong, cô Sáu đưa Lionel qua phòng tiếp khách. Ở đây có cậu Ba Ngọc Toản châm trà đợi khách.

Vừa khi cô Sáu Thọ Huệ và Lionel đi rồi, người đờn bà mới chịu tháo kiếng má. Chị ta đẹp hiền dịu, gương mặt buồn buồn, cặp mắt như long lanh ngấn lệ. Cô Hai Kim Chung giới thiệu:

- Thưa bác Hai, đây là chị Tư Minh Nguyệt, vợ của bác sĩ Hữu Thạnh. Hôm nay chị Tư tháp tùng cháu tới đây để thưa chuyện với bác vì gia đạo chị đang hồi rối rắm...

Bà Hai Lầu cười:

- Tui không dè bà thầy thuốc đây và cô quen nhau.

Cô Tư Minh Nguyệt nhỏ nhẹ:

- Thưa am chủ, cô Hai đây là bạn thơ ấu của anh Tám Cao Phi Huỳnh, con nhà cậu của cháu. Hôm nay cháu tới đây nhờ am chủ giúp cho vong hồn người chồng trước của cháu thoát khỏi chuyện trù ếm của bà Quản hạt.

Bà Hai Lầu ôn tồn:

- Tui có biết chuyện đó. Vong hồn quan Kinh lý Thận có tới viếng tui, ngặt vì lưỡi ổng bị dán bùa nên ổng

không nói gì được. Thầy tui là ông đạo Hy Mã cho biết hồi kiếp trước quan kinh lý và ông thầy thuốc có chuyện oan trái nên kiếp nầy quan kinh lý phải trả ác quả. Sau 49 ngày mới dùng thần chú Mật Tông để giải thoát vong hồn ổng được. Nay mới có hơn 40 ngày. Tuy nhiên mỗi ngày tui vẫn trì chú cho ổng.

Cô Tư Minh Nguyệt sụt sùi:

- Đêm hôm kia, sau khi tụng kinh xong cháu đi ngủ. Thần thức cháu gặp một người đờn ông cỡ bốn mươi ngoài, mặt mũi khôi ngô, mặc áo bành tô trắng tra nút hổ phách chạm bông nổi. Ông ta khuyên cháu nên xa lánh gia đình ông bà Quản hạt Thất, cầu siêu cho chồng cũ của cháu nhưng đừng nghĩ tới việc báo cừu rửa hận. Cháu càng nghĩ càng đau khổ. Không ngờ trong hai kiếp làm người, cháu vô tình để cho bác sĩ Hữu Thạnh và quan kinh lý Thận hãm hại lẫn nhau để chiếm đoạt cháu. Ôi cái vòng oan oan tương báo nầy may có ông đạo Hy Mã soi sáng. Rồi đây, sau khi giải thoát vong hồn chồng cũ xong, cháu phải ly dị chồng mới để rồi nương nhờ cửa Phật, chấm dứt kiếp hồng nhan họa thủy cho rồi.

Bà Hai Lầu nhìn cô Tư Minh Nguyệt. Cô mặc áo lụa mỏng màu đen, bên trong lót áo màu xanh đọt chuối, đeo một sưu bộ ngọc thạch xanh lặt lìa. Cô thoa son màu hường dợt, giồi phấn sương sương, dậm phấn hồng phơn phớt, tỉa chơn mày hơi mỏng và kẻ viết chì đen, móng tay tô màu hường tươi. Cô diện chăm chút nhưng không loè loẹt, lố lăng. Nét đoan trang thùy mị làm cô thêm thanh cao, kiều diễm. Vậy mà cô trải qua hai đời chồng rồi đó. Người như cô thiệt khó mà đi tu, vì ánh mắt cô ướt rượt như sẵn sàng tuôn giọt vấn giọt dài. Cô còn phải lăn lóc với cuộc phong trần để trả cho dứt mối oan nghiệt éo le từ tiền kiếp.

Bà Hai Lầu an ủi:

- Để trọn 49 ngày, tui sẽ dùng chú thuật đưa vong linh quan kinh lý ra khỏi tĩn dán bùa. Xin cô an tâm. Chừng đó, chắc chắn quan kinh lý sẽ hiện hồn báo mộng cho cô.

Khách khứa vừa ra về, bỗng cậu Tư Kim Luông hớt hơ hớt hải từ xóm Ống Cống chạy tới:

- Thưa bác Hai, chẳng hiểu cớ nào mà anh Bảy Trinh Tường đang ngồi ăn sáng với cả nhà cháu, bỗng té lăn ra kêu la thống thiết. Đó rồi ảnh ho như xé phổi và thổ huyết đầm đề.

Bà Hai Lầu liền chụp chiếc nón lá lên đầu rồi cùng cô Hai Ngọc Dung bương bả qua bên nhà bà Hai Dần. Lối xóm bu đông nghẹt. Cậu Bảy Trinh Tường nằm thiêm thiếp trên bộ ngựa bằng gỗ giáng hương. Ông Hai Dần đang hơ lửa chiếc khăn lông trên mẻ lửa than để chườm lên ngực cậu. Cậu Ba Kim Lân thì đổ từng muổng nước gừng vô miệng cậu. Bà Hai Dần và cô Hai Kim Điệp chỉ đứng xớ rớ, niệm Phật liên tu bất tận.

Bà Hai Lầu nhìn gương mặt xanh như tàu lá của cậu Bảy, chắc lưỡi:

- Thôi rồi, cậu Bảy nầy bị thư rồi!

Cô Hai Kim Điệp run lập cập:

- Cháu cũng nghĩ vậy, nhưng cháu dùng bùa Lỗ Ban để trục thư ra mà chẳng ăn thua gì.

Bà Hai Lầu gật đầu:

- Người ếm này là phù thủy cao tay lắm, bùa Lỗ Ban của cháu mà nhằm nhò gì!

Bỗng cậu Bảy mở mắt rồi co quắp người lại, một đợt máu tươi trào khỏi miệng cậu. Cậu rên rỉ:

- Trời ơi, phổi tui sao đau rát quá! Chắc tui chết mất!

Cậu lịm thiếp đi. Cô Hai Kim Điệp ré lên khóc hu hu, van vỉ bà Hai Lầu:

- Cháu trăm lạy bác, xin bác ra tay cứu sống anh Bảy cháu. Nếu ảnh có mệnh hệ nào, cháu làm sao sống nổi!

Bà Hai Lầu day qua bà Hai Dần, hỏi:

- Hôm nọ chị kể rằng ông đạo Hy Mã đến viếng nhà chị, có cho chị một chiếc khăn, dặn hễ nhà có xảy chuyện thì đốt khăn ra tro hoà nước uống. Chị còn nhớ không?

Bà Hai Dần tỉnh ngộ, kêu lên:

- Đúng vậy. Ai dè tui quên lửng đi!

Bà lật đật bắc ghế, tìm chiếc hộp gỗ huỳnh đàn đặt trên bàn thờ hai bà Mẹ Sanh Mẹ Độ. Trong hộp là một chiếc khăn vuông vức bằng lụa bạch, có thêu chữ vạn bằng chỉ vàng ở chéo khăn. Bà Hai Lầu cầm khăn, đọc thần chú rồi bật diêm quẹt lên đốt. Sau cùng bà gom tro hoà với nước mưa, vạch miệng cậu Bảy để đổ vào. Cậu nuốt từng ngụm nhưng vẫn nằm yên không cục cựa. Mọi người xúm lại vừa bàn tán vừa theo dõi. Khoảng chừng tàn nén nhang, bà Hai Lầu kêu lớn:

- Bà con coi kìa!

Từ lỗ mũi cậu Bảy, những tia những sợi như khói đen bốc ra. Bà Hai Lầu đưa tay vớt từng tia từng sợi. Sau cùng bà xoè bàn tay ra. Mọi người xúm lại coi cho rõ. Thì ra đó là những sợi tóc ngắn cỡ lóng tay. Bà Hai Lầu giải thích:

- Họ thư tóc vào phổi cậu Bảy đó đa! Thôi, giờ đây kể như tai qua nạn khỏi rồi.

Bà Hai Dần hối hai thằng con đỡ cậu Bảy vô buồng cho kín gió đoạn mài quế Trà Bồng cho cậu uống. Sau đó mọi người tuần tự giải tán. Ông bà Hai Dần mời bà Hai Lầu và cô Hai Ngọc Dung ở lại uống nước. Ông Hai Dần than thở:

- Qua vụ vừa rồi, chẳng biết họ có thư thằng Bảy nữa hay không đây!

Bà Hai Lầu ngẫm nghĩ:

- Tro chiếc khăn lụa bạch kia sẽ làm cho mọi thư ếm, bùa ếm trở thành vô hiệu nghiệm, xin anh chị chớ lo. Riêng tui, tui lo từ đây gia đình chị Giáo Toàn, gia đình anh chị Hương bộ Khâm, gia đình anh chị đây và bên tui khó mà an ổn với họ.

Cô Hai Kim Điệp vô buồng, đến bên người yêu han hỏi:

- Anh thấy trong mình ra sao?

Cậu Bảy Trinh Tường mở mắt, mỉm cười:

- Tuy thổ huyết nhưng anh không thấy mệt nhọc chút nào.

Cậu cầm tay cô, thuật lại vận sự hai cuộc tiếp xúc với cô Út Thiên Kim cho cô nghe. Cậu kể tới đâu, cô khóc tới đó và chỉ biết úp mặt vào ngực người yêu.

*(còn tiếp)*

# *chuyện lạ xứ người*

Nguyễn Nhạn Sơn



## NHỮNG VỤ BIẾN MẤT VÀ XUẤT HIỆN KHÓ HIỂU

### *Cả một làng biến mất*

Vào năm 1591, tại vùng đất ngày nay là Carolina Bắc, có một vụ "biến mất" rất khó hiểu.

Khu định cư Roanoke được thành lập từ năm 1587, gồm chừng 100 người dân Anh, tính cả đàn ông, đàn bà, lẫn trẻ con. Nhóm người này sống trên một hòn đảo gần bờ, chuyên trồng cây de vàng (sassafra), để bán về chính quốc, đổi lấy lương thực và các loại nhu yếu phẩm khác. Lúc bấy giờ, cây de vàng là một loại dược thảo rất có giá tại Anh.

Trưởng khu định cư Roanoke là John White. Khoảng 1589, ông này đi tàu về Anh để mua những thứ cần dùng cho khu. Nhưng vì cuộc chiến tranh giữa Anh quốc và Tây Ban Nha gây trở ngại, White không thể trở qua sớm như dự định.

Đến năm 1591, khi ông trở về chỗ cũ, thì thấy không còn ai cả. Tất cả đều biến mất, kể cả người con gái của ông, và đứa cháu ngoại tên Virginia Dare, chỉ mới sinh trước khi ông đi ít lâu. Đây là đứa trẻ da trắng đầu tiên sinh tại đất Mỹ.

Tìm kiếm dấu vết, White chỉ trông thấy rạch trên một cọc rào của khu định cư, chữ *Croatan*. Đây là tên một hòn đảo nằm gần đó, và cũng là tên một bộ lạc da đỏ. Sau đó, thời tiết liên tục quá xấu, nên White không đi tìm được. Ít lâu sau, ông buồn rầu, bỏ về Anh.

Chẳng ai biết số phận của khu định cư kia ra sao. Nhưng khoảng đầu thế kỷ 18, tức là sau biến cố kia chừng 100 năm, có nhà thám hiểm người Âu nào đó, nói mà không xác định, đã chính mắt trông thấy một bộ lạc da đỏ tóc hoe mắt xanh.

### *Người ấy là ai?*

Tháng 7-1669, mật vụ của vua Louis XIV nước Pháp bắt được một người ở gần cảng Dunkerque, rồi bí mật đưa người ấy đến giam tại một nhà lao, lại nghiêm khắc dặn viên giám thị:

- Tuyệt đối không để người này trò chuyện với ai. Hàng ngày, anh phải đích thân đem những thứ cần dùng đến cho y. Nếu y có muốn tiết lộ điều gì, thì anh cũng không được phép nghe. Nếu không, cả y và anh, đều phải chết đấy.

Thế rồi, trong 34 năm, tù nhân ấy được chuyển từ nhà giam này đến nhà giam khác, cuối cùng, y chết tại ngục Bastille năm 1703. Tại nhà giam nào, y cũng bị nhốt riêng trong một căn phòng kiên cố, nhưng rộng rãi, đủ tiện nghi. Y không được tiếp xúc với ai, ngoài viên giám thị. Mọi người, kể cả viên giám thị, không thấy được mặt y. Y luôn luôn mang một chiếc mặt nạ bằng nhung đen. Sự cấm thông tin giữa tù nhân này với bên ngoài nghiêm ngặt đến nỗi, có tin đồn rằng: Một lần y dùng nĩa viết những chữ gì đó lên một chiếc đĩa bạc, rồi ném ra cửa sổ. Một ông lão đánh cá lượm được, đem trả lại ở cổng nhà lao. Lẽ ra ông lão này phải bị giết để bịt miệng, nhưng may người ta kịp thời phát hiện ông ta không biết chữ, nên ông mới còn sống.

Tình trạng giam giữ kia tạo ra xung quanh người tù một số câu hỏi không ai trả lời được:

- Người tù là ai? Tại sao người ta phải buộc y che mặt lại?

- Tại sao người ta không giết y đi? Nếu không muốn giết y, tại sao người ta không thả y ra?

- Y có thể thông tin ra bên ngoài điều gì ghê gớm, mà người ta phải ngăn chận ráo riết đến như thế?

Không trả lời được một cách minh bạch, nên người ta phải đoán mò. Người ta đoán rằng, người tù ấy có thể là vua nước Pháp. Chỉ có vua thì

ai cũng biết mặt, nên phải che mặt lại. Kẻ giam giữ không dám giết người tù đi, là vì nghĩ người tù còn có khi hữu ích; mà cũng không dám thả ra, là vì người tù có thể trở thành nguy hiểm. Cái điều người tù có thể truyền ra ngoài là một điều tối mật, sự tiết lộ có thể làm rung chuyển cả nước Pháp. Và vân vân...

Văn hào kiêm triết gia Voltaire, khoảng 1717, có bị giữ trong ngục Bastille một thời gian. Ở đây, Voltaire đã có dịp trò chuyện với những ngục tốt ngày trước có biết "người đeo mặt nạ", và những lời đồn đại liên hệ. Nhưng họ cũng chẳng biết người tù kia là ai. Về sau, vì không có thiện cảm với một triều đại mang nhiều tai tiếng, Voltaire dựng ra một câu chuyện, trong đó người tù bịt mặt là người anh ruột của vua Louis XIV, bị nhà vua cầm tù, để tránh việc tranh ngôi.

Sau cuộc Cách Mạng Tư Sản Dân Quyền Pháp, vào khoảng 1801, lại có lời loan truyền rằng người tù bịt mặt chính là vua Louis XIV. Nhà vua bị một người anh em khác mẹ tiếm ngôi và bắt bỏ ngục. Ở trong nhà giam, nhà vua lấy vợ và sinh ra một người con trai. Người con trai này được bí mật đưa đi nuôi dưỡng ở đảo Corse, về sau trở thành ông nội của Napoléon Bonaparte. Nhưng đây chỉ là "tin đồn".

Truyện viết về người tù bịt mặt có khá nhiều, nhưng xưa nay hấp dẫn nhất vẫn là cuốn *L'Homme Au Masque De Fer* (Người mang mặt nạ sắt) của Alexandre Dumas cha, xuất bản năm 1848. Trong cuốn này, Dumas cho người tù bí mật kia thành người anh em song sinh của vua Louis XIV, ở trong tù vẫn ăn mặc sang trọng như vua chúa, vẫn chơi nhạc,... và chiếc mặt nạ trên mặt người tù bằng sắt, chứ không phải bằng nhung.

Theo tôi, chi tiết cuối cùng này có lý. Chiếc mặt nạ phải là bằng sắt như Kim Dung đã bắt Du Thản Chi phải mang, thì mới không cởi ra được. Nếu là bằng vải, thì thế nào cũng có lúc người mang tự ý gỡ ra. Sao lại chẳng ai nhìn thấy mặt?

Nhưng đã là thêu dệt, thì không biết đến đâu là bờ bến.

Lại có thuyết người tù kia chính là cha ruột của vua Louis XIV. Lý do là: Louis XIV sinh năm 1638. Nhưng khoảng thời gian trước đó nhiều năm, mẹ của nhà vua là Anne d'Autriche không chung chăn gối, và không sinh con với vua Louis XIII, vì ông này mãi đau ốm và bất lực. Nhưng đôi phu thê vương giả này cần có người chính thức kế vị, phải "thu xếp" một người đàn ông khác thay thế. Người đàn ông chính là cha đẻ của vua Louis XIV. Nhà vua, một mặt muốn dấu kín dòng máu "phi hoàng tộc" của mình, một mặt không muốn mang tội giết cha, nên người tù bí mật kia mới sống trong tù cho đến trọn đời.

Phần trên là những tài liệu của *Reader's Digest*.

Ngoài ra, cũng còn nhiều thuyết khác, với ít nhiều xác tín. Không tìm đâu xa, chỉ cần mở quyển *The Reader's Encyclopedia* của William Rose Benét, chúng ta sẽ gặp được gần một chục người "có thể" là người tù bí mật thời Louis XIV. Họ mang đủ tên, đủ chức vụ, vân có võ có.

Nhưng quyển từ điển này có cho chúng ta một chi tiết đáng tin: Cái tên được ghi trong chứng thư khai tử của nhà ngục Bastille ngày 19-11-1703, và trên mộ chí của người tù bí mật kia, là *Marchiali*. Bạn nào giỏi chiết tự, thì có thể đoán đúng người ấy là ai.

Và, câu chuyện này có thể dẫn chúng ta đến một nhận xét: Khi vua Louis XIV ra lệnh tống giam người đàn ông bịt mặt, là muốn xóa đi thân phận của một con người. Nhưng trí tò mò của mọi người vẫn mãi mãi không để con người bí ẩn ấy thoát đi.

### *Chuyện bá tước Saint-Germain*

Đây là câu chuyện về một con người, nửa thật nửa hoang đường.

Văn hào Voltaire (sống đồng thời) nói: Saint-Germain biết đủ mọi thứ, và dường như bất tử.

Một số người khác nghĩ rằng Saint-Germain đã tìm được thuốc "trường sinh".

Nhưng sự thật về con người này như thế nào?

Saint-Germain tự xưng là bá tước, và nhiều người cũng gọi ông như thế. Nhưng không ai biết ông được phong lúc nào, do triều đại nào. Người ta cũng không biết ông ra đời lúc nào, ở đâu, xuất thân từ gia tộc nào, rồi chết lúc nào, ở đâu. Nhưng ông là con người có thật, đã sống một thời gian ở chỗ này chỗ nọ, đã là bạn của người này người khác, thậm chí đã dính líu ít nhiều đến một số biến cố lịch sử ở Âu Châu.

Biết chắc chắn về ông thì không có ai, nhưng nghĩ rằng ông là một nhân vật "siêu đẳng" thì rất nhiều người.

Saint-Germain dường như nổi tiếng hơn cả ở Pháp vào khoảng thập niên 1750, vì được coi là bạn thân của vua Louis XV và nhân tình của nhà vua là bà Pompadour. Hai người này thường có những buổi tối thích thú ngồi nghe Saint-Germain kể chuyện.

Theo một số người đã từng tiếp xúc với Saint-Germain, ông ta không phải chỉ có kiến thức rất rộng, mà còn là người đa tài: Chơi vĩ cầm tuyệt giỏi, vẽ rất đẹp, có tài trong ngành hóa học và biết thuật điểm kim. Ngoài ra, ai đã quen với ông, cũng nhìn nhận rằng ông rất hào phóng: Ông tặng ngọc quí cho mọi người một cách dễ dàng. Lại thêm một nhận định: Ông rất giàu. Để có căn cứ, người ta kể: Một lần, ông cởi ngay chiếc thánh giá nạm ngọc quí đang đeo ra, tặng cho một người đàn bà không hề quen biết, chỉ vì thấy bà này chăm chú nhìn ra vẻ thích.

Những huyền thoại lại tiếp tục sinh sôi: Saint-Germain có thể biến ngọc nhỏ thành ngọc lớn; có thể biến đồng, chì thành vàng. Nhưng, ít nhất thì cũng có một điều là sự thật: Ai đã gặp Saint-Germain một lần, cũng kể lại rằng áo ông mặc đính đầy châu ngọc.

Dù Saint-Germain là một người có thực tài, hay chỉ là một tay bịp bợm, ông ta cũng đã một thời được thiên hạ

chú ý. Ông thường là chủ đề của những cuộc nhàn đàm khi trà dư tửu hậu, kể cả ở những chốn cung đình.

Riêng những sự kiện chính trị mà thiên hạ đồn rằng Saint-Germain có dính líu, thì phần nhiều là có thật. Thí dụ chuyện Saint-Germain làm cố vấn mật cho vua Louis XV (làm vua nước Pháp từ năm lên 5 tuổi, từ 1715-1774). Với vị thế này, ông đã bị nhiều triều thần có thực quyền của nhà vua ganh ghét. Có lần, ông thi hành một sứ mạng ngoại giao riêng cho nhà vua, mà bộ ngoại giao không biết. Viên thượng thư đã trả đũa bằng cách đe dọa bắt nhốt, khiến ông hoảng sợ phải trốn sang Anh ẩn náu mấy năm. Rồi từ Anh, ông bí mật sang Nga, tham dự vào âm mưu đưa Cathérine II lên ngôi nữ hoàng năm 1762. Sau đó, ông biến mất trong vòng hơn 10 năm. Mãi đến khi vua Louis XVI lên ngôi (1774), người ta mới thấy ông tái xuất hiện ở Pháp. Thuộc về giai đoạn này trong đời của Saint-Germain cũng có nhiều truyền thuyết, và giai thoại. Ly kỳ nhất là chuyện ông báo cho vua Louis XVI và hoàng hậu Marie-Antoinette biết trước cuộc Cách Mạng 1789, và những vụ đổ máu về sau.

Nhưng có một điều chắc chắn là không ai biết xu hướng chính trị của "con người chính trị" Saint-Germain. Hình như ông cũng không biết, cũng không bao giờ tuyên bố, nên người ta phải đoán.

Ở Pháp, trong thời kỳ tiền Cách Mạng, có cái mốt rất ăn khách là gia nhập hội kín. Ai khác thì mỗi người một hội thôi. Nhưng với Saint-Germain, khi ông là người của hội này, khi ông lại là hội viên của hội khác. Đấy là người ta nghĩ về ông như thế, chứ không phải ông chính thức công nhận.

Về niên kỷ của Saint-Germain, cũng có những chuyện hư hư thực thực tương tự. Có người trưng một phả hệ nào đó ra, để quả quyết rằng ông sinh năm 1690. Nhưng có người lại nói không phải, vì vào năm Cách Mạng bùng nổ (1789), ông chỉ độ 40 thôi. Lại có tài liệu ghi: Một lần, tại một khách thính, chính Saint-Germain nói: "Nhiều người cứ một mực tin là tôi đã mấy trăm tuổi. Tôi đành phải ậm ừ để cho họ vui lòng". Nhưng trong cái mớ chuyện khó tin đó, có một điều chắc có. Đó là, những người có uy tín đã từng gặp Saint-Germain, đều thuật lại rằng không thấy ông ta già. Về điểm này, ông tiết lộ là nhờ sống điều độ và thường xuyên ăn cháo yến mạch.

Về sau, có tin Saint-Germain sang Đức sống với ông hoàng Charles của xứ Hesse-Kassel. Hai người trở thành bạn thân, và họ cùng nghiên cứu thuật điểm kim.

Hầu hết tài liệu liên hệ đều nói Saint-Germain chết trong cung điện của ông hoàng, ngày 27.2.1784. Nhưng trong cuốn *Magicians, Seers, and Mystics* (Những nhà thuật sĩ, tiên tri và thần bí), xuất bản năm 1932, tác giả Maurice Magre viết: Ông hoàng Charles không hề xác nhận là Saint-Germain đã chết ở chỗ ông. Thái độ của ông khiến người ta nghi ngờ ông có dính líu đến cái chết ấy.

Trong khi đó, nhiều người vẫn tiếp tục loan tin, và tin Saint-Germain chưa chết. Sổ sách của hội Tam Điểm ghi rằng Saint-Germain đã đại diện cho phân bộ nước Pháp trong cuộc họp năm 1785. Bà de Genlis nói đã gặp ông ta tại thủ đô nước Áo năm 1821. Nhiều du khách kể rằng đã gặp ông ta ở Viễn Đông khoảng thập niên 1800. Nhà nữ thần học Annie Besant nói đã thấy ông ta thuyết giáo năm 1896. Cuối cùng, nhưng nổi bật hơn cả, năm 1972, một người Pháp tên Richard Chanfray tự nhận mình là Saint-Germain. Người này đã xin lên truyền hình để biến chì thành vàng.

Đấy, chuyện bá tước Saint-Germain đầu đuôi như thế. Đại khái cũng hơi có vẻ "xuất thần nhập quỉ" (nếu muốn tôn lên), hoặc "con ranh con lộn" (nếu muốn hạ xuống). Nhà *Reader's Digest*, và nhiều nhà xuất bản có uy tín khác, đưa chuyện này ra như một sự kiện khó hiểu.

Nhưng đối với chúng ta, câu chuyện chỉ lạ ở một điểm: Tại sao ở những nước văn minh, loại chuyện Saint-Germain vẫn sống mãi được. Đúng ra, chuyện Saint-Germain sống dai, chứ không phải Saint-Germain sống dai.

### *Chuyện Benjamin Bathurst*

Năm 1809, nước Anh đang tìm cách thuyết phục nước Áo gia nhập liên minh chống lại Nã-phá-luân. Nhà ngoại giao trẻ tuổi Benjamin Bathurst, lúc bấy giờ chỉ mới 25 tuổi, được cử đi Vienne, thương thuyết. Để đổi lại sự liên minh của Áo, Anh hứa sẽ tấn công quân đội Pháp đang chiếm đóng Tây-ban-nha. Nhưng cuộc thương thuyết thất bại. Nã-phá-luân đánh bại quân Áo tại Wagram, buộc nước này phải nhượng đất.

Bathurst thu xếp trở về Anh vào mùa thu năm ấy. Ông ta phải đi ngang qua Đức. Với cái tên giả là Koch, đóng vai một phú thương, ngày 25.11.1809, ông ta cùng người thư ký và người hầu, ghé nghỉ trọ tại một lữ quán ở Perleberg.

Về sau, một nhân chứng tại lữ quán khai thấy Bathurst ra vẻ rất bồn chồn. Ông ta yêu cầu viên chỉ huy đơn vị quân đội trú phòng sở tại, phái lực lượng vũ trang đến bảo vệ cho ông, chống lại những kẻ đang săn đuổi, có thể là đám mật vụ của Nã-phá-luân.

Đúng nửa đêm hôm ấy, Bathurst sửa soạn ra đi. Trong khi chiếc xe đang thắng ngựa trước cửa lữ quán, ông ta bước ra, đi vòng qua mấy con ngựa sang phía bên kia đường, rồi... biến mất luôn.

Tại sao? Không ai biết tại sao. Lúc bấy giờ, sự việc đã diễn ra như sau: Người hầu đang cho hành lý lên phía sau xe. Người bồi ngựa của lữ quán đang thắng ngựa vào xe. Người thư ký đang trả tiền phòng ở chỗ quầy. Cả ba đều khai có thấy Bathurst đi ra, nhưng không thấy ông trở lại. Riêng hai toán lính gác ở hai đầu đường khai không hề thấy ai đi qua.

Liền sau khi biết vụ mất tích, nhà chức trách địa phương cho soát ngay lữ quán, và cả thị trấn Perleberg, nhưng không tìm được dấu vết gì. Bộ

Ngoại Giao Anh chính thức yêu cầu phía Pháp lên tiếng, thì được trả lời rằng tình báo Pháp không hề biết đến nội vụ. Rất nhiều giả thuyết được đặt ra: Nhà ngoại giao đã bị cướp rồi bị giết; ông ta đi đường thủy và đã mất tích ngoài biển; và còn nhiều nữa, nhưng tựu trung, không giả thuyết nào được chấp nhận. Là vì, có ba nhân chứng cùng xác quyết nhìn thấy Bathurst *bước ra trên một đoạn đường vắng của thị trấn Perleberg, rồi biến đâu mất*. Và không có nhân chứng nào khai ngược lại. Hồ sơ điều tra nội vụ đành phải kết thúc mà không kết luận.

### *Những kho tàng này đi về đâu?*

Cách Costa Rica (Trung Mỹ) khoảng 200 dặm về phía Thái Bình Dương, có một hòn đảo nhỏ mang tên là Đảo Dừa. Ngày xưa, đảo này không có người ở. Nhưng đã có một thời, hòn đảo chỉ có đá và dừa này, nổi tiếng và thu hút được sự chú ý của nhiều người, nhất là những người thích phiêu lưu mạo hiểm, thích làm giàu tắt, hoặc thích... nghe chuyện lạ.

Người ta rỉ tai nhau: *Ở Đảo Dừa có dấu kho tàng. Không chỉ một, mà tới hai kho lận!*

Tuy gọi là lời đồn, nhưng cũng có căn cứ. Năm 1819, một chiếc tàu Tây-ban-nha, chở 150 tấn vàng, bị tên hải tặc Benito Bonito cướp. Sau khi đem chôn dấu số vàng ở Đảo Dừa, Bonito giết gần hết đám thuộc hạ, rồi cùng mấy tên thân tín ra đi. Về sau, hải quân Hoàng gia Anh nói y đã bị hạ trong một trận đánh trên mặt biển. Nhưng có người khác biết Bonito, nói y đã lên sống trên đất liền, nhưng không bao giờ trở lại chỗ chôn vàng.

Năm 1820, một đám viên chức người Tây-ban-nha ở Peru gom góp tất cả châu báu của chính quyền và giáo hội tại Lima, đem chất lên chiếc tàu Anh *Mary Dier*, để chở về Panama. Nhưng viên thuyền trưởng Charles Thompson lại hướng tàu đến Đảo Dừa. Rồi sau đó, không ai biết chiếc *Mary Dier*, và cả những người những vật trên đó, đi đâu.

Năm 1840, Thompson, hoặc một người tự xưng là Thompson, xuất hiện tại Newfoundland với một tấm bản đồ Đảo Dừa, "chiêu mộ" để tổ chức một chuyến đi lấy kho tàng ở đảo này. Nhưng chẳng ai tin y cả. Về sau, không biết y bỏ đi đâu.

Nhưng không phải ai cũng thờ ơ với "huyền thoại" kho tàng của Đảo Dừa. Đã có không biết bao nhiên người "ngậm ngải" đụng đầu nhau tại đây. Nhưng họ không thấy kho tàng, chỉ thấy nhau thôi!

### *Chuyện Nga hoàng Alexandre đệ nhất*

Ông vua Nga này qua đời ngày 19.11.1825. Khi tin này được truyền đến St. Pétersbourg, có một số đơn vị quân đội nổi lên chống lại sự kế vị của Nicolas I. Cuộc nổi dậy đã bị dập tắt mau lẹ, nhưng về sau, những người tham dự vẫn được lịch sử Nga gọi là "những người tháng 12".

Sở dĩ có cuộc binh biến tháng 12.1825, vì sự lên ngôi của Nga hoàng Nicolas I, buổi ban đầu có gây ra nhiều vấn đề. Nhưng lý do chính vẫn là tin đồn vua Alexandre I còn sống. Ông bị Nicolas I tiếm vị, và đưa đi xa.

Đầu tiên, từ vùng Tomsk (thuộc Tây-bá-lợi-á), một nguồn tin được loan đi: Alexandre Romanov (tức vua Alexandre I) đang sống lẫn lộn trong dân chúng ở đó. Rồi đến năm 1864, cũng ở Tomsk, một tu sĩ tên là Fedor Kuzmich nằm trên giường bệnh, đột nhiên nói: "Chỉ có Thượng Đế biết tên thật của ta là gì". Ai nghe cũng nghĩ người sắp chết không phải là Fedor Kuzmich, mà là người khác. Những người nhiễu sự muốn đó là Alexandre Romanov.

Qua năm sau (1865), Nga hoàng Alexandre II, muốn chấm dứt mọi tin đồn, đã cho mở quan tài của Alexandre I ra. Trong quan tài không có xác ai cả.

Đến năm 1926, mộ của Alexandre I lại được mở ra một lần nữa. Tất nhiên lần này, chỉ là mộ không. ●



## *lên núi*

*Có kẻ rủ ta lên núi*
*Ngồi đón ánh bình minh câm*
*Trần gian hốt nhiên hoá bụi*
*Giơ tay hứng ngược trái quằn*
*Chim bỏ triền cao không hót*
*Núi mờ khoác áo sương lam*
*Sông quặn niềm tan khô khốc*
*Mùa thu chết yểu trên ngàn.*

*Có kẻ rủ ta lên núi*
*Phủi đời, tịnh giấc chiêm bao*
*Cởi áo phong trần làm gối*
*Đêm rằm nhấp nháy cùng sao*
*Trăng tỏ tình cao vòi vọi*
*Ta cũng say sưa thét gào*
*Dạo khúc tình ca bên suối*
*Hoá thành cánh hạc bay cao.*

*Có kẻ rủ ta lên núi*
*Bủa hồn góc đá xanh rêu*
*Ngồi đây xanh xác tiêu điều*
*Có bóng quạ bầy đưa lối*
*Có kẻ rủ ta lên núi*
*Ngồi đón vầng hồng phương đông*
*Ơi sao đời ta kiếp bụi*
*Máu là thơ chảy ngược giòng...*

*phạm quang ngọc*




**BÚT CHÌ** phụ-trách

*Tòa-soạn mở mục "Độc-giả thắc-mắc" để giải-đáp nghi-vấn của bạn đọc về mọi lãnh-vực: văn-học, nghệ-thuật, khoa-học, xã-hội, chính-trị, v.v.*

*Trong mục-đích học-hỏi, Bút Chì hoan-nghênh mọi ý-kiến đóng-góp về câu trả lời.*

*Vì khuôn-khổ hạn-hẹp của một tiểu mục, xin vui lòng hạn-chế mỗi lần hỏi tối-đa ba câu. Đa tạ.*

---

## Quốc-gia rộng nhất

Hỏi: 1. Bác BC cho biết, sau khi khối Liên-sô tan-rã thì Gia-nã-đại là quốc-gia rộng nhất thế-giới. Cháu nghĩ rằng bác đã mang diện-tích toàn-quốc Gia-nã-đại so với riêng Cộng-hòa Nga (Russia) thôi, chứ nếu so với cả Liên-bang Nga, thì Gia-nã-đại vẫn hẹp hơn. Xin bác xem lại và nhân tiện cho cháu số liệu, vì cháu chỉ nghĩ thế chứ không có số liệu chính-xác.

2. Cháu không hiểu sao trong Nam lại nói là "bàn giao" giấy tờ, "bàn giao" sổ sách. Chữ đúng theo Trung-quốc, không phải là "bàn giao" mà là "giao bàn." Không hiểu trong Nam đã dùng sai chữ "giao bàn" thành "bàn giao" từ bao lâu rồi?

*Lê Tường*
*Mạc-tư-khoa*

Đáp: 1. Cháu "gôm" đúng! Diện-tích Gia-nã-đại là 9.970.610 cây số vuông, so với Cộng-hòa Nga (7.969.100 cây số vuông) thì rộng hơn, nhưng so với Liên-bang Nga (Russian Federation) thì hẹp hơn. Diện-tích toàn-thể của Liên-bang Nga là 17.075.400 cây số vuông, bao gồm 25 nước Cộng-hòa và 7 vùng tự-trị.

2. Ngôn-ngữ có sức sống riêng và biến-đổi không ngừng. Từ tiếng gốc ở chữ nho, nhiều nước như Triều-tiên, Nhật-bản, Việt-nam đã lập thành những chữ kép mới mà dùng. Các chữ này không có trong tự-điển Trung-hoa.

Trong trường-hợp chữ "bàn giao", đã thấy xuất-hiện trong *Nhị-độ mai*, câu: *"Mai ông ở lại đợi mà bàn giao."*

## Đừng quên anh!

Hỏi: Bác có biết tại sao người Anh lại đặt tên cho một loài hoa là "Forget-me-not" *(Đừng quên anh!* hoặc *Đừng quên em!)* nghe mùi tận mạng. Cháu tưởng-tượng có anh nào đó bị đào ruột lơ-là, bèn chạy ra đồng quơ vội một bó hoa *forget-me-not* bự xộn bưng về tặng nàng, mặt chàng cứ thiu chảy ra còn mặt nàng lạnh-lùng như cục nước đá. Nghĩ vừa thương vừa tức cười!

Cháu thấy loài hoa này có cả màu xanh, màu tím lẫn màu hồng, không biết còn màu nào khác không? Và gốc của nó có phải xuất-xứ từ nước Anh không?

*Lê Văn Thịnh*
*London*

Đáp: Có rất nhiều huyền-thoại chung quanh cái tên *"forget-me-not"*.

Huyền-thoại thứ nhất, là một hiệp-sĩ người Đức thời cổ đã chết đuối khi men xuống suối sâu hái một thứ hoa lạ cho người yêu. Trước khi chết, anh ta còn kịp kêu lên một lời cuối-cùng: *"Vergisz mein nicht!"* (tức *Forget me not!)* Từ đó người yêu của anh ta gọi tên loài hoa đó là *vergisz-mein-nicht*, dịch sang tiếng Anh là *forget-me-not*.

Huyền-thoại thứ nhì, khi nàng Eve và chàng Adam bị đuổi ra khỏi vườn địa-đàng, trong khi các loài hoa khác thu hình lại thì một loài hoa màu xanh da trời kêu lên: *Forget me not!* Từ đó, người ta gọi tên loài hoa vô-danh ấy là *forget-me-not*.

Huyền-thoại thứ ba, các hiệp-sĩ Anh khi sang đánh nhau với Pháp hồi thế-kỷ 14, nhiều người mang dòng chữ *"ne m'oubliez mye"* trên ngực và tin rằng làm thế, hình-ảnh của họ sẽ mãi mãi ngự-trị trong tim các em gái hậu-phương.

Trong ngành thực-vật-học, tên của loài *forget-me-not* là *myosotis*, có nghĩa là "tai chuột", căn-cứ vào hình-dạng của chiếc lá.

Loài "tai chuột" (nghe chả thơ-mộng gì cả!) thuộc họ Boraginaceae, gồm 50 giống, mọc nhiều ở vùng ôn-đới Âu-châu, Bắc Mỹ và trên các cao-nguyên nhiệt-đới.

Loại "tai chuột" thân thảo hoa màu trắng, xanh da trời, tím và hồng.

Loại "tai chuột" thân mộc cũng có màu hồng và xanh, hình ống hoặc hình chuông, với đài hoa năm thùy.

Loại "tai chuột" mọc dưới nước thấp hơn loại thân thảo mọc trên bờ, cuống hoa ngắn hơn, yếu hơn, sống trong vùng đầm lầy lấp-xấp nước, hoa màu trắng, hồng và xanh.

## Hôn nhau tại chỗ công-cộng

Hỏi: Thưa bác BC, cháu đọc báo thấy trai gái bên Nhật ngày nay đã hôn nhau tại chỗ công-cộng y như tuổi trẻ Âu Mỹ và không coi đó là điều cấm-kỵ nữa. Bác nghĩ sao nếu tụi cháu, tuổi trẻ Việt-nam cũng hôn nhau như vậy. Tụi cháu thỉnh-thoảng cũng có hôn nhau ngoài đường phố, trong sân trường hay tại trạm xe điện, xe buýt, nhưng khi nào thấy có người lớn nghi là người Việt thì tụi cháu buông nhau ra, vì người lớn người Việt hình như không thích chứng-kiến cảnh này.

*Ally Trần*
*Toronto*

Đáp: Bày tỏ sự yêu-thương không phải là một điều xấu, dù ở nơi công-cộng. Điều quan-trọng là ở cách bày-tỏ. Một nụ hôn nhẹ-nhàng trên má hay lướt qua trên môi; một cử-chỉ âu-

yếm nắm tay, ôm vai,.. trông thật ấm-áp và đáng yêu lắm chứ.

Tuy-nhiên bày-tỏ yêu-thương khác với bày tỏ sự thèm muốn dục tình. Cái cảnh trai gái bú lưỡi nhau, cho tay vào cả quần áo để sờ soạng, xoắn xuýt lấy nhau thở hổn-hà hổn-hển, trông chẳng khác loài súc vật hạ-đẳng, ngay cả đối với người Âu Mỹ cũng là điều không đứng-đắn, chỉ thích-hợp trong phòng riêng mà thôi.

**Lưu Hữu Phước là ai?**

Hỏi: 1. Tôi biết chút đỉnh Lưu Hữu Phước, tác-giả bài *Tiếng gọi thanh-niên* (sau này thành quốc-ca của VNCH) từng là bộ trưởng bộ Văn-hóa trong chánh-phủ Giải-Phóng Miền Nam do Kiến-trúc-sư Huỳnh Tấn Phát làm thủ-tướng. Tôi muốn được biết thêm một số chi tiết về tiểu sử của vị nhạc-sĩ này, vì đã hát và xúc-động với bài hát của ông (quốc-ca) hàng ngàn lần trong đời mà không biết gì nhiều hơn về tác-giả thì có vẻ như thiếu-sót quá!

2. Nhân tiện, xin cho biết, Lưu Hữu Phước viết bài *Tiếng gọi thanh niên* lúc nào? Lời ca nguyên-thủy như thế nào? Có ai phụ viết và sửa không. Về nhạc, có phải bài hát này dễ thấm vào tâm-hồn người miền Nam vì nó đi theo bộ âm *hò xự xang xê cống* miền Nam?

3. Hình như ngoài bài quốc ca VNCH, Lưu Hữu Phước còn viết bài quốc ca cho Giải Phóng Miền Nam, nghĩa là hai quốc-gia đối nghịch ở miền Nam đều hát bài hát của ông làm quốc ca?

*Lê Văn Đạo*
*San Jose*

Hỏi: 1. Họ Lưu sinh ngày 21.9.1921, tại Cái Răng (Cần-thơ) chết năm 1989.

Ông là con nhà nghèo, gia-đình nho giáo, bố là giáo-viên tiểu-học. Lưu tự học nhạc và mê nhạc từ nhỏ, sau vào Cao-đẳng Cần-thơ và Đại-học Y-khoa Hà-nội (1940).

Năm 1969, được đảng CSVN cất làm bộ trưởng bộ Thông-tin văn-hóa chính-phủ (ma) Cách-mạng lâm-thời Cộng-hòa Miền Nam VN.

Sau khi CS Bắc Việt chiếm nốt miền Nam, Bộ-trưởng Lưu Hữu Phước được giao nhiều công-tác mới, trong đó có chức chủ-nhiệm Công-trình sưu-tầm nghiên-cứu Đàn Đá.

2. Bài *Tiếng gọi thanh niên* ra đời vào đầu tháng 4 năm 1941, nhân khi họ Lưu và các bạn Nguyễn Thành Nguyên, Mai Văn Bộ đi chơi, thăm làng Phù-đổng và đền Sóc sơn. Hai ông Nguyên và Bộ đều góp phần sửa-chữa.

Bài hát này được chép tay, lưu hành trong giới sinh-viên dưới tên *Sinh-viên hành-khúc*, trở thành bài hát chính-thức của Tổng hội sinh-viên Đông-dương vào niên-khóa 1942-1943, với thành-phần nòng cốt như Dương Đức Hiền (Chủ-tịch, Bắc), Phạm Biểu Tâm (Trung), Trần Bửu Kiếm, Diệp Minh Châu, Tạ Bá Tòng, Lưu Hữu Phước, Huỳnh văn Tiểng,... (Nam). Bài hát được trình-diễn trước công-chúng lần đầu tiên tại Nhà hát thành-phố nhân Hội chợ cuối năm 1942.

Lời ca lúc đó là:

*Này sinh viên ơi, đứng lên đáp lời sông núi!*

*Đồng lòng cùng đi đi đi! Mở đường khai lối!*

*Thời khó thế khó khó làm yếu ta...*

Đến năm 1945, khi Nhật đảo-chánh Pháp, nhà xuất-bản Huỳnh Mai Lưu (do Huỳnh Văn Tiểng, Mai Văn Bộ, Lưu Hữu Phước chủ-trương) cho xuất-bản và phổ-biến công-khai bài *Sinh-viên hành-khúc*, lấy tựa mới là *Quốc-dân hành-khúc*.

Lời ca nguyên-thủy có các câu như sau:

*Nay anh em ơi! Tiến lên đến ngày giải-phóng!*

*Đồng lòng cùng nhau ta đi, sá gì thân sống!*

*Cùng nhau ta tuốt gươm, cùng nhau ta đứng lên.*

*Thù kia chưa trả xong, thì ta luôn cố bền.*

*Lầm than bao năm, ta đau khổ biết mấy,*

*Vàng, đá, gấm-vóc, loài muông thú cướp lấy.*

*Loài nó hút lấy máu đào chúng ta,*

*Đời ta gian-nan, cửa nhà tan-rã,*

*Bầu máu, nhắc tới đó, càng thêm nóng sôi,*

*Ta quyết thề phá tan quân dã-man rồi...*

*Vung gươm lên, ta quyết đi đến cùng!*

*Vung gươm lên, ta thề đem hết lòng!*

*Tiến lên, đồng tiến, sá chi đời sống,*

*Chớ quên rằng ta là giống Lạc Hồng!*

Bài quốc-ca VNCH (tức *Quốc-dân hành-khúc* của Lưu Hữu Phước) nằm trong thang âm ngũ cung miền Nam với sự chuyển hệ *(métabole)* giữa hai nốt *cống* và *phán* (có *cống* thì không *phán* và ngược lại).

3. Tại miền Nam chỉ có một quốc-gia là Việt Nam Cộng Hòa. Mặt trận Giải Phóng Miền Nam và "chính-phủ" Cách-mạng lâm thời Cộng-hòa Miền Nam Việt-nam chỉ là công-cụ của cộng-sản Bắc Việt (Việt-nam Dân-chủ Cộng-hòa), lập ra với ý đồ xóa bỏ hiệp-định Genève, xâm-lăng VNCH.

Cuối năm 1960, đảng Cộng-sản Việt-nam (CS Bắc Việt) ra nghị-quyết số 15, cho thành-lập Mặt trận Giải-phóng Miền Nam. Lưu Hữu Phước và Huỳnh Văn Tiểng được lệnh soạn bài hát *Giải phóng miền Nam*, ký tên "Huỳnh Minh Siêng", bí-danh của họ Lưu. Bài hát này rất hùng-tráng, nhưng đã bị chính CS Bắc Việt "khai tử" sau khi đã chiếm được miền Nam năm 1975.

**Tôi nhớ...**

Hỏi: 1. Tháng trước tôi có dịp lái xe sang Gia-nã-đại chơi lần đầu. Đến Montréal (tỉnh Québec) tôi thấy trên các bảng số xe đều có hàng chữ *"Je me souviens" (Tôi nhớ)*. Hàng chữ ấy chắc do chính-phủ đặt ra nên bảng số xe nào cũng có. Tôi không biết là người Québec nhớ... cái gì? Bác BC

ở gần tỉnh này chắc biết là mấy ông bà tây con này nhớ cái gì, xin mách cho vậy. Cảm ơn bác.

2. Tôi vẫn đinh-ninh, quốc-ca của Gia-nã-đại cùng một bài với quốc-ca Anh, là *God Save the Queen*. Mới đây mới biết mình nhầm. Quốc-ca xứ này là *O Canada*. Nhưng tôi lại nhớ rằng bài *O Canada* này nguyên quốc ca Québec, không biết có đúng không?

3. Chữ "cà-phê" nguyên xứ từ đâu? Có phải từ "café" của Pháp. Nhưng "café" của Pháp xuất-xứ từ đâu, có phải từ "caffé" của Ý? Nước nào uống cà-phê trước nhất, và dân nước nào uống càphê nhiều nhất? Tôi có người bạn Mỹ gốc Pháp làm cùng sở mỗi ngày uống tới 6, 7 ly cà-phê mà không hề cho vào một hạt đường!

Tôi ở Mỹ, có trồng cà-phê được không? Và chừng bao lâu thì thu-hoạch được?

*Lê Văn Thảnh*
*Connecticut*

Đáp: 1. Đó là mấy chữ đầu trong tiêu-ngữ *(motto)* của Québec. Nguyên câu như sau: *"Je me souviens que né sous le lys, je crois sous la rose" (Tôi nhớ rằng tôi ra đời dưới hoa huệ và tôi lớn lên dưới hoa hồng).*

Nghĩa bóng, hoa huệ hướng về Pháp và hoa hồng hướng về Anh.

2. Những điều đinh-ninh của ông đều đúng cả.

Trước nhất, bài hát nghi-thức xưa nhất của Gia-nã-đại là *God Save the Queen* (hoặc *King*), chính là quốc-ca Anh.

Sau đó thay bằng bài *The Maple Leaf Forever*. Bài này do Alexander Muir (Toronto) soạn năm 1867.

Bài quốc-ca hiện nay, *O Canada* nguyên là bài hát nghi-thức của người Gia-nã-đại gốc Pháp, nhạc của Calixa Lavallée, lời của Adolph-Basile Routhier, trình-diễn lần đầu năm 1880 và sau đó phổ-biến rất nhanh ra khỏi biên-giới Québec. Quốc-hội Gia-nã-đại chọn *O Canada* làm quốc-ca từ năm 1967.

3. Nếu tính từ đầu nguồn, chữ "cà-phê" của Việt-nam bắt nguồn từ "Quhveh" của Ả-rập, qua trung-gia chữ "café" của Pháp.

Người Ả-rập khám-phá ra cây cà-phê sớm nhất. Nguyên vào thế-kỷ thứ 10 có chú bé chăn dê tên là Kaldi để ý thấy bầy dê của mình sau khi ăn một thứ trái màu đỏ chói trong có hạt cứng màu nâu, đều trở nên xông-xáo bất thường. Chú bất-chước ăn thử và cảm thấy phấn-chấn trong người. Chú về làng báo cho vị giáo-sĩ biết. Vị giáo-sĩ cho rằng đó là thức ăn của quỉ, liền ra lệnh nhổ hết lên ném vào lửa.

Các trái này bị đốt, bốc lên mùi thơm ngào ngạt, ai hít vào cũng thấy sảng-khoái. Vị giáo-sĩ liền đổi ý, cho rằng đây là phép lạ của Thượng-đế, bèn nhặt những trái bị cháy đen, hòa vào nước uống thử, thấy đầu óc minh-mẫn hơn, liền phân-phát cho mọi người uống thử. Từ đó cách uống cà-phê bắt đầu phát-triển.

Đến thế-kỷ 13, cây cà phê (Qahveh) đã được trồng khắp nơi trên đất Ả-rập rồi lan dần sang Thổ-nhĩ-kỳ (Kavé) rồi Hi-lạp (Kafes), Ý (Caffé), Pháp (Café), Hòa-lan (Koffie), Anh (Coffee), Đức (Kaffe), Nga (Kofé), Phần-lan (Kahvi), Nhật (Koohii), Việt-nam (Cà-phê),..

Hiện Ba-tây đứng đầu về mức sản-xuất cà-phê, và cũng chính dân xứ này uống cà-phê nhiều nhất. Ông bạn Mỹ của ông kém xa một người Ba-tây trung-bình. Mấy ông Ba-tây uống tới 20 cốc cà-phê mỗi này, nhiều gấp ba ông Mỹ bạn ông!

Ông ở Connecticut, muốn trồng cà-phê để... tiêu-khiển thì được, nếu có nhà kiếng.

Cây cà-phê thích-hợp vùng đất đỏ (núi lửa cổ-đại) trên cao-nguyên nhiệt-đới (như Đà-lạt, Ban-mê-thuột, Long-khánh, Bảo-lộc), Ba-tây, Hạ-uy-di, tốt nhất là từ Bắc vĩ-độ 25 xuống tới Nam vĩ-độ 30. Thời-gian trung-bình từ lúc trồng tới lúc thu-hoạch là 5 năm. Thời-gian sung sức của cây từ 6 tuổi đến 15 tuổi. Mỗi cây trung-bình cho được khoảng 6 kí trái (2 kí hạt). Nếu ông trồng trong nhà kiếng, nên chọn giống Arabica phổ-thông nhất (75% cà-phê bán trên thị-trường thuộc giống Arabica, trồng ở Nam Mỹ; và 25% thuộc giống Robusta, trồng ở Á-Phi). Giống Arabica chỉ cần 2 giờ nắng gắt mỗi ngày là có thể sống được.

**Độc-giả góp ý:**
***Dạ lê... thê***

Nhân đọc bài *Câu ngói Thanh Toàn* của Trúc Sơn trên *Làng văn* số 128, có đôi chỗ tôi muốn được góp ý.

1. Chữ "đóng trá" được tác giả viết theo lối phát âm của một vùng nào đó ở Thừa Thiên. Tôi quê ở Vỹ Dạ, quen gọi là "rầm thượng". Quê ngoại tôi ở làng Ngọc Anh, cách Vỹ Dạ 2 cây số gọi rầm thượng là đòn tra hay gọi cộc lốc: "tra" (trèo lên tra, cất đồ trên tra, núp trên tra).

2. Ông "khai sinh" của làng: Các làng ở thôn quê chúng ta hầu như đều sống về nghề nông nên người lập làng được gọi là ông "khai canh". Ở các tỉnh khác tôi không rõ chứ ở Thừa Thiên vẫn thường dùng chữ Khai Canh, đôi khi vì cữ tên người ta còn gọi trại là "ôn khai ken".

3. Bột La Khê: Làng La Khê nổi tiếng về bột gạo và bún. Bún thì người ta ưa bún tươi nên bún La Khê không tràn đi xa. Bột thì làm khô cất giữ lâu được nên bột La Khê có thị trường rộng. Bột gạo La Khê rất nổi tiếng, bất cứ bà nội trợ Huế nào cũng biết. Ở đây tôi nhấn mạnh La Khê nổi tiếng về bột gạo chứ không phải bột lọc là loại bột tinh lọc từ sắn (củ mì).

4. Sau hết và quan trọng nhất là tên một làng ở Thừa Thiên: làng Dạ Lê.

Thừa Thiên có hai làng: Giạ Lê Thượng và Dạ Lê (cũng như làng Vỹ Dạ và làng thứ hai là Vỹ Giạ Thượng).

Giạ Lê Thượng còn gọi là Giạ Lê Thanh Thủy (ở gần Thanh Thủy). Tôi không xác định chữ Thanh Thủy (hồi ở Việt Nam tôi vẫn thường nghe như vậy).

Dạ Lê còn gọi là Dạ Lê Chánh, Dạ Lê Gót, Dạ Lê chợ Hôm, Dạ Lê Vân Thê. Dạ Lê sản xuất gót, Dạ Lê có chợ họp chiều và tối, Dạ Lê ở kế cận làng Vân Thê (là quê ông Tôn Thất

Thuyết và có cây cầu ngói Thanh Toàn).

Tác giả Trúc Sơn gọi Dạ Lê Thê từ đầu đến cuối bài chứng tỏ tác giả nhớ tên làng là "Dạ Lê Thê". Từ tên gồm 3 chữ này, tôi nghĩ rằng:

1. Có thể từ đâu đó người ta đùa, thêm chữ "thê" vào sau chữ "lê" có sẵn thành "lê thê" cho vui và tác giả Trúc Sơn vẫn yên chí Dạ Lê Thê là tên thật.

2. Như ở trên tôi đã nêu, dân Huế và Thừa Thiên trong câu chuyện thường tìm cách xác định Dạ Lê và Gia Lê (phát âm như nhau) nên mới thêm những chữ đi theo đàng sau trong đó có Dạ Lê - Vân Thê khác với Gia Lê - Thanh Thủy.

Dạ Lê - Vân Thê có thể mất đi chữ "Vân" để trở thành Dạ Lê Thê chăng?

3. Giả thuyết thứ ba tôi cũng xin nêu ra: Ở Huế người ta vẫn truyền miệng câu:

*Bất giao Nhan Biền hữu*
*Bất thú Dạ Lê Thê*

Tôi không hiểu gốc gác hai câu này từ đâu và tên làng trong câu 2 là Dạ Lê hay Gia Lê nữa. Tôi cũng xin không bàn đến chuyện đúng sai chứa đựng trong hai câu này. Tôi chỉ xin bạn đọc chú ý đến 3 chữ sau cùng của câu 2, có phải vì thế mà có tên "Dạ Lê Thê" chăng?

*Vĩnh Tiên*
*Sydney, Úc*

---

# gôm

Trên *Làng Văn* số 130, trang 96, cột 3, câu hỏi "Câu danh ngôn *'Các ngươi hãy chịu khó đi vào bằng cửa hẹp, vì cửa rộng và đường thênh-thang dẫn đến sa-đọa'* của ai?"

Câu trả lời đúng nhất, phải là: "Câu này trong Kinh Thánh Mathew (7:13,14), được André Gide đưa vào cuốn *La Porte étroite (Khung cửa hẹp)* xuất-bản năm 1909."

BC xin cảm ơn bạn Lê Duy Linh (San Jose) đã bổ-túc cho.

## *ước gì anh được đau!*

*đông này trời lạnh giá*
*em nhiễm bệnh khi nào?*
*em ho, nghe xót dạ*
*ước gì anh được đau!*

*anh hỏi thăm bác sĩ*
*khuyên dùng nhiều trái cây*
*thương em, anh đâu ngại*
*trời đêm tuyết xuống đầy!*

*anh lựa từng trái quít*
*sẽ chưng với đường phèn*
*em ăn vào, sẽ hết*
*cơn ho buồn đêm đêm!*

*từng trái cam anh chọn*
*chứa đầy sinh tố C*
*em ăn vào sẽ chóng,*
*bình phục như khi xưa.*

*đẩy xe ra đến "caisse"*
*mong chóng về với em,*
*đưa tay tìm trong ví*
*mới hay không có... tiền!*

*tiệm trái cây không chịu*
*chà master, visa*
*xe trái cây... bỏ lại*
*ra về mà xót xa!*

*nguyễn bá dĩnh*

## *nhớ quê*

*Nhớ quê hiên ướt mưa chiều*
*Gió lay cành lá hắt hiu nỗi buồn*
*Lòng sầu từ độ tha hương*
*Cuốn theo kỷ niệm tang thương nửa đời.*
*Ta về hứng vạt nắng rơi*
*Quê xưa nay cũng rã rời nỗi đau.*
*Gõ vào cơn mộng qua mau*
*Trắng tay ta biết tìm đâu lối về!*
*Mưa thưa rớt hạt não nề*
*Chiều trần gian lạnh, hồn tê tái sầu.*

*nguyễn đức thanh*

## *cõi tạm*

*Nửa vầng trăng lơ lửng*
*Cũng soi sáng mặt hồ*
*Nửa đời anh hờ hững*
*Chỉ tạm kiếp hư vô.*

*Thăm bạn bệnh tâm thần*
*Nhìn ra thuyết sắc không*
*Chút nghiệp dư quanh quẩn*
*Trả bao giờ cho xong?*

*Soi gương đầu bạc trắng*
*Hoá ra mình đã già*
*Cứ ngỡ đời là mộng,*
*Quên không nhìn cái ta!*

*ep*

## *sống lại ngày xưa*

*Tôi lại trở thành đứa bé*
*tung tăng ngõ trước vườn sau*
*mái ngói đỏ nhiều chim sẻ*
*xanh xanh cây lá đẹp màu.*

*Ra dòng sông sau bơi lội*
*một hôm đang lúc thủy triều*
*nước cuốn phăng đi một đỗi*
*hoảng hồn gắng lội về mau.*

*Ven ruộng tầm xuân mới nở*
*hồng tươi trên cỏ mượt mà*
*hôn cánh hoa thơm nho nhỏ*
*thấy tình quê đẹp bao la.*

*Bước tới ngôi trường thuở trước*
*thi đua chúng bạn học hành*
*thầy vẫn giảng bài dõng dạc*
*học trò nhỏ cũng thông minh.*

*Tôi vẫn trở về quá khứ*
*mỗi khi gợi nhớ trong hồn*
*dù sống trăm năm đi nữa*
*lòng già vẫn trẻ như xuân.*

*đắc trung*



# đầu làng cuối xóm

Mõ (Làng Văn)

**Về chuyện "vinh danh người lính Việt-nam"**

Ông Phan Nhật Nam, nhà văn, cựu thiếu-tá Nhảy Dù, một loại "người hùng" của quân-đội Việt-Nam Cộng-Hòa trước đây, đã làm cho nhiều chiến-hữu của ông thất-vọng trước bài diễn-thuyết *"Sứ-mạng và nhiệm-vụ của người lính VNCH"* đọc tại buổi hội-thảo của hội Cựu SVSQ trường Võ-bị quốc-gia VN ở Houston mới đây.

Theo tin của báo *Xây-dựng* ở Houston, bài diễn-thuyết có những điểm nóng như sau:

- Ông Phan Nhật Nam xác-định, cơ-quan công-quyền, an-ninh, tình-báo của CSVN rất tinh-vi và chặt-chẽ, "chúng ta" đã thất-bại và đừng hi-vọng làm một sự thay-đổi.

- Về việc tranh-đấu ở hải-ngoại, ông Phan Nhật Nam xác-định là chẳng ăn nhằm gì. Càng tranh-đấu thì GS Đoàn Viết Hoạt càng bị đày đi xa tận biên-giới Việt Trung (sự thực: GS Hoạt hiện bị giam tại Thanh-hóa, không phải biên-giới Việt Hoa - xem tin *Ngoài ngõ* trong số này).

- Người Việt hải-ngoại nên xóa bỏ hận-thù đối với cộng-sản.

- Cờ và quốc-ca VN xem như xóa bỏ vì đã không còn hiện-diện trên quê-hương, ở các tổ-chức, cơ-sở của các nước trên thế-giới, v.v.

Những luận-điệu này Mõ đã nghe quen lắm rồi, nhưng trước đây chỉ thấy rải-rác trên các báo *Thông-luận, Hợp-lưu, Đối-thoại* hoặc *Quân-đội nhân-dân, Sài-gòn giải-phóng*. Đây là lần đầu-tiên được nghe lại từ miệng một "người hùng" thứ thiệt mà chủ báo *Hợp-lưu* từng gọi là "những hình nộm rằn-ri" (và sau đó được chính "hình nộm rằn-ri" Phan Nhật Nam nộp bài cộng-tác).

Nghe xong bài diễn-văn kêu-gọi các chiến-hữu "buông súng, ai ở đâu ở đó" của ông tá "nhảy dù", Hội Võ-bị ê mặt hết sức, nhiều người cải chánh cải tà rằng thì là đó là ý-kiến của chiến-hữu (?) Phan Nhật Nam, không phải quan-điểm chung của Hội.

Trông đi ngoảnh lại chỉ có dăm ba người hết sức nhất trí với ông Phan, là các cán lớn cán bé ngồi gật-gù ngoài Bắc-bộ phủ. May cho đảng ta, Phan Nhật Nam quả không giống Solzhenitsyn chút nào! Nếu mấy chục năm trước lưu-vong qua Mỹ, Solzhenitsyn cũng thống-thiết ra tuyên-ngôn kêu-gọi giã-từ vũ-khí thì chắc cho tới ngày nay Liên-sô vĩ-đại vẫn còn nguyên một miếng, đâu có rã bung ra như thế! Nếu Solzhenitsyn cũng hùng-dũng kêu-gọi dân Nga đừng có chống cộng nữa, vì chế-độ cộng-sản nó tinh-vi và chặt-chẽ lắm, có chống cũng chẳng được cái nước mẩu gì; rằng thì là đừng thèm treo cái cờ tam tài xanh-trắng-đỏ nữa vì đó là cờ của... Sa-hoàng và đã bị quốc-tế bỏ quên từ 1917, v.v. thì chắc cho tới ngày nay cờ búa liềm vẫn hãy còn bay phất-phới trên điện Cẩm-linh.

Trong phần thảo-luận, khi bị bà Hoàng Minh Thúy, chủ-nhiệm báo *Xây-dựng* chất-vấn về vấn-đề "xóa bỏ hận-thù", người hùng Phan Nhật Nam trả lời quanh-co đại ý rằng ông không căm-thù chế-độ cộng-sản vì ông có người quản-giáo tốt lắm, đã cho ông một gói thuốc lá.

Mấy anh cộng-sản ở bắc-bộ phủ nghe câu này chắc... lấy làm tiếc lắm. Biết vậy, đảng ta đã chịu khó xuất quỹ mua vài chục ngàn gói thuốc nhờ quản-giáo dúi cho mỗi anh tù một gói, biết đâu giờ này họ chẳng những quên sạch "hận-thù" mà còn ngấm ngầm biết ơn bác và đảng, khỏi phải tốn nước bọt kêu gọi "hòa hợp hòa giải", "xóa bỏ hận thù" cho nó lôi-thôi ra.

Hút thuốc chúa múa tối ngày. Trên tờ *Quốc dân* số 1 bộ mới (Nguyên Vũ chủ-nhiệm, Phan Nhật Nam chủ bút), họ Phan kêu gọi mọi người hãy biến ngày Quốc hận 30 tháng 4 thành ngày *"Vinh danh người lính Việt-nam"*.

Ngay trong đoạn mở đầu, ông viết rằng ngày 30.4 là ngày đau khổ tột cùng của người lính VNCH: *"Ngày của đầu hàng, buông súng. Ngày đào-ngũ trốn chạy của rất nhiều tướng hèn, tá bẩn."*

Ở đoạn dưới ông ca-tụng "người lính Việt-nam" có *"danh dự và tinh-thần hi-sinh, lòng can-đảm, ý-chí thép luyện vượt trên những dòng chữ khô, cứng"*, *"đã vị quốc vong thân dài theo 30 năm máu lửa"*, *v.v.*

Có nhiều người nhìn thấy và lấy làm thắc-mắc: thực-sự ông Phan Nhật Nam muốn vinh danh "người lính Việt-nam" nào, Việt-nam cộng-hòa hay Việt-nam cộng-sản? Vì khi nói tới *"đầu hàng, buông súng, đào ngũ trốn chạy, tướng hèn tá bẩn"* thì ông minh-định là "người lính VNCH", còn khi nói tới "danh-dự, tinh-thần hi-sinh, can-đảm, ý-chí thép luyện,.." thì ông tiện mất hai chữ "Cộng-hòa" đi, chỉ nói gọn là "người lính Việt-nam" mà thôi.

Căn-cứ theo lời phủ đầu của ông Phan Nhật Nam, chắc chẳng ai lại đi vinh danh những người "đầu hàng, trốn chạy, hèn, bẩn" bao giờ! Vả chăng, nếu muốn vinh danh người lính VNCH, thiếu gì ngày để chọn (thí-dụ như 19 tháng 6, hay ngày ban-hành sắc lệnh thành-lập quân-lực VNCH chẳng hạn), lại đi chọn đúng cái ngày được lệnh... đầu hàng? Phải chăng ông có ý khôi-hài đen, hoặc muốn châm-chọc độc-địa?

Nói về người lính Việt-nam cộng-sản, ông Phan Nhật Nam viết, *"Không thể đồng-lõa tập-thể Người Lính Việt-Nam với những chế-độ hay người cầm quyền. Người lính Việt-nam đến từ mọi nẻo đường quê-hương, mọi sắc-tộc hay mọi giai-tầng xã-hội. Họ đã vào sinh ra tử, hi-sinh chính bản thân hay hạnh-phúc cá-nhân chỉ cho đại nghĩa Quốc dân. Những dòng mồ-hôi, nước mắt và máu đào của họ đã tiếp-nối truyền-thống quốc tổ Hùng-vương hay bà Trưng bà Triệu để giữ lại những trang sử vàng son của một dân-tộc hào-hùng, quả-cảm, để biến sông núi gấm-vóc thân-yêu thành viên minh-châu ngời rạng của vòm trời Á-đông."*

Ôi, cao-cả thay, toàn là những mỹ-từ và quí-ngữ! Phải chi người lính VNCH cũng được "ké" một tí tên vào những dòng trên đây! Đáng tiếc thay, không có bóng dáng của những chiến-hữu của ông Phan Nhật Nam trong đó. Đồng-đội cũ của ông, những người còn sống thì kẻ "trốn chạy" ra hải-ngoại, "mang nặng hận-thù", kẻ bị giam-cầm trong các trại tù lao-cải; người chết thì mồ-mả bị cày xới ở Biên-hòa, bức tượng kỷ-niệm *(Tiếc thương)* bị lật cho chổng mông lên trời.

Thôi thì cứ nghe lời ông Phan, vinh danh những người "xứng-đáng" vậy. Xin ông Phan Nhật Nam cứ tùy-tiện nhân-danh cá-nhân ông, đứng cùng hàng ngũ với những "Người Lính Việt Nam" cho có đàn theo truyền-thống ngưu tầm ngưu mã tầm mã!

Mõ vốn cũng là lính con so, chưa dày công-nghiệp như ông Thiếu-tá "nhảy dù", nhưng vì thấy ở cuối bài ông viết là "mong đón nhận ý-kiến cao-minh của quí vị chiến-hữu" nên cảm thấy ngứa-ngáy. Tiếc là "cao kiến" thì Mõ không có, chỉ có một chút "đê kiến", xin "báo-cáo" như trên.

•

## *buông dao đồ tể... là thành phật?*




*Giới đồ tể vốn thường ít học*
*Vì sinh cư phải chọc tiết heo*
*Đảng viên Cộng dẫu đói nghèo*
*Nhập môn phải thuộc giáo điều Mác Lê.*

*Cái sự học nó ghê gớm lắm*
*Ngấm vào xương nhuận thấm tận hồn*
*Suốt cuộc đời dễ gì buông*
*Đeo đẳng mãi tới vô hòm mới tha.*
*Tướng với tá, quan nha, nghệ sĩ*
*Tà thuyết càng hồi hởi trau giồi*
*Chăm chăm chiếc ghế trên ngồi*
*Mong ngày bắt được cái ngôi công thần*
*Hát cải cách hay đờn quảng lạc*
*Chỉ trò hề tráo chác đấy thôi.*
*Thế thời đã nắm chắc rồi*
*Mở thêm mặt trận đánh người lưu vong.*
*Vờ vĩnh ngôn bất đồng chính kiến*
*Giả bộ ngờ văn điển búa sao*
*Đạo quân thứ năm ạt ào*
*Nửa đêm tiềm phục phần nào mới ra.*
*Họp nhau dựng bài ca con cá*
*Xin đồng bào xóa bỏ hận thù*
*Để rồi nắm lấy chóp bu*
*Tiếp tục cai trị bằng bù-loon xe.*

*Người Việt ngoại có nghe lịch sử?*
*Đọc qua chăng thời sự bốn lăm?*
*Liên hiệp cùng chống thực dân*
*Bỗng anh họ quốc ngã lăn rớt đài.*
*Tiếp theo đó chuyện dài còn nóng*
*Dụ khị chàng "giải phóng" tham lam*
*Lập nước Cộng Hoà Miền Nam*
*Nối giáo cho giặc cũng hàm hồ tiêu.*

*Gần hơn nữa Đông Âu, Nga, Đức*
*Giải cộng rồi tổ chức chính quyền*
*Bầu cử tự do liên miên*
*Ngỡ phe tà giáo đã quên hận thù*
*Bừng mắt dậy lù lù cộng sản*
*Đã hồi sinh đảng nọ đoàn kia*
*Ghế trên viện dưới lia chia*
*Hoá thân thoát xác đang mê hoặc đời.*

*Khách lãng du rượu mười chữ một*
*Đôi làn nghề bán thịt thiến heo*
*Nhưng nghe đồ tể giáo điều*
*Cẳng đã lạnh, dế cũng teo mấy phần,*
*Cho nên cóc muốn tương lân.*

*nam chi thượng nhân*



# diễn đàn

## Phan Nhật Nam biện bạch về vấn đề "chao đảo"

*Trần Ngân Tiêu*

Ngày 10.6.1995, nhà văn Phan Nhật Nam đã đến Orlando, Florida để ra mắt sách và trong dịp này ông đã thuyết trình về đề tài *"Lý do tại sao tôi tiếp tục cầm bút"* trước sự tham dự của khoảng 40 người.

Theo ông thì lý do khiến ông cầm bút và tiếp tục cầm bút có thể tóm tắt như sau:

- Vì bất nhẫn trước sự đau khổ của những nạn nhân chiến tranh Việt Nam.

- Vì cộng sản VN không có trái tim, không còn là con người nữa mà chỉ là những cái máy triệt hạ nhân phẩm nên phải tiếp tục cầm bút để phơi bày điều đó.

Ông kết luận: Là nhà văn, phải sáng tạo những tư tưởng mới để những nhà làm chính trị dùng đó như một đường hướng đấu tranh với CSVN trong cuộc chiến cuối cùng. Nhân dịp này, Phan Nhật Nam cũng biện minh cho quan điểm của mình trước một số nhận xét của báo chí cho rằng ông đã chao đảo, không giữ vững lằn ranh quốc cộng qua các bài viết và thuyết trình của ông.

Căn cứ vào những bài viết trên báo *Quốc dân* của ông và Nguyên Vũ cũng như bài *Sứ mệnh người lính* thuyết trình tại Houston, Texas do hội cựu Sinh viên Võ bị tổ chức (mà Phan Nhật Nam gọi là "một tài liệu học tập chính trị), báo chí đã đặt vấn đề với Phan Nhật Nam qua những điểm như sau:

- Ông tuyên bố không căm thù người cộng sản.

- Chúng ta là những người lính không còn quốc kỳ và quân kỳ.

- Ông kêu gọi dùng ngày 30.4 làm ngày "vinh danh người lính Việt Nam".

Ngoài ra, cũng trên báo *Quốc dân* của ông còn có bài của Đỗ Mậu, đặt vấn đề *"Có nên chào quốc kỳ VNCH nữa không?"*.

Trong buổi nói chuyện tại Orlando, không ai đặt câu hỏi về những vấn đề trên mà chính nhà văn Phan Nhật Nam đã tự đưa vấn đề ra để biện minh. Ông tỏ vẻ đau khổ và thống trách những người đã chụp cho ông cái mũ "hoà hợp hoà giải" một cách vội vã. Với uy tín quá khứ và với lối nói chuyện lôi cuốn, trong lúc nhất thời cử tọa có thể bị Phan Nhật Nam thuyết phục. Tuy nhiên, sự biện minh của ông có khá nhiều khuyết điểm nên vấn đề sẽ không sớm đi vào quên lãng. Thay vì chỉ cần làm sáng tỏ lập trường của mình (ý tôi không phải như thế) thì ông lại dẫn đến một sự tranh luận mới không bao giờ dứt để rồi bị sa lầy trong cái hố ngụy biện.

Khi Phan Nhật Nam nói ông không căm thù người cộng sản VN vì họ không còn là con người nữa, ông đã tự mâu thuẫn. Bảo kẻ khác không phải là người, trong đó đã hàm sẵn ý căm thù rồi. Huống chi, về phương diện tranh đấu, nếu không căm thù thì động cơ nào thúc đẩy người ta tiếp tục chiến đấu?

Về việc "chúng ta không còn quốc kỳ và quân kỳ", Phan Nhật Nam giải thích rằng qua 19 năm trong tù và trong nước, ông không được thấy những lá cờ đó nên coi như đã chết, nếu còn thì chỉ còn trong trái tim ông thôi. Ông cho biết thêm, lần đầu tiên ông thấy lá cờ quốc gia là buổi ông thuyết trình "bài học tập chính trị về sứ mạng người lính VN" tại Houston, và câu nói trên được phát biểu chỉ vài phút sau lễ chào cờ. Cái mâu thuẫn ở đây là nếu nó vẫn còn trong trái tim mình thì nó không chết. Hai mươi năm, bọn văn nô CS và tay sai đã tung ra biết bao nhiêu đợt tấn công lá cờ quốc gia đều bị báo chí chống cộng đánh bại. Chúng đã cố tình gán cờ vàng ba sọc đỏ là cờ của Bảo Đại, của Diệm Nhu, của Thiệu Kỳ, của tham nhũng; thậm chí có kẻ (như Nguyên Vũ) còn nhục mạ lá cờ đó, gọi là cờ

ba que.v.v.. nhưng người Việt vẫn không bỏ quốc kỳ và quốc ca. Lá cờ vàng ba sọc đỏ vẫn phất phới tung bay và trở thành một cái gai trước mắt bọn CSVN. Đã ở Hoa kỳ gần hai năm mà Phan Nhật Nam không thấy điều đó thì thật là đáng tiếc. Khi vừa đặt chân đến trại chuyển tiếp ở Phi trước khi sang Mỹ, ông phải thấy lá cờ đó rồi mới phải chứ đâu phải chờ đến tháng 4.95 mới được thấy lần đầu tiên!

Phan Nhật Nam không hề giải thích lý do tại sao ông chọn 30 tháng 4 làm ngày "vinh danh người lính VN" mà chỉ giải thích cụm từ "người lính VN". Ông biện minh rằng cụm từ đó không ngụ ý bao gồm người lính Cộng Sản Việt Nam và người lính Việt Nam Cộng Hoà. Khi nói "người lính VN", ông muốn vinh danh tất cả những người lính trước thời VNCH như lính thời Bảo Đại, lính của Hoàng Hoa Thám, của Cao Thắng.v.v..

Ở điểm này ông đã ngụy biện lộ liễu. Vì lính VNCH thoát thai từ lính Quốc gia, phát triển và trở thành quân đội VNCH, nối tiếp chiến đấu chống một kẻ thù CS thì hai người lính này là một. Người lính VNCH đã chiến đấu oanh liệt nhưng phải gánh chịu sự oan nghiệt không thua mà bại. Cái trách nhiệm làm mất nước dù không do lỗi ở họ nhưng họ vẫn phải gánh chịu. Sự oan nghiệt đó cần được làm sáng tỏ. Còn những người lính không cộng sản trước kia (dù thời Hoàng Hoa Thám hay trước đó) họ đã có chỗ đứng rõ ràng trong lịch sử rồi, đâu cần đến ông Phan Nhật Nam vinh danh nữa!

Khi ông viết "Không thể đồng hoá tập thể người lính Việt Nam với những chế độ hay người cầm quyền...", cái đối-tượng mà ông muốn "vinh danh" đã quá rõ.

Phan Nhật Nam nói thao thao suốt ba tiếng đồng hồ, chỉ dành nửa giờ cho cử tọa đặt câu hỏi. Nhưng chỉ có ba người được ban tổ chức chỉ định sẵn để lên "ca" rồi tuyên bố chấm dứt. Tại sao ông lại ngại ngùng, tránh né công luận như thế?

Sau khi cưỡng bách phải buông súng, nhiều người lính VNCH đã cầm bút để tiếp tục chiến đấu, "phơi bày tội ác cộng sản và làm sáng tỏ chính nghĩa quốc gia" như Phan Nhật Nam đã giải thích "tại sao tôi tiếp tục cầm bút." Chỉ khác với ông là họ có lập trường dứt-khoát và ngôn ngữ minh bạch. Họ có một lằn ranh rõ ràng để xác định vị trí mình.

Trong mặt trận văn-hóa-vận, một số từ ngữ đẹp (như giao-lưu văn-hóa, hòa-hợp hòa giải) đã bị bọn văn nô CS và bọn trở cờ làm cho ô uế. Với lối suy nghĩ nặng về cảm tính, cộng thêm tính thích cường độ để "cao kiến" của mình nổ ra, nổi bật hơn người nhưng lại sử dụng chữ nghĩa mập mờ, ông Phan Nhật Nam đã tự tạo ra một đám mây nghi ngờ xám ngoẹt vây quanh mình. Chỉ có sự thành thật và lương thiện mới có thể xóa toan được đám mây mù ấy. Người ta chờ-đợi ở Phan Nhật Nam một lời xác-định gọn-gàng, minh-bạch hơn là biện-luận quanh-co, hay trở bút tấn-công ngược lại những người đã từng yêu-mến ông. ●

---

## *dấu xưa*



*Trang sử còn xanh trên giấy xưa*
*Dấu binh nhung Vạn Kiếp chưa mờ*
*Đường gươm Trần Hưng Đạo năm trước*
*Khứa nát hồn ta đến xác xơ.*

*Vó ngựa Cao Bằng phong kín rêu*
*Âm ba tiếng lạc tưởng quân thiều*
*Đêm đêm vang vọng miền quan tái*
*Trăng gió biên đình cũng tịch liêu.*

*Thái Ấp, người xưa gửi nghiệp đồ*
*Gái anh thư với mảnh khăn sô*
*Ba hồi trống dựng Mê Linh dậy*
*Trở giáo ngang mày chém giặc Tô.*

*Lời hịch nào âm hưởng thiết tha*
*Mang hồn sông núi của ông cha*
*Như người Nguyễn Trãi, ta còn thấy*
*một trận Bình Than vững nước nhà.*

*Tiếng thét kinh hồn giặc Thoát Hoan*
*Trần Bình Trọng ngạo nghễ ngang tàng*
*Khí thiêng sông núi còn hun đúc*
*Những đấng anh hùng của nước Nam.*

*Chẳng thẹn cùng ai tiếng trượng phu*
*Lý Thường Kiệt chống giữ cơ đồ*
*Ngọn rau tấc đất nhuần mưa móc*
*Hịch Phú Lương vang vọng dưới cờ.*

*Kìa tiếng quân đi bóng chập chùng*
*Nửa đêm về chiếm lại Thăng Long*
*Những ai đã thác từ muôn trước*
*Còn thấy Quang Trung dáng lẫy lừng.*

*Ngọn nước nào chôn những xác thây*
*Người xưa, thế dựng nước, là đây*
*Đêm nay tiếng sóng Đằng Giang thét*
*Hãy trả cho ta núi sông này!*

*Trang sử, người ơi, chưa úa nhàu*
*Mà nay đất nước ngập thương đau*
*Hồ trường đã cạn hồn sông núi*
*Máu lệ trong ta cứ ứa trào.*

*Đã mấy năm, ta dưới ngọn đèn*
*Khêu hồn đất nước dậy linh thiêng*
*Ấn thư cát bụi chưa mờ dấu*
*Còn đó, niềm đau của Việt Nam.*

*lâm nam triều*

# nhận được, giới-thiệu

### Tuyển-tập hai mươi người viết tại Canada (1975-1995)

Tuyển tập thơ văn do Nắng Mới xuất-bản năm 1995 tại Gia-nã-đại.

Tuyển-tập đăng bài của 20 người viết thành danh và chưa thành danh tại Gia-nã-đại, phần đông thuộc khuynh-hướng "giao-lưu văn-hóa" với CSVN.

Ngoài "20 người viết" trong tuyển-tập, trên thực-tế tại Gia-nã-đại còn có trên 50 người viết thuộc các khuynh-hướng khác, không đăng bài trong tuyển tập này.

*Tuyển tập 20 người viết* dày 322 trang, giá 15 mỹ-kim. Liên-lạc: Nắng Mới, CP 40 Succ. Côte des Neiges, Montreál, PQ H3S 2S4, Canada.

### Như giấc mộng hoa vàng

Tập truyện ngắn đầu tay của Ngọc Thủy, Đông-phương xuất-bản năm 1993.

Sách dày 136 trang giá 7 mỹ-kim. Liên-lạc: Đông-phương, P.O. Box 46596 Seattle, WA 98146, USA.

### Lớp trước lớp sau

Truyện ngắn, tác-phẩm thứ 12 của Nguyễn Đức Lập, Hoa Gấm xuất-bản tại Hoa-kỳ năm 1994.

Tác-giả là một trong những nhà văn có đạo-đức chính-trị, văn-phong miền Nam vững chãi và sâu-sắc.

Sách dày 224 trang, giá 12 mỹ-kim. Liên-lạc: Hoa Gấm, P.O. Box 2317, Westminster, CA 92640, USA.

### Bé yêu đời

Tập truyện thiếu-nhi của Ngọc Thủy, Đông-phương xuất-bản tại Hoa-kỳ năm 1995.

Sách dày 96 trang, gồm 20 truyện ngắn, giá 5 mỹ-kim. Liên-lạc: Đông-phương, P.O. Box 46596 Seattle, WA 98146, USA.

### Thơ trong da ngựa

Thơ Hà Huyền Chi, Cung Tên xuất-bản tại Hoa-kỳ năm 1995.

Sách dày 204 trang giá 12 mỹ-kim. Liên-lạc: Đặng Trí Hoàn, 7613 SE 50th Ave., Lacey, WA 98513, USA.

### Trần ai khoai củ

Truyện dài của Nguyễn Đức Lập, Hoa Gấm xuất-bản tại Hoa-kỳ năm 1994.

Truyện dựng trên bối-cảnh miền Nam dưới chế-độ cộng-sản, nơi mà người dân sống cảnh đời "trần ai khoai củ" ngay trên mảnh đất màu-mỡ của cha ông để lại, nhân-phẩm con người bị giày-vò, biến-thái.

Ở Nguyễn Đức Lập, nhà văn là người dùng ngòi bút để xây-dựng và làm đẹp cuộc đời. Trong hoàn-cảnh tăm-tối nhất của cuộc sống, ông vẫn nhìn thấy và gom-góp những "nhất điểm lương tri" lại thành ngọn đuốc trí huệ, báo trước bình-minh tâm-thức và cuộc đời.

*Trần ai khoai củ* dày 256 trang giá 14 mỹ-kim. Liên-lạc: Hoa Gấm, P.O. Box 2317, Westminster, CA 92640, USA.

### Thiên thần quét lá

Tập truyện của Vĩnh Hảo, Chiêu Hà tái-bản tại Hoa-kỳ năm 1995.

Sách viết về đời sống của các chú tiểu ở chùa, gồm 8 truyện ngắn.

Sách dày 214 trang giá 10 mỹ-kim. Liên-lạc: Chiêu Hà, P.O. Box 2303, North Hills, CA 91393-0303, USA.

### Phong-trần

Tập thơ đầu tay của Trương Chi, tác-giả ấn-hành năm 1995 tại Gia-nã-đại.

Sách dày 108 trang giá 10 mỹ-kim. Liên-lạc: Trương Chi, 1750 Cr. Rousseau, Brossard, PQ J4X 1S7, Canada.

### Trao tặng đất trời

Tập thơ của Nguyễn Hoàn Nguyên, Cái Đình xuất-bản tại Hòa-lan năm 1995.

Sách dày 96 trang giá 12 mỹ-kim. Liên-lạc: Cái Đình, Den Uylstraat 36, 8015 DZ Zwolle, Netherlands.

### Tự-điển danh-từ điện toán Anh Việt

Tự-điển của Lê Duy Tâm, tác-giả xuất-bản năm 1995 tại Gia-nã-đại.

Sách biên-soạn cẩn-thận, dụng-ngữ sáng và gọn, nhiều hình minh-họa. Một cuốn tự-điển hữu-ích.

Sách dày 612 trang giá 37 mỹ-kim, liên-lạc: Làng Văn.

### Hành trình một Hát Ô

Bút-ký xã-hội chủ-nghĩa của Đặng Trần Huân, Thời-Luận xuất-bản năm 1995 tại Hoa-kỳ.

Đặng Trần Huân có lối kể chuyện trầm-tĩnh, dí-dỏm, không hằn-học.

Sách dày 288 trang, giá 15 mỹ-kim. Liên-lạc: Đặng Trần Huân, P.O. Box 3022, Industry, CA 91744, USA.

# lệ làng:

## MUA BÁO DÀI HẠN
### nhanh . rẻ . nhiều quyền-lợi khác

Độc-giả mua báo dài hạn nhận báo gửi về tận nhà, được bớt từ 10% đến 25% khi mua sách do *Làng Văn* phát-hành.

Xin điền phiếu mua báo, gửi kèm ngân-phiếu hoặc bưu-phiếu về tòa-soạn tại Gia-nã-đại (Canada).

Độc-giả tại Gia-nã-đại, Hoa-kỳ và Anh-quốc có thể trả bằng chi-phiếu (cheque/check) cá-nhân, gửi về tòa-soạn Gia-nã-đại.

Độc-giả tại các nước khác xin trả bằng bưu-phiếu mua tại bưu-điện, hoặc ngân-phiếu mua tại ngân-hàng. Cũng có thể trả bằng chi-phiếu cá-nhân theo giá tiền địa-phương, gửi về văn-phòng Làng Văn địa-phương.

**GIÁ BÁO DÀI HẠN**

*(một năm 12 số, kể cả báo Xuân)*

Báo gửi trong Gia-nã-đại: 70$ (máy bay); 50$ (đường bộ)

| | | |
|---|---|---|
| Gửi đi Hoa-kỳ: | đường hàng không: | 70 mỹ-kim (96 GK) |
| | đường bộ: | 50 mỹ-kim (68 GK) |
| Các nước khác: | đường hàng-không: | 80 mỹ-kim (110GK) |
| | đường thủy: | 50 mỹ-kim (68 GK) |

Ghi-chú:

- GK: gia-kim: CA$ (tiền Gia-nã-đại); mỹ-kim: US$ (tiền Mỹ)
- Nếu trả bằng chi-phiếu / tiền địa-phương, xin theo giá:

| | |
|---|---|
| Anh: | đường thủy 35 bảng/ hàng-không 60 bảng. |
| Bỉ: | đường thủy 1777 quan / hàng-không 2800 quan |
| Đan-mạch: | đường thủy 400 đan-kim/hàng không 550 đan kim |
| Đức: | đường thủy 95 đức mã / hàng không 150 đức mã. |
| Hòa-lan: | đường thủy 105 gulden / hàng-không 170 gulden. |
| Na-uy: | đường thủy 400 krone / hàng-không 600 krone. |
| Nhật-bản: | đường thủy 5500 yen/hàng-không 9000 yen |
| Pháp: | đường thủy 300 quan / hàng-không 500 quan. |
| Úc: | đường thủy 85 úc-kim / hàng-không 140 úc kim. |

***Dù đang cư-ngụ tại bất cứ quốc-gia nào, quí độc-giả đều có thể gửi thẳng chi-phiếu bằng tiền địa-phương về tòa-soạn Làng Văn tại Gia-nã-đại. Xin đề trả cho: "Mr. NGUYEN"***

***Quí vị cũng có thể gửi về các văn-phòng đại-diện tại quốc-gia bạn cư-trú, theo các địa-chỉ kể sau:***

**Đức:**
Dr. Ngô Việt Dũng
Postfach 104122
44041 Dortmund
(ĐT: 231-656-949)

**Na-uy:**
Dương Kim
C/o Nguyễn Châu Tùng
Ulsholtbvn 14
1053 Oslo
(ĐT: 047-22-302562)

**Đan-mạch**
Bà Đặng Văn Nhâm
Hallandsparken 150
2630 H. Taastrup
Denmark
(ĐT: 45-43-71-31-87)

**Hòa-lan:**
Hồ Thị Chiến
Lyster 77
1628 Am-Hoorn-NH
(ĐT: 02290-31666)

**Úc-đại-lợi:**
Phạm Quang Ngọc
P.O. Box 225
Bonnyrigg, NSW 2177
(ĐT: 02-823-6129)

Quí vị sẽ nhận được số báo đầu-tiên trong vòng 4 tuần (nếu mua báo gửi bằng máy bay) hoặc 12 tuần (nếu mua báo gửi bằng đường thủy) sau ngày tòa-soạn nhận được chi-phiếu. Sau thời-hạn này, nếu chưa nhận được, xin thông-báo cho tòa-soạn biết để xem lại.

Mỗi độc-giả sẽ có một mã-số riêng, in ở hàng đầu trên nhãn địa-chỉ của bạn ngoài phong-bì gửi báo. Xin vui lòng cắt nhãn này để dành. Khi cần giao-dịch với tòa-soạn (khiếu-nại, mua sách, gia-hạn báo, đổi địa-chỉ, v.v.), xin gửi kèm mã-số để tránh nhầm lẫn. Mã-số này gồm ba nhóm số và chữ. Nhóm thứ nhất là mã-số riêng, không bao giờ thay-đổi. Nhóm thứ hai là hạn báo của quí vị, ghi số báo chót sẽ nhận được. Nhóm chữ cuối cùng (nếu có), là cách gửi báo (máy bay, đường bộ,..).

Quí độc-giả mới, hoặc vừa tái hạn, trong vòng 90 ngày, xin vui lòng kiểm-soát lại nhóm số thứ hai (hạn báo). Nếu thấy không đúng với con số do quí vị tính, xin thông-báo ngay cho tòa-soạn.

**PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN**

Họ, tên đệm, tên:.....

Địa chỉ:.....

.....

.....

mua:.....năm; từ số:.....; kèm chi-phiếu:.....$

Ngân, chi-phiếu xin đề và gửi về:
"Mr. NGUYEN"
P.O. Box 218, Station "U", Toronto, Ontario M8Z 5P1, Canada

**PHIẾU TẶNG BÁO**

Tôi muốn mua.....năm báo, kể từ số:.....

để tặng cho:.....

Địa-chỉ:.....

.....

.....

Xin đề: "Do.....tặng

kèm theo ngân, chi-phiếu:.....$

***Lưu ý: Khi đổi địa-chỉ, xin quí độc-giả vui lòng báo trước cho tòa-soạn biết. Dùng phiếu đổi địa-chỉ in ngoài phong bì gửi báo; hoặc ghi rõ: tên người mua báo, mã-số và địa-chỉ cũ kèm theo địa-chỉ mới. Tòa-soạn không gửi bù các số báo bị trả lại.***

## BÀI VỞ

1. Bài gửi đăng có thể viết trên hai mặt giấy, nếu trong hoàn-cảnh khó-khăn. Nếu viết bằng máy vi-tính IBM hoặc tương-đương, xin vui lòng gửi đĩa bài về tòa-soạn, và cho biết loại Việt-chương (VNI hoặc VNLab). Tòa-soạn dùng chữ Việt của hãng VN Lab (và WinWord).

2. Tòa-soạn không hoàn lại bản-thảo, dù kèm tem, xin quí tác-giả vui lòng sao giữ lại.

3. Ngoại-trừ các bài có tính-cách tin-tức, thời-sự tòa-soạn cần phổ-biến rộng, *Làng Văn* tránh không đăng bài trùng.

Bài gửi riêng cho *Làng Văn*, xin ghi chữ *"riêng"* ở góc trái, phía trên đầu bài.

4. Nếu không cho phép tòa-soạn nhuận-sắc, xin ghi thêm các chữ *"không sửa"*.

5. Bài đã ghi vào cột *"sẽ đăng"*, muốn gửi cho báo khác, xin vui lòng báo trước.

6. Bài đã đăng trên *Làng Văn*, sau ba tháng, tác-giả có thể gửi đăng lại trên các báo khác.

7. Các bài đã đăng trên *Làng Văn*, tòa-soạn sẽ chọn và phân loại để in sách. Nếu tác-giả cần giữ lại cho sách riêng, hoặc giao cho các nhà xuất-bản khác, xin thông-báo cho tòa-soạn để tránh in trùng. Khi in sách, tòa-soạn sẽ trả nhuận bút và tặng sách.

8. Quí đồng-nghiệp muốn trích đăng lại, xin vui lòng báo trước và chờ sự thỏa-thuận bằng thư. Bài trích đăng, xin ghi rõ các chữ: *(Làng Văn số...)* ngay bên dưới tên tác-giả hoặc ở cuối bài.

# *thư đi tin lại*

NGUYÊN HƯƠNG phụ-trách




**Hoàng Nga, Đức:** Dùng VNI trong DOS, máy chạy khá nhanh chứ đâu đến nỗi ì ạch? Nếu máy chậm (286, 386), dùng VNI trong DOS là đủ, đừng dùng Windows. Khi nhận được đĩa, đằng nào tòa soạn vẫn phải chuyển về DOS rồi mới đổi qua VNLab, VNU rồi mới đưa vào Word được. Hay chậm vì lo tra dấu? Cái này thì bà văn sĩ đừng lo, chỉ cần tập ba ngày là đâu vào đó, mười ngón tay ngà sẽ chạy rào rào liền.

Đồng ý gửi báo cho ông VVT, nhưng Nga phải cho địa chỉ mới biết đường mà gửi chứ?

Bao giờ sang Montréal chơi, nhớ đi thêm 600 cây số nữa về Toronto. NH có chỗ ăn ở cho cả nhà, yên tâm. Thân.

**Thi sĩ Phạm Tâm Phố, BC:** Đã nhận được tấm vé số anh gửi tặng "để hoàn thành điều ước thứ nhất" của NH là... lượm được vé số (chưa xổ!) Bây giờ thì khấn cùng hoàng thiên hậu thổ để NH trúng chừng vài trăm xấp, bảo đảm sẽ làm được nhiều chuyện hay gấp mười lần hơn!

Xin cảm ơn anh, sứ giả của... thần tài!

**Thi sĩ Hoài Việt, BC:** Đã nhận được bài đã sửa của anh. Những sơ xuất lặt vặt như vậy trước nay vẫn xảy ra luôn trong thơ văn, thấy thì bảo nhau thế thôi. Chỉ cần thay đổi dụng ngữ là được. Câu chữa khéo, nhưng lạc mất ý cũ, hơi tiếc. Hi vọng sớm có dịp gặp anh, anh Hùng và các cháu. Thân.

**"Một độc giả vô tình":** Cuốn *Phép xuất hồn* không do Làng Văn xuất bản. Làng Văn chủ-trương và tẩy chay các ấn phẩm có nội dung thấp kém hay tuyên truyền cho Cộng sản, chứ không đòi và cũng không thể "kiểm duyệt". Tòa soạn có thể lựa lọc phần nào trong khi chọn sách để phát hành (mua đi bán lại), nhưng không thể đọc kỹ tất cả. Mong quí độc giả đừng xem đó là quan-điểm của tòa soạn. Kính.

**Trần Tiến, Hương Cảng:** "Những trận đánh cuối cùng" gay cấn quá sức, đọc tin trên báo Âu Mỹ, thương và cảm phục anh chị em bên trại lắm. Càng va chạm với bạo lực, đồng bào càng kiên quyết và dũng cảm lạ thường. Đã chịu đựng được năm, bảy năm, nay chỉ còn mấy tháng gai nữa thôi, xin gắng lên, trời không phụ lòng các anh chị đâu! Thân.

**Anh Hoàng Chí Kiên, Thái Lan:** Đã gửi báo cho anh. Đang tìm địa chỉ ông Nguyễn Sỹ Bình (đảng Nhân dân hành động), tìm được sẽ báo anh biết ngay. Chúc anh may mắn.

**Nguyên Văn, MN:** Đã gửi sách. Chúc các cháu hay ăn chóng lớn, ít nhè để mẹ có thì giờ nhả tơ làm đẹp cuộc đời. Thân.

**Nhà văn Đặng Văn Nhâm, Đan Mạch:** Đã nhận được xấp ảnh tài liệu và chú thích cho cuốn sách. Vẫn chưa nhận được phần chót của loạt bài, và cũng là phần kết của cuốn sách. Mong tin ông.

**Thi sĩ Hà Huyền Chi, WA:** Đã nhận được sách mới và đã giới thiệu. Xin canh chừng "bà nhỏ", đừng để bị rù quến vào chuyện tào lao, đáng tiếc. Kính.

**Bà Hoài Nguyễn (Hạnh Trân), Regina:** Đúng là có "trục trặc", ở chỗ thư đặt mua báo của bà không ghi địa chỉ nhận báo. Nay nhận được thư khiếu nại kèm theo địa chỉ, đã ghi vào danh sách. Kính.

**Họa sĩ Vũ Thái Hòa, Pháp:** Đã nhận được hai bài hát mới, cảm ơn anh. Anh đọc và "chịu" các mục mới là vui rồi. Thân.

**Ông lang Trần, Đức:** Đã gửi bù số 128. "Nguồn tin" Mạc Tư Khoa đúng nhưng thiếu. Theo nguồn tin riêng của NH, người đẹp Mạc Tư Khoa bị *mafia* đỏ, chính quyền Nga (qua áp lực của sứ quán VC) làm khó, đơn phương hủy hợp đồng cho thuê chúng cư, đã phải đưa tất cả các gia đình người Việt ra ngoại ô, và lỗ lã đến độ phải bán đi ngôi nhà riêng thừa kế của ông nội để lấy tiền trang trải chi phí kiện. Thôi, tạm thời để cho nàng tự loay hoay với cuộn chỉ rối ấy đã, tránh không làm cho nó rối thêm. Nên chăng? Thân kính.

**K. Phương, Thụy sĩ:** Cảm ơn bạn đã vì thấy ông Mập và cụ bà NH được khen mà có cảm tình lai láng với cuốn sách cùng tác giả. NH hứa sẽ ngoan mãi để bạn được vui lây. Thân.

**Doãn Thanh Hùng, Thái Lan:** Đã nhận được *Dư âm*, Chúc vui.

**Thi sĩ Lê Dã Sử, Phần Lan:** Đã nhận được thư anh. Chúc sáng tác khoẻ. Thân.

**Nguyên Kha, Hương Cảng:** Đã nhận được thư ngày 20.5 của em. Chúc mọi điều may mắn.

**Nguyễn Thu Không, CA:** Đã gửi sách. Cảm ơn Thu Không về khoản tem tị nạn. Thực sự, tòa soạn đã

"đuối" tem lắm rồi, vì chịu đựng giá giấy mới (gần gấp đôi giá cũ) và tiền tem mới (15% giá cũ). Vẫn cố gắng hết sức, vì biết rằng chỉ một thời gian ngắn nữa thôi, có muốn giúp đồng bào tại các trại cũng sẽ không còn ai để giúp! Thân.

**Thanh Nguyễn, Houston:** Bộ *Thạch kiếm* bán rời từng cuốn. Em thiếu cuốn nào, chỉ cần gửi 15 mỹ kim (hiện được bớt 40%) mua riêng cuốn đó thôi, không cần mua cả bộ. Thân.

**Nhà văn Vi An, Nhật:** Đã nhận được bản "ngư mạo... quân vụ" anh gửi. Cảm ơn lắm. Ông mập so lại rồi ra vườn sau điểm "quân", thấy dưới hồ ngoài hai chú cá chép Nhật thuộc loại Đan đỉnh và Y; nay còn nhìn ra các nàng Thu Thúy, Cửu Văn Long và Mộc Qua Chiêu Hòa. Thật là thú vị, và cũng thật là... nhiều chuyện! Thân.

**Thi sĩ Hoài Nam, VA:** Cảm ơn ông về địa chỉ thư viện. Hai ông bà đã có cháu nội, ngoại để bồng chưa? Thân.

**Ông Xuân Đài:** Nhận được chi phiếu, tòa soạn sẽ gửi ba tờ báo ông cần. Kính.

**Thi sĩ Đan Hà, Úc:** Thấy chưa! NH đã nói là trong thời gian mới qua, muốn làm gì thì làm ngay, muốn viết gì thì viết ngay, để khi bị cuốn vào guồng máy cơm áo, học hành thì coi như ...tiêu luôn, phải hai ba năm sau mới đi tiếp được đoạn đường, có khi sức lực đã rã rời rồi!

Đang cố gắng can thiệp cho Nguyễn Duy Tâm. Thân,

**Anh chị Bùi Hạnh Nghi, Đức:** Đã gửi cuốn *VTS* từ ngày 30.5. Sách đi đường thủy, có thể tới anh chị cùng khoảng thời gian với báo số 131 này. Kính.

**Hằng, San Jose:** Đọc vèo một cái hết loáng 30 tờ báo trong mấy ngày, bạn ta đáng được ái mộ lắm chứ!

Nói nhỏ, dưới cặp mắt 2 độ rưỡi của NH, hai gốc cổ thụ mà bạn hỏi, một ông "chống cộng" kiểu Johnny đi bộ, một ông "chống cộng" vì không được ...dùng. Cả hai tuy lơ mơ chính trị nhưng không đến nỗi bán linh hồn cho quỉ, bạn ta có qua lại tí ti chắc cũng chẳng hại gì.

Bà TMT trước đây có tên trong danh sách cộng tác thường xuyên với *Làng Văn*, vì viết được và gửi bài khá đều. Sau bẵng đi hai năm không thấy bài, tòa soạn cứ theo lệ, không đề tên vào nữa để tránh tiếng lợi dụng tên tuổi để bán báo. Vài vị khác cũng vậy. Sau này có vị gửi bài đều đặn trở lại, tòa soạn lại ghi tên vào như cũ. Công lao đóng góp của họ trước đó, tòa soạn ghi lòng nhưng không tiện ghi vào bảng... quảng cáo, tội chết!

Thời buổi hạ ngươn, thiên hạ chạy qua chạy lại ào ào, vài anh chị cầm bút tự coi mình là bố mẹ của cả dân tộc, có quyền đứng trên đứng ngoài đứng đâu đó, trước trách nhiệm công dân thì biện bạch né tránh, nại lý do "chính-trị là giai-đoạn mà văn chương thì hằng cửu." Bạn ta chả nên thất vọng vì thấy một vài người mình mến mộ cứ giở ngón lăng ba vi bộ luồn qua luồn lại "giữa hai lằn đạn" để kiếm chút đèn rọi trên sân khấu văn nghệ.

Bạn cũng chẳng nên "buồn muốn tự tử" khi đọc phải mấy bài thơ mới của ông thi sĩ thần tượng cũ, ngắt chữ chấm câu loạn xạ như cô ký điệu mới tập đánh máy. Ông mập làng này gọi đó là trường phái rải đậu. Dễ lắm, bạn ta cứ thử xem. Muốn làm thơ lục bát thì cứ viết đại ra mười bốn chữ, xong cầm một nắm lạc rang ném bừa xuống, trúng chữ nào thì chấm phẩy ngay chữ đó, thế là xong:

*Xưa... Người xây gác... Mời. Trăng,*
*Xứ người. Thăm thẳm bóng,.. vàng!*
*Có qua?*

Nghe có "ẩn mật" không? Thân.

**Công tử Hà Đông, VA:** Đã nhận được bài tùy bút và phần kế *TKCM*, cảm ơn công tử. Đã có thư riêng bàn về chuyện sách và bài. Kính.

**Ngọc Hân, Texas:** Cảm ơn em về món tem tị nạn. Với 50 mỹ-kim, tòa soạn gửi được 3 tờ báo mỗi kỳ trong một năm. Thân.

**Bà Nguyễn Thị Trâm, DC:** Cảm ơn biệt nhãn của bà dành cho *Làng Văn*. Cảm ơn bà cho biết, có một số người Bắc hoàn toàn lẫn lộn /l/ và /n/ với nhau. Hỏi lại ông bếp, bếp gật gù "đúng đấy, và không ít đâu!"

Xin ghi nhận ý kiến của bà về trang thể thao. Hiện tòa soạn chưa tìm ra tay nào. Quí bạn văn và bạn đọc hâm mộ thể thao, có ai giơ tay xin viết thử không? NH xin mở sổ dự tuyển để kén chọn nhân tài ngay.

**Nguyễn Kà Ri, Oslo:** Rất thú vị đọc thư bạn về vụ phái đoàn bị gậy của Võ Văn Kiệt bị "dàn chào" trọng thể tại Na Uy và Đan Mạch, và ngay cả hai "kịch sĩ" đóng vai bộ đội VC trong hoạt cảnh đàn áp nhân quyền cũng bị các cụ bà ..."dàn chào" nhầm!

Chúc bạn và gia đình bình an trong vụ lụt lớn tại Oslo.

**Ông Nguyễn Công Thuần, NY:** Đã gửi bù ông cuốn khác. Lần sau nếu gặp phải sách hư, ông chỉ cần gửi lại cái bìa trước là đủ, đừng gửi nguyên cuốn, nặng cước.

Tòa soạn *Tự Do* gửi biếu ông một tờ đọc thử.

Đã ghi địa chỉ của ông vào sổ tay. Khi nào có sinh hoạt văn-học ở Toronto, sẽ báo ông biết sớm để tùy nghi. Kính.

**Ông Vĩnh Tiên, Sydney:** Cảm ơn ông về bài góp ý và bài thơ, rất hữu ích. Kính.

**Anh Vũ Tiến Dũng, Hương cảng:** Đã nhận được bài mới. Chúc anh may mắn và bình yên.

**Anh Trần Tiến, Hương Cảng:** Đã nhận được bài và biếm họa, cảm ơn anh. Cố gắng giữ vững trong các trận chót. Thân.

**Ông Phạm Văn An, San Jose:**

Xin ông cho biết số trang, số lượng của cuốn sách định in, NH sẽ cho biết giá phỏng chừng. Kính.

**Anh "Ngô Văn Tùng", Budapest:** Vì lý do an ninh, theo yêu cầu, tòa soạn tạm đặt cho anh cái "bí danh" trên để tiện liên lạc. NH ghi nhận và cảm ơn ý kiến của anh. Mong có dịp bắt tay nhau trong nỗ lực chung cho đất nước.

**Quốc Thụy, San Jose:** Cảm ơn đã cất gửi về tòa soạn lời kêu gọi về việc lập tủ sách cho trẻ Việt trong các trại giáo huấn. Tòa soạn sẽ đóng góp phần mình. Kính.

**Ông Nguyễn Khắc, Pháp:** NH sẽ lục tìm tài liệu ấy. Hi vọng sẽ giúp được ông. Kính.

**Ông Lehong Jean, Pháp:** Cảm ơn ông về sự biểu đồng tình. Rất quan tâm vấn đề ông trình bày trong thư. Mong sẽ có cách giải quyết để những người muốn tìm về nguồn cội có dịp học tiếng Việt một cách tử tế hơn, thay vì vừa học tiếng Việt vừa bị sứ quán VC nhồi sọ. Kính.

---

### BÀI NHẬN ĐƯỢC

**Văn**: Phạm Tâm Phố (2), Thanh An, Doãn Thanh Hùng, Vân Nương, Đỗ Thành Tiến, Hoàng Nga (2), Hoàng Đồng, Vũ Tiến Dũng.

**Thơ**: Phan Long Yên (3), Trần Ngân Tiêu (5), Hữu Tiên (3), Trần Tiến (5), Ngọc Hân (2), Lê Nguyên Vũ, Đan Hà (2), Phan Các Chiêu Hằng (3) , Ph.Đ. Nguyễn, Xuân Đài (2), Hoàng Nga (4), Ông Thế Hùng (2), Hoài Việt, Đỗ Đăng Bắc, Hà Chính Bình, E.P (2), Nguyễn Văn Cường (3), Phan Xuân Sinh, Nguyên Khanh (2), Nguyễn Hải Hà, Thúy Sơn, Vũ Thành (7), Vạn Giả, Phạm Mạnh Viện, Trần Dũng Thủy (2).

**Nhạc**: Vũ Thái Hoà.

### BÀI SẼ ĐĂNG

**Văn**: Tháng năm chim hót, Chim vào lồng (HN), Phận bạc (VTD).

**Thơ**: Cúc hoa (PMV), Biệt ly (VG), Từ giã (NHH), Còn vui không.., Cõi riêng, Ừ thôi kiếp sau (PCCH),Gửi người bên kia (PXS), Trăng lẩy thơ Kiều, Bởi chuông buồn như thơ (NVC), Thư viện với con, Tôi sẽ hồi hương (EP), Lời tu xuất, Mong thư (OTH), Đến hẹn không lên (HCB), Mười tám tháng mười, Về rừng, Nơi đây yên nghỉ (HN), Nhớ Auburn (ĐH), Buồn vu vơ (TNT).

---

## *nhắn tin tị-nạn*

*Thể-thức và giá biểu: tối-đa 50 chữ; 15 mỹ-kim (20 gia-kim) một kỳ; miễn-phí cho đồng-bào tại các trại tị-nạn.*

**Tô Trần Minh Nhật**, trước học trường Phan Sào Nam và Marie Curie, nhà ở đường Lý Thái Tổ, quận 10, rời VN ngày 11.10.1989, định-cư tại Canada. Xin liên-lạc: **Cao Nguyễn Vân Trinh,** ĐT: (508) 695-0092 (USA).

**Trần Quang San**, đoàn III Lôi Hổ/SLL cùng các bạn Hội Yên-thế tìm Đại-úy **Phan Hòa Hiệp**, đoàn III Lôi Hổ, Ban-mê-thuột, sở Liên-lạc, nha Kỹ-thuật bộ Tổng Tham-mưu. Xin liên-lạc về: PST 11853, A-14, P.O. Box 18 Transit Center, Phanat Nikhom, CB 20140, Thailand.

Tìm Hải-quân Thiếu-tá **Phạm Quang Đạt,** đi năm 1975, hạ-sĩ **Phạm Văn Mởn**, đi sau 1975, ai biết tin xin gọi số (703) 658-2950 hoặc thư về **Vương Đình Viên Hồng,** 7464 Adams Park Ct., Annandale, VA 22003, USA. Đa tạ.

**Thanh Thúy,** MC:347029, ID: 16514, Sungei Besi Camp, Malaysia. Tìm bạn **Nguyễn Thị Hà**, quê ở xã Trung bình, vượt biên cùng chị ruột và anh rể sang Mã-lai, định cư ở Úc, xin liên-lạc **Phan Thanh Thúy**, địa-chỉ trên.

Tìm thân-nhân tên **Quang** (có thể là **Trần Khánh Quang**), khoảng 55 tuổi, vợ là **Trần Thị Thu Cúc**, trước 1975 là Giám hiệu trường Hùng Vương, có con trai tên Minh, con gái tên Thu Hồng, địa-chỉ 215 Hồng Bàng (đối-diện Bệnh-viện Hồng-bàng, gần trường Hùng vương), quận 5 Sài-gòn. Xin liên-lạc giúp-đỡ **Phạm Ngọc Ẩn**, MC 603009, ID: 170354 Camp Sungei Besi, Kuala Lumpur, Malaysia.

Tìm vợ **Lê Thị Thu Hồng**, đi Canada năm 1982, xin liên-lạc gấp với chồng là **Lê Văn Thu**, ở Việt-nam (vẫn địa-chỉ cũ), ốm nặng, sắp chết.

---

# CÁO PHÓ

Chúng tôi đau-đớn báo tin cùng thân bằng quyến-thuộc, con, vợ, chị và mẹ chúng tôi là:

## ĐINH THỊ LAN

đã từ-trần ngày 8 tháng 5 năm 1995, hưởng thọ 42 tuổi.

***Kính cáo***

*Bố mẹ:* *Đinh Cao Bình, Đinh Thị Khanh và các em.*
*Chồng:* *Đặng Nguyên Khôi và con*

CÁO PHÓ NÀY THAY-THẾ THIỆP TANG

# DỊP TỐT CHO QUÍ ĐỘC-GIẢ THÍCH ĐỌC LÀM ĐẦY TỦ SÁCH GIA-ĐÌNH:

## *Làng Văn* "ĐẠI HẠ GIÁ", bớt từ 25% đến 40%

***Vì cần chỗ trống cho các đợt sách mới, Làng Văn bán đại hạ giá một số mặt sách và báo cũ.***

. Thay vì chỉ được bớt như thường-lệ, khi mua các tựa sách và báo cũ dưới đây.

. Thời gian đại hạ giá: **từ 30.3.1995 đến 30.7.1995.**

. Độc-giả tại **Gia-nã-đại và Hoa-kỳ,** được bớt **40%**, Làng văn chịu cước-phí.

. Độc giả **ngoài Gia-nã-đại và Hoa-kỳ**: được bớt **25%**. Làng Văn chịu cước.

. Giá sách in trong thư-mục này tính theo mỹ-kim (US$) và gia-kim (CA$).

Độc-giả tại Gia-nã-đại xin trả bằng tiền Gia-nã-đại, theo giá CA$.

Độc-giả tại Hoa-kỳ và các nước khác, xin trả theo giá US$.

Riêng độc-giả tại các nước Pháp, Đức, Hòa-lan, Anh, Na-uy, Thụy-điển, Đan-mạch, Áo, Bỉ, Thụy-sĩ, Ý-đại-lợi, Tây-ban-nha, Úc, Nhật-bản, Đài-loan, Nam Hàn, Tân Tây-lan, New Caledonia và Ba-tây có thể trả bằng tiền địa-phương.

Xin lấy giá US$ nhân cho chỉ-số hối-đoái để tính ra tiền địa-phương, (chỉ-số này áp-dụng cho trọn năm 1995 và đầu năm 1996):

- Pháp: lấy giá US$ nhân cho 6. Thí-dụ: giá sách là US$10.00, nhân cho 6 thành giá tiền Pháp là 60 quan.
- Đức: lấy giá US$ nhân cho 1.8
- Hòa-lan: lấy giá US$ nhân cho 1.9
- Anh: lấy giá US$ nhân cho 0.65
- Na-uy: lấy giá US$ nhân cho 7.5
- Đan-mạch: lấy giá US$ nhân cho 7
- Bỉ: lấy giá US$ nhân cho 35
- Thụy-sĩ: lấy giá US$ nhân cho 1.4
- Ý-đại-lợi: lấy giá US$ nhân cho 1800
- Úc-đại-lợi: lấy giá US$ nhân cho 1.5
- Nhật-bản: lấy giá US$ nhân cho 100

Tất cả các gói sách đều được gửi bằng đường bộ (Gia-nã-đại và Hoa-kỳ) hoặc đường thủy (các nước khác).

Muốn nhận sách gửi bằng máy bay, xin trả thêm phụ-phí hàng-không. Tại Gia-nã-đại và Hoa-kỳ: xin trả thêm 40%; tại các nước khác: xin trả thêm 100% tiền sách.

. Xin trả tiền kèm theo thư đặt mua sách.

Độc giả tại Gia-nã-đại, Hoa-kỳ, Anh, Pháp, Đức, Úc và Hòa-lan: có thể trả bằng chi-phiếu *(cheque/check)* bằng gia-kim, mỹ-kim, anh-kim, quan Pháp, đức mã, úc kim hay hòa-kim. Nếu trả tiền mặt xin gửi bằng thư bảo-đảm (Làng Văn không chịu trách-nhiệm nếu thư bị thất-lạc).

Độc-giả tại các nước khác (ngoài Gia-nã-đại, Hoa-kỳ, Anh, Pháp, Đức và Hòa-lan): xin trả bằng ngân-phiếu hoặc bưu-phiếu (*money-order*, mua tại ngân-hàng hoặc *postal money-order*, mua tại bưu-điện). Nếu trả tiền mặt xin gửi bằng thư bảo-đảm (Làng Văn không chịu trách-nhiệm nếu thư bị thất-lạc).

. Để được giải-quyết nhanh chóng, xin gửi tất cả về tòa-soạn Làng Văn tại Gia-nã-đại. Thư-từ và chi-phiếu xin đề:

**LÀNG VĂN**
**P.O. Box 218,**
**Station "U"**
**Toronto, Ontario**
**M8Z 5P1**
**Canada**

***THƠ:***

**Bên kia bờ đại dương**
Kha Huyền
US$7.00-CA$10.50

**Giữa triền hạn reo**
Ng. Đức Bạt Ngàn
US$8.00-CA$12.00

**Hoa tâm-tư**
Song Hường
UA$7.00-CA$10.50

**Hồn tôi cũng muốn qua cầu gió bay**
Đắc Trung
US$8.00 -CA$12.00

**Hồng trần**
Cung Vũ
US$8.00-CA$12.00

**Khung trời quê hương**
Hoàng Xuân Thảo
US$8.00-CA$12.00

**Linh hồn viễn xứ**
Đắc Trung
US$7.00-CA$10,50

**Nguyệt bạch**
Cung Vũ
US$10.00-CA$15.00

**Quê người**
HoàiViệt
US$7.00-CA$10.50

**Rụng trái sầu non**
Trần Huy Phương
US$7.00-CA$10.50

**Trở về**
Kha Huyền
US$7.00-CA$10.50

**Tóc em dài em cài bông hoa lý**
Lâm Hảo Dũng
US$7.00-CA$10.50

**Thơ Ngọc**
Phạm Quang Ngọc:
US$7.00-CA$10.50

**Trên những ngậm ngùi**
Việt Phương
US$8.00-CA$12.00

**Vết đời**
Nguyễn Hùng
US$7.00-CA$10.50

***TRUYỆN DÀI:***

**Bản đàn thôn dã**
André Gide
Mai Kim Ngọc
US$7.00-CA$10.50

**Bạn văn**
Mai Kim Ngọc
US$10.00-CA$15.00

**Câu chuyện của một dân tộc**
Nguyễn Hồng Hoà
US$10.00-CA$15.00

**Đêm**
Ngô Nguyên Dũng
US$7.00-CA$10.50

**Đứa con trong thời chiến**
Nguyên Bá
US$15.00-CA$22.50

**Những sợi sắc không**
Túy Hồng
US$15.00-CA$22.50

**Thạch Kiếm**
(trọn bộ 4 cuốn)
*Thiền-học Kiếm đạo Võ-sĩ-đạo Nhật-bản*
Tự Tỉnh phóng-tác
US$60-CA$90.00

***TRUYỆN NGẮN:***

**Cặp mắt quay lại**
Nguyễn Đức Lập
US$12.00-CA$18.00

**Chôm Chôm yêu dấu**
Trần Diệu Hằng
US$10.00-CA$15.00

**Chuông đêm**
Ngô Nguyên Dũng
US$10.00-CA$15.00

**Cơn mưa đầu mùa**
Diệu Tân
US$10.00-CA$15.00

**Đồi lá khô**
Nguyễn Tư
US$10.00-CA$15.00

**Máu hận**
Nguyễn Trung Tâm
US$10.00-CA$15.00

**Ngọn hải đăng mù**
Mai Thảo
US$10.00-CA$15.00

**Nước mình nước Mỹ**
Ngô Du Trung
US$10.00-CA$15.00

**Tha hương**
Ngô Du Trung
US$10.00-CA$15.00

**Tình người**
Dương Kim
US$10.00-CA$15.00

**Tiếng núi**
Ngô Nguyên Dũng
US$14.00-CA$21.00

- **Trông vời quê cũ**
*(miền Trung)*
tuyển truyện viết về quê-hương đất nước, tuyển-chọn trong mục Xóm Cũ *(Làng Văn)*, nhiều tác-giả
US$12:00-CA$18.00

**Trước bến Văn Lâu**
Việt Phương
US$10.00-CA$15.00

**Xóm cũ**
Phạm Thăng
US$12.00-CA$18.00

**Xuôi dòng Cửu Long**
Phạm Thăng
US$10.00-CA$15.00

**Vĩnh biệt tình em**
Bùi Tĩnh
US$10.00-CA$15.0

**Vũ môn**
Nguyễn Trung Tâm
US$10.00-CA$15.00

**Vui buồn nghề nghiệp**
Phạm Thăng & nhiều tác giả
US$14.00-CA$21.00

**Mưa đất lạ**
Trần Diệu Hằng
US$7.00-CA$10.50

***TRUYỆN THIẾU-NHI:***

**Gia-đình Cún**
Ngô Nguyên Dũng
US$10.00-CA$15.00

**Mục Kiền Liên**
Cung Vũ - ViVi
US$5.00-CA$7.50

***CÁC LOẠI KHÁC:***

**Ký**
*Bút-ký*
Nguyễn Hữu Nghĩa
US$8.00-CA$12.00

**Hương sắc quê mình,**
*Biên khảo về các liệt nữ Việt-nam*
Lãng Nhân
US$18-CA$27.00

**Quê hương lưu đày**
Đào Trường Phúc
US$6.00-CA$9.00

**Sự muôn năm cũ**
*Biên khảo văn học*
Trần Văn Tích
US$15-CA$22.50

*** LƯU Ý:**
**Tòa-soạn chỉ bớt 40% cho các tựa sách trên đây. Báo và các loại sách khác trong thư-mục và thư-mục bổ-túc vẫn được bớt theo lệ thường.**

**BÁO CŨ:**

Các số *Làng Văn* cũ từ 129 trở về trước (trừ các số 1, 11, 20, 30 và 55): **mỗi số 3 mỹ-kim (3 gia-kim)**, thay vì 4,50 mỹ-kim.

Giá báo trên đây đã được giảm, không trừ thêm phần trăm như các loại sách.

# THƯ-MỤC BỔ-TÚC

## Làng Văn phát-hành

*(dùng kèm Thư-mục 1995, đã phát-hành)*

**LƯU-Ý:**
***Các tựa sách sau đây và trong Thư-mục 1995 <u>không nằm trong danh-sách "Đại Hạ Giá"</u>, chỉ được bớt như thường lệ:***

*. Độc-giả Làng Văn tại Gia-nã-đại và Hoa-kỳ:*

- mua dưới 100 mỹ-kim (hoặc 150 gia-kim): được bớt 10%.
- mua từ 101 mỹ-kim (151 gia-kim) tới 500 mỹ-kim (750 gia-kim): được bớt 15%.
- mua từ 501 mỹ-kim (751 gia-kim): được bớt 25%.

*. Độc-giả Làng Văn ngoài Gia-nã-đại và Hoa-kỳ:*

- mua dưới 50 mỹ-kim: không được bớt, và xin trả thêm 10% cước-phí.
- mua từ 51 mỹ-kim trở lên: không được bớt, miễn trả cước.
- mua trên 100 mỹ-kim: được bớt 10%.
- mua trên 500 mỹ-kim: được bớt 15%.

Tất cả các gói sách đều được gửi bằng đường bộ (Gia-nã-đại và Hoa-kỳ) hoặc đường thủy (các nước khác).

Muốn nhận sách gửi bằng máy bay, xin trả thêm phụ-phí hàng-không. Tại Gia-nã-đại và Hoa-kỳ: xin trả thêm 40%; tại các nước khác: xin trả thêm 100% tiền sách.

. Độc-giả dài hạn mới, đặt mua sách và báo cùng lúc, vẫn được bớt như trên.

. Độc giả đã hết hạn báo, xin trả nguyên giá.

. Độc-giả dài hạn mua sách tặng thân-nhân, bạn bè, vẫn được bớt như mua sách cho chính mình. Xin theo giá biểu (tiền bớt, cước-phí,..) theo quốc-gia nơi gói sách được gửi đến. (Thí-dụ: độc-giả ở Hoa-kỳ, mua sách tặng cho thân-nhân ở Pháp, xin theo thể-lệ dành cho độc-giả tại <u>Pháp</u>).

. Biên tập viên, cộng-tác-viên và thân-hữu Làng Văn (có tên trong danh-sách ban biên-tập, cộng-tác, gửi tranh ảnh, văn-phòng đại-diện, đại-lý): khi mua sách, được bớt như độc-giả dài hạn có mã-số.

. Xin trả tiền kèm theo thư đặt mua sách.

*Độc giả tại Gia-nã-đại, Hoa-kỳ, Anh, Pháp, Đức, Úc và Hòa-lan:*

có thể trả bằng chi-phiếu *(cheque/check)* bằng gia-kim, mỹ-kim, anh-kim, quan Pháp, đức mã, úc kim hay hòa-kim. Nếu trả tiền mặt xin gửi bằng thư bảo-đảm (Làng Văn không chịu trách-nhiệm nếu thư bị thất-lạc).

*Độc-giả tại các nước khác (ngoài Gia-nã-đại, Hoa-kỳ, Anh, Pháp, Đức và Hòa-lan):*

xin trả bằng ngân-phiếu hoặc bưu-phiếu (*money-order*, mua tại ngân-hàng hoặc *postal money-order*, mua tại bưu-điện). Nếu trả tiền mặt xin gửi bằng thư bảo-đảm (Làng Văn không chịu trách-nhiệm nếu thư bị thất-lạc).

***TRUYỆN CƯỜI:***

**Cười cho đời đỡ khổ**
Cả Cười
US$7.00 - CA$10.50

**Cười cho đời lên hương**
Cả Cười
US$7.00 - CA$10.50

**Cười toe**
Cả Cười
US$7.00 - CA$10.50

## *TRUYỆN VÕ HIỆP*

**Anh hùng xạ điêu**
Kim Dung, Hàn Giang Nhạn, trọn bộ 8 cuốn
US$64.00 - CA$96.00

**Bích huyết kiếm**
Kim Dung, Hàn Giang Nhạn, trọn bộ 8 cuốn
US$56.00 - CA$84.00

**Cô gái Đồ long**
Kim Dung
trọn bộ 6 cuốn
US$46.00 - CA$69.00

**Đơn kiếm diệt quần ma**
Kim Dung, T.P. Từ Khánh Phụng, bộ 2 cuốn
US$18.00 - CA$27.00

**Lệnh xé xác**
Lã Phi Khanh
trọn bộ 7 cuốn
US$62.00 - CA$93.00

**Lộc đỉnh ký**
Kim Dung, Hàn Giang Nhạn, trọn bộ 21 cuốn
US$95.00 - CA$142.50

**Lục mạch thần kiếm**
Kim Dung, Hàn Giang Nhạn, trọn bộ 6 cuốn
US$46.00 - CA$69.00

**Tiếu ngạo giang hồ**
Kim Dung, Hàn Giang Nhạn, Trọn bộ 7 cuốn
US$49.00 - CA$73.50

**Thái A Kiếm**
Kim Dung, T.P. Từ Khánh Phụng
trọn bộ 2 cuốn
US$18.00 - CA$27.00

**Tục Thái A Kiếm**
Kim Dung, T.P. Từ Khánh Phụng
trọn bộ 3 cuốn
US$21.00 - CA$31.50

**Thạch kiếm**
Thiền học kiếm đạo Tự Tỉnh, trọn bộ 4 cuốn
US$60.00 - CA$90.00
(có thể mua lẻ từng cuốn, US$15- CA$22.5)

**Thanh cung mười ba triều**
Ngoại sử triều Mãn Thanh
Hứa Tiếu Thiên
trọn bộ 7 cuốn
US$42.00 - CA$63.00

**Thần điêu đại hiệp**
Kim Dung, Hàn Giang Nhạn, trọn bộ 7 cuốn
US$42.00 - CA$63.00

**Thiên long bát bộ**
Kim Dung, Hàn Giang Nhạn, trọn bộ 2 cuốn
US$18.00 - CA$27.00

## *TIỂU THUYẾT TÌNH CẢM XÃ HỘI TRUNG HOA*

**Ái quả tình hoa**
Quỳnh Dao
US$12.00 - CA$18.00

**Băng nhi**
Quỳnh Dao, Ngô Quân
US$10.00 - CA$15.00

**Bất chợt một chiều mưa**
Quỳnh Dao, Liêu Quốc Nhĩ
US$7.00 - CA$10.50

**Bên bờ quạnh hiu**
Quỳnh Dao, Liêu Quốc Nhĩ
US$8.00 - CA$12.00

**Bích vân thiên**
Quỳnh Dao, Liêu Quốc Nhĩ
US$8.00 - CA$12.00

**Biết tỏ cùng ai**
Quỳnh Dao
US$7.50 - CA$11.50

**Bóng hoàng hôn**
Quỳnh Dao, Liêu Quốc Nhĩ
US$14.00 - CA$21.00

**Cánh chim trong giông bão**
Quỳnh Dao, Liêu Quốc Nhĩ
US$6.50 - CA$10.00

**Cánh hoa chùm gởi**
Quỳnh Dao, Liêu Quốc Nhĩ
US$9.00 - CA$13.50

**Cánh nhạn cô đơn**
Quỳnh Dao, Liêu Quốc Nhĩ
US$13.00 - CA$19.50

**Chuyện đời tôi**
Quỳnh Dao
US$14.00 - CA$21.00

**Dòng sông ly biệt**
Quỳnh Dao, Liêu Quốc Nhĩ
US$8.00 - CA$12.00

**Dưới ánh trăng cô đơn**
Quỳnh Dao, Liêu Quốc Nhĩ
US$13.00 - CA$19.50

**Đường tình đôi ngả**
Quỳnh Dao, Liêu Quốc Nhĩ
US$14.00 - CA$21.00

**Em là cánh hoa rơi**
Quỳnh Dao, Liêu Quốc Nhĩ
US$13.00 - CA$19.50

**Giai điệu tình yêu**
Quỳnh Dao, Liêu Quốc Nhĩ
US$11.00 - CA$16.50

**Gió ơi dừng lại bên hồ**
Quỳnh Dao, Liêu Quốc Nhĩ
US$7.00 - CA$10.50

**Hãy đợi anh về**
Quỳnh Dao, Liêu Quốc Nhĩ
US$8.00 - CA$12.00

**Hãy ngủ yên tình yêu**
Quỳnh Dao
US$7.50 - CA$11.50

**Hoàng hôn cuối cùng**
Quỳnh Dao, Liêu Quốc Nhĩ
US$14.00 - CA$21.00

**Hương cỏ dại**
Quỳnh Dao, Liêu Quốc Nhĩ
US$10.00 - CA$15.00

**Lá rụng chiều thu**
Quỳnh Dao, Liêu Quốc Nhĩ
US$10.00 - CA$15.00

**Lưới tình**
La Lan
US$6.00 - CA$9.00

**Mây trắng vẫn bay**
Quỳnh Dao, Liêu Quốc Nhĩ
US$13.00 - CA$19.50

**Mùa thu lá bay**
Quỳnh Dao, Liêu Quốc Nhĩ
US$8.00 - CA$12.00

**Nắng thôn đoài**
Quỳnh Dao, Thinh Quang
US$12.00 - CA$18.00

**Này em thu đã đến**
Quỳnh Dao, Liêu Quốc Nhĩ
US$8.00 - CA$12.00

**Như một khúc nhạc buồn**
La Lan
US$8.00 - CA$12.00

**Những mảnh đời dang dở**
Quỳnh Dao, Liêu Quốc Nhĩ
US$9.00 - CA$13.50

**Song ngoại**
Quỳnh Dao, Liêu Quốc Nhĩ
US$9.00 - CA$13.50

**Tam độ mai**
Quỳnh Dao, Lưu Khôn
US$22.00 - CA$33.00

**Thạch lựu hoa**
Quỳnh Dao
US$6.50 - CA$10.00

**Thủy linh**
Quỳnh Dao
US$6.50 - CA$10.00

**Thuyền tình đỗ bến**
Quỳnh Dao, Liêu Quốc Nhĩ
US$13.00 - CA$19.50

**Tình ca mùa thu**
Quỳnh Dao, Liêu Quốc Nhĩ
US$13.00 - CA$19.50

**Tình đời**
Quỳnh Dao, Liêu Quốc Nhĩ
US$11.00 - CA$16.50

**Tình loạn**
Quỳnh Dao, Liêu Quốc Nhĩ
US$9.00 - CA$13.50

**Tình sử Vương Chiêu Quân**
La Lan
US$8.00 - CA$12.00

**Trận cuồng phong**
Quỳnh Dao, Kiêm Đạt
US$14.00 - CA$21.00

**Trên ngọn thủy triều**
Quỳnh Dao
US$12.00 - CA$18.00

**Trôi theo dòng đời**
Quỳnh Dao, Liêu Quốc Nhĩ
US$10.00 - CA$15.00

**Trường tương tư**
Quỳnh Dao
US$12.00 - CA$18.00

**Tuyết kha**
Quỳnh Dao, Lưu Khôn
US$12.00 - CA$18.00

**Vườn thúy**
Quỳnh Dao, Hoàng Diễm Khang
US$5.00 - CA$7.50

**Xóm vắng**
Quỳnh Dao
US$10.00 - CA$15.00

**Xuân phong thu vũ**
Quỳnh Dao, Ngọc Linh
US$14.00 - CA$21.00

## *CÁC LOẠI KHÁC*

**50 điều cấm kỵ trong bệnh huyết áp cao**
Kiến thức y khoa phổ thông
Du Đức Hiển
US$7.00 - CA$10.50

**2000 ngày đêm trấn thủ Củ Chi**
tập 4
Truyện dài
Xuân Vũ
US$12.00 - CA$18.00

**Âm bản**
Truyện ngắn
Ngô Nguyên Dũng
US$11.00 - CA$16.50

**Bầy thú nhỏ**
Truyện dài
Sơn Tùng
US$14.00 - CA$21.00

**Bí mật cuộc đời Mao Trạch Đông**
BS Lý Phục Huy, Trần Ngọc Dung dịch
US$26.00 - CA$39.00

**Bí mật đời người qua tướng mạo & sắc diện**
Bói toán
J. Ranald, Nguyễn V. Bằng
US$7.00 - CA$10.50

**Bói toán số mệnh, tử vi trọn đời**
Sách bói toán
Đoàn Văn Thông
US$14.00 - CA$21.00

**Bóng sắc giai nhân trên đường bắc và nam tiến**
Sưu khảo, Lệ Vân
US$10.00 - CA$15.00

**Bóng thiên đường**
Truyện dài
Trần Long Hồ
US$15.00 - CA$22.50

**Bụi đường**
Truyện dài Vĩnh Hảo
US$15.00 - CA$22.50

**Các món ăn đặc sắc**
Sách dạy nấu ăn
Nguyễn Thị Thanh
US$7.00 - CA$10.50

**Các món ăn Tàu, Việt, Tây**
Sách dạy nấu ăn
Nguyễn Thị Hường
US$8.00 - CA$12.00

**Cao ly đầu hình**
Bói toán, so tuổi vợ chồng
Đoàn V. Đầu, Nguyễn Kim Lan
US$5.00 - CA$7.50

**Chỗ một đời em vẫn để, dành**
Tùy bút, Du Tử Lê
US$12.00 - CA$18.00

**Chuyện khôi hài**
Truyện cười
Nguyễn Mạnh
US$9.00 - CA$13.50

**Chữ cái và vần tiếng Việt**
Sách tập đọc, tập viết
US$7.50 - CA$11.50

**Con đường chuyển hoá**
Sách Phật giáo
Nhất Hạnh
US$14.00 - CA$21.00

**Cô bé làng Hoà Hảo**
Bút ký
Nguyễn Huỳnh Mai
US$17.00 - CA$25.50

**Cờ tướng, những chiến lược xuất quân tốt đẹp**
Sách dạy đánh cờ
Lý Anh Mậu
US$6.00 - CA$9.00

**Con bé tôi yêu**
Truyện ngắn
Dung Sàigòn & Võ Hà Anh
US$6.50 - CA$10.00

**Cuộc triệt thoái cao nguyên**
Hồi ký chiến tranh
Phạm Huấn
US$18.00 - CA$27.00

**Dấu binh lửa**
Bút ký chiến trường
Phan Nhật Nam
US$10.00 - CA$15.00

**Dấu chân cát xoá**
Truyện vừa (mới)
Doãn Quốc Sỹ
US$9.00 - CA$13.50

**Dễ ghét**
Truyện ngắn
Dung Sàigòn & Võ Hà Anh
US$6.50 - CA$10.00

**Dễ thương**
Truyện ngắn
Dung Sàigòn & Võ Hà Anh
US$6.50 - CA$10.00

**Dọc đường số 1**
Bút ký chiến trường
Phan Nhật Nam
US$7.00 - CA$10.50

**Dưỡng sinh, xoa bóp, khí công, phòng chữa bệnh**
Sách dưỡng sinh
Dương Trọng Hiếu
US$8.00 - CA$12.00

**Đảng cộng sản trước thực trạng Việt Nam**
Nhận định chính trị
Nhiều tác giả
US$20.00 - CA$30.00

**Đạo Phật hiện đại hoá**
Sách tôn giáo
Thích Nhất Hạnh
US$10 - CA$15.00

**Đạo Phật và đời sống hiện đại**
Sách tâm linh
Ski Dhammananda,
Thích Tâm Quang dịch
US$6.00 - CA$9.00

**Điện Biên Phủ, Ban Mê Thuột, tướng Phạm Văn Phú và những trận đánh**
Hồi ký chiến tranh
Phạm Huấn
US$20.00 - CA$30.00

**Điển hay tích lạ**
Kiến thức phổ thông
Nguyễn Tử Quang
US$10.00 - CA$15.00

**Đời vua chúa**
Tài liệu
Đoàn Văn Thông
US$18.00 - CA$27.00

**Em học tiếng Việt**
Sách tập đọc, tập viết bộ 2 cuốn
US$13.00 - CA$19.50

**Em và, mẹ và, tôi là một nhé**
Tùy bút, Du Tử Lê
US$10 - CA$15.00

**Gợi nhớ quê hương**
Truyện ngắn
Phạm Thăng
US$14.00 - CA$21.00

**Hà Nội những ngày tháng cũ**
Hồi ký
Nguyễn Gia Bảo
US$12.00 - CA$18.00

**Hành trình một H.O**
Hồi ký
Đặng Trần Huân
US$15.00 - CA$22.50

**Hoa Bluebonnet cho hai người**
Truyện ngắn
Phạm Ngũ Yên
US$12.00 - CA$18.00

**Hồi ký R. S. McNamara**
Duy Nguyên dịch
US$22.00 - CA$33.00

**Hơn nửa đời hư**
Hồi ký (không cắt xén)
Vương Hồng Sển
US$20.00 - CA$30.00

**Hương thơm từ núi lạ**
Truyện dịch, giải Pulitzer 93
Robert O. Butler, Thiên Nhất Phương dịch
US$12.00 - CA$18.00

**Kiều và văn nghệ đứt ruột**
Nhận định văn học
Nhất Hạnh
US$14.00 - CA$21.00

**Kỹ thuật nấu món ăn ngon**
Sách dạy nấu ăn
Triệu Thị Chơi & Ngô Thị Hồng, bộ 3 cuốn
US$18.00 - CA$27.00

**Luyện dưỡng sinh**
Nguyễn Minh Kính
Sách dưỡng sinh
US$7.00 - CA$10.50

**Mạt Trận kiện báo chí**
Tài liệu, Trần Củng Sơn
US$12.00 - CA$18.00

**Mình lại soi mình**
Truyện dài (mới)
Doãn Quốc Sỹ
US$16.00 - CA$24.00

**Mùa hè đỏ lửa**
Bút ký chiến trường
Phan Nhật Nam
US$7.00 - CA$10.50

**Nam kỳ lục tỉnh IV**
Tài liệu, Hứa Hoành
US$13.00 - CA$19.50

**New English 900**
Sách học Anh văn,
Mỗi tập: 1 sách & 2 băng: US$20.00 - CA$30.00
Trọn bộ 6 sách và 12 băng
US$120.00 - CA$180.00

**Niềm vui còn đó**
Tập nhạc, Phạm Duy
US$12.00 - CA$18.00

**Nghệ thuật làm món ăn Trung Hoa**
Sách dạy nấu ăn
Cô Lệ Hoa
US$10.00 - CA$15.00

**Nghệ thuật nấu ăn ngon**
Sách dạy nấu ăn
Trần Văn Quí
US$8.00 - CA$12.00

**Ngọn cỏ bồng toàn tập**
Tạp văn
Nguyễn Bá Trạc
US$16.00 - CA$24.00

**Người vái tứ phương**
Truyện vừa (mới)
Doãn Quốc Sỹ
US$10.00 - CA$15.00

**Nha khoa phổ thông**
NS Trần Sĩ Lâm
US$9.00 - CA$13.50

**Nhớ Sài gòn**
Truyện ngắn
Minh Hương
US$11.00 - CA$16.50

**Những bài thuốc trong món ăn**
Kiến thức phổ thông
DS Bùi Kim Tùng
US$8.00 - CA$12.00

**Những ca khúc một thời vang bóng (1930-1950)**
Tuyển tập 32 ca khúc 23 nhạc sĩ
US$7.50 - CA$11.00

**Những món ăn Âu Mỹ**
Sách dạy nấu ăn
US$12.00 - CA$18.00

**Nụ tầm xuân**
Truyện ngắn
Mai Kim Ngọc
US$12.00 - CA$18.00

**Nửa thế kỷ Phạm Duy**
Nhận định, Xuân Vũ
US$12.00 - CA$18.00

**Nước mắt trước cơn mưa**
Sử liệu phỏng vấn về sự sụp đổ của VNCH
Larry Engelmann,
Nguyễn Bá Trạc dịch
US$20.00 - CA$30.00

**Qua các nẻo đường quê**
Truyện ngắn đồng quê
Xuân Tước
US$14.00 - CA$22.00

**Phép lạ của sự tỉnh thức**
Sách Phật giáo
Nhất Hạnh
US$13.00 - CA$19.50

**Ta và vũ trụ**
nhạc thiền, thơ Thanh Trí Cao, Trọng Nghĩa & Mộng Lan phổ nhạc
Hà Thanh, Thanh Tuyền, Trọng Nghĩa trình bày
tape: US$6.0- CA$9.0
CD: US$10 - CA$15

**Tạ ơn đời**
Tập nhạc, Phạm Duy
US$12.00 - CA$18.00

**Tại sao không theo đạo Chúa?**
Nhận định
Ban nghiên cứu tôn giáo
US$10.00 - CA$15.00

**Tâm thư**
Nhận định, Đỗ Mậu
US$15.00 - CA$22.50

**Thờ cúng và lễ bái**
Thắng Hoan
US$7.00 - CA$10.50

**Thợ Đụng**
Truyện dài, Phạm Kim Khôi
US$12.00 - CA$18.00

**Thiền tâm, sơ tâm**
Sách tâm linh
Suzuki, Nguyễn Duy Nhiên
US$12.00 - CA$18.00

**Trang Tử Nam Hoa Kinh**
Cổ văn, bộ 2 cuốn
US$18.00 - CA$27.00

**Trạng Quỳnh Xiển Bột**
Truyện tiếu lâm
US$8.00 - CA$12.00

**Trung thiên dịch Trung thiên đạo** (Biên khảo về nhà cách mạng Trần Cao Vân)
Hành Sơn Lương Vĩnh Thuật
US$20.00 - CA$30.00

**Truyện cổ Anderson**
Truyện thiếu nhi Anh Việt
Hoàng Văn Lộc
US$7.00 - CA$10.50

**Tục lệ cưới gả tang ma**
Phan Thuận Thảo
US$8.00 - CA$12.00

**Tương lai thiền học VN**
Nhận định, Thích Nhất Hạnh
US$7.00 - CA$10.50

**Tuyển tập nghệ sĩ**
Về các nghệ sĩ trình diễn tại hải ngoại, Trường Kỳ
US$9.00 - CA$13.50

**Tự học làm bánh Pháp**
Sách dạy nấu ăn (2 tập)
Nguyễn Thị Hường
US$16.00 - CA$24.00

**Tự điển Anh Việt (trung)**
bìa cứng, 36.000 từ, Bùi Phụng
US$20.00 - CA$30.00

**Tự điển Anh Việt**
The Little Oxford Dictionary
bìa cứng, 45.000 từ
US$20.00 - CA$30.00

**Tự điển Danh từ Điện toán Anh Việt**
Bìa cứng, 604 trang
Lê Duy Tâm
US$37.00 - CA$55.00

**Tự điển những câu Anh văn thô tục**
Trần Ngọc Dung
US$18.00 - CA$27.00

**Tự điển thuật ngữ khoa học Anh Pháp Việt**
US$16.00 - CA$24.00

**Tự điển toán học Anh Việt Việt Anh**
US$18.00 - CA$27.00

**Tự điển vật lý Anh Việt**
US$20.00 - CA$30.00

**Tự tìm hiểu đời mình**
Sách bói toán
Nguyễn Mạnh Long
US$8.00 - CA$12.00

**Tử vi đẩu số phú giải**
Sách bói toán, Thái Vân Trình
US$10.00 - CA$15.00

**Tượng kỳ phổ thông hoàn mỹ**
Sách dạy đánh cờ
Lý Anh Mậu
US$6.00 - CA$9.00

**Văn tiếng Việt 2**
Sách tập đọc, tập viết
US$7.50 - CA$11.50

**Việt Nam theo đường nào vào thế kỷ 21?**
Nhận định, Phạm Kim Vinh
US$12.00 - CA$18.00

**Việt Nam Thương Tín, con tàu định mệnh**
Hồi ký, Trần Đình Trụ
US$16.00 - CA$24.00

**Vòng tái sinh**
Sách tâm linh
Hoàng Lan phỏng dịch
US$16.00 - CA$24.00

**Xóm Cái Bần**
Truyện dài, Xuân Vũ
US$12.00 - CA$18.00

MỖI GIA-ĐÌNH TỊ-NẠN MỘT TỦ SÁCH VIỆT-NAM

# CẢM TẠ

Toàn-thể hiếu-quyến chúng con xin thành-kính đảnh lễ, tri-ân và cảm tạ:

- Hòa-thượng Hộ Giác, Chủ tịch Điều hành Giáo hội Phật giáo Việt nam Thống nhất tại Hoa kỳ,
- Thiền sư Kim Triều, Trụ trì Kỳ Viên Tự, Washington, D.C.
- Thầy Thích Minh Thông, Viện chủ Tu viện Huyền Không, Montreal, Canada,

cùng toàn thể thân bằng quyến thuộc và quý đạo hữu đã chứng minh, cầu nguyện, thăm viếng, điện thoại phân ưu, dự tang lễ thân mẫu chúng tôi là:

**Cụ bà LƯU GIANG HÀ**
**(Mac-Phsu)**
**khuê-danh**
**PHONLOU KHVÉMÂK**
**pháp danh DIỆU TRÍ**

Sanh năm 1913 tức năm Quí Sửu

Tạ thế ngày 16 tháng 5 năm 1995, nhằm ngày 17 tháng 4 năm Ất Hợi tại Vancouver, Canada, hưởng thọ 83 tuổi.

Trong sự đau buồn này, nếu có những điều sơ suất, xin quí vị niệm tình bỏ lỗi cho.

**TANG GIA ĐỒNG BÁI TẠ**

| | |
|---|---|
| *Trưởng nữ:* | *Lưu Cẩm Nhung, các con và các cháu* |
| *Thứ nữ:* | *Lưu Quỳnh Hoa, các con và các cháu* |
| *Trưởng nam:* | *Lưu Giang Sơn, vợ và các con* |
| *Thứ nam:* | *Lưu Giang Trường, vợ và các con* |

# CHÚC MỪNG

Được tin mừng của nhà văn Hứa Hoành và phu nhân làm lễ thành hôn cho trưởng nam là

cậu **KEVIN HỨA**

thành hôn với

cô **NGUYỄN KIM LOAN**

trưởng nữ của ông bà Nguyễn Văn Mưu.

Hôn lễ sẽ cử hành ngày 1 tháng 7 năm 1995 tại San Antonio, Texas, Hoa kỳ.

Xin chân thành cầu chúc tân lang và tân giai nhân được trăm năm hạnh phúc.

*ÔB Văn Lang Trần Văn Ân, Pháp*
*ÔB Xuân Vũ, Mỹ*
*ÔB Lê Văn Lân, Mỹ*
*ÔB Phạm Thăng, Canada*
*ÔB Lê Quang Xuân, Canada*
*ÔB Huỳnh Hữu Cửu, Mỹ*
*ÔB Nguyễn Văn Ba, Canada*
*Ô. Hồ Trường An, Pháp*
*Ô. Việt Phương, Mỹ*


LÀNG VĂN GIỚI-THIỆU

NHÀ SÁCH

**KHAI TRÍ**

93 AVE D'IVRY

QUẬN 13, PARIS

ĐT: 45-82-12-40

ĐẠI-LÝ SÁCH BÁO LÀNG VĂN

ĐẦY-ĐỦ CÁC MẶT SÁCH DO LÀNG VĂN XUẤT-BẢN VÀ PHÁT-HÀNH

GIÁ CẢ PHẢI CHĂNG

ĐẦY-ĐỦ MẶT HÀNG

**CHƯƠNG-TRÌNH HỌC NGHE ANH-NGỮ ĐỂ XEM TI-VI VÀ MOVIES**

Chương-trình học gồm 100 bài báo về mọi lãnh-vực (chính-trị, kinh-tế, thể-thao, thời-sự, v.v.) mỗi bài có giải-nghĩa tất cả mọi từ và dịch ra tiếng Việt. Rồi người Mỹ đọc từng bài ghi âm, với nhiều giọng đọc khác nhau (nam, nữ, v.v.) Mỗi bài người học có thể nghe đi nghe lại vài trăm lần, do đó ngữ-vựng ngấm vào trí nhớ, tiếng nói ngấm vào tiềm-thức. Sau ba tháng tự học như vậy, khi người học lần đầu mở ti-vi ra coi, bỗng kinh-ngạc thấy mình tự-nhiên HIỂU GẦN HẾT, như là một phép mầu (SỰ THẬT LÀ NHƯ VẬY), và càng ngày càng hiểu thêm, tới mức hiểu hoàn-toàn. Lúc đó xem báo hàng ngày hiểu hết và nói chuyện với người Mỹ như điên.

Giá tiền toàn bộ ( 1 quyển sách và 6 băng audio: $35 (nếu trả check) hoặc $28 (nếu trả tiền mặt), gởi về: Hội Đồng-Hương Giúp Nhau, P.O. Box 881, Galena Park, Houston, TX 77547-0881-8 (USA) (USA).

Tặng thêm quyển TĂNG-CƯỜNG KHẢ-NĂNG SINH-LÝ VỢ CHỒNG.

Chú ý: Chương-trình đặc-biệt soạn cho những người chưa biết Anh-ngữ. Trong mỗi bài, tất cả các từ đều dịch ra Việt, và toàn bài dịch ra Việt, vì vậy ai cũng học được.

**BIẾT CÁCH ĐỂ ĐƯỢC GIẢM 50% MỌI CHI-PHÍ**

Giảm một nửa chi-phí về thực-phẩm, quần-áo, mua xe, mua nhà, vé máy bay, xe lửa, xe bus, mua bảo-hiểm, mua thuốc, chữa bệnh, mua ti-vi, v.v.

Vấn-đề chỉ là không biết, nay được chỉ-dẫn để biết cách.

Giúp mọi gia-đình mỗi năm tiết kiệm khoảng $5,000.00

Một quyển sách vô cùng hữu ích, do Hội Đồng Hương Giúp Nhau biên soạn, giá 1 đô-la, gởi về:

Hội Đồng Hương Giúp Nhau
P.O. Box 881
Galena Park
TX 77547-8 (USA)

# NHÀ SÁCH VIỆT-NAM

**415 Spadina Ave. (góc College)**
**Toronto, Ont. M5T 2G6 - ĐT: (416) 595-5199**

**Bán:** đủ loại tự-điển Anh Pháp Việt, Y-khoa, Kỹ-thuật,.. Sách và băng học Anh-văn, Quảng-đông, Quan-thoại, Việt-ngữ,.. Sách Tóan, Lý-Hóa, Khoa-học Kỹ-thuật,.. Sách Học Làm Người, Nấu Ăn, Tử-vi, Bói-toán, Địa-lý,.. Sách Khoa-học, Thời-sự, Chính-trị,.. Tiểu-thuyết, truyện ngắn,.. Băng nhạc thiếu-nhi, băng Video, Cải-lương, CD, Băng trắng chưa thu (video, cassette), Bản-đồ Việt-nam, Sài-gòn, Chợ-lớn,.. Tranh ảnh, Thiệp Giáng-sinh, Thiệp Tết, Sản-phẩm của các trung-tâm lớn: Thúy Nga Paris, Asia, Mây, Khánh Hà, Ý Lan, Hải Âu, Hoàng Oanh, Cải-lương Việt-Nam.

**CHO THUÊ:** Tiểu-thuyết, Chưởng, phim Hongkong, Đài-loan, Cải-lương, nhạc Việt. Hàng tuần có phim mới.

**NHẬN:** Chuyển hệ băng video (Á-, Úc, Âu, Bắc Mỹ). Đại-lý các loại lịch tử-vi, tự-điển, sách thi bằng lái xe, Sách và băng thi quốc-tịch Canada.

**MỞ CỬA 7 NGÀY: 10G SÁNG - 9G TỐI**



HOMELIFE

**Homelife Realty Centre Corp.**
Realtor-Member
**Steven KIEN T. DAO**
Sales Representative
**(Đào Trọng Kiền)**



**PHỤC-VỤ TẬN-TÂM, UY-TÍN, ĐỨNG-ĐẮN**

**MUA BÁN, SANG NHƯỢNG NHÀ ĐẤT CƠ-SỞ THƯƠNG-MẠI, CỬA HÀNG**

- ❑ Theo dõi thị-trường, định giá chính-xác
- ❑ Giúp-đỡ treo giá, trả giá, hoàn-tất thủ-tục
- ❑ Giới-thiệu, tìm vay mortgage dễ-dàng
- ❑ Giới-thiệu luật-sư tận-tâm, uy-tín



**2579 Hurontario Street**
**Mississauga, Ont. L5A 2G4**
**Res: (905) 455-2716**
**Bus: (905) 279-8300**
**Fax: (905) 279-9344**
**Pager: 24/24 qua văn-phòng**

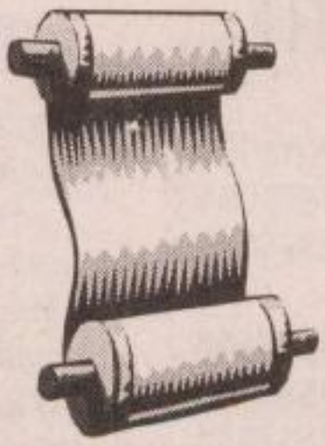


**Nhà in của người Việt-Nam**

# SILVER PRINTING INC.

**1545 Dupont Street**
**Toronto, Ontario M6P 3S5**
ĐT: (416) 539-8113 / Fax: (416) 539-0442

- Các loại sách, báo, bìa offset màu
- Đóng sách (perfect binding), đóng kim, đóng chỉ bìa cứng
- Thiệp cưới hỏi, cáo-phó, thiệp mời
- Ấn-chỉ văn-phòng, hóa-đơn, toa thuốc
- Thực-đơn, niên-giám
- Bích-chương, bươm-bướm quảng-cáo



**NHANH - ĐẸP - RẺ - ĐÚNG HẸN**
**TÍN-NHIỆM NHẤT**



*ĐẾN TORONTO, XIN MỜI QUÍ KHÁCH*
*GHÉ QUA NHÀ HÀNG THANH-LỊCH NHẤT:*

RESTAURANT
**South VIET NAM**

**444 Spadina Ave. (góc College St., ngay phố tàu)**
ĐT: (416) 960-2032

- ❑ Thức ăn thuần-túy VN
- ❑ Có sàn nhảy
- ❑ Có thực-đơn riêng cho đám tiệc
- ❑ **Hệ-thống Karaoke**
- ❑ **Đặc-biệt: tiệc cưới**,



sinh-nhựt, họp bạn, giáng-sinh, tất-niên (thực-đơn 9 món sang-trọng, giá mỗi bàn 10 người từ 200$ đến 250$; có thể bớt món, bớt tiền)

**CUỐI TUẦN: CHÁO LÒNG DỒI, CHÁO CÁ, BÁNH CANH CUA, BÁNH XÈO.**

***Mở cửa 7 ngày:***
Chủ-nhật - Thứ năm: 12g trưa - 10g tối
Thứ sáu, Thứ bảy: 12g trưa - 11g tối

GIỚI-THIỆU MỘT VỊ LƯƠNG-Y CAO NIÊN CỦA THỜI-ĐẠI

# ÔNG LANG BƯỚM VÀNG



**ĐÔNG Y-SĨ, TỬ-VI GIA**
đã hành nghề từ 1950 tại Hải-phòng và Sài-gòn
1902 Majestic Way, San Jose, CA 95132, USA
Điện-thoại: (408) 926-5770 - Hình chụp năm 81 tuổi

**1995, 84 tuổi, 45 năm kinh-nghiệm, hơn 300 người Pháp, Mỹ, Hoa, Việt từ khắp năm châu gửi thư cám ơn đoán tử-vi đúng và trị khỏi các bịnh:**

- Sạn thận, sa tử-cung, huyết-bạch, kinh-nguyệt không đều, chậm có con, đau tim, mất ngủ, táo bón, da mặt nám, phong ngứa thoát giang, trĩ nội, động thai, ốm nghén, ù tai, nhức đầu, đau màng óc.
- Mồ hôi chân tay, mộng di tinh, thận suy, liệt dương, xuất tinh sớm, đau răng, phong thấp tê-bại, đau lưng mỏi gối, sưng khớp xương, đau gan, ruột, bao tử, bịnh phong-tình, allergy, ho lâu đàm suyễn, phổi có nước.
- Con nít khóc đêm, ói mửa, chảy rãi, không chịu ăn, chậm lớn, tiết tả kiết lỵ, mồ hôi trộm, chảy máu cam, ban sởi, thủy đậu kinh phong, ho gà, v.v.

XEM SẠN THẬN, THƯ CẢM ƠN TẠI NHÀ THUỐC.

*CHỈ CẦN kêu điện-thoại hay gửi thư kể bệnh.*

Thuốc sắc chế theo bệnh gửi đi khắp nơi.



Dầu Cù Là **MAC-PHSU**



chánh gốc Miến-Điện
Đã từ lâu vắng bóng trên thị-trường nay Dầu Cù Là **MAC-PHSU** trở lại để phục-vụ đồng-hương.

Hãy tìm cho bằng được Dầu Cù Là **MAC-PHSU** chính-hiệu, một nhãn hiệu đã được lòng tin của mọi người.

**Pharmacy G. LAMY**
2100 Ontario Est, Montréal H2K 1V5, Canada
*Tél: (514) 341-9533*



BẠN ĐÃ ĐỌC CHƯA?

# DỌN ĐƯỜNG VỀ NƯỚC

**Nghị-luận thời-sự chính-trị của Nguyễn Hữu Nghĩa**

*(giá 18 mỹ-kim - 27 gia-kim)*

**Gửi chi-phiếu về: LÀNG VĂN**



## GIÁ BIỂU QUẢNG-CÁO, HIẾU HỈ ,..

| | | | |
|---|---|---|---|
| ***Trang bìa (ấn-bản quốc-tế):*** | | | |
| bìa 2 (bìa trước mặt trong): | 1 kỳ: US$500 | dài hạn:US $300/kỳ | |
| bìa 3 (bìa sau mặt trong): | 1 kỳ: US$500 | dài hạn: US$300/kỳ | |
| bìa 4 (bìa sau mặt ngoài): | 1 kỳ: US$800 | dài hạn: US$500/kỳ | |
| ***Trang trong (121 đến 128):*** | | | |
| 1/8 trang: | 1 kỳ: US$40 | 3 kỳ: US$30/kỳ | dài hạn: US$25/kỳ |
| 1/4 trang: | 1 kỳ: US$70 | 3 kỳ: US$50/kỳ | dài hạn: US$40/kỳ |
| 1/2 trang: | 1 kỳ: US$120 | 3 kỳ: US$85/kỳ | dài hạn: US$75/kỳ |
| 1 trang: | 1 kỳ: US$200 | 3 kỳ: US$150/kỳ | dài hạn: US$120/kỳ |
| 2 trang: | 1 kỳ: US$300 | 3 kỳ: US$210/kỳ | dài hạn: US$180/kỳ |

**Bớt 15% cho độc-giả dài hạn khi đăng cáo-phó, chúc mừng, chia buồn.**

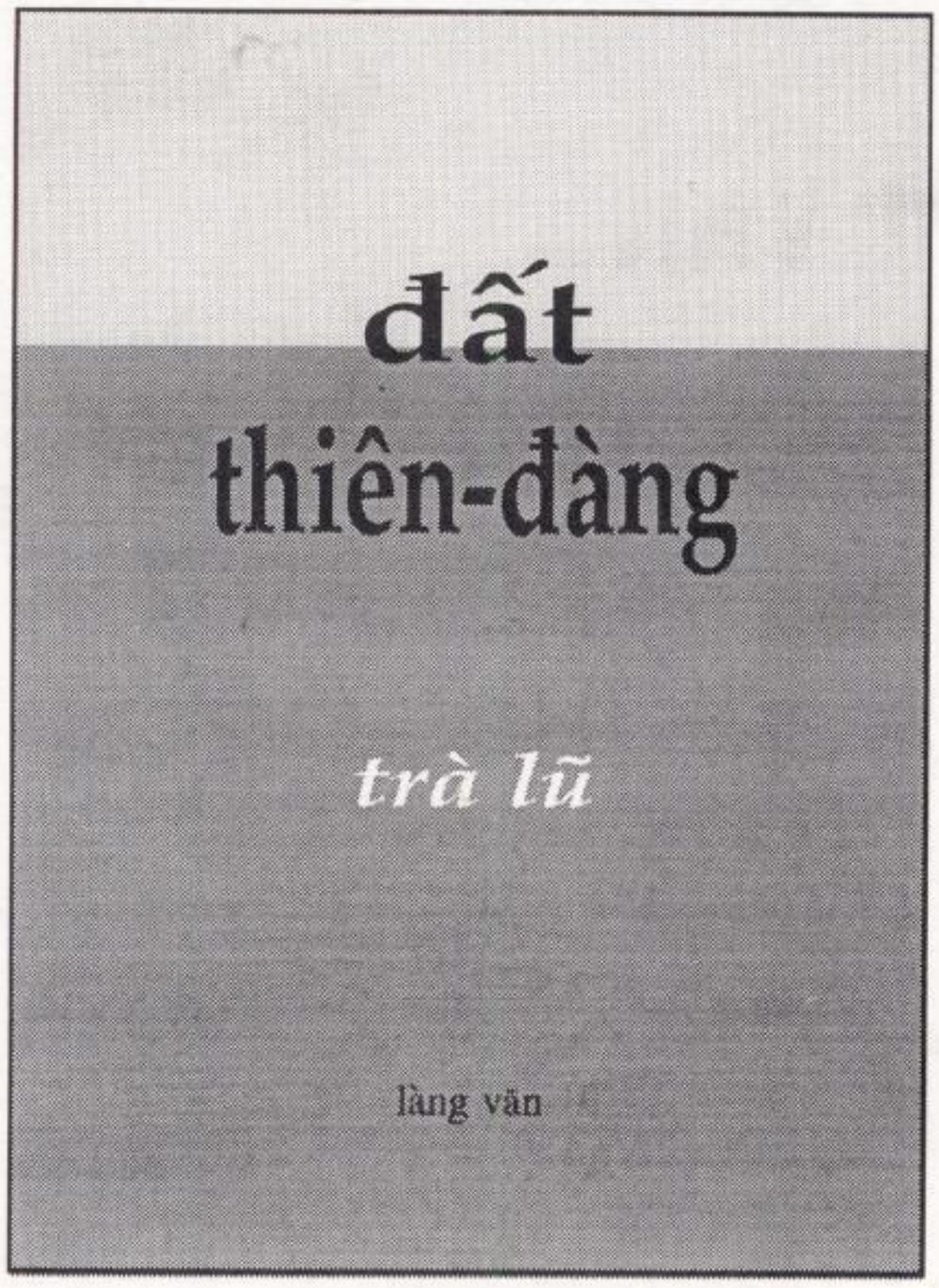
**THỂ-LỆ ĐĂNG QUẢNG-CÁO:**

*- Xin gửi mẫu quảng-cáo về tòa-soạn bằng thư, kèm theo chi-phiếu trả trước cho kỳ đầu.*
*- Tòa-soạn sẽ giúp nhuận-sắc và trình-bày quảng-cáo để đạt hiệu-năng tối-đa.*
*- Không nhận quảng-cáo qua điện-thoại (có thể fax mẫu tới).*

*Thư từ, chi-phiếu xin đề và gửi cho:*
LÀNG VĂN
P.O. Box 218, Station "U"
Toronto, ON M8Z 5P1 Canada
*(Điện-thoại: 905-607-8010)*



**Lang Van is Published Monthly, Second Class Postage Paid at Lewiston, NY 14092 - P.S.P.S. # 008728**




## *Đã phát-hành khắp nơi:*

Tác-phẩm thứ tư
của một cây bút duyên-dáng
trong Văn Bút Việt-nam / Ontario

**Quí vị đã đọc:**

*. Miền đất hạnh-phúc*
*. Đất mới*
*. Miền đất hứa*

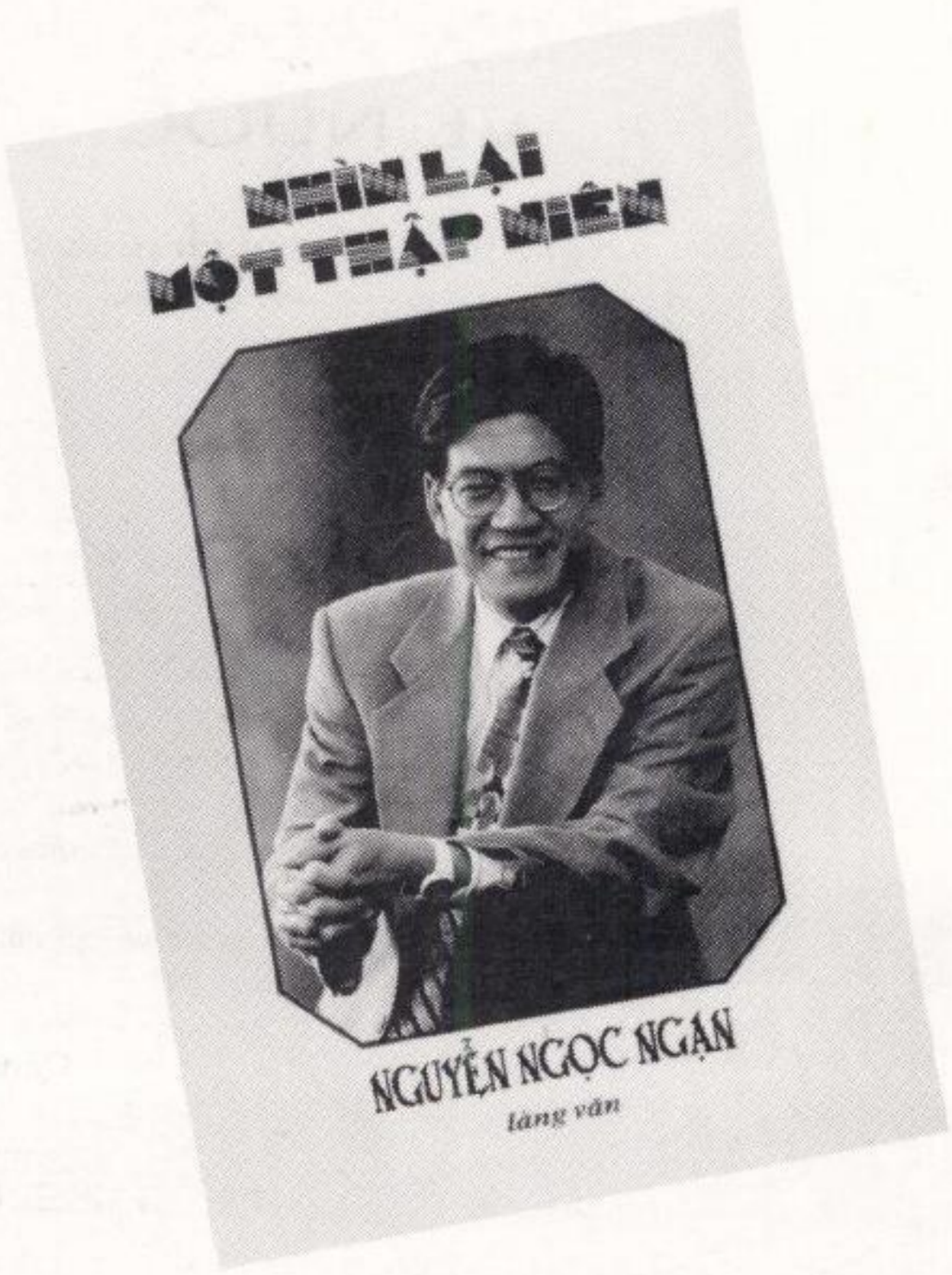
**Không thể không đọc:**

*. Đất Thiên-đàng*

*Giá 12 mỹ-kim (18 gia-kim)*

HỎI TẠI CÁC NHÀ SÁCH
HOẶC GỬI CHI-PHIẾU VỀ:

LÀNG VĂN
P.O. Box 218 Station "U"
Toronto, Ontario M8Z 5P1
Canada




## *Đã phát-hành khắp nơi:*

**Tập bút-ký văn-nghệ và sân-khấu**
**của nhà văn kiêm ngôi sao "M.C."**
**sáng nhất trên sân-khấu**
**và băng hình Việt-nam hải-ngoại**

*Giá 15 mỹ-kim (22,50 gia-kim)*

HỎI TẠI CÁC NHÀ SÁCH
HOẶC GỬI CHI-PHIẾU VỀ:

LÀNG VĂN
P.O. Box 218 Station "U"
Toronto, Ontario M8Z 5P1
Canada

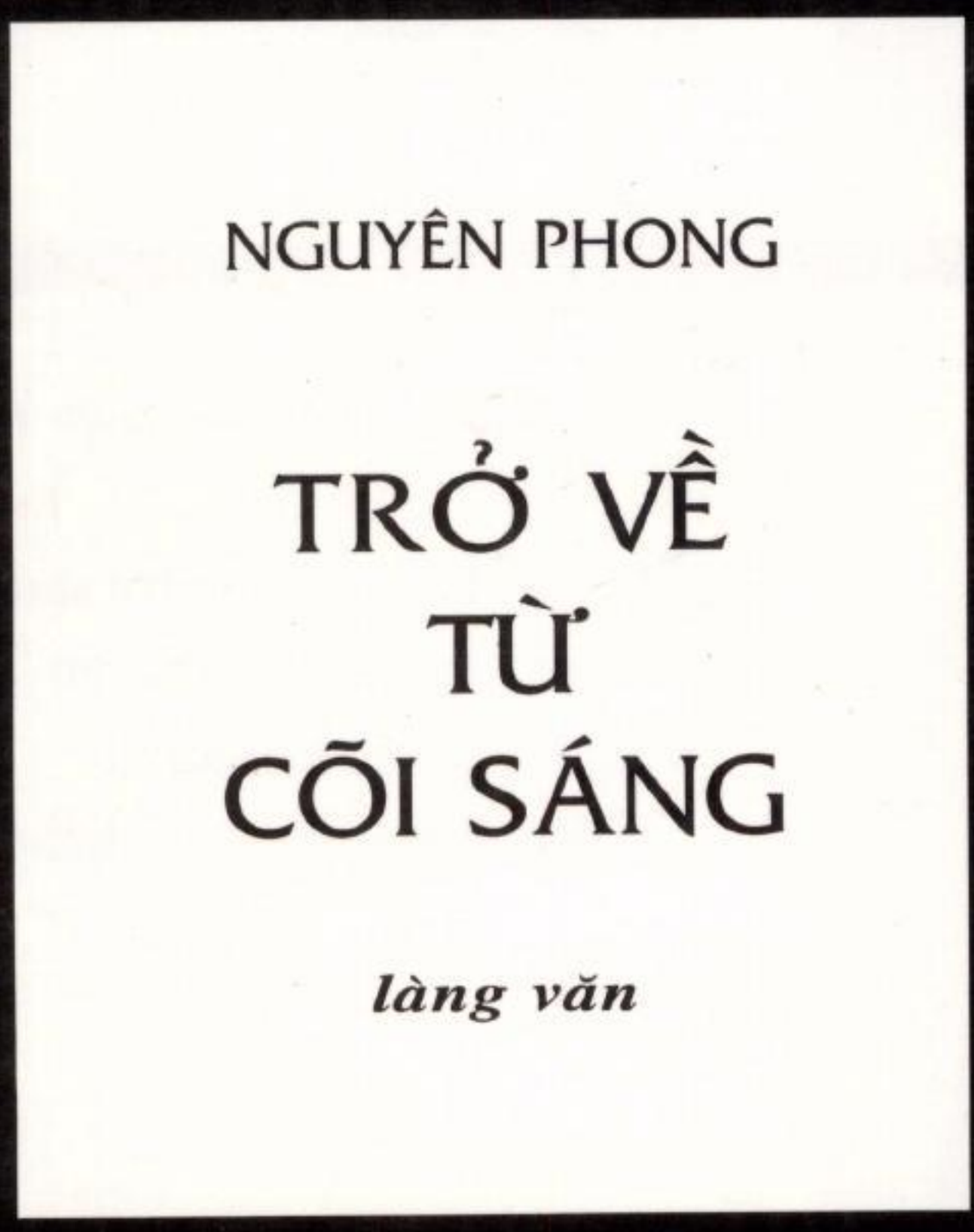
# ĐÃ PHÁT-HÀNH KHẮP NƠI

*Cuốn sách giải-đáp ba đề-tài lớn của đời người:*

## - Đời sống bên kia cửa tử
## - Kinh-nghiệm từ cõi chết trở về
## - Tử-thư Tây-tạng

*qua phần dịch-thuật và nhận-định của*

**NGUYÊN PHONG**




*Giá sách:*
*12 mỹ-kim (18 gia-kim)*

**Hỏi tại các nhà sách**
**hoặc liên-lạc:**

**LÀNG VĂN**
**P.O. Box 218 Station "U"**
**Toronto, Ontario M8Z 5P1**
**Canada**

**SẮP PHÁT-HÀNH:**
**2 cuốn băng đọc**
**. phần I**
**(Bên kia cửa tử)**
**. phần II**
**(Tử-thư Tây-tạng)**
*Giá mỗi cuốn băng:*
6 mỹ-kim (9 gia-kim)

**Độc-giả dài hạn của Làng Văn (có mã-số)**
**được bớt 10%**